VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

NGUYỄN NGỌC BÍCH

PHẠM DUY

NGÔ NGUYÊN DŨNG

ĐÀO TRUNG ĐẠO

THẾ GIANG

NGUYỄN THANH HÙNG

HOÀNG LIÊN

BÌNH NGUYÊN LỘC

PHẠM THỊ NGỌC

KIM Y PHẠM LỆ OANH

NGUYỄN QUỲNH

NGUYỄN BAN SƠ

KIỆT TẤN

NGUYỄN BÁ TRẠC

TẠ TỴ

VĂN HỌC

Số 14 tháng 3-1987

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

Văn Học
Thư toà soạn, trang 1
Nguyễn Bá Trạc
Thoại Châu tôi biết trời chưa sáng, thơ, trang 2
Thế Giang
Vũng lầy, truyện ngắn, trang 3
Tạ Tỵ
Bài thơ cuối năm, trang 30
Nguyễn Thanh Hùng
Thư gửi Chú Võ Đình, trang 32
Phạm thị Ngọc
Tình truyện, truyện ngắn, trang 41
Phạm Duy
Nhạc tình, trang 54
Ngô Nguyên Dũng
Đóng lại giùm tôi cánh cửa sau cùng
truyện ngắn, trang 61
Hoàng Liên
Ánh sáng và Bóng tối, hồi ký, trang 74
Bình Nguyên Lộc
Không lơ-là với Lơ-láo, trang 83
Kim Y Phạm Lệ Oanh
Góp ý về truyện Kiều, trang 88
Nguyễn Quỳnh
Mấy ý kiến về truyện Kiều, trang 94
Đào Trung Đạo
Đọc "Mùa hè một nơi khác", trang 98
Nguyễn Ngọc Bích
Đọc "Văn học Miền Nam Tổng quan"
của Võ Phiến, trang 101
Kiệt Tấn
Vườn chanh miệt biển, truyện ngắn, trang 110
Nguyễn Ban Sơ
Còn có bao ngày, thơ, trang 128
Văn Học
Bài nhận được trong tháng
Giới thiệu sách mới nhận được, trang 129
Văn Nghệ
Những sách mới xuất bản của Văn Nghệ, trang 132

Thư toà soạn

Văn Học số Đầu Năm Đinh Mão 1987 xin dành những trang giấy mới cho một lớp những cây bút trẻ đầy năng lực và triển vọng.

Trước hết, Ban Chủ biên Văn Học vui mừng được giới thiệu một truyện ngắn xuất sắc khác của nhà văn Thế Giang. Tuy từ trước tới nay Văn Học chỉ mới giới thiệu 4 truyện ngắn của Thế Giang, từ *Cay đắng nở hoa, Vũng nước đọng, Ba thằng cuội giời,* cho đến *Tình yêu của những con ma* trên số Tết, nhưng đi đâu, chúng tôi cũng nghe bạn đọc bàn tán sôi nổi về Thế Giang. Nét bút sắc và bạo của anh đã mô tả một cách chính xác và có nghệ thuật tất cả cái bi đát của xã hội dưới chế độ cộng sản Hà nội. Không nhiều lời, không dài dòng dẫn giải, không dao to búa lớn, văn Thế Giang đã thuyết phục lôi cuốn người đọc gấp trăm lần những tuyên ngôn, những khẩu hiệu.

Cùng với Nguyễn ngọc Ngạn hiện đang được bạn đọc hải ngoại ưa chuộng, Thế Giang là một cây bút dùng tài năng của mình đóng trọn vai trò một nhân chứng lịch sử, đồng thời anh lại có cái nhìn nhân hậu pha lẫn chua chát đối với những nạn nhân ở mọi tầng lớp của chế độ cộng sản VN. Đặc biệt trong truyện ngắn *Vũng Lầy* đăng trên số này, Thế Giang cho giới cầm bút hiểu rõ hơn thân phận những nhà văn hiện đang sống lầm lũi tủi nhục dưới một nền văn nghệ bị chỉ huy, bị khống chế, bị tước đoạt hết mọi tự do sáng tạo.

Văn Học số này cũng trân trọng giới thiệu ba sáng tác khởi sắc của ba cây bút trẻ khác : anh Ngô Nguyên Dũng ở Tây Đức, cô Phạm thị Ngọc ở Houston Texas, và anh Nguyễn Thanh Hùng ở Houten Hoà Lan. Giá trị những đóng góp của lớp nhà văn trẻ này đã xoá tan nỗi lo âu của lớp nhà văn đi trước, là nền văn chương hải ngoại sẽ dần dần mõi mòn không có sự tiếp nối.

Sự thực, ngược lại. Càng ngày chúng ta càng thấy có nhiều người cầm bút trẻ xuất hiện, với những tác phẩm giá trị và phong phú . Mức độ xuất bản cũng gia tăng, cả về phẩm lẫn về lượng.

Nhóm Chủ biên Văn Học không dám tự đặt cho mình những nhiệm vụ cao quá tầm tay, chỉ mong cố gắng duy trì diễn đàn này, đóng góp cho phần vụ hết sức khiêm nhường là giới thiệu phổ biến sáng tác phẩm của những người cầm bút trẻ trung từ khắp nơi trên thế giới. Đây là niềm vui đầu năm của Văn Học.

Văn Học

Nguyễn Bá Trạc

Thoại Châu, tôi biết trời chưa sáng

Mười mấy năm rồi đấy Thoại Châu
Berkeley vừa nở hoa đào
Khi về mở lại căn buồng cũ
Ngóng nhìn ra vịnh thấy đêm thâu

Tại sao bóng đen và sương ướt như sầu
Dưới đất liền, rồi trên núi cao
Thử nghĩ tại sao không hạnh phúc
Tại sao cuộc sống không mầu ?

Tại sao không trăng không sao ?
Tất cả tại sao về những mối sầu
Dĩ vãng chìm theo trăng lặn
Tháng ngày mặt biển nhăn nheo

Sao buổi chia tay không gì đáng nói
Giả như ai không thích chuyện phi thường
Mười mấy năm trời nơi gió bụi
Mười mấy năm toàn chuyện bi thương

Khi về mở lại căn buồng cũ
Chạm mặt hoài những chuyện buồn đau
Thử nghĩ thời gian và hạnh phúc
Góc tường dựng đứng bên nhau

Những bức tường trói chặt bóng đêm
Những chấn song
Những con đường chưa thắp sáng đèn

Thoại Châu tôi biết trời chưa sáng
Gió bụi sương mưa vẫn dãi dầu
Đêm nghe tiếng khóc trôi qua biển
Mười mấy năm rồi đấy Thoại Châu.
Berkeley 6.2.87.

Thế Giang

Vũng lầy.

"Bắt quần đùi, phải quần đùi,
Cho may-ô mới được phần may-ô."
Kiểu hiện đại.

Tôi lượn lờ đạp 2-3 vòng trước tòa nhà cổ mà chưa quyết định dừng xe. Lúc này là 9 giờ, giờ làm việc bắt đầu từ 8 giờ, nhưng các bà nhân viên có thói quen tranh thủ ghé vào cửa hàng rau mậu dịch vào giấc này nên chưa chắc đã làm việc.

Chưa cà phê, chưa nước trà, mới luyện suông mấy chưởng thuốc lào nên tay lái bồng bềnh như đi trong mộng, tôi tặc lưỡi dấn người đạp thêm một vòng nữa. Âu cũng là bài tập thể dục buổi sáng!

Khuya hôm qua, thấy chồng đã chập chờn ngủ, vợ tôi lẳng lặng lột ví lấy lại số tiền nàng đã phát cho tôi từ đầu tuần để tiêu vặt. Cuối kỳ lương nào chả vậy. Tôi lờ như không biết, xoay mặt vào tường rồi mừng thầm là đã kịp phân tán mỏng mấy đồng bạc ra cái túi để tránh cuộc "kiểm tra hành chính" thành thông lệ này. Nhưng gần 10 năm "nâng khăn" cho chồng, nàng đã lành nghề "sửa túi", đồng bạc ốm o tội nghiệp để dành cho chén nước trà cũng bị sung công nốt. Thật chả còn chỗ nào mà bàn tay thân yêu mềm mại này không mò tới.

Đó chính là lý do khiến tôi vật vờ lượn quanh tòa nhà này. Trong sân lác đác đã có mấy chiếc xe đạp dựng. Tôi hoảng hồn khi nhác thấy đặc điểm dị biệt trên mấy chiếc xe của đồng nghiệp. Phải vào ngay không thì "chúng nó" vét hết tiền. Hấp tấp lao xe lên vỉa hè, tôi xồng xộc đâm đầu qua cổng sắt.

— Giấy tờ đâu? Làm gì mà hùng hổ như đi ăn cướp thế hả?

Ông thường trực già thò đầu ra khỏi trạm gác quát giật giọng. Tôi dựng vội xe vào tường rồi lật đật chạy lại, miệng cười giả lả:

— Thưa bác, tại cái xe của cháu không có phanh nên bị lỡ đà....

Nheo mắt đọc tấm thẻ hội viên hội nhà văn của tôi thay cho chứng minh nhân dân, ông già cự nự:

— Cán bộ văn hóa gì mà lại tác phong thiếu văn hóa, không biết tôn trọng qui tắc gì cả!

Tôi cười xí xóa, tay chìa sẵn đợi ông trả lại tấm thẻ. Nhà xuất bản Phụ Nữ ăn nên làm ra chắc? Tòa nhà cổ, xây kiểu pháo đài vuông chằn chặn, cửa sổ nhỏ không có chỗ bám để leo lên, Tây xây từ hồi mới bình định xong Bắc kỳ, đã được quét vôi lại ở mặt trước. Có hy vọng lắm chứ chả chơi! Tôi sốt ruột đợi ông già giải phóng cho để còn chạy lên gác.

— Lê gì đây... Văn Cuôm à? Nhà văn nhà báo gì mà đặt tên như dân mò cua bắt ốc thế này?

Không để mất thì giờ cho chuyện tự ái vặt, tôi trả lời, miệng vẫn cười tươi:

— Cha mẹ đặt sao thì con chịu vậy bố à...

Nắm tấm thẻ trong tay ông già, tôi chỉ chực kéo lại. Nhưng ông vẫn chưa chịu nhả nó, còn đảo mắt nhìn khắp người khách một lượt để tìm kiếm. Có điều gì cần dạy dỗ nữa chăng? Bị con cháu bỏ rơi, xã hội chen bắn ra bên lề, suốt ngày ngồi ngủ gật ngoài trạm gác, đây là dịp may hiếm có để các cụ chứng tỏ uy quyền, sự tồn tại của mình. Thời buổi này ai cũng có quyền giáo dục ai. Tôi sốt ruột thở dài, tay khư khư nắm một nửa tấm thẻ.

— Anh đến cơ quan có việc gì?

— Thưa bác cháu đòi... - Tôi vội thay đổi - Thưa bố con đến để liên hệ công tác ạ...

— À... Thế anh muốn gặp ai?

Tôi bịa bừa là cần gặp ông Giám đốc Nhà xuất bản. Ông già mắc mưu, vội buông tấm thẻ rồi ân cần chỉ dẫn:

— Thế này nhé... Anh vào cửa chính, lên cầu thang rồi rẽ vào dãy phòng bên trái. Bỏ qua bốn phòng đầu, đi gần hết hành lang thì đến phòng thư ký xin gặp Giám đốc. Cái phòng của cô đẹp đẹp người ấy, phòng bên cạnh của bà già kế toán, không phải đâu. Nhớ gõ cửa rồi hãy mở nhé...

Biết rồi, khổ lắm. Tôi bắt đầu ân hận vì trò mánh mung của mình. Không có tấm thẻ thì không làm ăn gì được. Ông già vừa lơi tay, tôi liền rút nhanh nó về, cắm đầu bước.

— Này này' sai đường rồi anh kia ơi...

Tôi tảng lờ như không biết, vẫn đi thẳng. Ông giờ rời trạm

gác, đuổi theo nắm lấy tay tôi kéo lại:

— Đây cơ mà... Tôi đã chỉ đi cổng chính rồi, còn xăm xăm đâm đầu vào đây.

Ông sốt sắng lôi tôi ngược trở lại.

— Cháu cháu... con còn đi tiểu một cái đã ạ.

Tôi chỉ tay về phía cầu tiêu nằm ở góc sân. Ông già vỡ lẽ, gật gật đầu.

— Tiểu xong nhớ dội nước nhé... trời mùa hè...

Không đợi ông nói hết câu, tôi trốn ngay vào đó cho xong chuyện. Lại phải đợi nỗi cháo ám quay lưng đi rồi mới lẻn ra ngoài được. Đã khốn khổ khốn nạn bao nhiêu lần rồi mà không chừa, tôi nguyền rủa thói quen dối trá ngấm đến tận xương của mình.

Phòng kế toán nhuận bút nằm ở trên gác, phía sau tòa nhà, lối đi lên bằng cầu thang phụ, ngày xưa dành cho con sen, đầu bếp, lái xe cho mấy ông Tây ra vào. Cái cầu thang bằng gỗ, ọp ẹp, lâu ngày không được sửa này tôi đã thuộc lòng nên bước trong bóng tối mà không hề e ngại. Bậc thứ 17 bị long đinh. Cẩn thận! Tôi chưa bị ngã lần nào, nhưng nó đã kiếm khá nhiều mồ hôi gáy của tôi. Bậc cuối cùng cao hơn các bậc khác một chút. Nhiều ông chủ nợ đã hăm hở bước hụt, ngã văng cả răng giả, kính cận, điếu cầy "dã chiến" ở đây. Vừa đặt chân lên hành lang thì tôi sực nhớ mình chưa khóa xe đạp. Trời hỡi, làm sao lại có thể đãng trí đến như vậy nhỉ? Cái việc làm gần như phản xạ vô điều kiện này từ lúc mới biết đi xe đạp tôi chưa hề quên một lần, thậm chí bất chợt gặp bạn bè giữa đường, ngồi lù lù trên yên nói chuyện cũng thò tay nhấn cái khóa càng cua để đến lúc đạp đi bị ngã đánh rầm một cái.

Lại phải xuống khoá xe. Thêm một lần đụng độ với ông già lẩm cẩm. Rách mất việc. Bỏ cái xe không khóa giữa cơ quan lạ? Bất trắc không kém gì thả đứa trẻ mới chập chững biết đi ở giữa chợ một mình. Không thể liều lĩnh được. Mất xe đạp là cái chuyện quá sức chịu đựng với mọi người. Kẻ yếu tim thường bình tĩnh nở nụ cười ngạc nhiên rồi từ từ đổ người xuống đất ngất xỉu ngay tại chỗ. Người cứng bóng vía hơn thì vò đầu bứt tai "Tôi vừa đứng ở đây chưa đầy một phút để mua điếu thuốc.... Tôi vừa thay đổi lốp mới cho nó... Chết cha tôi rồi, của nhà có mỗi chiếc xe đạp..." rồi quăng cả dép, đi chân đất chạy tất tả ra giữa ngã tư đường. Nghe người này nói "Hình như nó chạy thẳng..." liền đâm bổ tới. "Không, nó rẽ đây cơ..." Vội chạy ngược lại như con rối rồi nhìn ai cũng ra thằng ăn cắp xe của mình. *"Tổn thất này vô cùng lớn lao, đau thương này thật là vô hạn..."* Chỉ có lời ai điếu của đ/c Lê Duẩn về cái chết của Hồ chủ tịch mới nói lên được nỗi thống khổ vô bờ này. Mất chiếc xe, mất một món tiền... như cuộc đời đã mất bao nhiêu cái, người võ sĩ bị đo ván rồi thì đáng kể gì mấy đòn đánh

hôi? Cái đáng sợ nhất là phản ứng của con người khi mất của. Tôi đã cần mẫn ghi chép hành động bột phát đáng thương của đủ loại người để làm chất liệu sống cho nghề nghiệp, giờ chắc đến lượt mình? Trời đất ơi, tôi cũng không biết mình sẽ xử sự ra sao khi đối mặt với tai họa này.

Tôi lao người xuống cầu thang, gần như ba bậc một. Tạ ơn trời, nó vẫn nằm chình ình ở sát tường, ngây thơ phơi mình dưới nắng. Ông thường trực già đã chúi mũi vào tờ báo. Tôi nhẹ nhàng lại gần, cúi xuống làm mấy thao tác kỹ thuật. Khóa vậy cũng chỉ phòng người ngay thôi, đối với kẻ gian thì khác nào một lá bùa dán bằng nước bọt. Vợ tôi ngày nào cũng rền rĩ chồng vì tính đãng trí. Nàng khoác lên chiếc xe không ra hình thù của tôi đủ các thứ khóa của Tiệp khắc, Trung cộng, Liên xô, tôi lại lặng lẽ tháo ra vứt một đống ở xó nhà. Nàng trù ẻo rằng thế nào cũng có ngày đi bộ về nhà, tôi cười, yêu cầu mua hộ chiếc còng số 8 của công an xích liền cả người lẫn xe lại mới chắc ăn, vì bao nhiêu thằng khoá trước khóa sau, khóa trên khóa dưới mà mất vẫn cứ mất, còn biếu thêm kẻ gian mấy cái khóa để uống rượu ăn mừng. Thế mà hôm nay tôi bỏ quên người bạn đời, bạn tù của mình. Bỗng dưng thấy thương nó hơn, tôi lùi hai bước để ngắm nghía. Để nó côi cút một mình như mời gọi lòng tham là không nên. Vẫn nguyên cả khóa, tôi lại lễ mễ khuân nó đặt cạnh mấy chiếc xe sáng giá khác. Thằng ngu nhất cũng biết nên thu hoạch chiếc nào cho xứng đáng với tội vạ phải chịu. Xong việc rồi tôi mới thấy mình thật gian ác. Nhưng biết làm thế nào hơn, xin thú thật với các bạn, nếu phải hy sinh cả Trung ương Đảng lẫn đ/c Tổng thư ký Hội Nhà Văn cho chiếc xe tôi cũng sẵn lòng.

*
* *

— A... chào mày !

Vừa thấy mặt tôi, thằng Nghiêm Đa Văn đã hét tướng lên, ngón tay quay tít chùm chìa khóa.

— Sao đi đâu cũng gặp mày thế này ?

Không mất lòng với câu nói móc, hắn nhe răng cười hì hì. Cây bút Đa Văn mà không Nghiêm này đang độ sung sức, hắn viết như vịt đẻ, về đủ các đề tài rồi thả câu cầu may ở tất cả các nhà xuất bản. Đúng như tôi dự đoán, "các bà" vẫn chưa bắt đầu làm việc. Gần chục cái ông chủ nợ ngồi trầm lặng trên hai dãy ghế băng dài kê sát tường hành lang chật hẹp, hút thuốc lào vặt hoặc xem báo. Một vài người giơ tay chào tôi, đầu không ngẩng lên. Tôi chào tập thể cả hai dãy, cũng chả buồn nhìn họ. Đưa tấm thẻ của mình vào để xếp hàng xong, tôi cũng ra ngồi nhập bọn. Từ cầu thang lại vẳng lên tiếng thở khò khè của người mới tới. Chúng tôi cùng dỏng tai nghe ngóng.

– "Bỉ Vỏ" đấy...

Thằng Nghiêm Đa Văn thì thào:

– Chưa chắc... Già rồi, leo cầu thang không nổi đâu.

– "Hổ nhớ rừng".

– Nghe nói tuần vừa rồi say rượu ngã sái tay phải nằm nhà thương...

Tiếng ho khù khụ nổi lên, tiếng hỉ mũi, rồi tiếng guốc lê loẹt quẹt đến gần.

– Tao đoán có sai đâu, đúng "Bỉ Vỏ".

Thằng phổi bò đắc chí vỗ vai tôi. Nó luôn có sức cho những suy đoán vớ vẩn, chả để làm gì. Đám chủ nợ cúi xuống đọc báo tiếp, hoặc úp mặt vào bàn tay ngồi chờ. Họ không lạ gì tiếng guốc này. Tác giả "Bỉ Vỏ" dùng nó như chiếc cầu câu cơm. Mỗi khi đi đòi nhuận bút, ông khua ầm đôi guốc mộc từ cửa nhà xuất bản rồi rêu rao rằng lê đã mòn cả gót rồi mà chửa lấy được tiền. Các ông cai văn nghệ không dám dây dưa với "Chí Phèo" trong làng, vội dấm dúi cho ít tiền bịt mõm để cụ ra về. Như vậy lại càng khổ hơn, "Bỉ Vỏ" phải đi lên đi xuống nhiều lần cho số tiền còm của cuốn sách. Tôi vội nhích ra nhường chỗ cho bậc đàn anh lận đận. "Bỉ vỏ" khò khè cảm ơn, giọng lẩn đẩm, rồi rút khăn ra lau mồ hôi giầy. Tôi nhắc cụ đưa thẻ để xếp hàng. Cụ lại nổi cơn ho, nhưng vẫn cố gật đầu, tỏ ý đã hiểu. "Bỉ vỏ" rệu rạo lắm rồi, từ mấy năm trước đã than thở với bạn bè rằng "Không biết có qua được mùa đông này", thế mà vẫn sống lay lắt với cái bệnh thời khí cảm cúm. Ngồi cạnh ông, ngoài vẻ tiêu điều của nhà văn bạc nhược sức sống, tôi còn ngửi thấy cả mùi người già. Quanh năm tứ thời chỉ một cái áo lính vải dầy bọc lấy thân thể gầy còm như mình con chim chào mào, với đủ các mùi thuốc uống, dầu gió, thuốc lào, bã rượu quệnh lẩn trong mồ hôi của người lâu ngày không tắm gây cảm giác tanh tanh, lợm giọng.

– Đất nước mình bây giờ lấy bến xe với cửa hàng gạo làm chuẩn, chỗ nào cũng bắt chước nhau cái trò đăng ký với xếp hàng...

Chưa dứt lời cụ đã bưng lấy miệng, ho rũ rượi.

– Chưa chen lấn đập đầu nhau ở đây cũng là may lắm rồi... Tôi đỡ lời, nhanh tay đưa cho cụ cái khăn mùi xoa vo tròn trên ghế. Mang mặc cảm của người già bệnh tật, cụ xoè hai bàn tay trước mặt mọi người để chứng minh rằng chưa thổ ra đờm, rồi thả cái khăn xuống ghế trở lại.

– Lỡ việc thì thôi chứ dứt khoát không bao giờ tôi chịu xếp hàng!

Dứ dứ nắm đấm trơ xương trên không, "Bỉ vỏ" xác quyết lập trường của mình. A, thì ra đánh vỡ mặt chế độ không được, ông cụ

bày tỏ thái độ chống đối của mình bằng hành động tiêu cực như vậy. Để rồi xem. Một vài người xì xào cười khẽ với nhau. Cho dù là nhà văn, về già rồi vẫn dở chứng gàn như thường.

— Bên Văn Học năm nay mất mùa hay sao mà kéo hết về đây nhỉ?

Cụ thả lửng câu hỏi trước mọi người.

— Có lẽ vậy... Ông Trưởng Chinh hô hào mãi, chả thấy tác phẩm nào xứng đáng với tầm vóc của lịch sử ra đời nên quyết định trừng phạt đấy ạ.

Tôi rụt rè đưa ra nhận định của mình. Mọi người khó chịu quay sang nhìn con người thông thái không đúng chỗ. Ông cụ nhặt cái mùi-xoa đưa lên hỉ mũi.

— Hừ... Cả nước bám vào gấu váy đàn bà mà sống. Cánh mình báo cô nhà xuất bản chị em đến bao giờ đây?

Một cây bút lớn tuổi, đã cạn mực, ngồi đối diện bị chạnh lòng bèn lên tiếng:

— Váy đàn bà còn thơm chán so với tã trẻ con...

"Bí vỏ" lâu nay cải bút hiệu để viết cho nhà xuất bản Kim Đồng, biết ông bạn chửi xỏ mình bèn rút cái đồng hồ quả quít trong túi quần dí sát vào mắt, đủng đỉnh đáp lời:

— Tôi hẹn thằng xích lô 11 giờ hãy trở lại đón mà nó đã mò lên đây rồi...

Cả hai dãy ghế cùng rộ lên tiếng cười. Ông bạn ngứa miệng nọ tái mặt, nhưng cũng cố cười theo rồi cau mày nghĩ cách chơi lại. Dứt tràng cười, mọi người trầm lặng, chờ đợi cuộc khẩu chiến. Tôi thấy ngột ngạt, bèn tháo ngòi nổ:

— Nghe nói từ quí tới, tiêu chuẩn thuốc lá của anh em mình được tăng?

— Phải đấy, phải đấy! Mỗi tháng được 9 bao thuốc lá, 3 gói thuốc lào.

Một cây bút trẻ ăn mặc lôi thôi, tóc phủ lòa xòa trước trán nhanh nhảu xác nhận.

— Có thế chứ! Ai đời tiền nhuận bút không đủ để hút thuốc lá ngoài thì viết với lách cái gì?

Một cái đầu bù xù, nổi tiếng khắp Hà nội về tài uống rượu chịu đang gục mặt ngủ vội hớn hở lên tiếng.

— Khi nào cầm được nó trong tay hẵng nói, mừng sớm làm gì với những dự định của Nhà nước?

Thi sĩ lớn tuổi, một thời được ưu ái trong phong trào cổ động hợp tác hoá nông nghiệp, nay đã thất sủng đại giọng dội nước lạnh vào tin mừng. Mọi người bực mình quay lại nhìn vị ca sĩ lạc giọng trong ban đồng ca. Ông ta đã phạm một lỗi lầm lớn, đánh đúng vào điểm dễ xúc động nhất của con người thời nay vốn chỉ sống bằng

hy vọng! Thái độ hằm hè của họ cho tôi biết sắp sửa có một vụ "bề hội đồng" kẻ đã vi phạm kỷ luật sống. Ngồi chung thuyền với các thầy đời thật là mệt. Lúc vui vẻ no cơm ấm cật thì không sao, những lúc mất mùa đói kém như thế này ngần đó bộ não thông minh, nhưng thiếu sáng suốt cương lên, sẵn sàng hiểu lầm một câu nói không chứa ẩn ý của người khác để nhảy xổ vào tụt quần, xé áo nhau.

Hút thuốc lá cũng ỉ như húp nước suýt, không có thuốc người ta cho mình húp nước sáo vịt cũng được rồi...

Một cụ già tóc bạc trắng như cước, da đỏ, râu xén tỉa viền quanh mép đủng đỉnh chữa lửa bằng lối nói hàng hai.

Cái anh T. kia nói cũng đúng. Đây này... - Ông chậm rãi nhấm nước bọt vào ngón tay, lật trang báo Nhân Dân - *"Sự độc hại của chất Ni-cô-tin..."* Khi nào thiếu gạo để bán cho dân thì người ta dậm dạp trước trên báo rằng ngô, khoai, sắn, bobo... ấy xin lỗi, "cao lương" bổ hơn gạo. Muốn cắt tiêu chuẩn thuốc lá thì "Ni-cô-tin - kẻ giết người"

Mép nhếch lên cười hóm hỉnh, ngón tay vê vê mấy sợi râu ông chìa tờ báo cho mọi người xem. Cả hành lang trầm lặng để tung tin mừng yểu mệnh. Một người ngáp, hai người, ba người... Không ngăn được nữa, tiếng ngáp như phản ứng dây chuyền nổi lên suốt hai dãy ghế. Khi độc khí của cái tin vịt đã trút hết ra khỏi người, cả bọn chợt nhìn nhau rồi phá lên cười. Vẫn cái giọng khề khà cắt nghĩa, vẻ mặt tinh quái của con người biết cách cưỡi lên lưng cuộc sống, ông cụ nói tiếp:

Các anh cứ cậy mình là nhà văn, không thèm đọc báo. Báo cũng bổ ích lắm chứ, không những cho cách mạng mà đối với mình cũng lắm cái hay. Tờ Nhân Dân này nó như cái nha dự báo thời tiết về đời sống, có điều đáng buồn là toàn thời tiết xấu thôi...

Khuôn mặt "Vang bóng một thời" này đủ tư cách để dạy dỗ đám lau nhau tụi tôi. Không ai dám xù lông giơ cựa ra với ông ta, ngay kể cả chính quyền thỉnh thoảng bị ông tiểu bậy một bài trên báo cũng im thin thít như gái ngồi phải cọc rồi về nhà trùm chăn đánh mấy thằng chủ bút dại dột của mình...

- Đời cứ lừa quanh quẩn lẫn nhau. Mình lừa đời những cái lớn trong tư tưởng để đổi lấy điếu thuốc, chén rượu, rồi chén rượu điếu thuốc nó cũng học cách lừa lại mình.

"Bỉ Vỏ" rút chân lên ghế cười khẩy, lẩm bẩm một mình. Thằng Nghiêm Đa Văn trườn người tới, thò chân khều đôi guốc của cụ. Nháy mắt với tôi, nó đá nhẹ chiếc "cần câu cơm" vào gầm ghế rồi thu mình lại như cũ, mặt thản nhiên như không. Cái thằng trẻ không thương già không tha này không từ một việc gì. Mấy năm trước, rình lúc tối trời nó lẻn vào trụ sở Hội Nhà Văn viết một

cái thông cáo giả lên tấm bảng lớn dựng sát ngoài đường *"Bàn viết giá cung cấp. Mỗi hội viên được mua một chiếc giá 65đ. Ghi danh, đóng tiền cho chị L. thủ quĩ!"*. Một người đọc được, rỉ tai cho người khác, cái tin sốt dẻo chạy nóng cả Hà nội, bà con cuống cuồng đi vay tiền rồi lũ lượt kéo đến xếp hàng, sợ hết. Ban chấp hành Hội giải thích thế nào họ cũng không thông, còn đổ oan cho cơ quan thấy lời, tuồn bán ra ngoài. Bao nhiêu tội vạ trút lên đầu bác lao công của Hội, đến nỗi ông già phải tổ chức một vụ tự tử giả để minh oan. Cánh công an đánh hơi được liền đem chó săn tới truy tìm kẻ phản động ném đá giấu tay. Thấy trò đùa đã bị qui kết thành chính trị, hoảng quá nó bèn đứng ra tự thú để lãnh hình phạt treo bút một năm.

— Trời nực thế này mà được một chầu tiết canh lòng lợn thì chết cũng sướng nhỉ?

Cái đầu bù xù chuyên uống rượu chịu chợt thốt lên trong tiếng ngáp. Thế là cả bọn nhao nhao hưởng ứng. Người này mách một hiệu mới mở ở đầu Lò Đúc, đang câu khách nên bán rẻ, kẻ khác gạt đi, rằng con mẹ Đông "nái" đã tái xuất giang hồ ở Hàng Sắt còn ngon hơn mà vẫn rẻ. Mỗi người một quán, một cách ăn, một thời điểm ăn, ngậu xị hết cả lên, chỉ thiếu mỗi một điểm trong đạo ăn của cụ Tản Đà là bạn ăn.

— Mày ve vẩy như cái đuôi con lợn, cũng chỉ dừng lại ở phần đuôi, biết gì đến lòng ruột tiết canh mà đòi dậy dỗ người khác?

Đấy, lại muốn đập vào đầu nhau rồi. Cây bút trẻ đang tạo vẻ sành đời, người đã viết được mươi truyện ngắn cho báo Văn Nghệ, thường phơi mình trong các quán cà phê với hình hài bôi bẩn đến thái quá cho giống các nghệ sỹ cỡ lớn, đỏ bừng mặt nhìn địch thủ. Vành môi trên mỏng, lưa thưa một túm râu tơ hoe đỏ, dài luộm thuộm, doe ra run rẩy chọn chữ trong cơn giận.

— Còn mày; thằng "cây nhà lá vườn", tháng nào chả đóng cửa ăn tiết canh cuối kỳ của vợ.

Đám "thực khách" dại mặt nhìn người tuổi trẻ tài cao. Thi sỹ thất sủng há hốc miệng như gái bị lột quần, ấm ứ trong bụng. Xã hội vô trật tự thì văn chương cũng không có kỷ cương. Một vài cây bút choai choai múa gậy trên đám bèo thời sự của cách mạng, võ vẽ dăm ba miếng dắt lưng quần, được nâng lên bởi mấy bài phê bình văn học lấy tiêu chuẩn chính trị làm đầu, đã nhìn đời bằng nửa con mắt, cho phép mình đù mẹ tất cả. Đùa với chó thì chó liếm mặt, tôi lẩn tránh cái nhìn ác ý của anh bạn trẻ, sợ sẽ đến lượt mình được cho ăn tiết canh.

— Lòng biết làm thì vừa dòn vừa thơm, vụng tay dao để nó toé cứt ra thì... Các anh định tung xú uế đãi cả làng đấy à?

"Vang bóng một thời" ngậm ngùi chửi đểu cả đôi bên, mặt đầy

bẽ bàng. Hai con gà đá buông tha nhau, nhưng ánh mắt vẫn đầy hằn học. Oán cừu này sẽ được trả tại quán rượu suông ở phố Tạ Hiền vào chiều nay, nếu không đòi được nhuận bút, còn ngược lại, thì oán trở thành ân, họ sẽ bá cổ nhau đi làm chầu thịt chó để làm lành. Đầu óc đang ngổn ngang như cái sọt rác, tôi không muốn rước thêm mấy chuyện lôi thôi vào mình, bèn vơ tờ báo rúc đầu đọc để được yên thân. Người ta nói các nhà văn như trẻ thơ kể cũng đúng. Họ dễ giận nhau, khi giận thì chửi nhau động mồ động mả, có thể hộc máu mồm ra mà chết nếu là người kém tiếng chửi, nhưng biết đau khi bị chửi, rồi họ cũng dễ làm lành với nhau hơn hai bà hàng chợ sau cơn xích mích. Hồng phúc đó một phần bởi chợ chiều Hà nội lèo tèo có vài quán rượu (uống chịu được) ra vào đụng mặt nhau hàng ngày như vợ chồng dưới một mái nhà thì giận nhau lâu làm sao được. Phần lớn có lẽ nhờ Đảng không dư giấy mực cho những trò chửi bới gây mất đoàn kết trên báo, nên các danh dự bị xúc phạm không mất thể diện với người đọc, không phải gồng mình cõng một đám cổ động viên đánh trống thổi kèn trên lưng để xông vào húc nhau.

Tờ báo chẳng có gì để đọc. Ngoài tin hỏa hoạn, thiên tai, lạm phát, thất nghiệp ở các nước tư bản. *"Cách mạng Grê-na-da nhất định thắng!"*. Rồi; lại tiêu đời một cuộc cách mạng. *"Tình hữu nghị Việt Xô đời đời bền vững"*. Không biết đã có học hặc gì chưa mà vợ chồng phải nặng lời thề thốt thế này. Tôi cố gắng nhai cho hết bài xã luận. Vấn đề trời ơi đất hỡi này lại liên quan mật thiết đến nguồn giấy mực viện trợ, nguồn súng đạn để nuôi chiến tranh, đề tài vô tận chúng tôi đã khai thác một cách an toàn. Không sợ bị chụp mũ đi sai hướng, mất lập trường. Lời lẽ thống thiết lắm, đất nước đã ôm hôn nhau thì tại sao không cho con người yêu đương nhỉ? Tôi chợt nảy ý định viết một truyện ngắn, nhân vật chính là một chuyên gia Liên Xô sang giúp ta xây dựng chủ nghĩa xã hội. Anh ta làm việc tận tình, không giấu nghề, hòa mình với công nhân nước bạn (dĩ nhiên rồi). Thông qua lao động, tình yêu chợt nảy nở giữa anh ta với cô kỹ sư trẻ Việt Nam. Mang cả tình cảm của hai dân tộc, hai đảng anh em vào cuộc tình của mình, họ yêu nhau càng thắm thiết hơn, cùng chung lưng đấu cật xây dựng đất nước... Tuyệt! Xác thịt hóa một thứ tình trừu tượng, khô khan của chính trị trong cái lãng mạn của văn học, thổi bùng sức sống vào những bài xã luận, diễn văn công thức đến đông đá. Tình hữu nghị (kèm theo viện trợ) với Liên Xô đang là vấn đề thời sự số 1 của đảng, nếu tung ra sẽ là quả bom nguyên tử nổ trong làng viết lách." Trung ương " sẽ ngạc nhiên hỏi thằng Lê Văn Cuôm này là ai, giới lãnh đạo văn nghệ sẽ hoảng hồn đứng nép qua một bên nhường lối cho ta lừng lững bước vào. Ta sẽ đi xe tam mã, ăn sổ Tôn Đản, nói

giọng phán truyền trong các hội nghị văn hóa. Ta sẽ bỏ rượu, cai thuốc lào (có thể cả thịt chó) sáng sáng tập thể dục giữ gìn sức khỏe để phục vụ nhân dân. Ta sẽ mất đi một số bạn bè thân thuộc, vợ con sẽ lánh xa một chút, không dám nhìn ta bằng con mắt khinh nhờn, nhưng bù lại ta đã có cả "Trung ương" để giao du mạn đàm... Ơ thật vậy sao? Các Tố-Hữu Tố-nịnh chả đội đít các quan tài đi lên, xây dựng sự nghiệp bằng nghề hát thuê khóc mướn đấy là gì?

Nhưng hãy khoan, vành nguyệt quế đó để dành đến tối về nhà có thì giờ nhâm nhi cho kỹ càng, ta tính chuyện trước mắt đã. Loại sáng tác văn học giàu tính chính trị này bám sát tình hình thời sự nóng hổi của đất nước, thể hiện những nét lớn lao của Cách Mạng, nó chứng tỏ tác giả đã vũ trang cho mình một cách đầy đủ về lập trường tư tưởng để theo kịp sự biến chuyển của cách mạng trong giai đoạn mới . Xếp loại sáng tác I (ba-rem nhuận bút 18đ một trang sáng tác khổ 25x40cm). Các báo, đài phát thanh, nhà xuất bản phải ưu tiên phổ biến một cách nhanh chóng nhất đến đồng bào và chiến sỹ trong cả nước. Kèm theo đấy là ghi chú nhỏ đề nghị các cơ sở phát hành cố gắng thanh toán nhuận bút sớm cho tác giả bằng tiền mặt. Ta sẽ không phải xếp hàng chầu chực xin xỏ, đối trá quanh quẩn để ôm một tấm séc (tiền âm phủ) qua Hội Nhà Văn nộp cống 15% lệ phí và trà thuốc (bôi trơn dầu máy) cho các thư lại, xin rút tiền mặt. Không được, phải kéo nó ra thành tiểu thuyết, hay ít nhất cũng truyện dài chứ truyện ngắn thì uổng quá!

Ngợp lòng với viễn ảnh mà tác phẩm dự định của mình sẽ mang lại, tôi thầm cảm ơn "Vang bóng một thời" đã gợi ý cách đánh hơi, đón gió trên báo cho anh em. Rà lại dàn bài một lượt, tạm yên tâm với ý đồ chủ quan của mình, tôi tìm kiếm những chi tiết, phong cách lạ để bồi da đắp thịt cho tác phẩm. Đề tài này hơi khó gặm một chút. Từ bé đến giờ tôi đã được phép tiếp xúc với người ngoại quốc nào đâu để viết về họ. Trừ một lần vì mải chơi bi, nhỡ dẫm bẩn mất cái mũi giầy của "bác" Liên Xô liền được "chú" công an chìm sốt sắng cho ăn một cái tát nổ đom đóm mắt. Không được, phải dẹp ngay mối "hằn thù cá nhân" này lại, để nó lợn cợn trong đầu khi dựng nhân vật "chính diện", thế nào mình cũng cho ông ta một cái mũi cà chua, thối keo kiệt cũng như sưu tầm các đồ lẩm cẩm rẻ tiền của xứ Á đông. Được rồi, tôi sẽ về nhà đọc kỹ lại các cuốn sách về "Người Xô Viết chân chính", cóp nhặt sao chép lại trong đó vậy. Thằng mù vẽ bậy trong thế giới mù thì chả ai biết được đâu. Bây giờ đến chuyện yêu. Cũng khó khăn đấy. Tôi chưa hề yêu một phần lớn những con người lý tưởng, họ không vướng bận thứ tình cảm ủy mị, thừa thãi, không thích hợp với tình hình khẩn trương của đất nước. Nếu phải hương hoa một chút tôi đã

vội xúi dại họ động viên nhau lên đường nhập ngũ, chui vào rừng, ra hải đảo rồi bắt họ cưới hơn hớn "yêu nước em càng yêu anh đi..." trong những buổi chia ly đôi lứa. Dùng kinh nghiệm bản thân càng khó khăn hơn. Tôi là một thằng "đụt" trong lãnh vực này. Hai mươi tuổi rưỡi, vừa tập tò cất tiếng gáy đã chết ngay từ loạt đạn đầu, để vợ con quàng cái ách vào cổ, cắm đầu như con trâu đi vòng quanh cái máy xay mía làm đường. Sau đó chiều nào cũng tương tự, cũng hò hẹn, nhưng chỉ tựa cửa chờ thằng bạn trúng mánh bắt chợt đến rủ đi uống rượu. Có lẽ đành phải về nhà lục tấm ảnh hồi chưa cưới của vợ, đặt trước mặt, lấy bông nhét kín hai lỗ tai để khỏi phải nghe những lời cằn nhằn của nàng rồi tưởng tượng lại thuở e ấp ban đầu mà viết vậy. Cũng kể như xong, giờ đến đoạn kết, sẽ "xử lý" mối tình này ra sao đây. Cứ để cho họ dan díu với nhau mà không trình báo cho tổ chức biết thì thành "quan hệ bất chính", "tác phong suy đồi tiểu tư sản", gặp nhà phê bình thối mồm còn gán cho cái tội phụ nữ đi làm điếm thì bỏ mẹ. Cho họ cưới nhau chăng? Lại phải thêm mấy nhân vật phụ là công an đi điều tra lý lịch ba đời của cô gái. Thôi thì đám cưới nào chả lắm gian truân, cố gắng tống tiễn họ lên xe hoa xong, còn phải lo tương lai sau này nữa. Ông bạn chuyên gia nọ chắc chắn không chịu ở lại Việt Nam rồi, hoàn thành nghĩa vụ xa xứ ba năm, có được món tiền để dành, về nước lại được tấm phiếu mua xe hơi ưu tiên không phải xếp hàng thì ở lại đất khỉ ho cò gáy này làm gì? Cho cô gái về nhà chồng luôn! Chả may cái thằng bỏ mẹ ấy liều chán hoa chê, vứt lăn lóc ở rừng Tây-bá-lợi-á thì cũng mặc. Nhiệm vụ cách mạng nào chả khó khăn, đòi hỏi sự hy sinh của cá nhân con người, so với các chiến sỹ đang làm nghĩa vụ quốc tế bên Căm-pu-chia thì cô gái của tôi còn thơm chán. Giải quyết như vậy là an toàn, đồng chí khe khắt với các me Tây me Mỹ thôi, me Liên Xô thì "có lợi cho tình hữu nghị giữa hai dân tộc."

Tôi thở phào, khoan khoái rời mắt khỏi bài xã luận. Loáng một cái đã 10 giờ. Gập tờ báo làm tư, tôi phe phẩy quạt cho đỡ nóng. Mấy cây bút già đang sôi nổi bàn cãi về cuốn *Thiền luận* do Trúc Thiên và Tuệ Sỹ dịch, không hay biết kẻ ngồi bên cạnh vừa chế xong quả bom nguyên tử. "Bỉ Vỏ" cam đoan rằng nếu ứng dụng vào đời sống hàng ngày sẽ có nhiều điểm lợi, ví dụ phải ngồi chờ lãnh nhuận bút chẳng hạn. Chả biết quái gì về Phật học, tôi ngồi im nghe họ cãi nhau. Cây bút trung niên cũng chán chuyện thiền tụng, uể oải hỏi tôi:

— Cậu đọc cái gì mà say sưa thế?

— À... "Cách mạng Grê-na-da nhất định thắng!"

— Ôi dào.. Tưởng có thêm thịt thà bán cho dân chứ quần đùi đã không đủ mặc mà báo chí lúc nào cũng la hoảng lên, sợ đế quốc

Mỹ bóp chết cách mạng Ni-ca-ra-gia rồi sụt sùi than khóc cho nhân quyền không được tôn trọng ở Nam Phi..

Anh ta nhăn mặt phảy tay như bị ăn phải đồ chua. Tôi cười thầm trong bụng, tự khen mình khéo đánh trống lảng. Cây bút ương gàn này đã được "góp ý" nhiều lần rồi mà vẫn không chừa. Năm ngoái, trong giờ giải lao của hội nghị văn nghệ toàn quốc, ông Hà Xuân Trường bỗng nổi thi hứng, chỉ đám anh em đang đứng lố nhố ngoài hành lang "Những khuôn mặt đẹp nhất của lịch sử đang tề tựu ở đây!" Anh ta liền ứng khẩu tiếp lời "Thưa vâng, đây là những mẫu người đẹp xã-hội-chủ-nghĩa : Dáng người thanh tú vì thiếu ăn, áo may ô cháo lòng vì thiếu xà phòng giặt, má tóp môi thâm vì hút thuốc lào, miệng hôi, răng mầu chuối ngự vì thiếu kem đánh răng." Nói xong anh xoè hàm răng xỉn khói thuốc cười với anh em. Anh giám thị của giới văn nghệ tái mặt quay đít bỏ đi.

— Cho tớ mượn một chút.

Anh ta chợt lên tiếng, tay chìa ra để đón tờ báo.

— Cậu mà cũng đọc báo Nhân Dân à?

Không trả lời, anh chỉ vào đồng hồ ra ý trám thời gian chờ đợi mới được có năm phút, cái mặt bướng bỉnh ấy đã tìm ra điều gì khôi hài, ngậm miệng cười một mình. Báo Nhân Dân dành riêng cho công nông binh, những con người đơn giản, tiến bộ luôn tìm cái hay cái đẹp trong "tiếng nói của Đảng", không phải cho bọn trí thức có thói quen đặt lại vấn đề, chỉ đọc những lúc "nhàn cư vi bất thiện" để xoi mói lột truồng bùa ngải.

— Này, đây không phải chỗ tự do ngôn luận đâu nhé!

Sợ bị liên lụy, tôi lên tiếng cảnh cáo trước. Tờ báo rung rinh trong tay người đọc vì tiếng cười bị nén lại, che khuất mặt anh ta, tôi càng thắc mắc hơn, vội chồm người tới để nhìn.

— Thấm đòn thằng Tầu rồi! Người cách mạng bị đánh mãi cũng phải khai thôi.

Anh chỉ cho tôi mẩu tin ngắn nằm trốn ở góc cuối trang tư tờ báo. *"Chúng ta sẵn sàng thương lượng với Bắc Kinh ở bất cứ cấp bậc, thời gian, địa điểm nào để giải quyết những vấn đề liên quan giữa hai bên."* Bỏ mẹ rồi! Trang một thì thề thốt chung thủy với Liên Xô, trang tư lại vén váy khêu gợi thằng Tầu .Liệu cuốn truyện vừa nghĩ của mình có đi sai hướng "Trung ương" không? Tôi hoang mang giật lại tờ báo để đọc. Nguyễn Cơ Thạch đã tuyên bố rành rành như thế này còn nghi ngờ gì nữa. Chính trị đúng là trò đánh đĩ, không biết đâu mà lần. Người ta vừa muốn chiếm đóng Căm-pu-chia, tranh thủ viện trợ của Nga, vừa muốn hòa hoãn với Tầu. Kêu gọi phương Tây nhảy vào đầu tư, viện trợ, nhưng lại sợ văn hóa, lối sống tự do xâm nhập vào xứ mình. Một con điếm tham lam, đã phải vào nhà thổ kiếm ăn rồi mà còn đòi giữ tiếng thì

cổ kim chưa từng có. Làm ma cô cho chị gái tráo trở này có ngày bị đánh vỡ đầu như bỡn. "Nghề chơi cũng lắm công phu, nâng bi đã dễ mấy người biết nâng". Nghề "liếm" nhà mình không phát mà thì nên vâng lời Tố Như tiên sinh. Thôi, đành dẹp giấc mộng vinh hoa lại, kẻo làm khổ lây đến vợ con.

Buông rơi tờ báo xuống đất, tôi ngáp đến sái cả quai hàm.

-- Tiên sư cha đời. Không thể chen chân được với lũ trâu chó. Cây bút ba bửa ngồi trước mặt ngạc nhiên, lườm hứ tôi.

-- Mới chờ có một tí mà đã mọc thêm hai chân rồi. Giỏi thì vào chửi mấy con mẹ trong kia kìa, đừng ngồi đây mà rủa nhau là súc vật!

Đang cay cú vì mưu toan bị hỏng ăn, tôi hất hàm mắng lại:

-- Này người anh em, khi nào tớ gọi đến tên thì hãy sủa nhé!

-- Á à... Đớp nhầm phải món gì mà hôm nay đổi giọng thế hả?

Anh bạn nẩy người trên ghế, sừng sộ nhìn tôi. Biết mình đã lỡ lời, lại không thể giải thích lý do được, tôi đành im lặng. Đám già đang cãi nhau về tác dụng của việc ăn chay bị chúng tôi làm gián đoạn, sôi nổi bàn cãi trở lại.

-- Đấy, cụ thấy không, tôi đã bảo ăn chay không diệt dục là đúng - "Vang bóng một thời" chỉ tôi, cười cợt rồi nói tiếp - Xem mấy anh em trẻ này thì biết, cả tháng trời không có nổi miếng thịt, đời "mặn" có chút nước mắm loại ba pha nước lã mà lúc nào cũng sẵn sàng đánh nhau. Ăn như tu ở như tù, đói thịt cá nhất thế giới mà hiếu chiến thì không ai bằng.

"Bỉ Vỏ" thấp họng hơn ông bạn già, đành nín lặng chịu thua. Tôi ngượng quá, quay mặt nhìn lảng ra chỗ khác. Con người không bao giờ kiểm soát được hành động của chính mình. Tôi đã chê cười anh em về những trò chửi bới nhau, cố gắng tu thân để đừng vướng vào tai vạ này mà vẫn cứ sảy bước. Hiểu lầm thái độ trầm lặng của kẻ bị giễu, mọi người nhìn trộm tôi rồi che miệng cười, sợ bị chửi lây. Tôi ngứa ngáy khó chịu, nhưng không biết làm gì để thoát khỏi tình cảnh quê kệch này.

-- Cụ có mang theo cơm nắm không?

"Bỉ vỏ" hỏi khẽ "Vang bóng một thời".

-- Không, tôi hết từ khuya hôm qua, chưa kịp mua.

Ông già ngồi kế bên, khi nãy đã lỡ cho "Bỉ Vỏ" hít tã trẻ con, lẳng lặng móc trong túi ra gói thuốc lào Thống Nhất, chìa bâng quơ trước mặt. Lưỡng lự một chút, "Bỉ Vỏ" cũng tặc lưỡi đỡ gói thuốc, nhờ người bên cạnh chuyển giúp cái điếu công cộng đặt ở giữa lối đi. Vê một viên thuốc nhỏ thả vào lõ, ông kẹp cái điếu giữa hai đầu gối, hai tay hấp tấp lục túi quần. Một đống đồ lặt vặt được lôi ra nào bút, lọ dầu gió, chiếc lược nhỏ, gói tăm xỉa răng... vẫn không thấy vật cần tìm, "Bỉ Vỏ" đứng thẳng dậy kéo hẳn cái khăn

mùi xoa ra khỏi túi. Mấy đồng xu bị cuốn theo, rơi ra ngoài nhảy loong toong trên mặt đất rồi ngoằn ngoèo chạy trốn vào gầm ghế. Tôi tung cả hai chân đạp chặn mà không kịp, ông lật đật buông điếu, vén áo rúc đầu vào gầm ghế để tìm. Việc hút được bắt đầu lại. Lựa ba cây tăm tre có cật xanh, chụm làm một, cầm ở tay phải, tay trái ông bật lửa. Hết xăng, đá tóe lửa xanh lè mà đầu bấc đen xì vẫn trơ ra, không hưởng ứng. Người ngồi đối diện nhanh nhẩu chìa cái bật lửa của mình xòe lửa giúp. Nhúm tăm bốc cháy trong vài giây rồi tỏa vài sợi khói đen, tắt ngấm. "Bỉ Vỏ" lại thở dài, hạ điếu xuống.

— Hút bằng đóm ngon hơn tăm...

Một người đưa ra nhận xét:

— Hút bằng diêm là tiện nhất, lại không hôi mùi xăng...

Người khác bác bỏ:

— Bốn đồng một bao, bằng tiền mớ rau muống, chơi diêm không nổi!

Không để tâm đến những lời bình phẩm, "Bỉ Vỏ" sửa lại thế ngồi, khoan thai nâng điếu lên. Cái bật lửa trước mặt lại chìa ra. Lần này thì cháy ngon lành nhờ năm cây tăm chung lửa nhau "Rụt... rịt... rụt... rịt..." Nhấp nhấp mấy hơi thăm dò, khi sợi thuốc đã bật lửa đều, ông vứt mấy đầu tăm, ngửa điếu kéo một hơi dài cho tiếng rít réo sôi khắp hành lang.

— Ngon...! Say mà êm quá...

"Bỉ vỏ" buông điếu, quệt nước dãi ở miệng, nói trong hơi thở gấp gáp. Ông chỉ gói thuốc đợi cơn say ngấm dại mắt bạn mới thẽ thọt bên tai:

— Thuốc của "xích lô" cũng ngọt lắm nhỉ...?

"Bỉ vỏ" im lặng, chống hai tay lên ghế sửa lại thế ngồi, lưng ngã vào tường, lim dim mắt cười hiền hòa. Con người ấy xưa nay vẫn thế, thời gian đã phá hủy tất cả, từ tác phẩm, gia đình, sự nghiệp, thân thế, nhưng không làm héo được nụ cười hây hẩy gió nồm của ông. Như người chị dâu cả trong nhà, ông quan tâm đến hết thảy mọi người, chịu đựng những cá tính gồ ghề gai góc của họ, thỉnh thoảng cũng la rầy chút ít, cũng giận dỗi hờn tủi để kẻ có lỗi ngay mờ sáng hôm sau đã đến gõ cửa, thành khẩn như học trò "mời bố" đi uống cà phê để tạ tội.

— Bố cho một điếu hút thử....

Cây bút "tiết canh" chìa tay xin, hàm râu dài, lưa thưa như đuôi chuột xòe ngay theo vành môi đang vẩu lên chờ đợi.

— Hút đi... Ăn tiết canh "cuối kỳ" xong, không có thuốc lào trong miệng thì đến chửi cha bố vợ lên nhỉ...!

"Xích lô" tủm tỉm cười, trao gói thuốc cho anh bạn trẻ. Anh chàng đỏ mặt, lắc nhẹ đầu cho mớ tóc dài phủ lấp mặt, xoạt hai

chân đi đôi giầy lính được cắt gọt nham nhở thành dép lê với ngón cái thò ra, chăm chú hút để dấu sự lúng túng. Sau anh ta còn nhiều người muốn nếm, đầu ngỏng lên như bầy cò ngóng mưa. Ông chủ thuốc liếc nhanh số đầu người rồi thở dài tiễn biệt gói thuốc. Trong phút chốc cái hành lang biến thành sòng thuốc phiện. Chiếc điếu cầy được truyền tay nhau nóng ấm hơi người. Mỗi người một kiểu hút. Trẻ thì sùng sục như con lợn dũi mõm trong máng để xì bã rồi kéo hơi rồ rồ như xe lam bể ống bô. Già thì đủng đỉnh khoan thai như vị linh mục sửa soạn hành lễ, nào sửa lại gọng kính, cổ áo, nào lắc thử bình nước thánh (trong điếu) nào "e hèm" lấy giọng trước micrô rồi ngẩng đầu nhìn bao quát các con chiên trong hành lang một lượt. Tiếng rít của họ cũng kéo dài, ngân nga bay lượn trên vòm trần nhà thờ rồi ngấm vào các con chiên đang há miệng đợi đến lượt hút như lời đấng Thiên Chúa. Hút thuốc lào đã được nâng lên thành đạo ở mảnh đất vô thần này.

— Ngon thật. Thuốc của mình cũng Thống Nhất mà hút sốc quá. Bố có pha chế gì thêm không?

Cây bút "ba bửa" hỏi, mắt lờ đờ.

— Mậu dịch nó bán sao thì hút vậy chứ công đâu mà pha với phách!

— Con cũng hút thuốc mậu dịch mà?

— Thuốc giả rồi...

— Mua ở căng tin cơ quan làm sao giả được, đây này...

Anh ta chìa gói thuốc nhòe nhoẹt của mình cho mọi người để làm chứng. Ông cụ không thèm nhìn, buông thõng lời xác quyết.

— Nó giả từ trong trứng. Nhân viên mậu dịch tuồn thuốc thật ra ngoài, tráo thuốc giả vào rồi giao cho căng tin các cơ quan, con cháu tôi bán hàng nên biết rõ.

Một vài người móc thuốc của mình ra so sánh. Gói nào cũng như nhau, từ mầu giấy, mực in cho đến sợi thuốc.

— Giấy gói thì thật, của nhân viên nhà máy thuốc lá ăn cắp cho bọn làm giả. Sợi hồ cũng như nhau, nhưng không đúng đất trồng thuốc, lại thiếu gió Lào lúc phơi nên hút bị sốc!

— "Chợ trời thật giả đâu chân lý. Hàng hóa, lương tâm cũng thiếu thừa".

Thằng Nghiên Đa Văn rên ư ử hai câu thơ theo khói thuốc rỉ từ trong miệng, tay vẫn nắm cái điếu. Tôi sốt ruột chờ. Nó còn cố đấm ăn xôi thêm một lần nữa. Đến lượt mình, tôi cũng làm liều hai chưởng, còn vẻo thêm một cục thuốc, gói giấy báo đút vào túi làm cơm nắm cho buổi chiều. Được lên tinh thần nhờ gói thuốc "chùa", bà con lại sôi nổi cãi nhau. Hết chuyện thuốc giả, họ kéo nhau sang những cái giả khác, cũng ồn ào như mổ bò. Có một điều lạ, không ai đả động đến tác phẩm của mình hoặc đồng nghiệp.

Dân đào tường khoét vách thường kín miệng về ngón nghề của mình khi gặp gỡ hội ngộ thì họ cũng ngậm tăm với nhau về cách kiếm cơm chả mấy vui này. Anh hoa của mỗi người chỉ toát ra trong những câu chuyện phiếm, tiếu lâm thời đại, bên cạnh chén rượu và để chửi nhau. Nếu một hôm đẹp trời nào đấy, bạn cao hứng thổ lộ dự định sáng tác của mình sẽ bị người nghe nhìn nhận như một kẻ đang trên đà mất trí, nó ngớ ngẩn chả khác gì anh công nhân không ăn cắp của công đi diễn giảng về đạo đức cách mạng, lối sống lương thiện cho người khác.

Cãi nhau mãi rồi cũng chán, bà con đã thấm đòn chờ đợi, người thở dài, kẻ ngáp vặt, ngổn ngang ngồi trong 36 kiểu chờ. Gói thuốc lào thật đã hết sạch, mảnh giấy vàng ve vẩy đập cánh dưới đất. Mọi người cúi đầu trầm lặng trong khói thuốc mờ mịt, trông giống như đám nghi phạm ngồi đợi đến lượt thẩm vấn ở hành lang sở công an Hà nội.

Ngoài cầu thang lại thêm một ma mới đang hùng hục đi lên. Nghe tiếng chân mạnh bạo tự tin, người ta biết ngay của một ông cán bộ cỡ từ phó giám đốc trở lên, không phải là giới viết lách lúc nào cũng e ngại, rụt rè sợ đi sai hướng, gõ nhầm cửa, ăn mày ăn xin không đúng chỗ. Nhưng tôi lầm. Một vài người mỏi mệt gục đầu hé mắt nhìn bỗng nhoảng người dậy. Họ cũng lầm. Người đang lừng lững bước tới là một thi sĩ "cỡ lớn". Một thoáng lúng túng hiện trên mặt khi đụng phải tụi tôi, song ông ta lấy ngay lại thái độ đường hoàng, giơ tay vẫy chào theo nhịp chân bước.

— Mạnh khỏe cả chứ? Có dự định sáng tác gì mới không anh em?

Miệng cười tươi như hoa nở, giọng ân cần, ông thăm hỏi chung mọi người, chân vẫn bước.

— Đội ơn trời, anh em cũng cố gắng theo kịp sự chuyển mình của đất nước.

"Vang bóng một thời" thay mặt mọi người trả lời nước đôi.

— Ơ... Tốt lắm! Tình hình chung còn khó khăn mà giữ vững tinh thần được như vậy thì thật đáng khen.

Vỗ về một cách chung chung, chả chú tâm vào điều mình nói, ông ta lướt êm qua đám anh em đang nhấp nhô ngồi, miệng vẫn cười gió. Cái đất nước kỳ quái này, từ vị chủ tịch xã, trưởng ban sinh đẻ có kế hoạch huyện cho đến đồng chí tổng bí thư, đồng chí nào cũng có một ông Hồ con trong người, nói giọng phán truyền, tác phong phủ dụ khi được gặp quần chúng.

— Người ăn sổ Tôn Đản có khác, vóc dáng lồng lộng như Phù Đổng Thiên Vương...

"Bí Vỏ" cúi xuống nhặt mảnh giấy gói thuốc lào, vê tròn nó trong tay, chép miệng nói:

-- Đấy là số loại ba Tôn Đản, chứ loại hai loại một hoặc hưởng chế độ "cộng sản chủ nghĩa" muốn gì được nấy như Thường vụ Bộ Chính Trị thì có thua gì các tiên ông....? Được hôn vào bàn tay các Phật sống này một cái dám tuổi thọ kéo dài được mươi năm...

"Vang bóng một thời" dẩu mỏ nói, con mắt long lanh tinh quái như chú tiểu đang đứng khấn trước đĩa hoa quả cúng.

Cây bút "ba bửa" nhún vai.

-- Sống như vậy thì sợ gì chiến tranh, đói kém. Tôi mà làm lãnh đạo dám xua dân đánh nhau với cả thế giới chứ Đông Dương này thì ăn thua gì...

-- Ôi dào... Đói ăn, chết chóc thì thằng dân thằng lính chịu chứ các bậc thánh hiền có ngửi mùi đâu mà trách móc họ. Điều đáng nói là các vị sống cho mình thì phè phỡn, nhưng mở cửa bước xuống xe lại bắt chước bác Hồ khuyên răn quần chúng cần cù tiết kiệm rồi quảng bá sự khiêm tốn của mình...

Cụ "xích lô" nói chưa dứt lời, "ba bửa" đã đốp chát:

-- Ông hiểu thế nào về sự khiêm tốn? Bán rao khắp hang cùng ngõ hẻm đến nỗi thần dân và cả thế giới đều biết về đức khiêm tốn của mình. Nhặt lại mẩu bút chì, mảnh giấy vụn để dùng rồi rỉ tai cho báo chí biết, ấn hành hàng triệu bản, sách viết cả chục cuốn về tính tiết kiệm của mình thì ông hiểu "Người" đây là giống người gì?

Cụ "xích lô" gật đầu cười:

-- À... Thỉnh thoảng "hiện tượng" và "bản chất" nó cũng chưa nhất quán với nhau lắm... Chú đã đọc "Sự mâu thuẫn giữa HIỆN TƯỢNG và BẢN CHẤT chưa? Cũng chính tay "Người" viết đấy?

Tôi thấy chiều hướng câu chuyện trở nên nguy hiểm, vội nhìn đồng hồ người bên cạnh rồi nói lớn:

-- Này, lãnh đạo văn nghệ không phải xếp hàng hả?

-- Ừ, chui vào trong phòng từ nãy đến giờ không thấy ra thì đúng là đòi nhuận bút rồi!

"Tiết canh" ngây thơ xác nhận lại:

-- Lâu lắm rồi có cho ra tập thơ nào đâu mà đòi tiền?

Thằng Nghiêm Đa Văn ngạc nhiên hỏi.

-- Phê bình văn học! Khổ lắm; con gà mái già hết trứng này không đẻ đái được nữa thì cầm gậy bới ổ người khác kiếm tiền chơi. Các anh vớ vẩn để nó thù, quậy tung hết cả lên thì hết đất kiếm ăn đấy!

"Vang bóng một thời" khuyên răn mọi người, giọng bỡn cợt. Vừa lúc đó thì cửa bật mở. Thi sĩ vẫn chưa ra, còn đứng động viên chị em đôi lời theo thói quen. Thêm chút muối vào nụ cười thừa từ trong phòng, ông bước qua tụi tôi, tay vẫy theo nhịp chân bước:

-- Trung ương trông chờ nhiều anh em đấy, cố gắng đừng

phụ tấm lòng của Đảng!

"Ba bửa" đứng bật dậy, bắt chước Nguyễn Đình Thi trong đại hội văn nghệ, giọng báo cáo:

— Cố gắng hết sức mình để xứng đáng là người chiến sỹ tiên phong trên mặt trận văn hóa tư tưởng! Xin đồng chí chuyển lời hứa của anh em chúng tôi tới Trung ương Đảng kính yêu.

Nụ cười đứng ngang miệng, thi sĩ ngờ ngợ nhìn kẻ ăn mặc lôi thôi đang chắp tay cung kính nói. Rồi bản năng lãnh đạo vụt trở lại, không để mất thì giờ phân vân về đồ giả hay thật, ông nối ngay nụ cười đứt đoạn, ngoái đầu vẫy tay chào mọi người. "Ba bửa" vẫn đứng, chiếc quần bộ đội rộng thùng thình chảy trễ dưới rốn, đôi dép lê rách thò ra mấy ngón chân cáu ghét, tay vỗ theo nhịp chân bước của vị thứ trưởng bộ văn hóa.

*
* *

— Ai là Trần Trùng Trục ?

Tiếng phụ nữ từ trong phòng nói vọng ra, tiếp theo là một tràng cười rúc rích của mấy chị em.

— Thưa, Trần Trung Trực chứ không phải là...

Ông cụ "xích lô" rụt rè sửa lại.

— Chữ đánh máy không có dấu, không tự sửa còn thắc mắc cái gì?

— Ấy; chớ có xui dại nhau... Cạo sửa giấy tờ là ba năm tù ngồi đấy...

Quay lại nháy mắt với anh em, miệng cười như chữa thẹn, ông kẹp nách chiếc mũ lá hấp tấp đẩy cửa bước vào phòng.

— Xin mời... Dang-Cung-Du...ong !

Chị nhân viên vừa đánh vần một cách khó khăn như đọc tên người Tầu được phiên âm qua Anh ngữ, vừa cười xìn xịt trong mũi.

— Cúng Dường hay Cưởng Dương ?

Thằng Nghiêm Đa Văn hỏi lại, giọng nghiêm túc.

— Đặng Cung Dương là tôi đây !

Cây bút trung niên đang hút dở điếu thuốc lào vội quăng điếu lên tiếng. Cũng giống như công an, các quan nhà nước không làm việc với bút hiệu tác giả, mà dùng tên cúng cơm ghi kèm bên cạnh trong tấm thẻ. Ở đây họ biết rõ bút hiệu cũng như thói hư tật xấu của từng người, nhưng vẫn thích réo tên thật ra để kiếm chuyện tiêu sầu chơi.

"Tiết cành", rồi "Ba bửa" lần lượt được gọi vào. Ngông nghênh khắp 36 phố phường Hà nội, chả coi ai ra gì, nhưng bước vào phòng nhuận bút họ nhũn nhặn như con rắn mòng. Cả hai đều bỏ lại mũ ngoài hành lang, vuốt lại đầu tóc, gõ đủ ba tiếng rồi mới

nhẹ nhàng đẩy cửa. Kể ra họ làm việc cũng nhanh, không bằng 1/3 thời gian chờ đợi. Nhưng tốc độ "thiên lý mã" này quả đáng ngại. Kinh nghiệm cho biết nếu đụng đến vấn đề tiền bạc với nhà nước công việc tiến hành sẽ rất lề mề, phải trải qua bao nhiêu thủ tục chữ ký, lo lắng đến thót ruột, trình bày vã bọt mép, hồi hộp thất cả tim rồi mới cầm được tấm séc chuyển tiền trong tay. Đằng này vừa vào một cái đã ra ngay, anh nào anh nấy mặt dài như cái bơm, lê bước lẹp xẹp ngoài hành lang, không buồn chào tạm biệt kẻ ở lại. Hỏng kiểu rồi. Nếu có tiền thì dáng đi đã hùng hổ, cười nói oang oang, tíu tít hẹn gặp lại nhau ở hàng lòng lợn, thịt chó. Những nghi ngờ của tôi càng trở nên xác đáng khi "Vang bóng một thời" đẩy cửa bước ra. Con người biết cách cười với cả cái chết này cũng không giấu được sự đau khổ. Chân lảo đảo bước, tay xốc lại cổ áo, vuốt lại mớ tóc bạc như vừa chen nhau mua bia hơi mậu dịch, ông than thở:

— Nghe "nó" khoe nhắng nhít trên báo đã hoàn thành kế hoạch trước thời hạn, lững thững thả bộ qua nghe ngóng, thấy nhà cửa sơn phết lại đàng hoàng đã tưởng bở... Mất toi buổi sáng!

— Cụ cũng "dự đoán thời tiết" sai nữa rồi! Đúng ra thì phải hiểu ngược lại.

Tôi nhạo lại con người ưa xạo đời. Ông vểnh râu cười, lắc đầu nói:

— Vẫn biết thế, những chuyện tiền bạc mấy ai tự tin ở mình? Cứ cầu may thử, nhỡ đâu...

"Bí vỏ" tiếp lời ông bạn, miệng cười tủm tỉm:

— Được mấy con bà-cô-nó xoa đầu...

— Ấy đấy, thằng giám đốc thì sợ mình, còn mình thì sợ lại con nhân viên của nó.

Chụp cái mũ phớt nỉ tiếng lên đầu, kéo lệch nó về một bên để nhấn mạnh cá tính trên mặt mình, ông già đỏm dáng ấy cặm cạch bước đi. Ngoài hành lang chỉ còn lại hai người. Tên tôi sắp sửa được réo. Giây phút chờ đợi từ sáng đã đến mà lòng dạ tôi vữa ra như nồi mẻ. "Bí vỏ" không thèm đăng ký xếp hàng, đủng đỉnh rút chân lên ghế ngồi xỉa răng như kiểu mấy bà hàng xóm ngoài chợ đếm tiền lẻ vào buổi vãn chợ. Không biết ông đã được ăn sáng chưa. Chúng tôi đã cạn sức, hết hứng để hỏi chuyện nhau.

*
* *

— Lại cái nhà anh này !

Chị nhân viên bụng chửa khoanh chân trên ghế ngồi chễm chệ như ông địa, ngoa ngoắt nói phủ đầu.

— Thưa vâng, vẫn tôi đây...

Tôi đứng sớ rớ bên cạnh bàn làm việc, không biết đã nên kéo ghế ngồi hay chưa.

— Đã hẹn anh cuối năm rồi cơ mà?

— Vâng, vâng... nhưng...

Chị ta liếc xéo tôi một cái, rồi lại cắm cúi đan cái áo len, giọng uể oải:

— Các anh cứ hay tự làm mất thì giờ của mình và của người khác. Nếu có tiền thì chúng tôi đã viết thư mời lĩnh rồi!

Bị chặn đầu, khóa đuôi, tôi không biết cựa quậy vào đâu nữa, bèn đổi chiến thuật:

— Chị đan áo cho cháu sắp sinh? Vẫn còn đang mùa hè... Mấy đứa trẻ được mẹ chiều thế này...

Bị dính ngay phải bùa, bà mẹ tương lai ngừng đan, ngẩng đầu cười rạng rỡ, giơ cái áo lên để khoe:

— Anh thấy có được không? Len Mông Cổ "thật" đấy. Của bác cháu là thứ trưởng mua hộ trong cửa hàng giao tế...

Xuất xứ của món hàng làm thơm thêm giá trị cho nó.

Tôi lướt ngay mấy đường quyền...

— Ồ... Đẹp quá! Len đã tốt rồi lại gặp người khéo tay. Chị chắc chắn phải qua mấy khóa học đan rồi...?

Chị ta nhìn tôi, cười ngượng nghịu:

— Em á....? Có học hành gì đâu, nghe mấy người chỉ sơ sơ rồi tự đan lấy anh ạ.

Mấy bà ngồi trong phòng sưng mặt nhìn cô đồng nghiệp trẻ. Tôi lì mặt với vẻ khó chịu của họ, tiếp tục thả những lời có cánh:

— Tạo hóa thiên vị thật. Đã đẹp người rồi còn phú cho khéo tay. Chả bù cho...

Tôi kịp ngừng ở ranh giới thằng chồng hèn đi hạ thấp vợ trước người phụ nữ khác. Chị nhân viên trẻ há miệng chớp chớp mắt chờ đợi.

— ... Chả bù cho cô em gái tôi, lên gấu cái quần cũng phải nhờ người khác.

Dãy nảy lên như đỉa phải vôi trước những lời khen, song cặp mắt thì long lanh sung sướng nhìn tôi như hỏi "thật vậy sao?", chị ta quay sang cười với mấy bà đồng nghiệp.

— Nghe mấy ông này nói thì về đổ thóc giống ra mà ăn...

Niềm hãnh diện của chị vấp phải sự lạnh lùng của mọi người. Rồi để "có đi có lại" với những lời ga-lăng còn hiếm hơn cả bột ngọt ở đất này, chị hỏi thăm về vợ con tôi. Vừa trả lời, tôi vừa liếc mắt nhìn chiếc đồng hồ báo thức để trên bàn, sợ gần đến giờ nghỉ ăn cơm trưa. Hết gia đình, lại đến văn chương, tôi được bà "thần giữ cửa" khen lắm về cuốn truyện của người khác đang gây dư luận. Chiến thuật "đi sát quần chúng" đã hại ngược lại tôi. Ở cái đất "ra ngõ gặp anh hùng" này mỗi con người bình thường cũng là một nhà phê bình văn học. Chị ta thao thao bất tuyệt những lời tôi

đã nghe ở đâu rồi thì phải, và không phải để cho tác giả (giả) nghe, mà cho đồng nghiệp trong phòng biết khả năng thẩm định văn học của mình. Không biết làm cách nào để phanh cái xe đạp tuột dốc lại, tôi sốt ruột gõ ngón tay trên mặt bàn, dạ vâng cho xong chuyện rồi liếc nhìn đồng hồ nhắc nhở khéo:

— Thôi chết, mải chuyện quá để mất thì giờ của anh...

— Không, không sao. Tôi cũng rảnh rỗi mà...

Tôi vội đỡ lời.

— Thế việc của anh chờ đến cuối năm có kẹt lắm không?

Tôi vồ ngay lấy lời gợi ý, miệng nở non nụ cười tái:

— Cho rau cỏ hàng ngày thì không đến nỗi, nhưng khổ một điều cuối tuần này phải làm đám giỗ 49 ngày cho ông cụ. Tôi là con trưởng, không biết xoay sở vào đâu...

— Cụ nhà ta mới mất ạ...?

Chị ái ngại nhìn tôi, hỏi.

— Thưa vâng, ông thân sinh ra tôi kém phúc, bỏ con bỏ cháu đi sớm quá...

Thở dài đánh sượt một cái, bà chúa trẻ của tôi xếp cuộn len với đồ nghề, đóng ngăn kéo rồi chìa tay:

— Anh đưa tôi bản hợp đồng phụ để tìm hồ sơ. May ra có thể ứng trước được chút nào chăng...

Tôi nghe như có điện chạy trong người, vội móc ví để tìm. Bản hợp đồng gấp tư, nằm trong đó đã ba năm nên góc gấp bị mờ hôi, cọ sát làm mòn, khi mở ra có một lỗ thủng lớn ở giữa. Thật hú vía, bà "thần vệ nữ" không bắt bẻ gì, sốt sắng khua chân dưới gầm bàn tìm guốc rồi đi đến tủ đựng hồ sơ.

— Anh chờ cho một lát nhé.

Con người tử tế còn chu đáo nói vọng lại. Đến lúc này tôi mới dám thả người xuống ghế. "Bí vỏ" bị chờ lâu không biết đã ngủ gật ngoài đó chưa. Nếu cầm được tấm séc trong tay, chủ quán có thể cho ăn chịu, tôi sẽ đãi ông một chầu tiết canh để đền bù. Nhưng không nên lạc quan sớm quá. Đường vào két bạc của nhà nước quanh co như mả Tào Tháo, 72 cửa ta mới mở được có một, hãy còn nhiều gian truân bất ngờ. Nhân viên trong phòng vẫn cặm cụi với công việc của mình. Ngồi bệt giữa hai cái tủ đựng sát tường, một bà đứng tuổi đeo kính trắng, dáng sồ sề đang phân loại đống báo cũ, giấy lộn, vuốt cho phẳng phiu rồi cột lại. Chịu khó nhặt nhạnh như vậy để bán ký lô mỗi tháng cũng được nửa số tiền lương chứ ít đâu. Trong góc phòng, nơi có thể nhìn bao quát cả mấy dãy bàn làm việc và đám khách chờ ngoài hành lang, một anh thanh niên trẻ, nước da mai mái xanh đang ôm cuốn chưởng để đọc. Các cơ quan hành chánh nào cũng nuôi một vài nhân vật khó hiểu này. Phần lớn họ đều trẻ trung, hoạt bát, dáng vẻ thanh tao

của con người làm việc về tinh thần, nhưng chỉ lo những công việc lặt vặt như rửa chén, pha trà mời khách, nhận công văn đến, chuyển công văn đi v.v... Tuy chỉ làm công việc của một anh loong toong, song anh ta có tư thế độc lập với mọi người, kể cả giám đốc. Cỡ trưởng phó phòng thường chủ động đặt quan hệ ngoại giao với anh ta, nhưng thận trọng thủ thân, còn đám nhân viên lau nhau ngoài mặt thì suồng sã thân mật, trong lòng thì nhờn nhợn như đi bên cạnh một con thú mới được thuần hóa.

Tôi giật mình khi nhác thấy một làn tóc mây óng ả phủ gần hết tấm lưng thon mềm mại. Đó là người đẹp của nhà xuất bản. Năm ngoái, vào một ngày đẹp trời, tôi kéo sụp chiếc mũ cối, với cái kính đen che mặt, đứng ngoài chợ trời để "cải thiện" thêm cho vợ con. Quá trưa, lúc chợ đã tạm vắng thì một cô gái cứ lượn qua lượn lại, mắt liếc như tống tình tôi. Đến vòng thứ ba thứ tư gì đó, nàng mới lại gần, rụt rè hỏi tôi có mua quần cũ không. Tôi gật đầu. Nàng liền trao cho tôi chiếc túi xách đựng cái quần rồi quay mặt ra hướng khác, làm như không dính dáng gì đến chuyện mua bán. Mới tập tò chạy chợ, tôi chưa có được kinh nghiệm "trông mặt bắt hình dong" để bắt non khách như dân chuyên nghiệp nên chỉ chúi mũi vào món đồ cho khỏi bị hớ. Kẹp chiếc túi giữa hai đầu gối, lom khom đứng như mấy thư sinh cột gà bán ngoài chợ, tôi ngửa mũ, tháo kính, giơ đủng quần lên soi ngược sáng mặt trời để định độ mòn. Khi đủng quần vừa hạ xuống thì mặt ngọc của nàng hiện ra với lời rao giá lắp bắp thiếu tự tin. Nhận ra người quen, cả hai chúng tôi cùng kinh ngạc há hốc miệng nhìn nhau, không nói nên lời. Theo phản xạ tự nhiên, tôi quay ngoắt mặt đi chỗ khác, đến lúc sực tỉnh nhìn lại thì nàng đã bỏ đi mất, để lại chiếc quần trên tay tôi.

Sau cái tai nạn bẽ bàng đó, chúng tôi hết sức ngượng khi đụng mặt nhau ở đây. Tôi không biết làm cách nào để trả lại nàng cái quần, còn nàng mỗi lần gặp cái nhìn của tôi vội quay đi chỗ khác như chối bỏ chuyện đã xảy ra. Từ xấu hổ, chuyển sang giận dữ, rồi căm thù, người đẹp thường chửi bóng chửi gió mỗi lúc tôi đến gặp đồng nghiệp bên cạnh của nàng. "Trai anh hùng, gái thuyền quyên" đụng cháy mặt nhau ngoài chợ trời thì cũng hòa, nàng làm như tôi đã leo cửa dòm lúc mình đang thay đồ để tắm không bằng. Tôi giận lại, không thèm nhìn nàng, những lúc phải dẫn xác đến đây chỉ ước sao nàng đã chuyển cơ quan hoặc nghỉ ốm ở nhà. Chắc nàng cũng cầu mong cho tôi bị xe chẹt chết ngoài đường để phi tang câu chuyện. Đời thật oái oăm! Nàng đẹp, chưa chồng, hay ăn diện nên mọi người hay nhìn nàng. Kể từ lúc đó nàng hiểu lầm sự ngưỡng mộ, thèm khát của họ thành nhạo báng, cười cợt. Nàng nghĩ rằng tôi đã đi kể cho bạn văn và đồng nghiệp của nàng về vụ bán quần cũ. Tôi bỏ luôn nghề chạy chợ từ đó.

Không muốn để chuyện cũ đầu độc hy vọng đang kề cận, tôi nghĩ đến bữa rượu tiết canh lòng lợn vào trưa nay. Ăn nhậu phủ phê cho mình rồi, tôi sẽ mua về cho cả nhà một đùm lớn. Vợ tôi sẽ ngạc nhiên, không hiểu tôi đào đâu ra tiền. Mấy đứa con cũng sẽ ngạc nhiên. Chúng biết rất rõ ngày lĩnh lương trong tháng và đã chuẩn bị tinh thần để "trường kỳ kháng chiến", cho đến đầu kỳ lương mới. Bác Hồ kính yêu được Quốc Hội tặng huy chương Sao vàng cũng không mừng bằng chúng nó được gói lòng lợn để tranh nhau ăn trong những ngày hạn hán này đâu.

Đây rồi! "Thần vệ nữ" của tôi đã tìm ra hồ sơ. Ưỡn cái bụng chửa ra phía trước, hai tay ve vẩy để giữ thăng bằng "nàng" lại lê trở lại bàn làm việc.

— À... trong hợp đồng ký kết có nói đến số tiền tạm ứng để tác giả viết đây này...

Chị nói lớn cho đồng nghiệp nghe để bầy tỏ sự vô tư khi làm việc của mình.

— Vâng vâng... 30% đã ký trong giao kèo với ông trưởng phòng kế hoạch rồi, tôi chưa được lĩnh một xu nào...

Tôi vội vã xác nhận, mắt đảo nhìn các phán quan không có quyền, nhưng thích hành người khác. Bà đứng tuổi vẫn cắm cúi phân loại giấy lộn, thỉnh thoảng đưa tay lên miệng nhấm nước bọt. Con người này hết sức để "phấn đấu" rồi, công danh cuộc đời tạm vừa lòng với mấy ký lô báo cũ đủ tiền ăn bát bún riêu mỗi sáng, sẽ không ngáng chân mình. Phiếu trắng đầu tiên nằm trong tay !

— Tôi chi đỡ cho anh một nghìn nhé...?

"Nàng" hỏi lơ lửng, không để ý đến tôi, mà nhìn thăm dò các đồng nghiệp của mình. Bị nhập vai trong màn kịch đóng chung với "nàng" tôi cũng quên trả lời, buốt tim nghe ngóng phản ứng xung quanh. Chàng thanh niên ngẩng đầu, với cốc nước trà loãng để trên bàn, làm một hớp, rồi lại cúi xuống cuốn chưởng. Công việc của anh ta là để ý xem trong đầu người khác có cái gì, chứ không phải trong túi. Thêm một phiếu trắng nữa là hai!

— Một nghìn liệu có đủ không?

"Nàng" nhìn thẳng vào mắt tôi, miệng cười đầy ngụ ý, khuyến khích.

— Ôi dào ôi... mỏi mệt! Giờ mà được bát chè đậu đen có đá ăn thì làm tiếp ca ba cũng được...

Chị nhân viên hơi đẩy người buông con dao xuống rổ rau muống đang chẻ dở để trong lòng, vươn vai ao ước trong tiếng ngáp. Phiếu trắng thứ ba! "Bồi thẩm đoàn" hôm nay vô tư quá, tôi chụp ngay lấy cơ hội, thừa thắng xông lên:

— Chị cố gắng cho tôi độ ba nghìn được không? Sinh hoạt bây giờ đắt đỏ lắm, một nghìn chỉ làm được vài mâm cỗ đậu phụ với

bát canh bí thôi...

— Quá hai nghìn thì không được đâu. Anh cố gắng gói ghém trong khoảng đó vậy!

"Nàng" mỉm cười, dứ ngón tay ngầm cảnh cáo tính tham lam của tôi. Tôi cười xòa như thằng cháu yêu nhận lỗi với bà ngoại:

— Thôi thì làm giỗ chay cũng được. Chắc cụ nhà tôi cũng thông cảm với hoàn cảnh khó khăn hiện nay...

Thế là xong phần thủ tục, rào đón. "Nàng" khoan thai mở ngăn kéo rút ra tấm séc mầu xanh nhạt. Tôi không ngăn được tiếng nuốt nước bọt khi nhìn thấy "tấm thẻ Đảng" này.

— Hôm nay là ngày mấy nhỉ...?

"Nàng" nhíu mày hỏi, rồi quay lại nhìn tấm lịch treo trên tường. Công sở bị tê liệt nên lịch "chết" cả tuần, không ai buồn xé.

— Hai mươi bẩy dương, mười bốn âm...

Người đẹp chủ nhân cái quần cũ đáp chỏng lỏn. Phiếu trắng thứ tư! Quốc hội đã đồng tâm nhất trí chi tiền. Tôi mừng thiếu điều nhảy cỡn lên như lúc xem đá bóng, hai tay không ngớt xoa đùi. "Nàng" bắt được thái độ hồ hởi của tôi, lắc đầu cười.

— Đưa giấy tờ cho tôi để làm phiếu.

Tôi hấp tấp đẩy tấm thẻ hội viên nằm sẵn trên bàn đến trước mặt "nàng". Gạt nó sang một bên, "nàng" nói:

— Không. Chứng minh nhân dân cơ. Lĩnh tiền bao nhiêu lần rồi mà còn quên!

Thế có chết không. Mừng quá hóa lú, ký nhận tiền bạc với nhà nước có bao giờ người ta dùng tấm thẻ "vàng mã" này. Tôi lật đật móc ví. May quá, sáng sớm say thuốc lào mà vẫn còn nhớ để găm tờ chứng minh trong người. Nàng thận trọng viết họ tên tôi bằng chữ hoa lên tấm séc. Ngón tay mềm mại, thuôn nhỏ (bây giờ tôi mới nhận thấy) chậm rãi lần đếm hàng số của tờ chứng minh. Chỉ còn một chữ ký nhỏ nữa là "nàng" vẽ xong đĩa tiết canh lòng lợn, lũ trẻ sẽ chấm dứt ăn chay, đời sẽ lên hương. "Mùng năm, mười bốn, hăm ba, đi chơi cũng lỗ nữa là...". Hôm nay mười bốn âm lịch, trò duy tâm bậy bạ thật. Nhậu nhẹt no say rồi, có hứng ta viết một bài *"Chống mê tín dị đoan"* gửi cho báo Nhân Dân mới được. Nhạc nổi rộn rã trong lòng, tôi bật cười khi tưởng tượng cô con gái út dẩu cái mỏ lên mà nhai miếng gan luộc, buông đũa thò ngón tay vạch ranh giới trong đĩa thức ăn để dành phần với mấy thằng anh.

— Chị đã hỏi ý kiến giám đốc chưa mà tự tiện quyết định thế?

Tiếng nói thỏ thẻ, chậm rãi, lạnh buốt như lưỡi lê đâm xuyên qua lưng tôi. "Thần vệ nữ" giật mình ngẩng đầu nhìn.

— Đây là trường hợp "đặc biệt", phải được sự chuẩn chi của ban giám đốc và trưởng phòng tài vụ mới được xuất tiền...

"Chiếc quần cũ"! Tôi chết đứng người nhận thêm một nhát

dao đâm lén nữa.

- Sao lại "đặc biệt"? Sách của người ta in xong, phát hành gần hết rồi, có phải dự định sáng tác đâu mà xếp loại "đặc biệt"?

"Nàng" xù lông dựng cổ như con gà mái mẹ xoè cánh che chở cho bầy con, bắt bẻ lại.

- Tôi chưa đếm chữ xong, chưa xác định được số tiền, nếu trả trước thì vẫn là trường hợp "đặc biệt".

Trời hỡi, thù hận làm sao đến mức này. Tôi ngay đơ người như con nhái ngấm nọc độc, để mặc cho con rắn nuốt dần vào bụng.

- Ban nãy ông Huy Cận đòi lĩnh "đặc biệt" đấy, sao không bắt tôi lên xin ý kiến giám đốc?

"Nàng" sừng cổ hỏi. Người đẹp vẫn trơ như đủng quần cũ, giọng lạnh như quan tòa đọc điều luật:

- Người ta là lãnh đạo, sáng tác được xếp loại nhuận bút một. Cần phải ưu tiên giải quyết!

— Chị ăn lương của nhà nước để làm gì? Việc đếm chữ phải hoàn tất cho người ta trước khi sách lên khuôn để dây dưa hơn nửa năm trời không hoàn thành mà kỳ bình bầu "lao động tiên tiến" nào cũng đòi có mình?

"Nàng", mở rộng mặt trận, "mượn gió bẻ măng" đánh luôn vào điều hậm hực bấy lâu nay của mình. Bị cú đá móc bất ngờ, người đẹp ngóc đầu bạnh mang như con rắn hổ:

— Đấy là việc của tôi. Tôi chịu trách nhiệm trước giám đốc, không phải với chị. Còn những người hay mang chuyện nhà đến cơ quan để làm, hết đan áo cho chồng con lại đan thuê cho thiên hạ kiếm tiền thì đừng có phê bình người khác!

Chị nhân viên đẩy người đang chẻ rau muống dần mạnh cái rổ lên mặt bàn, chống nạnh nhìn người đẹp. Bà già ngừng gói báo cũ, ngẩng đầu đanh mặt chì chiết như mẹ chồng dạy dỗ nàng dâu:

— Các em ơi, có chuyện gì thì đóng cửa bảo nhau. Trước mặt khách - bà liếc nhìn tôi - đi rũ chấy bới rận ra làm gì... - Hít hơi lấy sức, bà rin rít giọng như đang nắm tóc ai để kéo - Còn gái nào muốn "góp ý" với chị thì cứ chửi thẳng, đừng có bóng gió xa xôi mà chị không biết đường ăn nói cho phải phép.

Hỏng ăn rồi. Người đẹp lỡ miệng chọc đúng tổ ong vò vẽ, cách mạng lan ra cả thế giới thì còn gì là bữa nhậu nữa. Mọi người thủ thế nhìn nhau. Một thoáng im lặng để lau chùi, chuẩn bị vũ khí. Gã trai gấp cuốn chưởng, đặt ngay ngắn trên bàn, gỡ kính trắng lau lại bằng vạt áo rồi khoanh tay ngồi chờ, miệng cười tủm tỉm như muốn nói "Tụi bay đánh nhau đi, tao gõ trống cho". Những mâu thuẫn ngầm sẽ nổ tóe ra trong những trận cãi nhau, gã tha hồ thu hoạch, cất riêng vào hồ sơ từng người. Chiến tranh chỉ làm béo cho

bầy quạ chuyên bới xác chết. Tôi nhặt tấm thẻ trên bàn quay lưng thất thểu đi ra cửa.

— Hượm đã nào !

"Nàng" giật giọng ngăn tôi lại.

— Tôi sẽ ký séc cho anh !

Không còn tin ở tai mình nữa, tôi đứng sững giữa cửa. Nặng nhọc vác cái bầu đến gần, "nàng" giật lại tờ chứng minh với tấm thẻ hội viên trên tay tôi rồi nhìn người đẹp như thách đố. Điên hết cả rồi. Chỉ vì chút sĩ diện với "kẻ biết đến ta", "nàng" đã dẫm lên bộ luật "cửa quyền" bất thành văn ở xứ này. Cũng vì sĩ diện, người đẹp kia đã nhẫn tâm trù ếm tôi, dập tắt lửa dưới nồi cơm đang sôi dở của tôi. Ngọt như đường mà bị giằng co, dày xéo nhiều thì cũng chua, tôi lắc đầu nhìn "nàng", tay chìa ra để xin lại giấy tờ.

— Không! Tôi ký ngay cho anh đây này !

Để chấm dứt sự đau khổ cho khách, "nàng" cương quyết đi lại bàn, cầm bút ngoáy đánh vèo vào tấm séc.

— Anh ký nhận vào cuốn sổ này cho tôi !

"Nàng" nói, giọng cố tạo bình thản, tay lật nhanh cuốn sổ thanh toán nhuận bút. Mọi người bị hành động "quá khích" gây chú ý, quên cả giận dữ, chăm chú nhìn kẻ bất thường. Im lặng, chỉ có tiếng giấy cọ nhau sột soạt. Tôi liếc con số 2000, kèm thêm hàng chữ trên tấm séc, nuốt nước bọt. Bàn tay cầm bút run run như lần đầu được cầm tác phẩm của mình được in thành sách.

— Đây. Mời anh.

"Nàng" chỉ tay vào dưới cột ghi tên họ và tác phẩm của tôi.

— Không; ký cao lên một chút. Cột dưới của người khác... Được rồi. Làm ơn viết rõ tên họ dưới chữ ký.

Xong! Tôi thở phào, không biết đã nên cầm tấm séc chưa. Một vài người húng hắng ho. "Nàng" bình thản gập lại cuốn sổ, cất nó vào ngăn kéo rồi cẩn thận lấy viên lăn cho khô mực tên ký của mình trên tấm séc.

— Không có chúng tôi trong việc này đâu đấy. Một mình chị chịu trách nhiệm...

Tôi đang chìa tay để nhận tấm séc "nàng" đưa, thì gã trai lên tiếng. Cả hai chúng tôi cùng lặng người, tay vẫn giơ ra phía trước. Nàng đổi sắc mặt, lắp bắp nói:

— Tôi tưởng là...

— Không; chỉ một mình chị !

Gã lạnh lùng ngắt lời, cảm thấy đã đủ, bèn cúi xuống mở cuốn chưởng để đọc. Nàng rụt bàn tay cầm tấm séc lại, mặt ngơ ngác khó hiểu. Tôi đứng chưng hửng giữa nhà, không còn sức để theo dõi câu chuyện. Trách nhiệm. Gã đã điểm đúng hiểm huyệt của cơ chế nhà nước. Chỉ vì sợ trách nhiệm nên không ai dám làm gì, chủ

nghĩa xã hội chỉ ăn mòn và phá hủy những cái cũ thừa hưởng. Chúa Giê-Su, Đấng sáng tạo ra mọi vật nếu có tái thế làm việc ở đây cũng đến đùn cho "tập thể" quyết định thay cho mình.

— Anh đợi một chút. Tôi chạy ù lên phòng phó giám đốc xin ý kiến.

Lên cơn đồng bóng mất rồi. "Nàng" nhìn tôi, mắt long lanh một cách bất bình thường rồi ì ạch lắc mông, ve vẩy tay đi ra cửa. Tôi ngồi phịch xuống ghế, người vỡ ra từng mảnh, nhắm mắt chờ. Chưa cà phê, chưa nước trà, đến giờ rượu mất rồi. "Cố đấm ăn xôi xôi lại hẩm", chờ không biết đến bao giờ đây? Tiếng chân nặng nề vừa mất ngoài hành lang thì người đẹp nói nhỏ với chị chẻ rau, vừa đủ cho tôi nghe thấy, miệng cười khúc khích:

— Phó giám đốc đi nghỉ mát ở Đồ Sơn rồi, tuần sau mới về...

Tôi đứng bật dậy như hồn ma nhập xác người, bỏ chạy ra cửa, quên cả giấy chứng minh nhân dân lẫn thẻ hội viên Hội Nhà Văn trong phòng.

"Bí Vỏ" vẫn ngồi chờ, hai chân khoanh tròn trên ghế băng nhỏ. Dáng tĩnh tại, mắt nhắm nghiền, con người của Thiền đạo này đã thoát tục, bay lên miền lạc phúc.

Thế Giang

NHỮNG BÀI SẼ ĐĂNG TRÊN VĂN HỌC 15 VÀ CÁC SỐ KẾ TIẾP

* Thanh Tâm Tuyền, người thi sĩ ấy, của Bùi Vĩnh Phúc.
* Tạp ghi về thơ , của Ngu Yên.
* Văn Học phỏng vấn nhóm Thế Hệ ở Houston
* Văn Học phỏng vấn nhóm Xác Định ở Washington D.C
* Văn Học phỏng vấn nhà văn Nguyễn Đức Lập
* Văn Học phỏng vấn nhà văn Tưởng Năng Tiến
* Đào Trường Phúc đọc " Cậu bé và Hoa mai" của Phan Tấn Hải.
* Nguyên Lương đọc "Hoá ra nét chữ lên đàng quẩn quanh" của Ngu Yên.
* Phổ hệ và chế độ nội hôn của họ Trần, nghiên cứu sử của Tạ Chí Đại Trường.
* Góp ý với nhà văn BNL về truyện Kiều của Sơn Nam cư sĩ.
* Người con gái có móng tay sơn đỏ gắt truyện của Bùi Bảo Trúc.
* Đại bại mùa thu, truyện của Diệu Tần.

Tạ Tỵ

Bài thơ cuối năm

Gửi Lãng Nhân và An Quân

Trời cuối năm rồi, mưa gió lạnh
Một mình, một bóng, một tâm tư
Chao ôi, năm tháng sao hờ hững
Cứ lạnh lùng trôi chẳng giã từ
Ngoảnh mặt đoái trông ngày hạ trắng
Bây giờ lá đổ cuối tàn thu
Rượu uống tìm quên, sao vẫn nhớ
Vẫn buồn, vẫn tiếc, vẫn ưu tư ?
Bạn cũ lênh đênh người mỗi ngả
Kẻ ở chân mây, đứa ở tù
Biết có còn chăng , ngày gặp lại
Hay là đã hẹn bến Thiên Thu ?...
Quê hương thấp thoáng trong tiềm thức
Không thấy cười vui, chỉ oán thù!..
Chiến trường từ dạo phai màu máu
Sa trường quạnh quẽ gió hoang vu
Bên bờ Thạch Hãn ai gào đó ?
Đá Cổ Thành xưa, bóng vọng phu
Xương trắng phơi cao đầu ngọn núi
Máu hồng nhuộm đỏ ánh trăng lu
Sóng nước Tiền giang gờn gợn chảy
Đã cuốn trôi đi những xác thù...
Tiếng hát quân về, nay xa vắng
Điệu kèn, nhịp trống cũng âm u
Núi sông còn đó, ngàn năm trước
Mây vẫn bay cao, gió thổi vù
Đồng ruộng vẫn thơm mùi lúa chín
Tiếng hò quấn quít với lời ru
Hỡi ơi kỷ niệm khơi nguồn nhớ
Kiếp sống lưu đày hỏi có dư ?...

Hoa rơi mấy cánh ngoài hiên vắng
Một thoáng ưu phiền biết thực hư ?...
Ai đó, phương xa lòng có lạnh
Dặm dài có mỏi bước chinh phu?...
Mệnh nước nổi trôi, dòng hưng phế
Đời sống mênh mang cát bụi mù !...
Chẳng biết ngày mai trời có sáng
Hay là mưa gió vẫn vi vu..
Kéo lê thân phận vòng cơm áo
Nào có hơn chi chốn ngục tù
Thì đó, lợi danh xin trả lại
Một mình nhẹ tếch bước phiêu du...
Còn chi vương vấn nơi tâm cảm
Mà cứ băn khoăn, cứ hận thù ?..
Từ nay, giấu mặt vào chăn gối
Đáp lại lời nhau tiếng : tạ từ !
Chí khí chôn vùi trong giấc ngủ
Văn chương chép lại chuyện kỳ thư
Nhục xưa chưa rửa, mười năm lẻ
Giọng hát, cung đàn vẫn được ư ?...
Nước mất, nhà tan tràn ác mộng
Sống chẳng ra gì, chết ngất ngư !...
Biển Đông vẫy gọi, im lời sóng
Nhân loại chìm sâu lớp khói mù...
Hỡi ai, áo vải đang mài kiếm
Định ghi sử sách với ngàn thu
Làm con chim én mang Xuân lại
Một mũi tên thừa cũng chẳng dư !...
Chỉ tiếc tuổi đời như lá úa
Tóc cằn, lệ cạn, với sầu tư
Rửa tay, gói bút, lòng đau nhói
Chuyện đời, thôi mặc cánh phù du !...

Tạ Tỵ . Tháng 1.87.

Nguyễn Thanh Hùng

Thư gửi Chú Võ Đình.

Houten, Hoà Lan 25-12-1986

Chú Võ Đình kính mến,

Lá thư dài của Chú, thành thật và nhiều yêu thương làm con cảm động. Con đọc những gì Chú viết, tình cảm mừng lo lẫn lộn. Có lúc buồn vì những câu, chẳng hạn: "Điều chắc chắn là quý vị không có bà con đi cùng rồi đó...". Không hẳn vì nó bắt con phải tưởng tượng đến cái tương lai "u tối", mờ mịt đang chờ trước mặt. Điều đó, ai bắt đầu đặt những bước trên đường "hành hương" vào hội họa (trong nghĩa đúng đắn nhất của danh từ) đều cảm nhận được, dù mơ hồ. Chú chỉ diễn đạt nó một cách thẳng thắn, rõ ràng hơn như một sự kiện tất nhiên không tránh khỏi. Nhưng thái độ chia sẻ một cách chân tình của chú, như một người thầy tận tụy lo cho một đứa học trò nhỏ, làm con xúc động vô cùng. Viết những dòng chữ này để cảm ơn Chú, nghe có vẻ hời hợt và kỳ cục, nhưng con không biết dùng ngôn từ nào khác để diễn tả sự biết ơn sâu xa của con đối với Chú.

Đáng lẽ con đã viết ngay cho Chú ngày hôm qua, lúc nhận được Văn Học số 11 Chú gửi. Nhưng con biết rằng, nếu con hấp tấp cầm bút, con sẽ viết những điều rất... sướt mướt. Những lời cám ơn ồn ào. Có thể nó sẽ làm Chú thoáng vui lòng vì thấy tên đệ tử có lòng nghĩ đến sự lưu tâm của mình. Nhưng đó chắc chắn không phải là tất cả những gì chú mong muốn, con nghĩ vậy. Con biết rằng Chú chờ mong ở con những điều khác hơn là tường trình những tình cảm trong tình trạng "bão hòa" con có lúc đọc thư. Thành ra con để dành và suy nghĩ đến những điều Chú viết. Suy

nghĩ một cách nghiêm chỉnh (chữ Chú hay dùng). Con cũng tự nhủ rằng con sẽ viết những điều con suy nghĩ dựa trên lá thư của Chú một cách hết sức có lớp lang thứ tự. Nếu cần, viết đi viết lại cho thật đàng hoàng. Cho dù đó là điều mà con rất "kỵ" — như một lần con viết cho Chú — và lá thư do đó mất hẳn sự tự nhiên của đối thoại. Có thể chú sẽ mỉm cười và cho rằng con đang màu mè. Con nói thật: Con chỉ cố gắng đáp lại — giá chót là qua hình thức và thái độ — một cách kính trọng sự chân thành và yêu quý Chú dành cho con. Con tin rằng Chú đã "xé gan, bẻ cật" khi viết lá thư dài đó. Con không muốn rằng bao nhiêu công sức như vậy bị đổi lại bằng một lá thư viết vội vã, lăng nhăng lộn xộn... Chắc bây giờ Chú đang mỉm cười!

Đáng lẽ đêm Giáng Sinh qua con với Nga đã đi lễ nửa đêm nhưng Nga mệt. Cô nàng than lạnh vì trời đổ tuyết. Tuyết đầu mùa. Năm nay là năm đầu tiên con thấy tuyết rơi nhằm mùa Giáng Sinh. Thành ra con đi dạo ngắm tuyết. Lúc con về thì Nga vẫn ngủ say như trước đó vài tiếng đồng hồ. Con nhìn Nga ngủ và nghĩ đến những gì Chú viết. Tự nhiên con ao ước được ngủ như một kẻ vô tư lự. Bình thản nằm úp mặt xuống như một nhân vật gì đó trong một truyện ngắn của Nguyễn Đức Sơn. Nhưng lá thư của Chú, nó vẫn sáng rực như một cái bóng đèn trong đầu óc. Con đã đọc nó ba bốn lần, năm sáu lần. Những chữ Chú viết như đã được bôi lân tinh. Chúng lung linh sáng, chúng nhảy múa chập chờn trước mắt. Chúng làm con trăn trở và không tài nào chợp mắt được. Bây giờ thì con ngồi viết thư cho Chú.

Điều kỳ lạ là giờ đây con lại không nghĩ đến lá thư Chú viết cho con nữa. Con chỉ tưởng tượng và tự hỏi giờ này Chú đang thức hay ngủ "ở một tỉnh lẻ, trước nhà có hai cây phong nhỏ, lá đã rụng hết rồi..." bên kia bờ Đại Tây Dương? (Điều mà con linh cảm, biết chắc chắn rằng Chú đang buồn và cô đơn. Tại sao con lại nghĩ như vậy? Con không biết. Có những điều mà tự nhiên người ta cảm nhận rất rõ ràng mà không tài nào giải thích cho hợp lý được.

Chú còn nhớ lần con nói với Chú ở triền đồi Pháp Thân Tạng, lúc Chú với con ra đó nằm ngủ trưa để tránh cái nóng bên trong nhà? Con nói con có cảm tưởng người ta e dè thế nào khi nói chuyện với Chú. Nói e dè, sợ sệt thì không hẳn. Nể nang thì đúng hơn. Kiểu "kính nhi viễn chi". Ngày đó, con chỉ nói điều mà con lờ mờ cảm thấy qua sự nhận xét cá nhân về thái độ những người dân Làng Hồng đối với Chú. Bây giờ thì con hiểu tại sao. Cũng như Chú đã biết điều đó từ lâu mặc dù Chú không nói gì cả lúc con đưa ra nhận xét đó. Con nhớ Chú chỉ cười. Nhưng Chú có thấy đó là điều khắc nghiệt Trời ban cho (hay phạt?) Chú không? Bỏ ngoài những lý do thuộc cá tính, về sự đĩnh đạc, phong thái lộ ra bên

ngoài... có phải chăng họ e dè, họ nể nang cái con người dám đánh cá cuộc đời mình cho "Cái Đẹp", một cái Đẹp không rõ ràng cụ thể như một việc làm ngon và những hệ quả là nhà đẹp, xe hơi ngon v.v... mà là "Cái gì" vô cùng mơ hồ, vu vơ trừu tượng và khó chụp bắt? Rời ngoài đó, còn gì để làm nên bức tường thành ngăn cách cảm thông giữa một người nghệ sĩ và người đối thoại với họ? Có phải do đời sống nội tâm phong phú chằng chịt dây mơ rễ má và mùi thơm của những nén nhang trong tâm tưởng mà người đó, nếu là một nghệ sĩ Việt Nam, dám thắp lên cho quê hương? Bởi vì, dù Chú có đánh vật trăm ngàn lần với De Kooning hay phù phép với Chagall... Dù Chú đã chết dở sống dở nhiều lần với những lần chạm trán nghệ thuật Tây phương... Nhưng Trời đền ơn Chú. Vì sau rốt Chú sống sót nguyên vẹn. Chú là một họa sĩ VN, "một con người Việt Nam". Chú đã sờ thấy, đã về gần tới quê rồi đó, dù Chú đã và còn lang bạt mấy chục năm ở miệt tạm dung bao la này. Chú biết con đang nghĩ gì không? Con nghĩ đến ông phi hành gia nhảy ra khỏi phi thuyền, chơi giỡn ở ngoài không gian. Chỉ có một sợi dây rất mong manh nhưng dai dẳng nối ông ta lại với thân tàu. Ông ta nhảy múa, phóng những bước chân thoải mái thật xa tưởng như có thể làm đứt sợi dây. Nhưng vì một quyền lực thần thánh khó hiểu nào đó, ông ta lại lộn trở lại, lần theo sợi dây nối trở về...! Tại sao Chú lại quay trở về? Con tin rằng bởi vì Chú vẫn còn nhìn thấy ngọn lửa của nguồn cội, của Đất cho dù thời buổi u tối của những thập niên vừa qua và hiện tại có làm cho nó lu mờ. Chú hà hơi tiếp sức cho nó bùng lên, nó lung linh phả ánh sáng trên những bức tranh của Chú. Chúng làm cho người xem kiêng nể và khâm phục vì mãnh lực và niềm tin của người tạo ra chúng, (Con biết rằng, nếu Chú đưa lá thư này cho một người khác đọc, họ sẽ nghĩ con đang "bốc thơm" việc làm của Chú. Nhưng con sẽ trả lời với người đó rằng đây là một "phần thưởng còn quá khiêm nhường so với những gian khổ và những năm tháng chú đã bỏ ra để đi đến những cây trái hôm nay).

Con còn nhớ bức tranh Chú vẽ (1981) viên đá tảng nằm chông chênh trên hai bờ triền. Người ta có thể hiểu tảng đá đó như con người Chú và bức tranh như một lịch sử được hình tượng hóa và cô đọng của một cá nhân lưu đày, đứng chênh vênh trên hai thành quách văn hóa Đông Tây. Nhưng người ta cũng có thể hiểu bức tranh như một cuộc chiến tranh thầm lặng của một chọn lựa giữa hai đối nghịch, giữa niềm tin và thất vọng. Con tin rằng, tảng đá gân guốc đó, con người Chú, Chú vẫn có quyền chọn lựa. Chú có quyền ngả nghiêng từ bên này sang bờ bên kia, Chú có khả năng phân thân, đứng ra ngoài, vần tảng đá sang một bên xác định. Và mặc dù nghiệp dĩ hội họa có bắt Chú phải tơi bời nhang khói, dù

nhu cầu quay về mảnh đất ấy có làm Chú tốn công suy tư, dù gì đi nữa... Chú còn hạnh phúc vô cùng. Vì chú có cả một quê hương Việt Nam tâm linh trong đầu óc, nơi có Rồng bay, Hạc múa. Chú chỉ cần định thần là Chú nhìn thấy thực tại mơ hồ nhưng đẹp đẽ đó cũng như Chú nhìn thấy trong lòng bàn tay Chú hình ảnh người mẹ Chú và muôn thế hệ chảy xuôi về trước. Ngoài ra, Chú còn có cả một quê hương địa lý với cửa Thượng Tứ, có hồ Tịnh Tâm, Thành Nội. Chú có cả một quá khứ trước mặt để nhìn ngắm đến chán chê. Những lúc Chú buồn, Chú chỉ cần nhắm mắt là Chú bay về những nơi ấy... Còn con?

Con đâu có nơi chốn nào để trở về, trong cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Rời quê năm 19. Năm nay 25 tuổi đọc Nguyễn bá Trạc "Ngọn cỏ bồng". Nhìn hình bìa Chú vẽ, rồi đọc những dòng hồi tưởng của tác giả về những "ly cà-phê bít tất ngồi chồm hổm uống bên cạnh ngọn đèn măng-sông tù mù" mà con ghen tức. Cũng cái cảm giác đó khi con đọc trong "Views of a Vietnamese Artist" (1970), khi Chú kể lúc Chú 9, 10 tuổi gì đó đứng ngắm say mê những người làm tranh mộc bản. Chú nhìn những bức tranh mới ra lò. Chú ngửi mùi mực thơm. Rồi những điều đó ghi khắc mãi vào tâm khảm chú. "This recollection has stayed with me all my life..."

Cái quê hương VN đầy màu sắc, hình tượng và dồi dào âm thanh, hương vị đó con đâu có biết. Thế hệ tuổi con là một thế hệ thiệt thòi, Chú thấy không? Làm sao con có thể nhắm mắt lại, như ông Nguyễn bá Trạc chỉ cần hất hàm, là thấy ngay? "Bến Xe An Đông!"? Con chưa bao giờ có dịp ngắm cây cổ thụ đầu làng vĩ đại, xanh um, cũng như chưa bao giờ từng biết mái ngói chùa, ngói đình vùng quê ra sao, hài hòa với thiên nhiên ra sao để có cảm giác thu nhỏ, hạ mình và tôn kính Tạo Hóa như Chú đã từng trải qua khi đã leo hàng trăm bậc cấp để đến viếng một ngôi đền trên núi?... Phước cho Chú, cho ông Nguyễn bá Trạc và những người lớn tuổi khác vì còn có một quê hương bằng hình ảnh kỷ niệm với rất nhiều chi tiết nho nhỏ, hay hay và khả năng hồi tưởng lại tất cả những chi tiết nhỏ nhặt ấy. Cho dù khả năng "nhớ nhiều" đôi khi là một ân sủng bi thảm!

Quê hương địa lý VN trong tâm tưởng con chỉ thu nhỏ trong một thành phố Sài gòn ít cây nhiều nắng và đồ viện trợ những năm trước 75. Còn sau đó? Nơi có nhiều thứ giấy tờ đe dọa, nhiều bo bo, củ sắn, nhiều người quần áo rách rưới nằm ngủ vật vờ hay bắt chí rận cho nhau trên những vỉa hè. (Chú có tin là con chưa bao giờ biết hình dáng một đầm sen hay bóng mát rợp của một ngõ trúc ra làm sao không?) Còn những con tôm khô, củ kiệu uống với rượu nếp thang, những quán cóc lề đường, cái rộn rịp về sáng của

một bến xe... chỉ là những điều chôm chỉa được từ những cuốn sách (như quyển "Ngọn Cỏ Bồng" chẳng hạn) được đọc ngấu nghiến, rồi "cải biến", thêm thắt, phịa thêm để làm giàu cái quê hương Sài gòn con biết nhiều khói ít cây kia. Những dữ kiện thâu nhặt đó, chúng tạo thành một thứ quê hương hàng hai không thiệt nhưng cần thiết để con có thể đứng thở chung, góp chuyện chung với những người đồng hương lớn tuổi mỗi lần tụ họp.

Người ta bảo "chốn quê hương đẹp hơn cả" *và người ta diễn tả cái đẹp đó. Đôi khi con cũng có ý định bắt chước. Con sẽ vẽ đền chùa, miếu đường, trăng dưới liễu, trúc phất phơ... Nhưng không phải vì ánh mắt chế riễu của Chú mà con không làm. Bởi lẽ đơn giản là có bao giờ con bị những cái đẹp đó thu hút đắm đuối để mà có thể ghi lại những ấn tượng của mình? Giá mà con đã một lần xem thấy trăng dưới liễu, trúc phất phơ.. Đôi khi con nghĩ thà làm một họa sĩ trong cái nghĩa vuốt ve những hình ảnh sáo cũ, ru ngủ tình tự quê hương, dân tộc mà còn có đồng bào đi theo thì còn đỡ khổ gấp trăm lần làm kẻ lủi thủi vẽ những đường "loạng quạng xơ xác như gà bới" ở chỗ không người!*

Quê hương, và tất cả những gì đẹp đẽ cụ thể của nó, như vậy, không phải là một hầm mỏ để con đào xới lên những chất liệu để vẽ cái này, nắn cái kia. Chú sẽ tự hỏi: "Vậy chứ động lực nào níu kéo anh chàng Hùng với mảnh đất ấy? Cái gì làm cho anh chàng nãy giờ lải nhải lòng thòng về quê hương?" Và con cũng sẽ tự hỏi: "Mà thiệt, đất nước hình chữ S đó có chỗ nào cho con có thể dựa lưng? Ở đó, đâu là ngọn lửa mà Chú đã thấy và xòe tay ra hơ (nói như ông Phan lạc Tiếp) mặc dù — đáng tiếc thật nhưng hãy còn may — sau lưng vẫn lạnh?"

Để con kể chú nghe một câu chuyện. Nó như một thứ ác mộng quái đản cứ bền bỉ ngấm ngầm đe dọa. Một người lính đã kể cho con nghe, lâu lắm rồi. Nhưng con vẫn còn nhớ giọng nói anh ta. Bình thản, pha trộn nhiều câu khôi hài đôi chút tục tĩu. Câu chuyện nhờ đó có thể phần nào bớt "nặng nề". Nhưng cũng có thể điều đó lại tình cờ làm tăng effect khiến sự dễ sợ nổi bật lên và người nghe nhớ hoài. Đại khái câu chuyện như thế này. Một người con, còn trẻ lắm theo lời người kể, ngồi nói chuyện với mẹ trong căn nhà lá ở vùng quê. Vây quanh bên ngoài là những người lính. Anh con khuyên Mẹ trốn vào bưng. Mẹ khuyên con ở lại. Cứ thế mà hai mẹ con dằng dai. Họ tình cờ thủ diễn một cách xuất sắc một vở kịch, hoàn toàn không hay biết gì cả về những người khán giả — hay những ông quan tòa? — bên ngoài. Những người lính bắt đầu sốt ruột. Có kẻ bảo : "Để tao 'dứt' thằng nhóc Việt Cộng cho rồi!".

Bỏ ngoài những kết luận có tính cách đạo đức, luân lý (thời chiến tranh làm gì những thứ đó còn giá trị?) điều cứ dằn vặt và làm

con suy nghĩ mãi là: Con đã lớn lên, đã sống, đã thở suốt quãng đời tuổi trẻ ở Sài gòn, trong một không khí tương đối bình dị và yên ổn. Con làm sao biết được trong khi đó ở những miệt vườn chung quanh, hàng trăm hàng ngàn những con người dung dị, vô tội đang sống với một lưỡi gươm Damocles lửng lơ treo bằng một sợi tóc bên trên đầu? Một cảm giác gần như phạm tội, Chú ạ. Như thể con mắc một món nợ với những người ấy. Như thể sự "bình yên" của con và những người thân chung quanh được trả bằng cái giá quá đắt đó. Những ngày sau khi nghe câu chuyện, con mới ý thức, vỡ lòng được dù vẫn lờ mờ, sự kinh khủng và tầm mức phá hoại sâu xa của một cuộc tương tàn.

Nhất là khi con nghe trong một cuốn băng có bài "tâm ca số 1" của thầy Nhất Hạnh. Lời bài hát làm con choáng ngợp. Con không biết con có hiểu sai bài hát hay không, hay đã diễn đạt theo cái nhìn mà câu chuyện kể trên đã làm cho méo mó: Đóa Tường Vi (như biểu tượng tàn nhẫn của Thiên Nhiên) vẫn tỉnh bơ nở thêm một đóa. Thiên nhiên, Trời đã hững hờ như thế với cái chết của một con người trong một cuộc chiến . Đến ngay cả "con người" đồng loại chung quanh cũng chẳng làm gì khác hơn là tiếp tục sống cuộc sống thường nhật với những nhu cầu sinh lý "ăn, ngủ, thở..."

Con bi quan quá phải không Chú? Cũng tại vì câu "biết bao giờ tôi mới được nói những điều tôi ước mơ..." trong bài hát. Chữ "biết bao giờ" sao mông lung quá. Nó xa vời đến độ gần như "chẳng bao giờ" có thể thực hiện được "những gì ước mơ" cả. Con thấy rồi đây — hay đã tự bây giờ?! — Con sẽ chẳng tin gì cả, chẳng có niềm tin gì cả. Đức Mạnh Tử nói: "Nhân chi sơ, tính bản thiện" hình như chẳng đúng gì cả. Cái khó là một định nghĩa ngược lại "tiền đề" này cũng không đúng nốt. Con người ta chỉ là một sinh vật kỳ dị và khó hiểu. Đôi khi rất hờ hững. Rồi người ta tiếp tục bận bịu ăn, ngủ, thở. Rồi những người vô tội đã chết cho cuộc chiến được lên trang nhất những tờ báo lớn vẫn cứ tiếp tục nằm im trong quên lãng nơi nghĩa địa. Cũng như người ta sẽ quên đi những đồng bào đang lêu bêu trên biển. Rồi dòng đời cứ lững thững trôi. Rồi "những đóa tường vi vẫn tiếp tục nở..."

Chú Võ Đình ạ, Chú thấy không, trong một khía cạnh nào đó, thế hệ Chú và thế hệ con không có gì là khác biệt nhiều cả. Cũng vẫn cái dây nối oan nghiệt làm bằng ý thức tương-sinh (interbeing) với mảnh đất ấy. Cũng vẫn những thực tại bi thảm đó níu kéo, dằn vặt Chú với con. Chú có "nỗi chết" đó để dựa lưng. Con cũng vậy. Có khác chăng là trong việc làm của Chú, văn cũng như họa phẩm, chúng hứa hẹn một nơi chốn bình yên để trở về. Chúng cho người ta sự an ủi là tất cả những khốn nạn thê thảm chỉ nhất thời, giai đoạn. Chúng cho người ta niềm tin, dù mù mờ xa xăm, nhưng vẫn

đủ ma lực che chở, cưu mang. Còn con, con sẽ không hoài công cố gắng đi tìm niềm tin đó làm gì. Có lẽ bởi vì con đã ý thức từ đầu rằng mình không có đủ hành trang mắm muối mo cơm để bắt đầu một hành trình gian khổ như vậy. Cũng có lẽ con khám phá ra rằng những ý niệm u tối, bi quan về những thực tại khốn nạn đó vẫn có chỗ dùng được.

"Vậy thì con sẽ vẽ gì?" Chú đặt câu hỏi.

Có thể con sẽ dùng đề tài "chiếc diều rơi" của Chú. Cũng những hình thù rơi rụng, nhăn nhúm, méo mó. Sự khác biệt chỉ nằm ở sự vắng mặt của ngọn đèn phả sáng lờ mờ ở chân trời như hy vọng, như hải đăng. Con sẽ vẽ cái Đẹp quê hương, của đình làng chùa miếu, của những thôn nữ phất phơ kiều diễm tựa Marylyn Monroe hay Mẹ Việt Nam mập mạp tròn trĩnh... bởi vì con chưa từng thấy những thứ đó ở quê hương và con tin rằng những diễm lệ đó không bao giờ có thực cả. *Con cũng sẽ không vẽ — như hệ quả đoán được từ những gì con viết cho Chú — những con thuyền đầy nhóc tỵ nạn giơ tay than gào vẫy gọi hoặc những bức tranh tả chân xóm làng tơi tả xác người. Cũng như con sẽ không vẽ niềm hy vọng ngày chiến thắng với hình anh chiến sĩ có nét đẹp của* Rambo *hiên ngang tay vẫy cờ phất phới... Tại sao? Bởi vì con biết rằng, nếu con làm như thế, con đã thiếu một sự suy nghĩ nghiêm chỉnh và đào sâu tìm kiếm những ngôn ngữ hình tượng mới mà chỉ biết quơ tay chụp bắt những hình ảnh* clichés *trong tầm tay (Tỷ như người phải diễn tả nỗi thất tình, loay hoay mãi không biết làm sao để cuối cùng vớ lấy hình ảnh cũ kỹ sáo mòn là trái tim và một mũi tên xuyên ngang. Chưa hết. Rồi như để tăng thêm phần bi thảm, ông ta hay bà ta vẽ điểm thêm vài giọt máu đào rỉ ra từ vết thương tâm!) Cũng như con sẽ không vẽ lại những hình người méo mó, quằn quại với màu sắc bỏng nóng ồ ạt như một thời gian trước con đã làm. (Bây giờ nghĩ lại con còn thấy xấu hổ và hối hận ghê gớm. Chắc Chú còn nhớ những người con gái làm mẫu trong trường Mỹ Thuật thường có thân hình rất đẹp? Vậy mà, dưới nét vẽ của con dạo ấy, người con gái nằm làm mẫu trong một* "pose classique" *kiểu Renoir dường như đang nằm trên một bàn chông!) Con tin rằng, trong cuộc chiến của phẫn nộ, bùng vỡ trên khung vải với những bệt màu túi bụi và những đường cọ tá lả, người vẽ là kẻ thua trận đầu tiên. Tới một giai đoạn nào đó, con ý thức được rằng đó là một cố gắng vô ích, một cách diễn đạt "phổi bò" nằm trong tầm tay để thực hiện. Nó cho thấy, một phần nào, con còn lạc quan và lửa rơm tin tưởng vào sự thay đổi khả quan hơn. Con đã bỏ cuộc. Điều không tránh khỏi!*

Vậy bây giờ con vẽ gì? Con sẽ gửi cho Chú hình chụp những bức vẽ mới bằng acrylic *như lời Chú khuyên lần nào để thay thế*

những diễn tả dài dòng. Còn những bức cũ bằng sơn dầu, con đã bôi trắng hết. Chỉ để dành lại vài tấm như mốc nhớ đánh dấu đường dài "hành hương". (Trong số đó có một tấm. Trên tranh chỉ có một ly cà phê. Tách cà phê màu xanh lục rất đỗi bình thường nằm lọt thỏm giữa một tảng màu đỏ alizarin, lổn nhổn những nét cắt màu xanh cỏ và vàng chanh. Ly cà phê như biểu tượng của sự bình thường, một thứ hạnh phúc hàng ngày yên ả dưới khung trời Tây phương này... "Daar is de Koffie!". Còn vùng màu đỏ bất ổn chung quanh? Chúng gợi cảm giác đe dọa, nhận chìm nuốt trôi niềm hạnh phúc nho nhỏ ở giữa... Bức tranh đó tới giờ vẫn chưa hoàn tất Chú ạ. Có thể con sẽ sơn trắng nó đi. Cũng có thể con sẽ tiếp tục sửa đổi. Dù gì thì đó cũng là một ý tưởng ngờ ngộ, hay hay).

Ngày 9-11 con viết trong nhật ký như thế này, Chú ạ: "... Một trong những cái khổ dẫn đến khủng hoảng tâm lý và những cơn bực dọc bất ngờ và không kềm chế nổi là ý thức về sự bất lực của đôi bàn tay và cạnh đó những dự định hằng hà trong đầu sẽ thực hiện. Tôi biết, dù trong giai đoạn phôi thai, những gì tôi phải làm. Trong lúc ấy, bàn tay tôi và một phần khối óc của kỹ thuật cầm cọ dùng màu lại lạng quạng, phân vân. Đôi khi dù đã vẽ coi như "xong", tôi vẫn biết, vẫn cảm nhận rằng nó chưa hoàn tất. Còn có nhiều điểm cần sửa đổi cho hoàn chỉnh hơn. Nhưng như thế nào? Làm sao? Tôi mù tịt..."

Bây giờ, khi đọc lại lá thư dài Chú gởi, con nghĩ con có quyền viết thêm vào đó, cạnh những thắc thỏm bí lối kỹ thuật: "Cái nghề họa là một nghề (nay nghiệp?) vô cùng khắc nghiệt. Vẽ chơi cho vui, như làm một món đồ trang trí đẹp mắt để treo trên tường hay làm dáng nghệ sĩ thì dễ, dễ lắm. Nhưng để sống với nó bằng tất cả tận cùng sức lực của mình, để biến nó thành chính một phần gắn liền ruột thịt máu xương với tâm thức mình, nhưng đồng thời cũng là một công cụ, phương tiện để diễn đạt cái phần sâu thẳm ấy là một chuyện vô cùng gian lao, phức tạp...." (con có cảm tưởng mật ngữ Hội Họa na ná như chữ Đạo của Lão Tử. Vừa là cứu cánh, vừa là phương tiện. Chú thấy vậy không?)

Cũng nhờ Chú mà con khám phá ra một điều: Là làm một họa sĩ ở xứ Tây phương này cũng đủ dập mình dập mẩy vì những vấn đề đại loại: Cơm áo, kỹ thuật, bán tranh làm sao đây, sống làm sao đây v.v... nhưng làm một họa sĩ VN còn khó hơn một bậc nữa!! *Chú hỏi: "Vậy thì con sẽ vẽ cái gì để cấu tạo nên một họa phẩm VN? Việt Nam ra làm sao? Việt Nam ở chỗ nào?"*

Mặc dù con biết rõ rằng tất cả những quyết định và nhận thức hôm nay đều không thường tại và có giá trị lâu dài — Chúng sẽ thay đổi ào ào theo tiến trình sống và học hỏi — nhưng con tin rằng

con có thể vững lòng trả lời chú rằng: Con sẽ vẽ bất kỳ những gì con muốn; Những ấn tượng con thấy; Những ý tưởng con có, con cảm. Con sẽ vẽ như một thứ nhật ký hàng ngày. Còn phần VN ư? Con tin vào tiền đề khá chủ quan và lạc quan là chất VN vẫn chảy âm thầm trong huyết quản, nhuộm âm thầm mái tóc con cho đen sì mãi. Miễn là bao giờ con cũng thấy thốn nơi cuốn rún vì sự "có mặt của sợi dây nối con với mảnh đất ấy." Cho dù đó là một thứ dây được kết bằng một thứ mặc cảm phạm tội và thiếu nợ. Cho dù sợi lòi tói kỳ cục đó làm bằng những ý niệm và nhận thức buồn nhiều hơn vui. Miễn là con còn cảm thấy khó chịu — như lần viếng thăm viện bảo tàng hoàng gia Hòa Lan về mỹ nghệ Á-Đông — khi hỏi thăm người chỉ dẫn về phần đóng góp của Việt Nam. "Đồ Việt Nam hả? Để tôi nhớ coi, mà toàn là súng không à, ở dưới rầm đó!"

Còn Nga, vợ con? Chắc cô nàng thấy thương hại dáng con ngồi cặm cụi viết thư cho Chú hay sao đó mà trưa nay cô nàng nói như một nhà hiền triết: "Anh ngồi viết kiểu gì mà khổ sở vậy? Tự anh làm khổ anh không... Anh học ở đây, trong môi trường Tây phương này, đương nhiên anh sẽ bị ảnh hưởng và cảm nhận như những tên bạn Tây phương của anh. Đó là điều em thấy hơn là lo. Còn VN? Anh đâu có biết gì cụ thể đâu để mà rút tỉa một cách thiết thực cho nghiệp vẽ của anh! Nhưng dù gì đi nữa, anh vẫn là tên da vàng mũi tẹt. Chất VN nó nằm trong anh. Có mất đâu?"

Chú thấy không? Vợ con... Nga rời quê năm 16 tuổi mà còn biết nói những câu "kinh khủng" như vậy thì huống hồ gì... Con tin rằng nàng xứng đáng làm cháu dâu Chú lắm!

Nguyễn Thanh Hùng

GÓP VUI

Nhận được tin mừng vào hôm chủ nhật 15.2.1987,
nhà thơ
TRẦN NGHI HOÀNG
đã làm lễ thành hôn cùng Cô
TRẦN THỊ THU VÂN
tại thành phố San Jose, Nam California, Hoa kỳ.

Toàn thể các văn hữu trong Ban Chủ biên tạp chí Văn Học cùng các văn hữu cộng tác xin góp vui cùng anh Trần Nghi Hoàng, và thân chúc anh chị Hoàng Vân trăm năm hạnh phúc.

TẠP CHÍ VĂN HỌC

Phạm Thị Ngọc

Tình truyện

Cái cảm giác ấy tựa như cảm giác của một người đói bụng mà lại ngủng nghỉnh trước mâm cơm ngon đã dọn sẵn. Thư cảm thấy như con người nàng độ này thiếu lòng ham muốn, và vì vậy nàng cũng chẳng buồn tìm hiểu tại sao nàng dường như đang dần dà thu rút lại tâm hồn. Đã lâu nay rồi, có những lúc đòi hỏi một sự phản ứng nào đó, Thư chỉ có thể nhận thấy trong lòng nàng một nỗi trống rỗng hoàn toàn, nhưng nàng lại dễ bị xúc động bởi những gì chi tiết, nhỏ nhặt. Buổi chiều cuối cùng lái xe trên con lộ quen thuộc của thành phố Thư đã sống mười mấy năm nay không mang một ý nghĩa gì đặc biệt, không chút mảy may làm xúc động lòng nàng. Chẳng có gì khác lạ cả, ngoại trừ màu nắng vàng úa buổi xế chiều đã gợi lên trong ký ức Thư những buổi chiều khác trong đời nàng, cùng một mầu nắng. Những buổi chiều Việt Nam tan trường về ngang công viên, có chuông nhà thờ ngọt ngào đổ. Những buổi chiều trong trại tị nạn Hồng Kông có giấc mơ đời sống định cư hiện về. Những buổi chiều Louisiana buồn vui đầy vơi. Thư không còn lạ gì chuyện biệt-ly, coi như đó là một cái luật của cuộc sống. Có lẽ, Thư đã thấy thấm thía rằng đời chỉ là một cơn mơ thật dài.

Buổi chiều tạm biệt tại nhà cô bạn người bản xứ trôi qua một cách thầm lặng, sự thầm lặng giống như sự thầm lặng của thành phố. Buổi chiều ấy ở nhà Liz chẳng có gì lạ hơn những buổi chiều khác Thư đến chơi nhà Liz. Ba mẹ Liz vẫn nói nhiều, thật nhiều, về một đề tài nào đó, dù đề tài đó không phải là một vấn đề. Hai người anh của Liz cũng có mặt ở đó, Patrick mất trí, Nathan hút sách, nghiện ngập. Liz vẫn lối nói chuyện hay pha trò, thoải mái trong chiếc áo ngủ dài, tay cầm lon bia, môi ngậm thuốc lá.

Liz không nhắc kỷ niệm của hai đứa những năm trung học. Hình như Liz cũng không còn muốn nhớ. Chẳng biết để làm gì, Liz đang cố gắng đưa đẩy, vì tình bạn không thể đặt mãi trên kỷ niệm của quá khứ. Họ xem vài cuộc băng video chiều hôm ấy, và Liz đã bảo Thư là biểu tượng của sự thầm lặng, kiên nhẫn vĩ đại của châu Á trong phim "The Killing Fields". Thư cười, không nói, tưởng như sự thầm lặng của nàng đã đi đến mức... thụ động. Sao Liz không nói trắng ra là Thư thụ động trong khi Liz đang cố gắng để vớt vát tình bạn? Cũng chẳng phải là Thư thầm lặng. Nhiều khi Thư rất muốn nói, nhưng chắc có lẽ những gì Thư muốn nói Liz sẽ chẳng thích nghe. Liz không thích phim "The Killing Fields", cho là quá bạo động. Loạt phim "Friday the 13th" làm Liz thích hơn. Thư muốn nói về phim "Gandhi" thì Liz đã ngủ qua mất một khúc dài. Thư không uống bia, không nhai bắp rang. Thỉnh thoảng, Liz rót đầy trà vào tách của Thư, và trong một lần như vậy, Liz đã đùa rằng người Á-đông nhỏ con vì uống trà nhiều quá, phải uống bia mới được to con như người Tây phương. Câu nói khôi hài đã làm bà mẹ Liz cười ngất. Cũng có khi đúng, Thư trả lời, người Tây phương uống bia nhiều nên phát triển về đằng mông nhiều hơn về đằng đầu. Patrick và Nathan, nhất là Nathan, không nghĩ câu trả miếng của Thư là khôi hài. Họ nhìn Thư bằng ánh mắt khó chịu, như vẫn vậy từ xưa đến giờ. Ánh mắt của một kẻ đói thuốc trông thật dữ dằn làm Thư không dám nhìn trả. Có lần Liz đã than nhà mình không khác gì một cái nhà thương điên. Nhiều lần Thư đã tự hỏi căn cứ vào đâu Liz cho là mình tỉnh.

Đến lúc về, tiễn Thư ra cửa, Liz nhắc Thư rán học giỏi. Họ tạm biệt nhau bằng một cái ôm chặt. Liz bảo một người bạn tốt như Thư rất hiếm trên đời này, và hứa sẽ giữ tình bạn vững bền mãi mãi. Thư cười, viết xuống cho Liz, số điện thoại của một đứa bạn ở thành phố xa Liz sẽ đến. Lúc ấy, Liz đã ngà ngà say.

Thư không hiểu tại sao nàng không thể nói với Liz những lời Liz đã nói với nàng. *"Mình sẽ là bạn của nhau mãi mãi."* Có lẽ, Thư không tin ở chữ *mãi mãi."* Lái xe trở về nhà băng qua cánh rừng thưa, sương đã xuống dầy đặc. Thư nghe rõ từng tiếng độp độp của từng con thiêu thân bay đập vào bóng đèn pha của xe, chiếu xuyên qua màn sương. *Mình sẽ là bạn của nhau mãi mãi! Anh sẽ yêu em mãi mãi!* Thư cười mỉm, đắng cay. Những lời nói ấy nghe ngây ngô vô cùng! Hình như sự kiên nhẫn đang cạn dần trong Thư, và Thư nghe như mình đang nổi giận một cách thầm lặng...

*
* *

*V*à Thư cũng không hiểu tại sao nàng cứ mãi mơ ngược về quá khứ. Có lúc Thư đã ngồi hằng giờ chỉ để nghĩ về những ngày

tháng đã qua, ngây ngất. Nghĩ đến những gì đã qua đi không trở lại, có những kỷ niệm đã làm Thư hối tiếc rằng chuyện đã xảy đến như thế, tại sao nàng đã hành động như thế này, mà không như thế kia. Cũng như nhớ về Việt Nam để rồi tiếc ngày xưa đã không trốn học nhiều hơn. Và cũng như một ngày mai kia khi cầm tờ phiếu điểm trên tay, Thư sẽ lại hối rằng hôm nay nàng đã không chăm chỉ nghe giảng trong lớp. Những đêm khuya học bài mà bỗng nhớ nhà đến chới với, Thư đã tiếc ngày ấy không chịu nhìn thành phố cũ lần cuối cùng mà lại nhắm mắt cố dỗ giấc ngủ gần suốt một lộ trình trên chiếc Greyhound lăn bánh lúc trời chưa sáng. Thư biết từ lúc bước ra khỏi nhà để bắt đầu những năm học xa là đã đến lúc nàng phải buông thả một mảnh đời không thể theo nàng vĩnh viễn. Có những buổi sáng sớm bước vào lớp học nuốt xuống nghẹn ngào, nhớ đến những đứa bạn có gia đình kẹt lại ở quê hương. Chắc họ đã và đang có những đêm dài mất ngủ.

Bạn bè, những khuôn mặt cũ mới giới thiệu Thư với thành phố mới. Những xa lộ rộng thênh thang ngày ngày muôn vạn người và xe đua nhau lao thẳng về một chiều. Những giảng đường đông đúc sinh viên, có giáo sư quần áo chỉnh tề khoe lợi tức sáu-mươi-ngàn-một-năm và những kỳ cuối tuần thư thả trên sân golf. Những buổi sáng hối hả kẹt xe cả giờ đồng hồ trên freeway, những buổi trưa vội vàng cho kịp giờ ăn, những buổi tối về giam mình làm clerk cho một cái chợ nào đó. Ở thành phố mới, ngày tháng cứ theo nhau vùn vụt qua đi.

Trong những ngày đầu xa cách, sự liên lạc giữa Thư và Liz vẫn đều đặn. Liz khoe đã mua xe mới, loại xe đua của Nhật. Đã từ lâu rồi, Liz hằng ước ao một chiếc xe mới và thời cơ đã tới cho Liz viện lý do chính đáng dốc tiền tiết kiệm ra để đặc cọc cho chiếc xe. Nathan đã đâm xe của em gái vào vách tường một siêu thị gần nhà khi hấn vào đấy để mua bia và chơi máy video games. Cái xe thì nát, nhưng Nathan bằng an vô sự. Đối với Liz, cả hai đều là tin buồn. Có thể nói Liz hận anh mình, nhiều lúc rủa anh không tiếc lời, y như những lúc Liz rủa thằng bồ cũ thuở trung học. Mua chiếc xe mới tinh đắt tiền ấy có nghĩa là Liz sẽ phải tối mắt vừa học vừa làm thêm giờ để trả nợ xe hằng tháng. Thư thấy lúc này Liz có vẻ tự tin nhất, và nàng mừng. Liz thường than rằng mình thua kém bạn bè về chuyện học. Bạn bè ngày xưa đều đã ra trường hết cả, đứa nào cũng sắp sửa có bằng cấp này kia, trong khi Liz mới bắt đầu đại học. Ý nghĩ đó không bao giờ nảy lên trong Thư, mà Thư chỉ nhớ lại Liz đã nói như thế nhân dịp Liz khoe đã mua xe. Liz tự thưởng mình bằng chiếc xe mới. Trong mấy năm qua, Liz cũng khó nhọc với việc làm của mình, và nếu không có bằng đại học thì cũng có một chiếc xe mới, và những kinh nghiệm đời.

Thư nhớ một lần khi nàng rủ Liz đi chơi xa. Liz đã ngại ngùng nhìn chiếc xe cũ của Thư rồi khéo léo từ chối.

Và Thư cũng đã kể cho Liz biết về con F thê thảm của nàng trong kỳ thi Sinh-hóa đầu khóa. Trong lá thư, Thư chỉ nói có thế, tránh kể lể dài dòng cảm tưởng về con F đầu. Biết đâu Liz sẽ lấy làm mừng. Lâu nay Liz thường hay có vẻ nhàn nhạt mỗi lần câu chuyện giữa đôi bạn vô tình đưa đến vấn đề học hành. Liz không muốn vui cười nữa mỗi lần Thư nhắc lại kỷ niệm ngày xưa Liz bày đủ mọi cách để copy bài thi của Thư trong lớp Vật-lý hồi còn học chung ở trung học.

Rồi Thư cũng nhớ về một lần nọ khi nàng đã đưa cho Liz những câu trả lời trật lất vì đã quá bực mình bởi Liz bắt đầu biến trò copy thành một thói quen.

Tâm sự lòng thòng sẽ chẳng thay đổi được gì. Thư biết chẳng có gì có thể làm nàng quên được ngày đi lấy kết quả bài thi Sinh-hóa. Tay Thư đã run rẩy, đổ mồ hôi khi xem tập thi của nàng đã được trả lại. Một chữ X đỏ to bằng cả trang giấy đập vào mắt Thư, cùng với những giòng chữ phê bình của vị giáo sư hết kiên nhẫn đọc những câu trả lời ngu xuẩn. Đứa bạn mới quen đứng bên cạnh tò mò hỏi:

— "Thư thi khá không?"

Thư bật cười dòn, coi như sự thi trượt, hay bị F là một điều dĩ nhiên, sớm muộn gì rồi cũng đến.

— "Thư có con F... cao. Còn Hương?" Thư trả lời, không giấu diếm.

— "Còn hai điểm nữa là tôi được B". Hương nói mạnh dạn, và dường như có vẻ khó chịu vì Thư đã cười. "Thư có muốn khóc thì khóc đi, đừng cố cười gượng làm gì".

Thư nhìn thẳng vào mắt đứa con gái. Hương có ánh mắt thiếu sự tinh anh. Thư làm như không nghe thấy câu nói vừa rồi.

— "Kỳ thi tới là ngày nào nhỉ?" Thư hỏi.

— "Không biết nữa, nhưng tôi đoán cách độ ba tuần nữa là đến test thứ hai. Test này là test dễ nhất khóa đó Thư".

Thư mỉm cười. Nàng không cần một sự vỗ về an ủi. Như thế, nàng sẽ không phải đổ tại một cách thừa thãi y như sự an ủi thừa thãi. Bạn bè trông chờ Thư phàn nàn giáo sư cho đề quá khó. Trái lại, Thư đã cười như không có chuyện gì xảy ra, cho dù những đứa bạn cùng lớp nghĩ rằng cái cười của Thư sẽ không giúp nàng đi xa trong khóa học. Thư cố bám víu vào nụ cười, vì một khi khóc, Thư sẽ bị cuốn trôi bởi những cảm xúc, cảm giác đắng cay đã dấy lên bên trong.

Nhưng ít nhất, tiếng cười của Thư đã đẩy nàng đến một nơi chốn riêng biệt. Thư đến nhà thờ, để cho có những giây phút dù rất

ngắn trong cuộc sống, nàng không phải cười, vì ở đó không có sự châm biếm, khôi hài. Ở đó cũng không có khóc lóc, chỉ có sự bình yên khó tả bao phủ, làm cho Thư không còn thấy cần thiết gì nữa hết. *"Hãy đến với ta, hỡi những ai khóc lóc và gánh nặng... vì chưng ách Ta thì êm ái, và gánh Ta lại nhẹ nhàng."*

Thư nhìn cây Thánh Giá bé nhỏ trên bàn thờ. Treo trên Thập-tự Thầy có thể đem lại an ủi cho tâm hồn người? Phải chăng sự an ủi không nằm trong lòng hy vọng sự khổ đau sẽ chấm dứt, mà nằm trong ơn sáng soi để nhìn thấy ý nghĩa của sự đau khổ? Tại sao đã là ách mà lại êm ái, là gánh mà lại là nhẹ nhàng?

"Những người anh em sinh viên như các con có thể làm được gì trước những đau khổ của nhân loại?" Cha Philippe đã đặt câu hỏi đó trong một bài giảng. Vị linh mục tuyên úy nhân hậu đảo mắt nhìn dúm con chiên quen thuộc ngồi quây quần thành một vòng bán nguyệt trước bàn thờ. Không có ai trả lời câu hỏi, hay đáp lại cái nhìn của Cha Philippe. Tất cả đều cúi mặt, như đang miên man nghĩ về những gì họ đã làm, đang làm, hay sẽ làm trước. *"Những đau khổ của nhân loại."* Họ có thể hy sinh cả một lý tưởng, họ có thể hy sinh cả một đời để đấu tranh, để phụng sự. "Thưa Cha", Thư thầm nghĩ, "phận con sẽ không làm được gì đáng kể. Con còn không thi qua nổi một đề thi dễ nhất."

Tiếng Cha Philippe trả lời chậm rãi: *"Điều cần nhất các con nên làm là phải tỉnh thức trước những khổ đau, trước những biến chuyển của thế giới, và phải năng cầu nguyện."*

Hôm ấy trời mưa tầm tã. Chắc Cha Philippe nghe tiếng mưa mà chạnh thương những người không mái nhà che. Và Thư lại nghe mình nói với Cha Philippe trong im lặng. Còn con hay nhìn đêm xuống để thấy trở về những hình ảnh của người mẹ già ngồi khóc đứa con đã mất theo chiến tranh; của anh sinh viên vì thời thế, hoàn cảnh, đã phải bỏ trường trở về chen lấn với cuộc đời để nuôi đàn em vắng bố; của người chị, vì sự trắng tay của gia đình, đa đứng bên trong vòng hàng rào của trại tỵ nạn, chìa tay xin tiếp tế của người bản xứ qua đường mà chảy nước mắt. Thưa Cha, đó là một ít sự đau khổ âm thầm trong lòng người mà con đã biết, dù không đáng kể gì so với sự khổ đau của nhân loại. Con chỉ còn có thể cầu xin cho cửa thiên đàng đừng khép kín trước những linh hồn của những kẻ mà thế gian này, cuộc đời này hất hủi.

Sau Thánh lễ thường có một người nán lại để dọn bàn thờ. Thư hay đứng lại giây lát để nhìn hai làn khói bay lên từ hai ngọn nến đã được thổi tắt. Nàng liên tưởng đến những làn khói bay từ lễ vật toàn thiêu của hai anh em Cain và Abel trong sách Cựu Ước. Chúa không nhận của lễ của Cain, khiến cho khói bay tạt xuống đất. Chúa thương nhận lễ tế của Abel, khiến cho khói bay về trời!

Ý nghĩ đó nhiều lúc làm Thư buồn cười, thầm nghĩ mình đòi hỏi, đợi chờ dấu hiệu gì đây? Dấu hiệu gì đi nữa thì cũng vẫn phải... học. Và Thư đã học. Học để kỳ tới thi cho được. Học cũng để quên đi những lầm lỡ, thiếu sót chưa hàn gắn được, chưa đền trả được. Nhưng Thư chưa biết mình sẽ làm gì với cái học của mình. Ngày xưa, Thư định học xong thì sẽ xông pha vào các trại tỵ nạn ở Á Châu, hay muốn nhiều thách đố hơn thì sẽ xin đi Phi-châu cứu đói. Tuổi mới bước vào đời ôi sao mà hăng say, đầy đam mê, đầy sức sống, đầy mộng ước cao cả. Thư nhớ về quãng đời đó như một người nhìn bộ y phục tuyệt đẹp, nhưng đã lỗi thời, để nhớ về mình trong một dịp vui nào trong thuở xa xưa đã khoác. Nhưng Thư vẫn phải học. Học ngày học đêm, quên cả giờ giấc. Ban đêm học, rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết, lúc mơ vẫn thấy học. Ban ngày đi ngoài đường cũng cắm đầu cúi mặt để cố ôn lại những gì đã học.

Đến khi ngẩng lên Thư mới thấy mùa thu đã thật sự trở về. Chung quanh, cây lá đã thay màu. Trong những vòm cây lá vàng, ẩn ẩn hiện hiện màu đỏ tía của đàn chim cardinals, và màu xanh biếc của đàn blue jays, ríu rít.

Ngày vào phòng thi Sinh-hóa, Thư không còn thấy lo. Lo quá đâm ra hết lo. Nhìn quanh, mấy đứa bạn vẫn cắm đầu vào vở, còn Thư chỉ đem theo vỏn vẹn có cây bút và cục tẩy. Thư có thói quen hay hát trước khi thi, làm đứa bạn ngẩng lên nhìn:

— "Thư trông tự tin và buông thả quá hé?" Hương hỏi.

— "Thư... buông thả thì đúng hơn." Thư cười, dù đã hiểu ý "buông thả" của Hương là theo chữ *"relaxed"*.

— "Để coi thi xong lần này Thư còn *'Đời Thông Hai Mộ'* nữa hết."

Thư không hiểu tại sao Hương hay bực bội vì Thư hay cười thay vì tỏ ra lo lắng.

— "Nghe nói Dr. Williams cho test khó lắm đó!" Kim, một đứa bạn khác nói vào. "Thư liệu có làm đủ điểm để kéo điểm lần trước lên không?"

— "Nếu lần này không đủ, lần tới sẽ đủ."

Khi ông Williams bước vào lớp và bắt đầu phát test, Thư quay qua những đứa bạn gần đó chúc *"good luck"* để rồi lại vô tình gây khó chịu cho Hương.

Hương gấp vở, nói rõ từng tiếng: "Không có cái gì là *luck* hết. Một là biết, hai là không biết. Vậy thôi."

Thời gian chờ đợi kết quả trôi qua thật chậm. Một tuần sau, ông Williams trả test đã được chấm. Đúng như Kim đã nói, đề thi của ông Williams khó, ai ai trong lớp cũng than. Hôm trả bài về, điểm trung bình của lớp thấp hơn lần trước. Điểm cao nhất chỉ có chín mươi mốt điểm trên một trăm.

Thư cầm test trong tay, nhìn số điểm của mình ghi ở góc trang đầu. Nàng cảm thấy toàn thân nóng ran, và đôi tay bắt đầu run. Thư lật xem những trang kế tiếp, và khi không còn thắc mắc gì nữa, Thư nhìn đến mấy đứa bạn.

Ngồi cách Thư vài bàn, Lê nói như reo, nét mặt đầy vẻ vui mừng.

— "Trời ơi! Lê được con B! Tám mươi chín điểm!"

— "Hay quá vậy?" Kim lên tiếng khen. "Mừng cho Lê đấy nhé. Kim chỉ được C."

— "Vậy là tốt cho Lê quá rồi", Hương cũng nói xen vào. Quay qua Thư, Hương hỏi: "Còn Thư, thi được không Thư?"

— "Cũng được," Thư gật gù. Nàng không nhìn Hương, mỉm cười với Lê như để chia vui. "Khá hơn lần trước, Hương ạ".

Lê hỏi gặng: "Cũng được là bao nhiêu điểm, Thư?"

Thư không ngờ Lê có thể hỏi câu đó. Nhưng không sao, đôi khi Thư thích những câu hỏi sống sượng.

— "Thư được A. Chín mươi mốt điểm." Thư trả lời, chỉ vào điểm của mình và chữ "excellent" thật to ông Williams đã viết trên trang giấy.

Kim trợn to mắt: "Điểm cao nhất lớp hả, Thư?"

Hương cũng gượng hỏi: "Học cách nào hay vậy?"

Còn Lê không nói gì cả.

Thư cười, với mình. Nàng đã không làm được điểm cao hơn mức tối thiểu để kéo điểm F lần trước lên mức trung bình là C. Không nghe thấy Hương nhắc đến điểm của mình lần này. Thư định hỏi cho vui, nhưng nghĩ lại, nàng thấy không cần thiết nên thôi.

Thư biết đến lâu lắm nàng mới lại có thể làm được A như vậy. Có lẽ đến khi nào Thư lại bị F. Nàng chỉ cố gắng đủ để đáp lại đòi hỏi tối thiểu của ngành học, và của nhiều khía cạnh khác trong đời sống.

Hương đã nói thẳng là Thư chỉ biết *"nhìn xuống"*, nhưng rồi Hương cũng đòi học chung với Thư. Thư nhận lời. Hương mượn notes, Thư cho mượn notes. Hương không có sách, Thư cho mượn sách của nàng đã gạch đít sẵn những chỗ cần phải học. Ngày thi môn Bệnh Lý Học đã gần kề, Thư đã bằng lòng cho Hương ngủ lại nhà mình để thức khuya, học đêm. Hương than bài khó, than thầy giảng bài không rành mạch. Hương sợ không qua nổi kỳ thi tới, sợ không qua nổi Bệnh Lý Học khóa này. Thư khuyên Hương đừng nên nghĩ về những chuyện chưa đến để thêm lo. Hương cần phải có một sự chú tâm tuyệt đối.

Hương cũng bắt đầu đeo Thánh Giá trên cổ, và kẹp các mẫu ảnh đạo trong sách vở. Điều này đã làm Thư thấy không được

thoải mái lắm.

Có Hương học chung sớm tối thì Thư cũng biết thêm được một người. Hương có vẻ là một người rất sành ăn chơi, rất biết hưởng thụ. Hương dễ cười, nhưng cũng rất dễ khóc. Có một tối Hương đã khóc khi kể lại kỳ vượt biên và thời gian cùng cực trong trại tỵ nạn Mã Lai. Nào là ngày đó chỉ có vỏn vẹn hai bộ đồ để thay đổi suốt mấy tháng trời khi thuyền chưa được cặp bến, một con thuyền chật chội, hôi hám. Nào là đói khát, thèm thuồng. Nào là đã chứng kiến cảnh lính Mã Lai cưỡng ép gái Việt. Thư không nhớ Hương đã xúc động như thế nào, ngoại trừ ý chính của những lời Hương nói, và hai hàng nước mắt Hương lăn dài. Nhưng Thư đã không khóc, cũng chẳng thấy xúc động. Nàng thông cảm Hương, nhưng còn có rất nhiều người khác đang đau khổ hơn nhiều. Đèn đã tắt nhưng giấc ngủ đêm ấy khó dỗ. Dù sao thì câu chuyện của Hương cũng đã làm Thư nhớ tới những người nữ Việt bị xúc phạm trên đường vượt biên, những người bị bắt trói thân vào cái nghiệp nhục nhã trong các chốn mua vui đất Thái. Họ có còn khóc được không, và có còn nghĩ tới một tương lai nào nữa không?!

Lần đó Hương khóc Thư đã yên lặng. Ngày vào thi Bệnh Lý Học, Thư cũng chẳng biết nói gì hơn với Hương. Trước mặt Thư, Hương đã lúng túng, nói dối một cách vụng về để che đậy cho một lần cố tình lừa dối bạn.

— "Sách Bệnh Lý của Thư đâu, Hương?"

— "Sách Bệnh Lý hả? Bộ tôi giữ của Thư sao?"

— "Trưa hôm qua Hương mượn, nhớ không? Trước khi Thư đi lễ. Hương hẹn sẽ trả lại cho Thư ở thư viện. Rồi Hương không đến thư viện."

— "Chết chưa! Tôi để quên trong lớp rồi. Để rồi tôi sẽ đi tìm ở chỗ *Lost and Found* cho Thư."

— "Trường có chỗ *Lost and Found* sao Hương?"

— "Có chứ. Ồ mà tôi nhớ ra rồi. Hình như tôi thấy có một đứa trong lớp giữ giùm. Để rồi tôi sẽ đến nhà nó đòi sách lại cho Thư."

— "Ai vậy? Thư đòi cũng được."

— "Hôm nay nó không vào lớp."

— "Hôm nay thi rồi mà. Chẳng lẽ nó của Hương không đi thi sao?"

— "Tôi... không biết nữa. Xin lỗi Thư nhiều nhe, Thư. Tối hôm qua chắc Thư không có sách để học. Sao không điện thoại cho tôi ngay?

Thư không trả lời. Không biết Hương sẽ xử trí thế nào nếu khóa học này Hương rớt hết các môn học. Câu hỏi này cũng dễ trả lời, Thư nghĩ. Hương sẽ bỏ học, về lấy chồng. Lấy chồng vì không học nổi nữa.

Sao lần đó Thư thôi thắc mắc về sự học của Hương. Cũng tại vì kỳ thi finals đã cận kề, không còn thì giờ để thắc mắc nữa. Mùa Lễ Tạ Ơn đã đến, mùa của sự xum họp gia đình, và cũng là mùa học thi cho tuần finals bắt đầu ngay sau kỳ nghỉ. Lễ về, nhưng Thư không thể về nhà. Ở lại trường, nhìn cảnh vắng vẻ của trường trong mấy ngày nghỉ lễ để chỉ muốn tóm tắt đời vào hai chữ hợp tan. Thư đi lễ ở nhà nguyện trường. Cha Philippe vẫn làm lễ dù những ngày nghỉ chỉ có lưa thưa vài người đến xem lễ.

Cha Philippe thường hay có mặt tại nhà nguyện trước mọi người. Mỗi lần đến, Thư thường hay thấy Cha dọn bàn thờ, lau chùi Chén Thánh, hay kéo một bản Thánh Ca nào đó trên chiếc violin. Không có lần nào Thư thấy Cha mà Cha không huýt sáo. Khi có người bước vào nhà nguyện, Cha Philippe sẽ thôi huýt sáo và bắt đầu những âu chuyện nhỏ như thời tiết, học hành, sinh hoạt. Ít có lần nào nói chuyện về thời tiết mà Cha không tạ ơn Chúa. Nếu là ngày nắng, Cha tạ ơn Chúa đã ban cho một ngày đẹp. Nếu là ngày mưa, Cha tạ ơn Chúa đã ban mưa xuống cho sự cấy cầy của nông dân. Cha Philippe có một nét tầm thường, một nét giản dị chỉ có thể đạt được bằng sự hiểu biết và khôn ngoan sâu xa. Hôm Thư vào nhà nguyện, chưa có ai ở đó ngoại trừ Cha Philippe, Cha Philippe nhìn trời mưa bên ngoài, nhớ về những trận tuyết rơi trên Wisconsin. Đó là quê quán của Cha. Wisconsin có Milwaukee nổi tiếng với nhân vật *The Fonz* trong tiết mục *Happy Days*. Milwaukee, Wisconsin trong thập niên 50 người ta đã an hưởng những *happy days* như vậy. Nhưng Milwaukee trong thập niên 50 đã có Cha Philippe, bấy giờ hãy còn là một sinh viên trẻ, ngồi trong giảng đường đếm mặt đếm tên của những bạn hữu Cha đang ngã gục trên chiến trường Đại Hàn. Thư đã thấy một chút long lanh nào đó trong mắt Cha.

Lễ Tạ Ơn đến, bạn bè rủ Thư đi chơi phố, đi ăn tiệm, đi chơi thả dàn một ngày trước khi bước vào thời kỳ finals. Nhưng trời đã mưa cả ngày *Thanksgiving* nên buổi sáng họ chỉ quanh quẩn ở những khu *shopping malls,* và chiều tối kéo nhau về một quán ăn Việt Nam đông khách nhất. Nói nói cười cười, họ bàn tán về những món hàng mới mua, về những tấm *paycheck* sắp lãnh, về một ban nhạc trẻ nổi tiếng sắp về trình diễn. Đời sống cứ trôi qua một cách vô tình, vô tình với những kẻ bất hạnh, vô tình với cả những kẻ được coi là có phước. Có nhiều lúc Thư thật tình không muốn nghĩ ngợi gì hết. Ngồi cùng bàn đó, nhưng ánh mắt Thư nhiều lần thất lạc những khuôn mặt bạn bè, nhìn lảng khắp nơi để chỉ nhìn vào một khoảng trống không.

Đến khi có đứa bạn đập vào vai chỉ, Thư mới quay lại, nhìn thấy anh ta đã đứng bên lúc nào không hay. Anh bạn của mấy năm

về trước đang đứng đó để tất cả một dĩ vãng lại trở về trong ký ức Thư. Họ trao đổi lời chào hỏi. Vẫn giọng nói, nụ cười, ánh mắt ngày xưa. Chẳng có gì thay đổi, Thư nhận thấy như vậy, nhưng tim Thư, trong thoáng giây ngắn ngủi, đã tìm lại nhịp đập vội vã ngay nào. Thư giấu đôi tay run dưới mặt bàn. Họ lẩn tránh, không nhìn thẳng vào mắt nhau lâu. Rồi bỗng anh hỏi một câu rất quen thuộc: "Thư có vui không Thư, đi học trường mới có vui không Thư". Thư cười, "Vui chứ, đâu có gì đâu mà buồn." Có tiếng gọi tên anh ở từ một bàn nào đó. Thư đưa mắt nhìn. Anh chào Thư từ biệt rồi quay lưng đi về hướng có một bọn trai gái đang vẫy gọi. Anh quay lưng đi như đã quay lưng với tất cả những gì trên đời anh không gánh vác nổi. Anh quay lưng, đi tìm những cuộc vui trước mắt, để quên đi những giấc mơ tàn, để làm ngơ trước một cuộc đời anh cho là phũ phàng, tàn nhẫn. Thư đi học trường mới có vui không Thư. Câu hỏi làm Thư muốn bật cười thật lớn. *"... Nơi em về ngày vui không em?! Nơi em về trời xanh không em?! Ta nghe nghìn giọt lệ, rớt xuống thành hồ nước long lanh."*

Lúc tụi bạn đưa Thư về trời vẫn mưa lất phất. Mưa phùn gió lạnh làm cho người ta thấy tê tái. Thư bước vội xuống xe, biết lũ bạn đang muốn về nhà càng sớm càng tốt mặc dù lúc ấy cũng không còn được sớm lắm. Nàng nhanh chân đi về phía *apartments* của đại học. Từ vài ba khung cửa sổ, có tí ánh đèn hắt ra, đem lại tí ánh sáng cho dãy hành lang tăm tối. Văng vẳng đâu đó có tiếng nhạc Tàu theo cung điệu của một bản nhạc Mỹ đã được chuyển ngữ. Ở sát phòng Thư, tiếng chuông điện thoại reo dai dẳng đến cả trăm hồi, vọng ra lanh lảnh từ phòng cô sinh viên người Columbia. Thư mở cửa phòng, bước vào, thầm trách người nào gọi điện thoại vô ý thức. Bóng tối bên trong mờ ảo, chỉ có ánh sáng của đèn đường chiếu qua cửa sổ, và trong đêm mưa, có thêm chút ánh sáng tạm bợ của những làn chớp lâu lâu lóe xẹt ngang trời. Thư thay quần áo, đi ngủ sớm hơn mọi ngày. Đầu óc nhớ về gia đình ở xa, thầm tính giờ này chắc mọi người đã yên giấc cả. Nàng bỗng thèm nghe những tiếng cựa mình, tiếng thở đều đều quen thuộc.

Làn chớp loé lên trong khoảnh khắc chiếu lên Thánh Giá trên tường một thứ ánh sáng mập mờ, ngắn ngủi. Thánh Giá nhắc nhở cuộc khổ hình của Chúa hai ngàn năm trước. Có gì nhắc nhở sự quằn quại của Mình Thánh Chúa Kitô rất thật rất gần trong thế giới hiện tại? Những sự đau khổ khó được nhận biết vì không phải là sự đau đớn trên thập giá chăng? Thư nhắm mắt. "Tại sao Thư cứ bắt đầu óc vướng vất những ý nghĩ cầu kỳ?" Trong sự tĩnh mịch của đêm mưa và của gian phòng, Thư bỗng thấy cần có một sự hiện diện nào khác ngoài sự hiện diện đơn độc của nàng. Nàng cần nghe một tiếng nói để giúp nàng gạt đi những kỷ niệm những ước muốn

từ lâu bị đè nén mà lúc này đang trỗi lên bên trong. Hình ảnh anh bạn cũ lại hiện về, chập chùng. Những mẩu chuyện vui, những nụ cười không vướng ưu tư, những lần đưa đón nhau trước cửa lớp, những buổi ăn trưa vào lúc xế chiều, hình ảnh nắm lấy tay nhau lần cuối trong một ngày mưa. Thư thấy mình nghẹn lời, chỉ có dòng nước mắt lăn dài, xóa nhòa hết mọi hình ảnh. Nước mắt lạnh chảy dài xuống thái dương làm Thư choàng tỉnh. Nàng quệt vội mắt, nhìn chiếc đồng hồ điện-tử ở đầu giường. Đêm dài chỉ mới bước vào khúc tăm tối nhất. Thư cố lấy lại nhịp thở đều hòa. Tất cả chỉ là một giấc mơ. Trong giấc ngủ, người ta thường không kiểm soát được cảm giác. Những kỷ niệm xưa để nhớ là những kỷ niệm phải quên.

Ở phòng bên cạnh có tiếng chuông điện thoại reo lên rồi đứt ngang. Có người đã trả lời. Thoáng sau, cửa phòng Thư có tiếng gõ, rồi tiếng cô bạn ngoại quốc ở bên ngoài vọng vào:

— "Điện thoại của mày, Thư."

Thư vội vàng nhổm dậy khỏi giường để tránh cho cô bạn khỏi chờ đợi lâu hơn. Nàng mở cửa. Mặt mũi Donna đầy vẻ ngái ngủ.

— "Ai vậy?"

— "Làm sao tao biết được. Giọng con gái."

Thư qua phòng Donna, cầm điện thoại lên trả lời.

— "Hello."

— "Thư hả?" Giọng Liz.

— "Liz? Chuyện gì vậy?"

Liz cười khúc khích, lối cười say nhòe làm Thư thấy khó chịu.

— "Nathan..." Liz nói một tiếng rồi im, rồi lại cười.

— "Nathan làm sao?" Thư hỏi gay gắt. Nàng đã quen lắm với những lần Liz say. Nhưng lần này đêm khuya lắm rồi, và nhất là trong lúc này Thư không được vui lắm.

— "Nathan... ghét tao, Thư ơi!"

— "Liz, nếu không có chuyện gì quan trọng, để mai tao gọi lại cho mày."

— "Mày về đi Thư... Tao hứa sẽ không copy bài của mày như trước nữa..."

— "Liz, mày đi ngủ đi."

— "Mày đừng ghét tao, Thư ơi!"

— "Tao đâu có ghét mày, Liz. Mình là bạn của nhau mãi mãi, nhớ không?

Ở gần đó, có tiếng Donna trở mình, làu bàu bực bội. Thư cũng không muốn nói lâu hơn nữa. Chính nàng cũng thấy khó chịu.

— "Liz, mày đi ngủ đi. Mai tao sẽ gọi lại."

Có tiếng Liz muốn nói thêm gì đó, nhưng Thư không muốn

nghe. Nàng cúp ngang điện thoại.

Thư trở về phòng. Dưới tấm chăn, mặt nệm hãy còn ấm. Thư nằm xuống, nhắm mắt. Nàng biết nàng sẽ không gọi Liz ngày mai, hay cả những ngày sắp đến.

*
* *

*B*ây giờ thì trời đã lập đông.

Trong nghĩa trang Đức Mẹ Sầu Bi, màu cỏ xanh mướt ngày nào chỉ còn lại một màu xanh phai úa, khô khan. Là chốn đồng không mông quạnh, nghĩa trang tự nó đã mang một vẻ lạnh lẽo, nên khi gió đông thổi về, vẻ lạnh càng thêm lạnh, âm u càng thêm âm u. Thư đứng lặng yên, cúi mặt, trong khi Liz bận bịu thay những chậu hoa cũ bằng những chậu hoa tươi hai người mới đem đến trước tấm bia khắc tên Nathan David McBride. Nathan đã tự sát bằng súng tối hôm Thanksgiving. Hai mươi lăm tuổi. Một chiếc lá xanh đã vội lìa cành.

— "Tao thật tình không hiểu tại sao Nathan tự hủy mình như vậy. Tao đã cố nghĩ xem Nathan đã có những hành động gì báo hiệu trước cái chết của anh mà cũng không nhớ ra được gì. Lỗi có phải ở tao không, Thư?"

— "Dĩ nhiên là không, Liz."

Liz ngồi bệt xuống trên mặt đất, trước mộ anh mình, tay lau nước mắt.

Thư vẫn đứng cúi mặt, cắn chặt môi. Lẫn lộn trong lòng Thư là tình thương bạn, lòng hối hận, ăn năn. Thư đã gạt bỏ bạn trong lúc bạn cần mình nhất. Làm cách nào để lấy lại những gì nàng đã nói, đã làm đêm Thanksgiving Liz gọi?

— "Liz, tao xin lỗi mày..." Giọng Thư thật nhỏ.

— "Đừng nhắc nữa, Thư. Mày đâu có thể nào biết chuyện đã xảy ra. Vả lại, đêm đó tao cũng say quá, không chịu nói ngay."

Trên một ngọn đồi nhỏ đàng xa, có tượng Chịu Nạn sơn trắng thật to cắm giữa đỉnh đồi.

"... Vì chưng ách Ta thì êm ái, và gánh Ta lại nhẹ nhàng."

Dường như Thư đã hiểu thế nào là ách êm ái. Một đứa trẻ khi phụ giúp mẹ rửa bát lần đầu đã lấy làm thích thú với công việc, nhưng khi công việc rửa bát đó trở thành phận sự mỗi ngày thì nó không còn là một cái thú. Phải chăng ách êm ái là sự chấp nhận những khó khăn, những bổn phận bằng một tâm hồn vui vẻ và hăng hái? Nhưng Chúa ơi, Liz là bạn của Thư!

— "Khóa vừa rồi mày học qua hết không, Thư?"

— "Qua hết. Chỉ trung bình thôi. Còn mày?"

— "Tao bỏ hết rồi, bỏ hồi giữa khóa. Lúc đó tao có nhiều chuyện để lo quá, học không vô."

Thư không dám hỏi tại sao Liz không nói cho nàng biết về những cái lo ấy.

— "Tao thành thật chúc mày thành công trong những dự định tương lai của mày, Thư ạ. Mày định ra trường rồi sẽ làm gì nhỉ? Về trại tỵ nạn Á-châu, phải không?"

Câu hỏi của Liz có pha một chút mỉa mai.

— "Không, Liz. Bây giờ hãy còn quá sớm để nói tao sẽ làm gì. Và mày không phải nói, tao biết tao có nhiều chỗ yếu, nhiều lỗi lầm. Tao cũng không còn được tự tin như trước nữa."

Giọng Liz trở nên thật xa vắng:

— "Tao thì tin rằng mày sẽ thành công. Nhưng có nhiều khi mày hay nhìn xa quá mà không thấy những sự ngay trước mắt."

Có lẽ Liz nói đúng, Thư nghĩ. Nàng đã nhìn Thánh Giá ở đồi xa, mà không thấy Liz đang ngồi khóc ngay bên cạnh mình.

Và Thư cũng hiểu ý Liz. Những giấc mơ đạp đất vá trời xưa kia, hay những thắc mắc bâng khuâng bây giờ của Thư có lẽ cũng chỉ là những đam mê. Nhưng không phải chỉ có riêng Thư với những gì gọi là đam mê của nàng, mà có lẽ ai ai cũng thế. Có nhiều lúc, vì những cảm giác riêng tư, người ta thường quay lưng trước sự đau khổ của kẻ khác, dù là một người thân.

Liz đứng lên, sửa soạn đi về.

Chiều đã xuống dần trên khung trời tĩnh mịch này. Ở xa xa, những mái nhà thâm thấp có từng làn khói mờ bốc lên từ những ống khói gạch. Thư ngẩn ngơ nhìn những làn khói nhớ về một thuở nào có những làn khói nào bốc lên sau những rặng chuối xanh. Thư dụi mắt. Nàng chỉ có vài kỷ niệm nhỏ, vài cảm giác nhỏ mà chẳng bao giờ có thể làm được gì cả. Một cuộc sống bình dị à? Những buổi chiều Chủ Nhật theo dõi football trên tivi, những buổi chiều ngồi nhìn mặt trời lặn, ngồi ngắm chim trời bay. Nhưng Thư biết dù có ở trong một căn nhà ấm cúng, tựa như căn nhà có ống khói gạch nhả những làn khói mơ hồ kia, tâm hồn nàng vẫn chẳng được yên nghỉ, vẫn nhìn ra đường mỗi buổi chiều mà thương những ai hãy còn đi trong bão táp trên khắp nẻo cuộc đời. *"Tại sao Thư cứ bắt đầu óc vướng vất những ý nghĩ cầu kỳ?"* Chắc tại tình thương giữa người và người sống chung trong một thế giới. Đời sống không chỉ có một mình Thư. Và trong khi chưa làm được gì cả, trong khi đã có những lỗi lầm, thiếu sót, ít ra Thư phải thành thật mà thú với đời rằng: thật ra cuộc đời nàng chẳng có bao giờ trống rỗng.

Phạm Thị Ngọc
12/1986

Phạm Duy

Nhạc tình Thời Kỳ Phát Triển (kỳ 2)

*V*ào khoảng hai ba năm trước ngày Cách Mạng Mùa Thu Tháng Tám 1945, trong một khoảnh đời hãy còn đầy *mộng bình thường*.... nhạc tình trong Tân Nhạc Việt Nam đã tạm bỏ quên việc xưng tụng thiên nhiên để chú ý tới đối tượng thực sự của tình yêu lúc bấy giờ là những **cô gái Việt Nam.** Người con trai trong Nhạc Tình chỉ là một cái bóng mờ, thường thường là khốn khổ lắm vì tất cả những cô này cô nọ... Nếu như trước đây, chuyện tình buồn được kể ra trong Tân Nhạc còn u uất không khí GIỌT LỆ THU của bà TƯƠNG PHỐ hay thơ Pháp của Arvers, André Chenier qua những tình khúc của Lê Thương hay Đặng Thế Phong thì bây giờ nó lại... **vui** chứ không buồn da diết nữa! Chuyện nhạc sĩ Canh Thân kể cho ta nghe về một chàng trai hiên ngang vì thất tình với **Cô Hàng Cà Phê** cho nên ốm la liệt rồi tà tà đi về xứ Thiên Đường... không làm cho người nghe buồn rầu và... tự tử như đã có trường hợp người Đông Âu nào đó khi nghe bài **SOMBRE DIMANCHE** (chắc chuyện quyên sinh này được bịa đặt ra quá!) Thẩm mỹ quan đó còn kéo dài tới thập niên sau, khi bài **Cô Hàng Nước** của Vũ Huyến ra đời.

Cũng như bài hát của Canh Thân, nghĩa là phong phú và vui hơn các bản nhạc tình ngắn ngủi và rầu rĩ trước đây, bài của **Cô Hàng Nước** được chia ra nhiều đoạn. Đoạn đầu là một thứ Introduction:

Cô Hàng Nước

Vũ Huyến

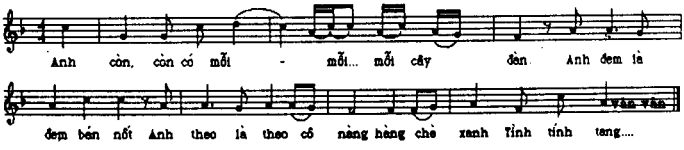

Với khúc mở đầu này, tác giả dùng điệu **Cò Lả cải tiến** để dẫn vào câu chuyện:

"... Anh còn còn có mỗi mỗi cây đàn
Anh đem là đem bán nốt
Anh theo là cô nàng hàng chè xanh
Tình tính tang
Tang tính tình
Cô hàng rằng
Cô hàng ơi
Rằng có biết, biết hay chăng?

Thì ra đó là chuyện một anh nhạc sĩ mê một cô hàng quán. Quán này không bán cà phê như cái quán ở Chợ Dầu của Canh Thân. Nó chỉ bán nước chè xanh mà thôi và nó ở ngay làng Ngũ Xã là nơi tôi đã sống những ngày niên thiếu. **Cô Hàng Nước** được mô tả với một nhạc điệu ngũ cung:

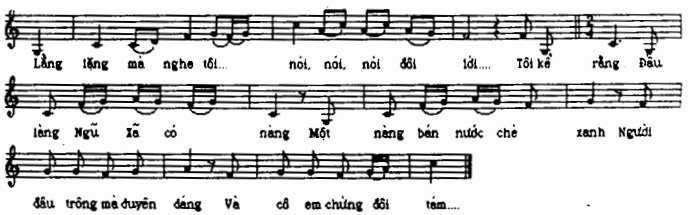

Lắng lặng mà nghe
Tôi nói, nói đôi lời...
Tôi kể rằng:
"Đầu làng Ngũ Xã có nàng
Một nàng bán nước chè xanh
Người đâu trông mà duyên dáng
Và cô em chừng đôi tám..."

Cũng như Canh Thân, Vũ Huyến dùng điệu rumba để tả thêm cái đẹp của cô hàng nước. Nào là *miệng cô như là đóa hoa thật xinh... mắt cô đưa tình... khiến bao chàng trai ngất ngây vì cô... mỗi khi đi qua hàng nước.* Anh chàng nhạc sĩ đó còn tiếp tục dùng khúc điệu rumba đó để tả *đôi mắt nhung huyền, má lúm đồng tiền, chiếc áo nâu non* khoác trên *dáng người thon thon...*

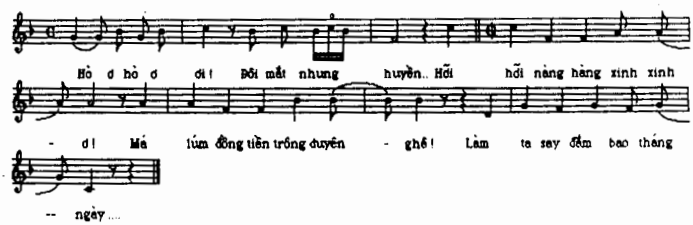

Và anh *quyết chí cùng nàng nên duyên* cho bõ những *lúc vì nàng thâu đêm* nghĩ tới nàng:

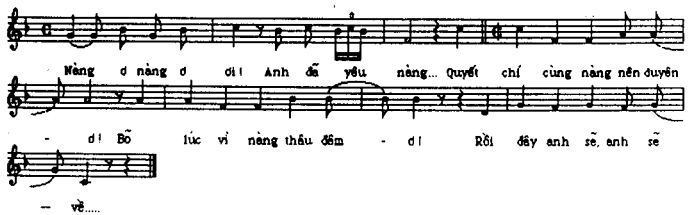

Anh sẽ về nói cùng với mẹ cha tới hỏi nàng làm vợ, và được mẹ anh nói rằng:

Quyết chí hỏi vợ cho con
Quyết chí tìm nàng dâu ngoan
Nàng dâu đôi má rám hồng...

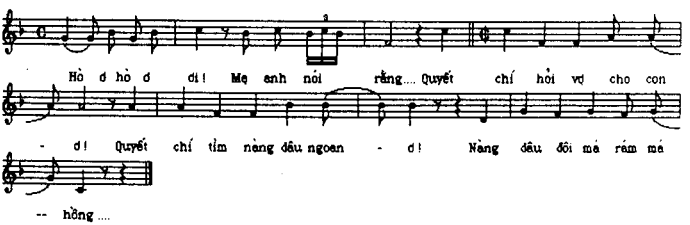

Rồi anh tưởng tượng ra cảnh đám cưới của anh và cô hàng nước, *khắp xóm cùng làng ra xem* ai cũng khen là xứng đôi vừa lứa.

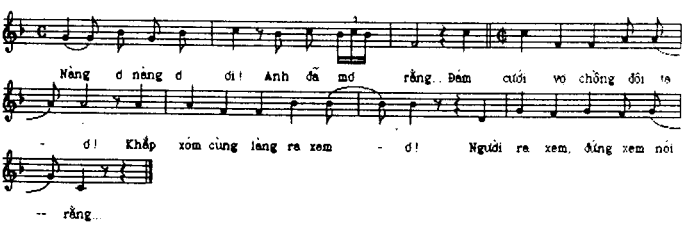

Thế nhưng — như chúng ta có thể đoán trước được — câu chuyện tình này sẽ kết liễu một cách rất buồn. Anh nhạc sĩ đã bỏ nhà ra đi (chắc đi theo gánh hát Cải Lương quá!) và khi anh trở về làng Ngũ Xã và thấy *cô em đã rời xa nơi ấy... để cho quán hàng lạnh lẽo*... thì anh không ốm la liệt và đi về xứ Thiên Đường như anh chàng hiên ngang của **Cô Hàng Cà Phê**... Nhưng nhạc sĩ thất

tình của chúng ta lại đem bán cây đàn của mình đi, để lên đường đi tìm **Cô Hàng Nước**... Cho đến giờ phút này không biết nhạc sĩ đã tìm thấy cô hàng nước trước đây ở làng Ngũ Xã chưa?

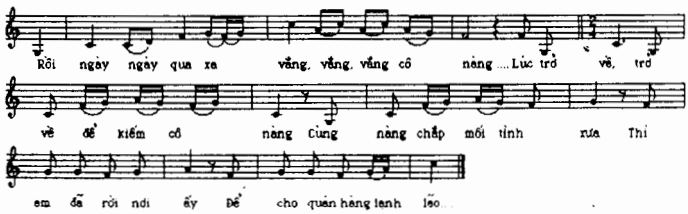

*
* *

Nếu **Cô Hàng Cà Phê** của năm 43-44 đã có **Cô Hàng Nước** của mười năm sau làm cho sống dậy thì **Cô Láng Giềng** trước đây cũng sẽ có **Cô Hàng Xóm** về sau làm cho hồi sinh.

Hoàng Quý mà ta biết và quý mến qua những bản nhạc hùng, với hình ảnh tuy ẩn hiện nhưng lẫy lừng của những Bà Trưng Bà Triệu, cũng có soạn một bài nhạc tình về hình ảnh bình thường của một cô gái Việt Nam. Có lẽ đó là bài nhạc tình duy nhất của ông chăng, bởi vì bài **Tú Uyên** mà ta thấy Hoàng Quý quảng cáo hồi đó, chưa một lần nào xuất hiện trước chúng ta. Bài nhạc tình độc nhất của Hoàng Quý là để nói tới **Cô Láng Giềng**, một nhân vật cùng thời với những **Cô Hái Mơ, Cô Hái Hoa, Cô Lái Đò, Cô Hàng Cà Phê**... trong Tân Nhạc.

Cô Láng Giềng

Hoàng Quý

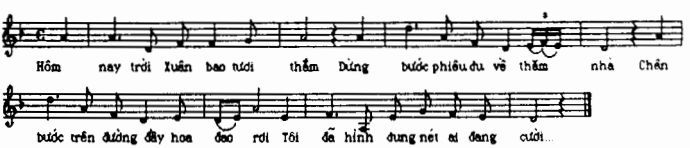

Hình ảnh người con trai trong bản nhạc vẫn còn là con người phiêu lãng:

... Hôm nay trời Xuân bao tươi thắm
Dừng gót phiêu du về thăm nhà...

Trên đường đầy cánh hoa đào đang rơi lả tả, Hoàng Quý hình dung ra nét mặt đang cười của cô láng giềng và tự hỏi:

Cô láng giềng ơi!
Không biết cô còn nhớ tới tôi?

Giây phút êm đềm ngày xưa ấy
Khi còn ngây thơ...

Tuy cách xa phương trời, nhưng Hoàng Quý tôi đây có bao giờ quên cái ngày tôi ra đi, *đôi ta cùng đứng bên hàng tường vi... em nói rằng em sẽ chờ tôi...* thì này *cô láng giềng ơi! cô có hay chăng giờ đây tôi đã về...*

Than ôi! Đúng cái ngày chàng phiêu du trở về tới trước ngõ thì đã nghe vang tiếng pháo...

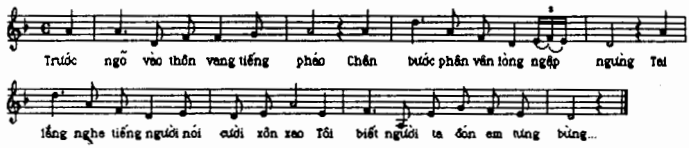

Cô Láng Giềng lấy chồng, ngộ thay, đúng ngày Hoàng Quý trở về!

Trước ngõ vào thôn vang tiếng pháo
Chân bước phân vân lòng ngập ngừng
Tai lắng nghe tiếng người nói cười xôn xao
Tôi biết người ta đón em tưng bừng...

Thế là anh chàng phiêu lãng bèn than cho mối tình duyên đã lỡ và *chân bước xa xa dần miền quê*, chàng sẽ ra đi chẳng bao giờ về!

*
* *

Cô Láng Giềng của đàn anh Hoàng Quý này sẽ hóa sinh thành **Cô Hàng Xóm** của hai nhạc sĩ hậu sinh là Anh Bằng, Hoài Linh. Nhân vật con trai trong bài này là một anh nhạc sĩ nghèo, sống *ở vùng ngoại ô*, dưới *căn nhà tranh*, đêm đêm thường hay thở than với cây đàn và khiến cho cô bé hàng xóm vốn rất giầu sang... *mỗi lúc lên đèn thì sang nhà làm quen.*

Cô Hàng Xóm

Anh Bằng, Hoài Linh

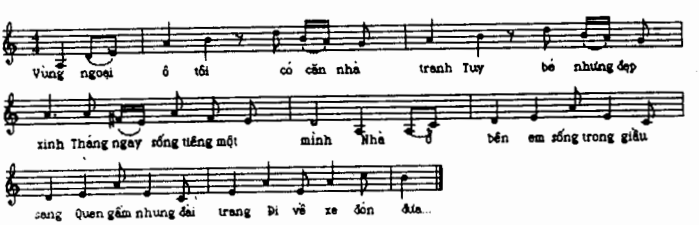

Nhạc sĩ của chúng ta *ca không hay, đàn nghe cũng dở*... vậy mà cô bé *khen nhiều, khen thật nhiều*... khiến nhạc sĩ thấy *tâm sự* rất *xôn xao*. Và tuy yêu cô bé nhưng *tình không dám ngỏ* vì một lẽ giản dị là anh *sợ thân mình còn nghèo*. Thế là sau 2 năm sống với mối tình câm lặng đó...

... Tôi quyết đi thật xa
Tôi cố quên người ta...

... để rồi một hôm nhận được thiệp báo tin cô hàng xóm đi *lấy chồng thật giàu sang* (là cái chắc), anh bèn tự hỏi: ê cô bé! *Có nhớ anh nhạc sĩ nghèo này không?*

*
* *

Sở dĩ tôi phải viết dài dòng về những bài nhạc tình ra đời vào khoảng mấy năm trước thời Cách Mạng và Kháng Chiến 45 và đặc biệt nói tới **đủ mọi hạng thiếu nữ** trong xã hội Việt Nam, rồi sau này nó còn được hồi sinh khi Tân Nhạc rẽ qua con đường loạn phát... đó là vì những người con gái Việt Nam trong những bản nhạc tình đó, lúc đầu còn được hình dung ra một cách tuyệt đẹp dù có làm khổ cho những chàng phiêu du, phiêu lãng, làm đau lòng những chàng trai hiên ngang hay chàng nhạc sĩ nghèo nàn... thì trong tiến trình của Tân Nhạc, các **Cô Gái Việt Nam** quen thuộc đó sẽ dần dần biến hình thành những nhân vật đáng thương trong chiến tranh như **Người Con Gái Việt Nam Da Vàng** (Trịnh Công Sơn), hay **Người con gái trần truồng ngồi trước sân gãi ghẻ... Trước mặt mọi người cô vẫn thấy như không** (Hà Thúc Sinh) dưới chế độ Cộng Sản.

Hậu thân của những **Cô Hái Mơ, Cô Sơn Nữ, Cô Láng Giềng** hay **Cô Lái Đò** tuyệt vời của những kẻ si tình là chúng ta đó, rồi đây, trong Tân Nhạc, sẽ còn bị hạ thấp xuống chỗ thấp nhất, khi được ví như đống rác hay tờ giấy bạc bị vò nát... Đó là lúc mà sự **khinh phái nữ** (misoginie) đã được phô diễn rõ ràng và khiến cho nhạc tình Việt Nam có thêm nhiều khía cạnh.

Có lẽ loại **nhạc tình khinh phái nữ** đó đã chỉ là sự nói thẳng hơn, mạnh hơn, nặng hơn... một vài bài đả kích phụ nữ ra đời thời 1944-45 đó. Chẳng hạn bài **Cô Tây Đen** của Đức Huỳnh (giọng Nam gọi thành Đức Guỳnh hay Đức Quỳnh) hát theo điệu chầu văn:

Cô Tây Đen

Đức Huỳnh

.....

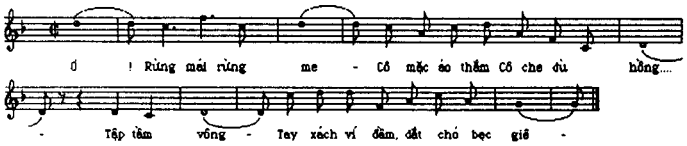

Ơ rừng mái rừng me
Cô mặc áo thắm
Cô che dù hồng...
Tập tầm vông
Tay sách ví đầm
Dắt chó bẹc-giê
.....
Ô xinh đẹp làm sao
Cô đi lượn phố
Cô vào đăng-xinh

Ta cũng có thể coi bài **Cô Tây Đen** này như là tiền thân của những bài ca hài hước của nhóm A.V.T. trong đó bài **Em Tập Vespa** cũng phải được coi là bài hát phê bình phụ nữ của thế hệ sau thế hệ **Cô Tây Đen.**

Nhưng đứng giữa hai loại nhạc tình tô điểm hay bôi nhọ hình ảnh cô gái Việt Nam như thế, trong một hai năm trước khi toàn quốc đi vào một cuộc biến động lớn nhất trong thế kỷ là cuộc Kháng Chiến chống Pháp kéo dài 9, 10 năm... đã xuất hiện một dòng nhạc tình tuyệt vời mà nhạc sĩ Văn Cao là người đã tạo nên và ảnh hưởng vào suốt mấy chục năm nhạc tình của chúng ta, khi thì đậm đà cảm tính, khi thì thẫn thờ não tính, khi thì ngụt cháy nhục tính, khi thì chông chênh ảo tính... ra đi từ những trái tim nồng nàn cho tới khi đã vỡ tan như những trái tim kẻ lạ.

PHẠM DUY

KỲ TỚI: nhạc tình Văn Cao.

Ngô Nguyên Dũng

Đóng lại giùm tôi cánh cửa sau cùng

*T*rước khi tắt đèn, đóng lại những cánh cửa mở hé, Thuần rảo một vòng phòng triển lãm tranh, kiểm soát lần cuối cùng. Một người đàn ông giơ tay nhìn đồng hồ, hỏi chàng, tới giờ đóng cửa rồi sao. Thuần lịch sự đáp, rất tiếc thưa ông, ngày thường chúng tôi chỉ mở cửa tới sáu giờ chiều. Người đàn ông không hỏi gì thêm, quay lưng bước đi, còn cố ném lại bức tranh mà có lẽ ông ta ưng ý nhất cái nhìn sau cùng, tấm *"Khu vườn mùa đông"* của Gauguin.

Năm nay, phòng triển lãm tranh của thành phố dành hai tuần lễ để giới thiệu Paul Gauguin. Sau một khoảng thời gian dài liên lạc với những bảo tàng viện ở Đan Mạch, Nữu Ước, Ba Lê, Luân Đôn và những người sưu tầm tranh tài tử, phòng tranh nơi đây, một tỉnh nhỏ trung bình ở vùng tây-bắc Đức, rốt cuộc cũng có được cơ hội mang đến những người yêu tranh một số danh họa tiêu biểu của người họa sĩ tài ba này. Riêng Thuần, với bổn phận của một người trông coi phòng triển lãm, trước đó lại rất ít tiếp xúc và không có dịp tìm hiểu thế giới của cọ sơn, giá vẽ và màu sắc, chàng không có một ý niệm nào, lại càng không thể thẩm định được giá trị công trình sáng tạo của Gauguin. Dưới mắt nhìn của Thuần, tranh của Gauguin lòe loẹt, màu mè sặc sỡ lộ liễu, choáng lấp nhức nhối nhãn quang. Nét cọ có hơi thô, những người mẫu trong tranh có nét gì gượng ép, mệt nhọc, những khắc khổ chịu đựng như thể đã được Gauguin chụp lấy, nhốt giữ trong khung vải với màu sắc và đường nét. Thuần không tìm thấy hạnh phúc trong những bức tranh đó.

So với những kỳ triển lãm trước, lần này tranh của Gauguin lại thu hút nhiều khách tới xem hơn. Buổi sáng nào ông Walter

cũng chộn rộn lo lắng chuyện chỉ dẫn, giải thích, thuyết minh từng bức tranh một, hoặc cho những nhóm học sinh được thầy cô dẫn tới, hay cho những người cao niên đến từ mấy viện dưỡng lão gần đó. Công việc của Thuần đơn giản hơn, chàng lo chuyện mở cửa, bán vé, kiểm soát và cuối cùng trong ngày, đóng cửa phòng tranh. Giản dị và nhàn hạ khiêm tốn như thân phận chàng, sang đây tỵ nạn với vợ và đứa con trai mười hai tuổi đã gần mười năm nay. Sau hai năm đầu còn bơ vơ, lạ lẫm nơi đất khách, Thuần được người đỡ đầu giới thiệu vào làm ở đây. Cuộc sống chàng gắn bó một cách bất đắc dĩ với nghệ thuật từ đấy. Trong suốt thời gian này, Thuần chưa hề có cảm giác là một-người-trong-cuộc, chưa hội nhập vào thế giới của nhiếp ảnh, những đồ vật điêu khắc trừu tượng khó hiểu, những khung gỗ, tranh vải sơn dầu hay màu nước nhòa nhạt trên giấy quý. Thuần như kẻ đứng bên lề, tự tách mình ra khỏi một quy luật nào đó đã đóng khung, chỉ lâu lâu ghé mắt nhìn thoáng qua. Dù sao, những cái tên lạ cũng dần dần được Thuần ghi nhận và chàng có thể nhìn tranh để đoán được trường phái cùng tên người họa sĩ. Renoir với nét cọ ngắn, gọn, nhiều màu tươi sáng lãng mạn. Chagall mềm mại hơn với những đường sơn rõ nét, ý tưởng thật phong phú. Picasso thì khỏi nói, hầu như ai cũng đã hơn một lần nghe đến tên và môn phái trừu tượng hình khối qua những giai đoạn "màu xanh", "màu hồng" tiêu biểu trong tranh vẽ của ông. Còn Gauguin? Thuần chưa bao giờ nghe tới, một cái tên khó đọc nhưng có âm vang nhiều thiện cảm. Cái thiện cảm ấy càng gia tăng khi mỗi ngày, sau khi xem xét lại phòng để khóa cửa ra về, Thuần lại bắt gặp một dáng dấp Á-đông, hôm thì tần ngần đứng trước tấm *"Ngựa trắng"*, bữa thì chăm chú nhìn bức *"Làng nhỏ trong tuyết ở Bretagne"* như bị thôi miên. Người đàn bà trẻ ấy từ hôm phòng triển lãm mở cửa, ngày nào cũng tới và nán lại cho đến lúc đóng cửa. Hôm đầu tiên hai người còn nhìn nhau, ánh mắt ngỡ ngàng, soi bói tò mò tự hỏi, cái người tóc đen mũi thấp đối diện từ đâu tới. Tia nhìn được thay thế bằng nụ cười nửa miệng trong lần gặp lại ngày hôm sau. Cô ta không đẹp nhưng miệng cười duyên dáng như thắp nắng đôi mắt sáng thông minh, mỗi lần đưa tiền mua vé vào cửa cho Thuần lại lén nhìn chàng thật nhanh. Lúc bắt gặp tia nhìn Thuần trả lại, cô ta vội vàng luống cuống bước vào phòng tranh, đưa tay vén lại những lọn tóc phủ lòa xòa trước trán. Thuần có kể cho Vân, vợ chàng, nghe về người đàn bà lạ ngày nào cũng tới viếng phòng tranh trong bữa cơm tối hôm ấy. Nàng rót thêm nước suối vào ly cho Thuần, cười tủm tỉm:

— Em không ngờ chồng em lại nhút nhát thế. Ngày xưa lúc theo tán tỉnh em, anh dạn dĩ và nhiều chuyện lắm mà.

Vinh, đứa con trai mười hai tuổi, nói chen vào:

— Vậy mà ba cứ kể là má "cua" ba, ba lỡ dại "tán" lại nên mới dính nhau rồi... rồi...

Thằng con trai ngần ngừ, Vân hỏi gặn:

— Rồi sao cậu hai?

— Rồi cưới nhau... rồi vượt biên, cuối cùng định cư tỵ nạn nơi này.

Và giọng nó dài ra như thể phân trần:

— ... Mà đó là chuyện ba kể cho con nghe chứ con không biết gì đâu nghe!

Thuần ngừng ăn, uống một ngụm nước, nheo mắt nhìn con, không nói không rằng. Vân đập nhẹ tay chàng:

— Con nó nói có đúng không anh?

Chàng hỏi lại, giọng đồng lõa:

— Em có nghe thằng Vinh nói dối lần nào chưa?

Vinh reo cười hớn hở. Vân đánh yêu vào đầu con, ra lệnh:

— Thôi ông tướng nhỏ, ăn xong rồi vào bếp phụ tôi rửa chén, sau đó còn học bài cho ngày mai nữa.

Rồi quay sang Thuần:

— Còn ông tướng lớn này chút nữa xong xuôi chuyện bếp núc sẽ biết tay "tôi". Chỉ biết nói xấu vợ thôi, gặp người lạ thì co vòi, rút càng lại tránh né.

Thuần nghe vợ trách yêu, chỉ cười dễ dãi. Chàng vui tính, hiền lành ít nói, đôi lúc lãng mạn hơi quá đáng. Cũng vì cái tính hay suy nghĩ vẩn vơ nên hình ảnh người đàn bà trẻ ngày nào cũng tới xem tranh đeo đuổi Thuần mãi. Chàng không dằn vặt nhưng nhớ, nhưng muốn tìm biết về tông tích cô ta, nếu là người đồng hương sẽ mời về nhà chơi, giới thiệu và nếu có thể kết bạn với Vân. Đôi khi Thuần nghĩ mà thương hại cho vợ. Nàng ít tiếp xúc với người bản xứ, một phần vì ngôn ngữ bất đồng, phần khác Vân chỉ thích lo chuyện chợ búa, bếp núc, săn sóc nhà cửa. Đời sống nàng quanh quẩn khép kín trong căn nhà trọ ba phòng, sáng đi chợ, trưa làm cơm cho hai mẹ con rồi sau đó sửa soạn bữa ăn tối cho Thuần. Gần mười năm nay, qua bao nhiêu đổi đời, sống lăn lóc nhiều nơi, chưa bao giờ Thuần nghe Vân mở miệng ao ước điều gì. Nếu có, đó chỉ là mong muốn chung cho cả gia đình một căn nhà rộng rãi hơn để thằng Vinh có phòng ngủ riêng thoải mái, hay một mảnh vườn nhỏ sau nhà để mùa hè trồng rau cải nhiệt đới chẳng hạn. Nghe vợ ước những giấc mộng nhỏ nhoi khiêm tốn, Thuần cảm động muốn rớt nước mắt. Thành thử khi tìm được một chân gác-dan cho phòng triển lãm của thành phố nơi này, chàng vội vã tìm chỗ ở mới. Cũng may, gặp người chủ tử tế, nhà lại ở tầng trệt nên vợ chồng chàng được phép chăm sóc mảnh vườn nhỏ phía sau nhà. Giấc mơ của Vân gần như thành tựu, nếu một đêm nọ nàng không thổ lộ cho

Thuần ước vọng sau cùng.

— Em muốn có thêm một đứa con nữa anh ạ!

Thuần mở hai mắt thao láo nhìn vào bóng tối bủa khắp căn phòng, màn cửa kéo kín. Chàng nói thật nhỏ:

— Ừ, một đứa con gái.

Vân sửa lại thế nằm, dịu dàng ôm lấy chồng, áp má vào khoảng lưng trần rắn chắc của Thuần, bàn tay phải nắm chặt lấy cổ tay chàng như thúc giục.

— Có thai sinh được đứa con gái em sẽ ăn chay ba tháng.

Thuần cười khẽ:

— Phần anh nguyện sẽ ăn... mặn suốt đời.

Vân vỗ bốp vai chồng:

— Đồ quỷ, giỡn mặt với thần thánh, phật trời mang tội mãn kiếp nghe không!

Thuần chợt ngồi dậy, bật đèn ngủ, nhìn thẳng vào mắt vợ:

— Mà em có chịu ngưng kiêng cữ đâu thì làm sao có con có cái.

— Đâu để em tính lại xem... Em thôi uống thuốc từ tháng chạp năm ngoái, bây giờ là thượng tuần tháng ba, vị chi hơn ba tháng rồi.

Thuần cằn nhằn:

— Sao em ngừng kiêng mà không cho anh hay? Muốn có con thì cũng phải hỏi ý anh chứ!

Vân cười mỉm:

— Em biết anh trước sau gì cũng đồng ý nên muốn làm quà tết cho anh, nhưng lâu quá vẫn chưa thấy thụ thai, em bắt đầu bồn chồn rồi đó.

Thuần nâng khuôn mặt vợ lên, đặt áp vào ngực mình.

— Nếu em cho anh biết trước, anh đã làm khác rồi.

Vân ngơ ngác hỏi:

— Làm khác là thế nào?

Thuần rủ rỉ vào tai Vân:

— Anh sẽ cố "yêu" em nhiều hơn nữa.

Vân thẹn thùng la lên:

— Thôi, bao nhiêu đó đủ rồi...

Và hai người ôm nhau thiếp vào giấc ngủ với cơn mộng chung, có một đứa con gái. Nhưng kể từ lúc phòng triển lãm trưng bày tranh của Guaguin, ngày nào Thuần cũng bận rộn với đám khách thưởng ngoạn tới rồi đi, người hỏi mua cuốn sách mỏng viết sơ lược về cuộc đời của người họa sĩ bất hạnh này, kẻ khác nằng nặc đòi mua cho bằng được vé tuần để có thể tới xem bất cứ lúc nào, khỏi mất công sắp hàng. Có người còn rụt rè hỏi Thuần, chàng có phải là người gốc Ta-hi-ti, Martinique hay tới từ bất cứ

hòn đảo nhỏ nào nằm trong Thái bình dương. Thuần khôi hài trả lời, vâng, tôi cũng tới từ một nước ven bờ Thái bình dương, bán đảo Việt nam đó. Ánh mắt người khách vừa thoáng nghe câu trả lời rực sáng rồi xịu xuống thật nhanh sau khi nghe xong, trông thật nực cười. Chính những câu hỏi đó đã là mấu chốt khiến Thuần tò mò đọc kỹ tiểu sử của Gauguin. Cuộc đời ông bi thảm quá, rắc rối và tràn ngập đam mê. Ông sống ở Péru cho tới sáu tuổi với mẹ và người chị. Cho tới lúc lập gia đình, có con, Gauguin vẫn giữ hoài trong tâm những kỷ niệm ấu thời, một dĩ vãng vương giả tràn ngập nắng Nam-Mỹ. Ông đi tìm quá khứ đã mất bằng cách bỏ rơi tất cả những nhân tính bình thường, cả vợ, cả con để lao mình vào thế giới hội họa.

Những năm sống ở Bretagne, miền biển tây-bắc nước Pháp, rồi trở lại Paris để thấy cuộc sống nơi đô hội chỉ là bào ảnh, Gauguin bối rối tìm kiếm một thiên đường có thật. Chốn đó, có lẽ ở quanh quẩn vùng bán đảo Đông-dương, nằm heo hút miền Đế-thiên-Đế-thích hay rải rác lạc loài trong Thái-bình-dương. Gauguin tìm mãi, cuối cùng quyết định xuôi tàu tới Tahiti. Những bức tranh không vẽ khoảng thời gian đầu sống ở nơi đây đổi hướng rõ rệt, màu sắc vui tươi như đã hội ngộ với hạnh phúc. Màu nâu măng-cụt tô đậm làn da những cô gái bản xứ, màu đỏ thẫm, màu đỏ đu-đủ được tô lên những bộ sà-rong rực rỡ quấn ngang hông và bờ biển muôn sắc vàng, xanh, cam trong bức tranh *"Ngày thượng đế"*. Dáng điệu của những cô gái trong hầu hết các họa phẩm được Gauguin vẽ ở thời điểm này chịu ảnh hưởng nhiều nghệ thuật tạc tượng của Căm-bốt, thế ngồi tham thiền nhập định của những tu sĩ Phật-giáo, bàn tay xoè ra của những cô gái điếm ngồi chờ khách trong bức *"Hợp chợ"* lại phảng phất hình ảnh những vũ công Ai-cập...

Thuần say mê tìm hiểu tiểu sử và tranh của Gauguin. Chàng ra nhà sách lùng mua hết những cuốn liên quan tới người họa sĩ này. Tự dưng chàng cảm thấy gần gũi với Gauguin, cả với văn sĩ người Anh William Somerset Maugham, người có cuộc đời văn chương đã chịu ảnh hưởng ít nhiều tới sự nghiệp hội họa nổi loạn của Gauguin. Thuần đọc mê mẩn bản dịch từ *"The moon and sixpence"* và *"The razor's edge"*, với cuốn tự điển trong tay. Chàng quên cả ngủ, chong đèn đọc mải miết. Có đêm trăng sáng, có đêm mưa giăng, cũng có đêm bão rớt xuống thành phố, tiếng gió rít qua khe cửa, ngoài kia cành lá xao động mạnh như đe dọa. Những gì đã đọc qua, Thuần mang theo vào giấc mộng. Quán cà-phê ở khu la-tinh một đêm mưa mờ nhạt đèn điện đầu thế kỷ. Những người điếm già loè loẹt son phấn, chưng diện diêm dúa đứng dựa những bờ tường dán giấy quảng cáo loang lổ ở khu Montmartre, quanh

quẩn nhà thờ Sacré Coeur không bao xa. Chàng mơ cả vùng biển Bretagne dù chưa bao giờ đặt chân tới, nhưng lãng đãng đâu đó những khuôn mặt đàn bà xanh ốm, già nua, khổ hạnh sau buổi tan lễ ngày chủ nhật. Luôn cả dòng nắng Tahiti và những cô gái bản xứ da nâu bóng gần như lõa thể, hoặc trầm mình trong suối hay ngồi tụ năm tụ ba trò chuyện, khúc khích cười trong ngày hội lớn. Và lâu lâu Thuần lại bắt gặp lởn vởn trong những giấc chiêm bao hình dáng một thiếu nữ Á-đông, tóc dài, vóc người thon gầy nhỏ nhắn, nụ cười của cô ta dịu dàng như một búp sen vừa độ nở.

Vân dù không muốn, cuối cùng cũng phải lên tiếng phàn nàn:

— Mấy lúc sau này anh đọc tiểu thuyết hơi nhiều đó, bỏ cả ngủ, không ngó ngàng gì tới vợ con.

Thuần giật mình, như thể đang mộng dữ được người khác vỗ vai đánh thức.

— Thật vậy sao, chuyện bỏ ngủ thì có, còn bỏ bê vợ con thì không... Mà không lẽ thằng Vinh đau ốm gì sao?

Vân cười xòa:

— Không, nó vẫn ăn học giỏi giắn chứ có đau yếu gì. Em chỉ muốn nhắc anh, sống chừng mực lại. Em đâu bắt anh bỏ đọc sách, nhưng anh đọc ít hơn có được không? Em thấy mới chỉ có mấy ngày mà khuôn mặt anh tiều tụy hẳn, trông cằn cỗi khó ưa quá!

Thuần bối rối nhìn vợ:

— Lý do cũng tại cuộc đời của ông ta đáng thương quá, y như tiểu thuyết.

Vân nhíu mày:

— Của ai ?

— Của ông họa sĩ Gauguin cuối thế kỷ thứ mười chín chứ còn của ai vào đây nữa.

Vân ngạc nhiên hỏi:

— Ủa, vậy mà em tưởng anh đọc tiểu thuyết của ông văn sĩ là người Anh ấy!

— Em muốn nói Maugham chứ gì. Hai người chẳng có dính dáng gì tới nhau, nếu có cũng chỉ bằng sợi dây liên lạc đã được định sẵn bởi nghệ thuật.

— Khó hiểu quá.

— Đâu có gì khó hiểu. Này nhé, ông Maugham vì cảm hứng cuộc đời đầy màu sắc thơ mộng và bi thảm ngự trị của họa sĩ Gauguin nên đã viết cuốn tiểu thuyết *"The moon and sixpence"*, rồi sau đó là cuốn *"The razor's edge"* để trình bày một mảnh đời tương tự.

Vân hỏi gặn:

— Mà đó là chuyện xưa tích cũ của người ta, dính dáng gì tới anh mà anh say sưa theo dõi tới độ bỏ ngủ, quên ăn?

Câu hỏi chí lý của vợ bám lấy Thuần mãi. Ừ, cuộc đời của người ta, một ông họa sĩ người Pháp, một ông văn sĩ người Anh, đâu có liên hệ gì tới mình mà mình cứ bận tâm suy nghĩ. Mà có chứ sao không? Như Gauguin đã lạc mất tuổi thơ, hoài nghi vô cùng trước cuộc sống, ráo riết đi tìm một cõi thăng hoa, chốn mà có lẽ ông đã nghĩ là *"les paradis perdus"*; Thuần cũng đã bỏ lại sau lưng một quê hương, đang mờ mịt trước lối tìm tới *"một thiên đường đã đánh mất"*. Dù nơi này bờ tường có xám, những mái nhà gạch ngói đen đủi, ngày mùa đông mây giăng lê thê nhưng tận cùng tâm tưởng Thuần, mãi mãi chói sáng một vệt nắng. Từ đó chàng không cần phải là một họa sĩ tài ba, cũng có thể pha màu vẽ nên bức họa. Màu đỏ hoa dâm bụt. Màu cam ráng chiều. Màu vàng chanh rực rỡ. Màu lục vỏ cau tươi. Màu lam khung trời mây pha nắng. Màu chàm những tà áo dân quê. Màu tím giàn hoa giấy vui cười trong nắng ban trưa. Chỉ khác có một điều, Thuần vẫn còn kềm chế được ý nghĩ để không phải phiêu lưu sống cuộc đời giang hồ liều lĩnh. Chàng cố ôm lấy niềm hạnh phúc nhỏ nhoi hiện có như đứa trẻ nâng niu gìn giữ quả bóng trong tay, chỉ lo một chút sơ hở quả bóng vụt bay mất, nổ tung giữa trời. Dù vậy, đâu ai cấm chàng mơ ý nghĩ của Gauguin, Maugham hay của một ai khác Thuần vẫn tự nhủ, lúc này con ốc nhỏ hãy còn thu mình thụ động trong chiếc vỏ cứng, gắng chờ một ngày ốc sẽ tìm ra đại dương bao la.

Dẫu sao, cái chết của Gauguin quá đau đớn và chua xót. Có lẽ vì biết mình vướng bệnh giang-mai nên đã một lần Gauguin tự tử bằng thạch-tín, nhưng không chết. Từ đó ông ta chấp nhận định mệnh, sống lây lất với căn bệnh ngặt nghèo. Những năm cuối cùng, Gauguin dành tất cả thời gian vào việc sáng tạo. Họa phẩm rực rỡ của ông *"Chúng ta đến từ đâu? Chúng ta là ai? Chúng ta sẽ về đâu"* ghi dấu đậm nét thời điểm này. Cũng vẫn những người con gái miền biển với dáng điệu ngồi thiền, bàn tay bắt ấn chỉ tìm thấy trong tranh và tượng hình đức Phật; và màu sắc rực rỡ, ôi rực rỡ ngàn tia.

Tranh của Gauguin đã bắt đầu thấm vào da, thớp vô thịt, hòa cùng dòng máu và đập đồng điệu nhịp tim Thuần. Một đêm chiều thứ sáu, sau giờ đóng cửa phòng triển lãm, Thuần nán lại đóng vai trò khách yêu tranh, thong thả đi ngắm từng bức một. Chàng sững sốt, bàng hoàng như vừa tìm thấy lại những báu vật đã đánh mất. Tranh của Gauguin dưới mắt chàng sau khoảng thời gian ngắn tìm hiểu bỗng trở nên khác lạ, hoàn toàn thay đổi, không còn hời hợt tầm thường như lúc mới vừa mang tới. Dù màu sắc vui tươi nhưng nét mặt người dưới nét chấm phá của Gauguin thiểu não vô hồn. Tỏa ra từ những khung tranh là nỗi mất mát to lớn, thiếu thốn vĩ đại, những mảnh đời hiếm hoi hạnh phúc. Và cái chết. Sự

chết được Gauguin tô màu nâu đậm trải đầy khắp, hòa với màu da, màu chàm, màu đỏ máu, màu xanh lục tê tái. Tuy Thuần không hiểu rõ và hồi nào đến giờ, hội họa chưa hề là môn phái nghệ thuật chàng yêu thích, thế mà lần này đứng trước những khung đời đổ vỡ, gẫy vụn của Gauguin, Thuần cảm động đến rợn người. Chàng ngây người ngắm tấm *"Contes Barbares"* vẽ hình hai thiếu nữ Tahiti, một người xếp bằng ngồi kiết già với dáng điệu và nét mặt bình thản như vừa giác ngộ, đã tìm tới *nirwana*. Chàng thẫn thờ chiêm ngưỡng tấm *"Bóng tử thần canh giữ"*, trong đó màu da nâu măng-cụt của người con gái nằm sấp trần trường nổi bật lên tấm khăn trải giường màu xanh tái, hậu cảnh là bóng Thần Chết mặc áo choàng đen ngồi dựa cột chạm trổ những hình tô màu cam, đỏ. Vẫn với màu nâu thê lương, tha thiết và bệnh hoạn u ám... Bất giác Thuần giật mình, chàng cũng yêu màu sắc ấy. Quê ngoại, quê nội những mùa mưa trời và đất nhạt nhòa vào nhau, bùn đất và sông nước phù sa chan hòa nâu sẫm.

Xem tranh của Gauguin, Thuần từ từ, chậm rãi và nhàn hạ bước vào một thế giới khác, nhưng bước chân chàng vướng chút gì xót xa. Tiếng động của thời gian di chuyển ngắn và gọn, dẫm lên đất nâu, mọc nở tưng bừng những chồi lan rừng, cây trên cành nặng trĩu trái nhiệt đới. Và nắng mê mải rướn mình trên những vòm đá nhìn ra biển, chiếu lấp lánh ngàn sao trên sóng nước đại dương, tuôn rậm rực lửa dục tình, hình ảnh những người con gái khỏa thân yêu kiều trầm mình trong suối. Khung trời của Gauguin, những bận tâm của Maugham trong phút chốc, như một lần trở tay, gắn bó liền lạc, va chạm gần gũi với Thuần. Như ca sĩ nhạc thính phòng Jacques Brel khi biết vướng bệnh ung thư, cũng đã tìm tới một đảo nhỏ nằm quay quắt hắt hiu ngoài khơi thái bình dương. Như những con voi già thường tìm về đất cũ trước khi chết.

*
* *

"... Tôi đã soi gương nhìn thấy cuộc đời, bản ngã và những thao thức mình rọi lớn qua chuỗi đời bi thảm của Gauguin. Trong một bức thư gởi cho người bạn vài tháng trước khi chết, Gauguin viết. "Từ thuở ấu thơ, bất hạnh đeo đuổi lấy tôi mãi. Hoàn toàn không có một cơ hội, một dịp may nào. Tất cả đều đối nghịch tôi, và tôi ngờ vực kêu lên, thượng đế ơi, nếu ngài có thật tôi xin kháng cáo ngài vì bất công và xảo trá này..." Còn quãng đời tôi trải qua có những niềm vui, hạnh phúc nào? Như Schopenhauer đã ca ngợi chủ-thuyết-bi-quan, từ chối những tiện nghi Tây phương để tìm về cội nguồn và chân lý Phật-giáo, tôi bơi lội trong những mâu thuẫn dày vò, những hoang mang và hoài nghi rối rắm. Tuổi thơ tôi trôi

nhanh như một dòng nắng. Tuổi trẻ tôi thoáng qua lắng lặng lúc nào không hay. Tôi như người lữ khách ngồi trong chuyến xe lửa dấn thân vào cuộc du hành mới, vẫy tay chào sân ga, từ giã người ở lại, cáo biệt làn khói xám hoài niệm... Tôi chỉ nhìn lại. Đoạn đường tôi đi tới chưa trải ra. Tôi thoát ra ngoài đời sống tôi, như một sợi khói đủ mỏng, đủ mông lung để chui lòn những khe hở hẹp nhất. Bóng tối vượt ra ngoài bản ngã, giương hai mắt trâng tráo nhìn khối xương thịt phù phiếm tiếp tục lăn những vòng quay lở dở. Quê nhà là mảnh thiên đường tôi đã đánh mất. Đứa trẻ con vì nuôi mộng lớn, lỡ làm rơi lạc cái hộp-kính-vạn-hoa trên đường vượt thoát. Những ước vọng trong tôi vẫn còn, đang gieo mầm nổi loạn. Tôi đè nén, cố gắng thu mình nhỏ nhoi, uốn nắn phù hợp với hoàn cảnh mới, nhịp đời nơi này. Cái thế giới mông lung, cõi thiên đường lãng đãng vẫn còn nằm sâu kín, trầm mình khép nép trong cái kén bé bỏng. Sẽ có một ngày con sâu róm ngọ nguậy bò ra, hớp lấy ngụm nắng vàng lần thứ nhất, tia mặt trời cực tím sẽ làm cứng những tế bào tinh vi, gió sẽ thổi khô những dòng nước u mê sinh-lão-bệnh-tử còn đọng lại đâu đó. Con bướm trắng sẽ vút bay, tung cánh vẽ mộng phơi phới.

Tôi đã tự xem mình như một ngoại lệ của đời sống, kẻ mãi mãi đứng bên lề cuộc chơi, người chắp tay sau lưng rảo bước nhìn vào cõi hỗn mang trong vòng trầm luân. Tôi là giống súc sinh từ bấy lâu nay, bây giờ mới biết. Tôi nuôi lớn những dục tình ẩn ức, những tư tưởng hoang phế tiêu tụy, những tràng hạt lần chuỗi khổ đau này tới chuỗi mất mát kia, những bước chân qua cầu tử sinh, khi được sinh ra với người mới thấy sự hiện hữu này lầm lẫn. Tôi hoài nghi miên man, sống với nhiều giấc mộng chắp nối. Tôi nhốt mình tàn tạ trong khung hình chữ nhật, treo lên bằng sợi sắc không, bơi lội bềnh bồng trong dòng định mệnh. Nhưng vẫn còn đó những liên hệ cá nhân, những vòng cung tình cảm tôi gầy dựng, chiếc cầu gập ghềnh bắc qua con nước ướt sũng dâm dật tôi đã chìm đắm say mê, những hạt giống di-sinh tôi đã gieo và những bổn phận nhú hoa từ đất bùn nghiệt ngã..."

*
* *

Thuần cất giọng lịch sự hỏi bằng tiếng bản xứ:

— Xin lỗi cô, cho tôi được phép hỏi, cô là người nước nào?

Người đàn bà trẻ đang ngắm một bức tranh của Gauguin, quay nhìn chàng, cười mỉm:

— Tôi là người Việt-nam tỵ nạn, còn ông?

Thuần mừng quýnh, lắp bắp nói bằng tiếng mẹ đẻ:

— Tôi cũng là người Việt-nam đây. Ngày nào cũng thấy cô tới xem tranh, muốn ngỏ lời hỏi thăm bao lần, mãi hôm nay mới dám

làm phiền.

Cô gái nở nụ cười duyên dáng nhìn chàng:

— Không sao cả. Tôi là Hà, sinh viên trường mỹ-nghệ.

Nàng chìa tay ra cho Thuần bắt. Thuần cảm thấy bàn tay Hà mềm mại như một nhánh ngọc lan đẫm sương mai.

— Tôi là Thuần, nhân viên phòng triển lãm tranh của thành phố...

Giọng chàng đột nhiên bối rối:

— ... Như cô đã thấy, công việc của tôi rất khiêm tốn, quanh quẩn chỉ có bấy nhiêu chuyện...

Hà ngắt lời:

— Không, tôi thấy nghề nghiệp của ông đa diện lắm chứ. Chắc chẳng bao giờ nhàm chán vì phòng triển lãm thay đổi đề tài luôn.

Thuần nghe như Hà đang thổ lộ tâm tư chàng, như đang đọc từng dòng chữ Thuần suy nghĩ trong trí. Hà tiếp lời:

— Chắc ông cũng lấy làm lạ, tự hỏi tại sao ngày nào tôi cũng đến đây. Thú thật, tôi đang đứng trước nhiều ngã đường phải chọn lựa, chưa biết nên theo học ngành nghệ thuật nào, hội-họa, nhiếp-ảnh, điêu-khắc hay trang-trí.

Thuần cười nói:

— Nhưng chắc chắn một điều...

— Điều chi thưa ông?

— Cô là người ái mộ Gauguin.

Ánh mắt Hà rực sáng như vừa được Thuần châm thêm lửa:

— Đúng hơn, không những tôi say mê họa phẩm mà cả cuộc sống gian truân của Gauguin nữa, ông Thuần ạ!

Giọng nói của Hà trầm ấm, dịu ngọt như lời chim hót. Và Thuần ngỏ ý mời Hà tới thăm gia đình chàng. Hà nhận lời, ngặt nỗi tuy học ở đây nhưng nhà trọ nàng cách đấy gần hai mươi cây số. Thuần muốn hỏi, ở chi mà xa quá vậy nhưng thấy chưa đủ thân thiết nên thôi. Chàng ghi cho Hà địa chỉ và số điện thoại vào một tờ giấy nhỏ, bảo trước khi rời nhà gọi cho chàng hay, chàng sẽ ra đón ngoài nhà ga. Rồi Thuần chào Hà, trở lại với những công việc thường nhật. Hôm đó chàng hân hoan đi đóng lại những cánh cửa sổ còn mở hé trước khi rời phòng tranh. Không hiểu tại sao, Thuần luôn luôn có cái cảm giác ngột ngạt, áp bức tù đày mỗi khi phải khép chặt những khung cửa kính. Chàng kiểm soát một lần nữa những ổ khóa tự động rồi thong thả tắt ngọn đèn chính, rời văn phòng, khóa trái hai lần cánh cửa ra vào và bước ra ngoài trời chiều mênh mông.

Vân không ngạc nhiên khi nghe Thuần kể đã mời Hà tới thăm. Vân đã đoán trước chuyện này. Nàng chỉ hỏi Thuần, có cần phải nấu nướng trịnh trọng gì không. Thuần đáp, cứ làm cơm như

mọi ngày, mình tạo bầu không khí thoải mái cho một người mới vừa quen. Thằng Vinh vọt miệng hỏi, cô ấy có đẹp không. Thuần thật thà trả lời, không đẹp nhưng dễ mến. Đáng lẽ chuyện ấy không đáng để Vân buồn bực, nhưng liên tiếp từ mấy hôm nay nàng để ý thấy chồng trở nên khang khác. Chàng hết đọc tiểu sử cái ông Gauguin gì đó, rồi quay sang nghiền ngẫm tiểu thuyết của ông Maugham, lâu lâu lại thốt ra một câu triết lý. Bây giờ còn đương nhiên mời một người đàn bà lạ hoắc tới nhà mà không hỏi ý kiến nàng trước. Tuy tức tối trong lòng nhưng Vân không nói ra, lẳng lặng ăn cơm, dọn dẹp rửa chén rồi bật truyền hình ngồi xem một mình trong phòng khách. Thuần nào hay nỗi khổ tâm của vợ, chàng vẫn còn vẫy vùng trong thế giới văn họa Tây phương mộng ảo.

Ăn cơm xong, Thuần vào phòng ngủ ngồi xuống chiếc bàn viết đặt cạnh cửa sổ, bật đèn đọc tiếp tập truyện ngắn của Maugham. Những câu chuyện này có lẽ được viết ra bởi những hứng khởi dấy mầm từ cuộc đời của Gauguin. Lâu lâu Thuần lại đứng lên, nhìn ra khung kính. Một người con gái áo choàng đỏ bước vội bên ngoài, bóng đèn đường lao chao vàng. Vệt đèn một chiếc xe vượt qua phết một làn ánh sáng trắng chói lòa. Một cặp tình nhân ôm hôn đắm đuối ở trạm xe buýt bên kia đường. Sau đó người con gái ngả đầu vào vai cậu con trai. Tóc vàng bay xao xác, quấn quýt vào tóc nâu. Có tiếng gọi của ai đấy nhà bên kia. Tiếng cười thoát ra, rơi vỡ thủy tinh dưới mặt đường đêm xanh xao. Ngước nhìn lên, Thuần không thấy một ánh sao nào. Trời đêm đen như một vết mực tàu phủ lấy mảnh đất nơi đây, bóp nghẹt len lỏi những màu xanh của lá, màu đỏ của hoa hồng, màu vàng tái ngắt của đèn khuya. *"Sao tôi cứ mãi nghĩ về vùng đất kia. Người Do-Thái nào rồi cũng trở lại Jerusalem. Sao tôi không thể yên phận sống đời du mục, phiêu bạt nơi này hôm nay, mai kia ở một nơi khác. Bọt sóng dù bềnh bồng nơi đâu cũng giạt vào bờ và thở hắt lần cuối cùng. Khổ chết!"*

— Anh đang nghĩ gì ?

Thuần quay lại. Vân đứng khoanh tay nơi cánh cửa phòng mở hé, nét mặt nghiêm nghị. Chàng nhún vai, kéo màn cửa sổ, làm dấu trang sách đọc dở bằng một mảnh giấy con rồi gấp lại, tắt đèn. Chỉ còn một khoảng sáng yếu ớt bên ngoài khung cửa tràn vào căn phòng ngủ tối thẫm, như vệt nắng độc nhất xuyên qua những tàn cây của rừng đen rậm rạp.

Vân khép cửa, bật ngọn đèn ngủ. Nàng thong thả thay quần áo, giọng nói đầy trách móc, trong khi Thuần chỉ dửng dưng lắng nghe.

— Hết Gauguin rồi tới Maugham, lại thêm nghe nhạc của

Jacques Brel, mấy lúc sau này anh làm sao ấy. Anh chưa bốn mươi mà, không lẽ anh tới tuổi hồi xuân sớm hơn những người khác.

Thuần phải bật cười :

— Người bản xứ họ gọi là "mùa xuân thứ hai" em à.

— Thứ nhì hay thứ ba em không cần biết, nhưng đừng làm em lo lắng...

Thuần cảm thấy thương vợ hơn lúc nào hết, chàng vuốt nhẹ tóc nàng:

— Em lo làm gì những chuyện không đâu.

Vân lúc này mới đặt thẳng vấn đề:

— Lại còn thêm chuyện cô Hà gì đó nữa, đồ... hà-bá gì đâu không!

Thuần vuốt ve :

— Sao em lại nói vậy, cô ta và anh có quen biết gì đâu, thấy người đồng hương nơi xứ lạ, anh mời tới viếng vợ chồng mình, nhân tiện giới thiệu cho em làm quen. Anh cứ sợ em thui thủi ở nhà một mình một bóng, buồn bã rồi sinh bệnh...

Vân không nói gì thêm. Hai người lên giường nằm thao thức bên nhau.

Sau lần trò chuyện với Hà, ba ngày trước khi phòng triển lãm đổi sang đề tài mới, trưng bày những tác phẩm của một số điêu khắc gia trẻ tuổi, Thuần có để ý chờ đợi Hà nhưng không gặp. Chàng bối rối trong vô vọng. Những chiều tới giờ đóng cửa, Thuần lẩn thẩn làm những công việc cuối cùng trong ngày. Suy nghĩ mông lung, Thuần sực nhớ, chàng chưa hỏi địa chỉ Hà, cũng không biết họ nàng là gì để dò xem trong quyển điện thoại niên giám. Thuần tự trách, sao mình lại có thể vô ý đến thế. Chỉ còn mỗi ba ngày nữa thôi, lỡ Hà không tới thì sao? Một chương trình của phòng triển lãm sẽ được kết thúc. Màu sắc Gauguin và dòng chữ Maugham sẽ níu lấy tâm tư chàng bao lâu nữa hay chúng như những khung cửa của một đoạn đường đời xa mù, sẽ từ từ khép lại từng cánh với thời gian lãng quên. Cả Hà, người đàn bà trẻ có nét gì gần gũi trong từng dáng đi giọng nói, sẽ chỉ là hình bóng của một mùa hè, cuộc hành trình ngắn ngủi đưa Thuần từ xứ tuyết trở về với hai mùa mưa nắng quê hương. Như một giấc mộng đẹp.

Không như mọi hôm, sau khi khóa lại hai lần cánh cửa ra vào phòng triển lãm, Thuần lững thững nhập vào dòng thác người tuôn chảy trong những lòng đường quanh quẩn trung tâm thành phố. Chàng dừng lại nghe cô gái tóc vàng đứng thổi sáo một bài nhạc cổ điển quen thuộc bên hông nhà thờ. Nghe xong, chàng bỏ vào cái nón nỉ lật ngược năm chục xu. Đáng lẽ Thuần đã cho thêm, nhưng moi khắp túi, không còn đồng cắc nào nữa. Có đứa bé gái áo choàng vàng rực khóc nức nở gọi mẹ vì lỡ làm bay mất chiếc

bong bóng màu xanh. Tiếng kêu thảng thốt, lạc lõng giữa muôn ngàn tiếng động khác. Tiếng máy khoan vang lên buốt óc từ khu chợ siêu thị đang được sửa sang lại. Tiếng bấm chuông leng keng của từng đoàn xe điện qua lại. Tiếng skate-board rên xiết trên nền xi măng của vài đứa con trai quanh cái hồ nước ở giữa có tượng con sư tử đá. Thuần nhìn lên, trên nóc tòa nhà bên kia đường tấm bảng với hàng đèn quảng cáo nhấp nhá. Nước hoa đàn ông Marbert Man, hiệu bán quần áo C&A, hãng du lịch miền Nam Âu và Bắc Phi..., toàn những thứ để thỏa mãn nhu cầu đời sống vật chất.

Đèn bật xanh, Thuần băng qua đường. Phía bắc phố chính là chốn ăn chơi, cứ điểm của những quán rượu có máy cờ bạc tự động, của những rạp hát chiếu phim nam nữ làm tình, của những bar có đàn bà múa khỏa thân. Sau bức tường chắn nằm quạnh quẽ ở một góc phố là ổ điếm. Thuần chỉ biết vậy chứ chưa vào đó lần nào.

Chiều lùi dần sau những mái nhà xám, trời đêm chậm rãi vươn tới tỏa bóng tối nửa vời bên này bên kia thành phố. Thuần có cảm tưởng như người mộng du, giữa khuya thức giấc đảo quanh cuộc đời đang sống. Dòng đời trôi nổi bềnh bồng, ngó chừng mênh mông nhưng đôi khi lại thấy sao hạn hẹp, như ao hồ tù túng, như bốn vách tường bao bọc. Thuần có ý nghĩ đó từ bao giờ không biết, nhưng chàng đinh ninh rằng đời mình nơi này sau những biến cố nơi quê nhà, lại bình thản nữa rồi. Chàng cần có những thăng trầm trong cuộc sống, tương tự điểm cao nhất và điểm thấp nhất của đường sin, đường cos trong toán học. Như màu đen và màu trắng của hội họa. Như ngày và đêm của thiên nhiên. Như sự sống và cõi chết của tạo hóa...

Khi Thuần chui qua chiếc cầu sắt xe lửa thì đèn đường cũng vừa bật lên. Từ trong một ngách tối có bóng đàn bà nhỏ nhắn, trang điểm diêm dúa như một tấm tranh trẻ con chạy lướt qua mặt chàng. Tiếng giày cao gót nện lên lòng hè phố lát đá khô ngắn. Thuần chau mày nhìn theo. Mái tóc đen xõa dài ấy. Dáng dấp quen thuộc mỗi ngày lại tới phòng triển lãm tranh. Chàng muốn kêu lên, cô Hạ, cô Hà, nhưng cổ họng nghẹn lại sững sờ. Thuần đứng chết trân giữa dòng người qua lại. Có tiếng còi hú lanh lảnh trên cầu xe lửa sau lưng chàng, như tiếng gọi sau cùng thảng thốt.

Ngô Nguyên Dũng
(1, 1987)

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối (tiếp theo)

CHƯƠNG BA: ĐƯỜNG RA BẮC (tiếp theo)

ĐOẠN XIII
TRÊN ĐƯỜNG MÒN HỒ CHÍ MINH
(Hà Tĩnh)

Khác với những lần trước, hôm nay chúng tôi nghỉ lại trong nhà của một tư nhân, giữa một xóm nhỏ thưa dân cư, thuộc huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Cả một đoàn người bất thần kéo nhau vào nhà một người không quen biết để tá túc, cán bộ Việt Cọng xem là một hành động rất tự nhiên, không mảy may vi phạm đời sống riêng tư của đồng bào. Họ gọi việc đó là "ở nhà dân". Họ dùng chữ "dân" thay vì "đồng bào", để phân biệt thường dân với cán bộ, bộ đội. Lối nói ấy có tính cách phân chia giai cấp rất rõ rệt, và đôi khi hàm ý miệt thị. Nghe họ nói, tôi lấy làm xốn xang, nhất là khi nghĩ rằng danh từ ấy được thốt ra từ cửa miệng của những kẻ tự xưng là do nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ. Đồng thời, tôi nhận thấy rằng khẩu hiệu "cán bộ là đầy tớ của nhân dân" chỉ là một mánh khóe tuyên truyền dối trá.

Người chủ nhà, khoảng 40 tuổi, xã viên của hợp tác xã nông nghiệp địa phương, dành cho chúng tôi phân nửa bên phải của ngôi nhà tranh để mắc võng. Người vợ và người con gái đã rút vào căn phòng hẹp ở bên trái. Chúng tôi ít gặp họ, vì họ đi vắng hầu như suốt ngày. Chúng tôi lưu lại đây đã hai hôm, một phần vì không quân Mỹ gia tăng hoạt động, việc di chuyển không được an toàn, và một phần vì anh Lộc đang ốm. Sau đêm bị mưa ở Vọng Liệu, Lộc lên cơn sốt, nhưng vẫn cố gắng lê lết đi theo đoàn người một quãng đường nữa, và khi đến vùng này, anh như không cất chân nổi, rồi nằm luôn trên võng. Gầy hẳn ra, đôi mắt đục ngầu, lờ đờ, ngơ ngác như cạn hết nguồn sinh lực, anh bày tỏ nỗi lo âu:

— Hôm kia tôi bàng hoàng bước theo mọi người như một cái máy, tự mình không điều khiển được những động tác của cơ thể. Không biết rồi đây sẽ ra sao.

Anh Tứ và tôi chia sẻ nỗi băn khoăn của Lộc. Lạc lõng giữa kẻ thù, chúng tôi chỉ còn có nhau. Weaver vừa mới qua khỏi một cơn đau bụng ác liệt, nay lại đến lượt Lộc. Cuộc hành trình này sẽ tiến triển ra sao? Chúng tôi sẽ nằm lại đây bao nhiêu lâu nữa? Nếu Lộc ốm nặng, chắc phải vào một bệnh xá ở đâu đây và như vậy, ngày lên đường sẽ bị trì hoãn một thời gian ngắn hay dài tùy theo bệnh tình của Lộc. Anh Tứ nhìn tôi một lúc, như để nhận định tình trạng sức khỏe của tôi, rồi ái ngại hỏi:

— Cái chân của anh ra sao?

— Có lẽ Bác còn nhớ, hồi ở Thừa Thiên, bàn chân phải của tôi bị tê cứng, cử động khó khăn, nhưng nay đã đỡ hơn trước. Nói chung, sức khỏe không được tốt.

— Cầu mong cho đừng ai đau ốm nữa.

Anh đưa mắt nhìn tôi, rồi hạ thấp giọng:

— Vả lại, tôi không tin tưởng vào khả năng chuyên môn của mấy tay y tá này.

Bất giác, chúng tôi nhìn về hướng Thuần đang ngồi ngoài hiên. Từ sáng đến giờ, anh lộ vẻ ưu tư, đi lại trong sân, hút thuốc lá liên tục, rồi trở vào nhà nhỏ to bàn bạc với người chủ nhà. Hình như đường giao thông bị nghẽn, và trạm tiếp tế không có thực phẩm cung cấp cho chúng tôi. Vì vậy, từ sáng sớm, Hiên và Lợi phải đi lùng mua thức ăn trong các xóm. Chúng tôi lại im lặng, có lẽ vì không ai muốn đẩy xa hơn nữa những dự đoán về những ngày sắp tới. Một lúc sau, Thuần trở vào nhà, bảo anh Tứ và tôi:

— Lát nữa, các anh hỏi anh Lợi lấy gạo nấu cháo cho anh Lộc.

Anh Tứ hỏi lại:

— Lấy củi ở đâu?

— Các anh báo cáo với anh Phụng, rồi ra nhặt củi ở ngoài vườn. Anh Tứ cẩn thận thế là phải, vì chúng tôi biết rằng trong xã hội nghèo nàn này, mọi thứ đều quý, và riêng trong trường hợp của chúng tôi, phải cố gắng tự túc lấy, chẳng hạn không thể dùng củi của chủ nhà hay của đám bộ đội.

Chúng tôi bước ra ngoài, nói qua với Phụng đang ngồi gác ở ngoài sân, rồi ra vườn. Mặt trời đã lên cao, đổ ánh nắng nóng gắt xuống mấy nếp nhà tranh cũ kỹ nằm trên những mảnh đất hẹp, không có hàng rào ngăn cách, trên một triền đồi thấp chạy dài đến mấy thửa ruộng ở phía dưới. Trong vườn, không có cây lớn, chỉ vỏn vẹn mấy đám rau muống và mấy hàng chuối tây, lác đác điểm những nụ hoa đỏ thắm.

Tôi thắc mắc nhìn anh Tứ:

— Vườn tược thế này thì làm gì có củi?

— Phải ra đến tận bụi tre đàng kia, may ra kiếm được ít cành khô.

— Nhưng họ trồng chuối Tây để làm gì? Ở trong Nam, chúng ta chỉ trồng loại cây ấy để làm cảnh.

— Tôi đã hỏi người chủ nhà hôm qua rồi. Người ta trồng loại chuối ấy để lấy củ ăn thay gạo, cho nên họ trồng thành hàng sát nhau như thế. Và vì không có ao hồ, họ trồng rau muống cạn trên đất.

— Vườn tược xơ xác, có vẻ không được chăm sóc.

— Điều đó cũng dễ hiểu: nông dân phải làm ruộng cho hợp tác xã. Sau một ngày lao động vất vả, họ phải lo mua bán lặt vặt, phải họp hành liên miên, thì giờ đâu mà làm vườn?

Tôi chợt nhớ ra: người chủ nhà, chị vợ, và đứa con gái nhỏ ít khi ở nhà. Chúng tôi đứng lại trước một khóm tre, đảo quanh mắt tìm kiếm những cành khô. Anh Tứ quay lại nhìn, và khi thấy Phụng không đi theo chúng tôi, anh cho biết:

— Hôm qua, khi Hiên hỏi về việc mua thực phẩm, người chủ nhà cho hay vùng này thiếu ăn thường xuyên, và họ phải đạp xe đi xa hai, ba chục cây số mới mua được bắp và khoai, chứ không mua được gạo.

— Theo tôi đoán, chị vợ nấu rượu. Gạo đâu mà nấu?

— Làm gì có gạo! Sắn đấy!

*
* *

Sáng nay, Hiên và Lợi ra đi thật sớm. Họ không lãnh được thực phẩm, trở về thảo luận với Thuần, rồi lại ra đi. Khoảng một giờ sau, Lợi bước vào trong sân, tay xách một con chó lông vàng. Có lẽ họ đã rút tiền ở trạm tiếp tế để mua chó về làm thịt. Mấy tay bộ đội nhao nhao tán thành:

— Nhậu mận đi thôi!

Trong lúc đám bộ đội rộn ràng làm thịt chó, anh Tứ gọi tôi ra vườn kiếm củi để nấu cháo cho anh Lộc. Anh Tứ ghé vào tai tôi:

— Đường bị nghẽn, việc tiếp tế lương thực gặp khó khăn.

— Họ nhân đó mà mua thịt chó.

— Anh ăn thịt chó bao giờ chưa?

— Chưa. Hồi còn ở trại Ba, bác có ăn thịt vượn không?

— Không phải là vượn, mà đúng là con "dôộc". Hôm đó tôi hỏi Đệ có ăn được không thì Đệ cho biết là con vật mới bị bắn, thịt còn tươi, nên tôi có nếm thử. Chẳng ngon lành gì.

— Nếu hôm nay họ chia thịt chó cho chúng mình, Bác có nghĩ rằng Weaver sẽ ăn không?

Anh Tứ ngập ngừng một lúc rồi cười xòa:

— Cái đó thì chưa biết. Trong hoàn cảnh chúng ta...

Thật vậy, trong điều kiện sinh sống thiếu thốn, khó mà chọn lựa thức ăn, nhưng trong 5 tháng ở vùng Trường Sơn, mặc dù bị đói thường xuyên, chúng tôi không bao giờ ăn bậy. Tôi nhắc lại một chuyện cũ:

— Bác có nhớ anh Thuyên vì ăn cóc mà bị ngộ độc, sưng phù cả mặt lên không?

— Các anh ấy ăn uống ẩu lắm. Nhưng họ đáng thương hơn đáng trách. Ở tù lâu năm, đói quá, nên vớ được thứ gì thì ăn thứ đó. Đôi khi bị bệnh mà không thuốc men, họ tìm ăn những con vật mà họ tin là chữa được bệnh hiểm nghèo.

Chúng tôi trở vào nhà vo gạo và nhen lửa nấu cháo. Anh Lộc vẫn còn sốt, nằm bất động trên võng, mắt nhắm nghiền lại. Weaver ngồi bó gối, lặng lẽ nhìn mấy người bộ đội đang tíu tít bận rộn với món nhựa mận ở ngoài sân. Không biết anh nghĩ gì, nhưng tôi nhớ một lần, khi anh thấy một tù nhân vặt lông một con chim xanh, gần giống như con két, vừa mới bẫy được, anh nói:

— Con chim ấy, ở Mỹ, bán được giá lắm.

Có lẽ anh muốn ngầm bảo người bạn tù rằng ở bên nước anh, người ta thường không ăn thịt chim ấy, và chỉ bán cho người khác nuôi.

Tôi múc cháo ra bát. Anh Tứ tìm Lợi, hỏi lấy muối. Nhìn thấy chúng tôi, Hiến bước vào nói với Lộc vừa ngồi dậy trên võng:

— Đảng và Nhà Nước chăm lo sức khỏe cho anh. Anh cứ an tâm chữa bệnh.

Rồi Hiên hướng về anh Tứ và tôi:

— Các anh nên giúp đỡ anh Lộc. Sống trong tập thể miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đừng bao giờ quên "mình vì mọi người, và mọi người vì mình". Các anh nên từ bỏ cá nhân chủ nghĩa của chế độ tư bản. Chúng tôi đã chán ngấy luận điệu và lối nói có tính cách "giáo dục" rẻ tiền của Hiên. Bị ngành tuyên truyền của chế độ Cọng sản đầu độc, Hiên hiểu lầm xã hội miền Nam. Biết rằng giải thích cho Hiên cũng vô hiệu, chúng tôi không đáp, và đến ngồi cạnh Lộc:

— Anh thấy trong người thế nào?

— Còn mệt lắm.

— Có thấy đói bụng không?

— Không thấy đói, nhưng cố ăn một tí.

— Lát nữa, anh thay quần áo, tôi sẽ đem ra sông giặt. Sẽ đề nghị đi tắm trưa nay.

Chúng tôi nhìn Lộc húp từng ngụm cháo một. Không ai nói ra, nhưng có lẽ anh Tứ cũng như tôi, đang nhớ đến người bạn Godwin đã sớm vĩnh biệt chúng tôi. Không phải tôi bi quan, nhưng

thực tế trước mắt không cho phép tôi suy nghĩ khác được.

Chợt có tiếng gọi vang lên từ ngoài sân:

— Các anh ra ăn cơm!

Tôi vẫy tay ra hiệu cho Weaver, rồi chúng tôi ngồi quây quần quanh một cái mẹt tròn. Không ai bảo cho Weaver là anh sắp ăn thịt chó, vì ai cũng biết là anh biết rồi: anh đã chứng kiến công việc giết chó từ đầu đến cuối. Dĩ nhiên, các cán bộ và bộ đội Việt Cọng không lưu ý đến vấn đề, và có lẽ họ cũng không ngờ rằng nhiều dân tộc không ăn thịt cầy, xem chó là một gia súc trung thành với chủ, đáng được nâng niu, chăm sóc, và không ai giết để ăn thịt. Họ ồn ào cười nói, tự hào về nghệ thuật chế biến món nhựa mận độc đáo, và đang khoái khẩu thưởng thức. Tôi kín đáo liếc nhìn Weaver, và khi thấy anh không ngại ngùng nhúng đũa vào cái bát lớn để gắp những miếng thịt còn nóng hổi, tôi bỗng cảm thấy vừa nhẹ nhõm vừa xót thương cho người bạn tù, và cho cả chính mình. Cùng một lúc, tôi nhớ lại cơn đau bụng khủng khiếp của anh mấy hôm trước, và lời phân trần của anh:

— Các anh không hề hấn gì, mà sao tôi bị tháo dạ đến mức độ này? Tôi cùng ăn uống với các anh, có khác gì đâu!

*
* *

*T*rời nắng chói chang, và không khí nóng hừng hực. Chỉ vượt một đoạn đường ngắn từ nhà ra bờ sông, mà mồ hôi đã vã ra, ướt đẫm chiếc áo mỏng. Nhưng nước sông khá lạnh, nên tôi dè dặt, từ từ bước vào lòng sông, và dừng lại khi nước ngập đến nửa người. Bỗng cái khăn tắm — cái khăn tôi đem theo khi rời khỏi Huế, đã quá cũ và đã ngả màu cháo lòng — tuột ra khỏi cổ, rơi xuống, thấm nước rất nhanh và chìm ngay. Tôi vội vàng sụp người xuống nước để vớt lên, và khi chụp được cái khăn, một cảm giác lạnh buốt đột ngột tràn khắp cơ thể. Lo ngại, tôi chỉ tắm qua loa, rồi lên bờ giặt quần áo và sưởi nắng. Nhưng nhiệt độ gay gắt của buổi trưa hè không đánh tan được cái giá rét như tiềm ẩn trong xương thịt, và tỏa dần ra trên mặt lưng, trên con đường về, lần này, không có được một giọt mồ hôi. Tôi ngờ rằng tôi bắt đầu lên cơn sốt.

Nhờ anh Tứ xát cao Sao Vàng vào lưng xong, tôi nằm nghỉ trên võng. Loại dầu cù là ấy chỉ có tác dụng nhất thời, và cái cảm giác lạnh buốt lại trở về, dai dẳng, không buông tha tôi. Tôi mơ ước một cái chăn len, và lẩn thẩn nghĩ rằng, nếu có một cái bàn ủi đang nóng, đặt một tấm vải lót, rồi ủi lên lưng, chắc tôi sẽ đỡ nhiều. Những cảm tưởng cũ của mấy ngày nằm bệnh đếm mưa rơi trên dãy Trường Sơn vụt trở về: một lần nữa, tôi ý thức sâu sắc tình trạng bơ vơ lạc loài giữa kẻ thù, trên một mảnh đất đối nghịch, và

nỗi bất lực trước bệnh tật đang uy hiếp thể xác. Tôi mơ màng cảm thấy cái chết chập chờn lẩn quất đâu đây, dưới mái nhà tranh chật hẹp và đầy ác cảm này. Thà chết tan xác đột ngột dưới bom đạn còn hơn là ốm đau không dứt trong hoàn cảnh tù đày... Đang suy nghĩ miên man, tôi chợt nghe anh Tứ lên tiếng gọi:

— Mình nên chuẩn bị nấu cháo cho anh Lộc là vừa.

Khi ngọn lửa được nhen lên, tôi ngồi quay lưng vào bếp, hi vọng nhiệt độ của lửa sẽ đánh tan cái giá buốt trong người. Nhưng ngọn lửa yếu ớt chỉ có một ảnh hưởng rất hạn chế. Và một lát sau, khi nồi cháo đã chín, lửa đã tàn, tôi trở lại tình trạng cũ: cái lạnh buốt từ xương sống toát ra làm cho tôi run lật bật, không cách nào cưỡng lại được.

Sau bữa cơm ăn vội, tôi nằm nghỉ trên võng. Anh Tứ lại gần tôi, nỗi lo âu hiện rõ trên nét mặt, nhắc nhở:

— Ngày mai, nếu không thấy đỡ, anh nên báo cáo cho Thuần biết. Tôi đánh thêm cao Sao Vàng cho anh.

Rồi anh thì thầm:

— Tình hình này, chắc còn ở đây lâu, chưa đi ngay được đâu.

Tôi hiểu anh ám chỉ đến hoạt động của không quân Mỹ trong mấy ngày gần đây. Anh Lộc trở mình trên võng, quay lại phía tôi:

— Bác đau ra sao?

— Bị cảm lạnh. Anh đã đỡ chưa?

— Có lẽ cơn sốt đã xuống.

— Thế thì may lắm. Chỉ mong cho anh mau lành.

Lộc ngước đôi mắt mệt mỏi nhìn tôi, như không muốn tin nhận xét có vẻ lạc quan của tôi, trong lúc Weaver từ ngoài bước vào, tiến đến hỏi Lộc:

— Anh cảm thấy thế nào?

— Khá hơn hôm qua.

Giọng nói và thái độ ân cần của Weaver rõ ràng không có tính cách xã giao. Đã nhiều lần, trong những giờ phút khó khăn, chúng tôi xích lại gần nhau, thương mến nhau hơn, cố gắng giúp đỡ nhau. Chúng tôi không có phương tiện vật chất để hỗ trợ nhau, nhưng chia sẻ những nỗi lo âu trong lúc hoạn nạn, cũng giảm đi được phần nào cái cảm tưởng cô đơn khi phải sống trong lòng địch.

Chiều buông dần ngoài khung cửa sổ. Mấy người bộ đội rủ nhau ra ngoài sân hóng mát, rồi đi thăm viếng mấy gia đình lân cận. Chúng tôi lại im lặng. Trong căn nhà hẹp, chỉ nghe tiếng cái quạt lá cọ đập muỗi đều đặn của Weaver như đánh nhịp cho thời gian đang nặng nề trôi... Rồi đêm đến, đêm hiu hắt buồn của nông thôn âm u đang phập phồng chờ đợi và lo sợ một cuộc không tập bất ngờ, đêm dài dằng dặc của những kẻ lưu đày đang thắc mắc về

những ngày sắp tới với những hậu quả chưa lường trước được cho tương lai đất nước và cho chính bản thân mình. Tôi trằn trọc mãi không ngủ được. Những hình ảnh rõ nét của cuộc sống trước đây ở miền Nam lại hiện về, không chọn lựa và không theo một trình tự thời gian nhất định. Những khuôn mặt, những tên người, tên đất quen thuộc, thân yêu, gần gũi mà xa vời quá. Tôi đang xa dần tất cả, đã xa hẳn rồi.

Mấy người bộ đội đã rộn rịp trở về, và mắc võng nằm ngủ. Thuần và Hiền cũng thôi chuyện văn rì rầm ở ngoài sân và trở vào nhà. Thôn xóm chìm dần trong im vắng, nhưng cơn sốt gieo hoang mang, giao động trong tâm trí tôi và tôi bàng hoàng suốt đêm, không sao chợp mắt được.

*
* *

— Sự bất quá tam. Lần này chắc có xe.

Anh Tứ đùa như thế, vì cũng tại địa điểm này, đã hai lần rồi, chúng tôi đón đoàn công voa từ Nam ra, mà vẫn chưa thấy.

Anh Lộc góp ý kiến:

— Trong chiến tranh, khó mà dự liệu cho đúng được.

Và một lần nữa, chúng tôi nhận thấy việc di chuyển trên con đường Hồ chí Minh này không phải lúc nào cũng dễ dàng, thuận tiện. Hai hôm trước đây, Anh Lộc đã bình phục, tôi đã qua được cơn sốt vì cảm lạnh, và một buổi chiều, chúng tôi lên đường sau khi nằm lại đúng một tuần lễ tại nhà người xã viên nấu rượu sắn. Chúng tôi được đưa đến một bãi đất phẳng ven đường, và ngồi đợi mãi đến 8 giờ tối, vẫn không thấy bóng dáng một chiếc quân xa nào. Thuần đành dẫn chúng tôi quay lại một xóm nhỏ, tìm nơi tạm trú. Đó là nhà của một giáo viên tiểu học ở địa phương: một căn phòng trống trải, phên tre nền đất với một cái giường tre mong manh và vài cái ghế lỏng chỏng. Tôi ngạc nhiên trước nếp sống nghèo nàn ấy, vì cứ nghĩ rằng nhà của một giáo viên — như trong miền Nam — thì ít ra cũng có một cái bàn viết, một cái giá sách, một cái đồng hồ và một tấm lịch treo trên tường... Mức sống quá thấp ấy xác nhận những lời tố cáo nền kinh tế lạc hậu miền Bắc của những cán bộ Việt Cọng hồi chánh mà tôi đã từng gặp trước đây ở Sài gòn.

Anh Tứ nhớ lại một kinh nghiệm còn nóng hổi:

— Cố gắng ngủ đi một lúc. Ngồi trên xe không ngủ được đâu!

Tôi tựa lưng vào một gốc cây, duỗi thẳng hai chân, và nghe theo lời anh, nhắm mắt lại, nhưng cốt để nghỉ ngơi hơn là tìm giấc ngủ. Trong bóng tối dày đặc, và trong làn gió nhẹ đưa về những âm thanh mơ hồ khó phân biệt được của đêm thôn dã, tôi lắng nghe và

chờ đợi tiếng động cơ quen thuộc của đoàn quân xa. Có bước chân lạo xạo đến gần, và giọng Hiến cất lên:

— Tuyệt đối không ai được hút thuốc. Giờ này chúng quần đảo liên tục, chúng ta phải cảnh giác.

Mãi hơn một giờ sau, chúng tôi mới nghe tiếng máy nổ vang dội lại, rồi đoàn xe bò dần lên cơn dốc dài và ngừng lại trên bãi đất trống. Vẫn những chiếc cam nhông bụi đường bám đầy, được ngụy trang cẩn thận bằng cành lá, với ánh đèn cốt lù mù. Chúng tôi ngồi vào lòng xe, giữa những phuy xăng và những cuộn giây cáp dính đầy mỡ vứt bừa bãi trên sàn.

Đoàn xe trườn đi trong đêm tối, và độ một giờ sau, đỗ lại trước một trạm giao liên. Một đám công binh lố nhố bên đường, nói chuyện như cãi nhau, rồi đùa nghịch với mấy người bộ đội trong đoàn công voa:

— Nào, có quà gì mang từ trong ấy ra không? Mấy hôm nay vất vả quá. Chúng nó bom liên tục.

— Tình hình đường sá ra sao?

— Mới thông được chiều nay.

Từ trong trạm giao liên, sau hàng tre, một vài người chạy ra, nói với một người bộ đội đang đứng trước mũi xe:

— Đồng chí cho chúng tôi đi nhờ một quãng.

— Bao nhiêu người?

— Sáu người. Chúng tôi đi dự đại hội thanh niên cấp huyện.

— Chuẩn bị lên xe đi.

Ba người còn rất trẻ leo lên xe, ngồi lẫn lộn với đám bộ đội. Họ nói toàn giọng Hà Tĩnh:

— May quá, không gặp xe thì gay lắm.

— Chỉ nửa tiếng là đến thôi. Đêm nay có lẽ không mưa.

— Biết đâu đấy!

— Lần này, chắc hội nghị sẽ đưa ra nhiều nghị quyết quan trọng.

— Rồi cũng thế thôi. Thành tích thì lúc nào cũng vượt chỉ tiêu kế hoạch, và quyết tâm lúc nào cũng cao.

Có một tiếng cười khẽ trong bóng tối, trong khi chiếc xe lắc mạnh rồi chồm lên để vượt qua một mô đất gồ ghề. Tôi đoán họ là những cán bộ thanh niên thuộc các xã lân cận. Mọi người lại im lặng ngồi bám vào thành xe, và chỉ một lát sau, đoàn xe ngừng lại. Mấy tay thanh niên vội vàng đứng lên, chuẩn bị xuống xe. Một người bỗng kêu lên:

— Cái áo mưa của tôi đâu rồi? Có đồng chí nào cầm nhầm không?

Không ai trả lời. Một người bộ đội bấm đèn pin:

— Đồng chí để nó ở đâu?

— Thì để trên phuy xăng này.

— Thử nhớ lại xem có để quên ở đâu không? Hay là quên trong trạm giao liên ban nãy rồi.

— Quên sao được. Rõ ràng lúc lên xe là đặt nó ngay vào đây.

Người bộ đội tiếp tục soi đèn quanh các phuy xăng, lật các cuộn giây cáp và mấy cái bao tải lên:

— Chẳng thấy đâu cả. Thôi đành chịu mất vậy.

— Lại đứa nào cuỗm mất rồi!

Danh xưng "đồng chí" đã biến mất, nhưng giọng nói của người thanh niên không có vẻ phẫn nộ, mà chỉ có tính cách phàn nàn, làm cho tôi nhận thấy rằng sự kiện vừa xảy ra không phải là một biến cố hãn hữu. Có lẽ họ đã quá quen với những vụ mất cắp như thế rồi. Mấy tay bộ đội lấy, hay những cán bộ thanh niên lấy của nhau? Tôi chợt nhớ lại lời của một cán bộ ở trại Ba trên dãy Trường Sơn nói với chúng tôi:

— Rồi các anh sẽ thấy. Xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội trong sạch, trong đó mọi người vì mình và mình vì mọi người. Không có trộm cắp như trong các nước tư bản.

Nhưng tôi không ngờ người bộ đội soi đèn pin sừng sộ phản ứng:

— Mày bảo ai cuỗm áo mưa của mày? Đã cho đi nhờ xe rồi còn láo! Cút ngay!

Ngay lúc đó, trong khi người cán bộ thanh niên chưa kịp phân trần, thì từ phía trong ngôi nhà nhỏ, có lẽ là một túp lều tạm trú của công binh, một người chạy ra la lớn:

— Không đi được nữa đâu! Chúng nó mới tung một loạt bom bi ở phía trước. Nguy hiểm lắm. Ngủ lại đây thôi.

— Có tiếng đáp lại:

— Mẹ kiếp! Chẳng có hôm nào đi được thông suốt.

— Hạ thêm mấy chiếc nữa cho chúng nó biết tay. Cho thêm giặc lái vào Hỏa Lò nữa!

Thuần cũng vừa bước ra:

— Các anh theo tôi. Chúng ta sẽ đi bộ cho hết quãng đường này.

(còn tiếp)

Bình Nguyên Lộc

Không lơ-là với lơ-láo.

*V*ậy là không có ai lơ-là với tiếng lơ-láo cả (Lơ-là là từ địa phương miền Nam có nghĩa là Thờ-ơ).

Và đó là một sự may mắn lớn. Người học, khi trình ra thắc mắc nào là có ý nêu nhận định của mình ra, hầu mở đường cho thảo luận, mong chân lý sẽ tìm thấy ở cuối đường. Nếu không ai buồn thảo luận hết, thì hoàn cảnh giống như la làng mà làng không tới, la mãi, mỏi mồm, tiu nghỉu một hồi rồi ngủ khò.

*
* *

*V*ề nghĩa của tĩnh-từ Lơ-Láo, có lẽ tôi đã không nhấn mạnh ở điểm then chốt chăng? Đó là rủi ro. Nhưng trong sự rủi lại gặp may mắn. Nhờ nhấn nhẹ quá, nên nhiều vị, có viết bài, hoặc không có viết bài, mới chú ý đến cho.

Đến đây mới nhớ trong vụ nầy, nằm ở cái từ *"hàng"*. Nó là động từ, có nghĩa là "Đầu hàng", hay là danh từ có nghĩa là "Hàng ngũ"? Giải quyết xong vấn đề ngữ nghĩa của "Hàng", thì "Lơ láo" không còn là bài toán phải giải lý nữa.

Then chốt là ở đó. Tôi cám ơn hai ông Triều Khê và Võ Đình đã đếm xỉa đến từ "Hàng" trong vài mươi dòng chữ, tạo cho chúng ta một đám đất đứng để mà thảo luận về vấn đề then chốt. Mở được cái chốt ấy ra rồi thì tự nhiên là hiểu được "Lơ láo" dễ dàng, và chính tôi là kẻ phải đầu hàng trước, nếu Hàng có nghĩa là Đầu hàng.

Luận cứ của hai ông Triều Khê và Võ Đình, xem ra, chẳng khác nhau bao nhiêu về "Hàng". Hàng là động từ, có nghĩa là "Đầu hàng", chớ không phải là danh từ có nghĩa là "Hàng ngũ". Ông Võ

Đình có ý kiến rằng người như Từ Hải, mà có bận tâm về gì, thì bận về vua nhà Minh, chớ đám quan lại của ông vua ấy, chớ "Hàng ngũ" quan lại, không phải là mối lo nghĩ của Từ Hải. Ông Triều Khê cũng có đại ý không khác bao nhiêu về mối bận tâm của Từ Hải.

Chỉ có tôi là hiểu khác thôi, ngược hẳn với đa số. Tôi nghiệm thấy con người thường sống với gia đình, với bạn hữu, chớ không phải với ông xếp. Thí dụ tôi đang làm thơ ký đánh máy cho một hãng điện tử ở San Jose, chắc tôi rất sợ ông chủ hãng "phai-ơ" tôi, hay cho "lê-ốp", nhưng mặc dầu có sợ, tôi cũng bất cần thái độ của ông xếp đối với tôi. Cái không khí mà trong đó tôi sống hằng ngày là không khí của văn phòng, trong ấy có mặt bạn đồng sở của tôi. Tôi vui sống được, hay khổ sở mỗi hôm, chỉ do khí hậu văn phòng ở đó mà thôi, chớ còn văn phòng của chủ hãng, chắc ba bốn tháng tôi mới được vào đó một lần. Như thế thì anh hùng như Từ Hải, hoặc xoàng xỉnh như tôi, đều phải bận tâm về hàng ngũ đồng liêu, chớ không phải về thái độ của ông xếp.

Ông Võ Đình cho rằng lo lắng về hàng ngũ quan lại là có tâm trạng tầm thường không xứng đáng với một người như Từ Hải. Tôi không thấy nó tầm thường ở điểm nào cả, mà chỉ thấy nó bình thường thôi, một tâm trạng bình thường khi con người, cho dẫu con người ấy là người hùng. Vả lại chính để bạn hữu tương lai lên trên một ông vua mới là khí phách của người hùng ấy chớ. Từ Hải hùng, nhưng bình dân, nhiều cảm tình với người đồng giai cấp và người ở giai cấp dưới, hơn là có cảm tình với ông xếp quá cao.

Từ Hải dấy quân để làm gì? Chắc là để tranh hùng, tranh bá với ông xếp đó, chớ đâu có phải vì lý do nào khác. Vậy Từ Hải có coi ông xếp ấy ra gì hay chăng mà phải lo nghĩ về ông xếp đó trước hơn về bạn đồng liêu tương lai, trong đó, không phải ông nào cũng "giá áo túi cơm" hết. Ngày xưa, không phải hễ làm quan cho vua là ông nào cũng "giá áo túi cơm", cũng như ngày nay, không phải người công chức cao cấp nào cũng "giá áo túi cơm". Có khá đông đồng liêu chơi được, trong một trào đình nào đó. Từ Hải bận tâm về các ông đó, họ sẽ cô lập hóa tinh thần của họ Từ chăng, chớ nếu chỉ nghĩ về vua nhà Minh thì hóa ra Từ Hải chỉ nhằm vào bổng lộc hay sao. Người hùng ấy đã thừa của cải rồi, được quyền cao tước trọng, chắc cũng chẳng màng, còn như sẽ bị cho "ngồi chơi xơi nước" thì đó là một lý do lớn để Từ Hải băn khoăn về không khí tương lai ở trào đình, nó lạnh lạt với họ Từ hay chăng là do hàng ngũ quan lại, chớ không hề do vua nhà Minh không lo chức tước mà nhà vua sẽ ban cho.

Được trọng đãi, họ Từ sẽ có thể bị đồng liêu ganh tị. Bị cho ngồi chơi xơi nước, họ Từ sẽ cô đơn. Cả hai tương lai đều bất lợi cả, nên họ Từ mới phải bận tâm về thái độ của hàng ngũ quan lại, chớ ông trùm lớn của nhà Minh, có sao đi nữa, Từ Hải cũng sẽ không có dịp sống gần, vui buồn với ông ta.

Trong một trào đình, trong một công tư sở, trong một cộng đồng, các thành viên vui, buồn với nhau, sung sướng hay đau khổ với nhau, gặp gỡ nhau. Rất ít có khi họ tiếp xúc thân mật với vua, với chủ sở, chủ hãng, với ông chủ tịch cộng đồng, chính vì những xếp lớn đó không cùng hàng ngũ với họ. Một ông họa sĩ vui buồn với các ông họa sĩ khác, chớ còn ông bộ trưởng bộ văn hóa, văn nghệ, họ đâu có phải, hoặc đâu có buồn tới lui với ông ấy nhiều lần. Như tôi, mỗi ngày tôi vui buồn với con cháu tôi, mỗi tuần tôi chơi cờ tướng với một đồng hương trong khu phố tôi, hoặc đi ăn nhậu với một đồng hương ở khu phố khác, cũng chung một cộng đồng, còn thì toàn thể chúng tôi, mỗi năm chỉ tiếp xúc với ông chủ tịch cộng đồng có hai hoặc một lần, ông ấy vui tôi không hay, ông ấy buồn tôi không biết, mặc dầu ông ấy có lo lắng cho tôi. Tại tôi không là người hùng chăng? Nhưng tôi thấy những "người hùng" cũng sống với tôi, mà không sống với ông chủ tịch bao giờ.

Theo nhiều tài liệu lịch sử thì thuở phục vụ cho trào Nguyễn, cụ Nguyễn Du cũng chỉ vui buồn với một số đồng liêu của cụ thôi. Mặc dầu cụ được trào Nguyễn trọng đãi cụ cũng không có gần vua Nguyễn, mà toàn thể trào đình Nguyễn cũng đều như thế cả, chớ không riêng gì là cụ Nguyễn Du, để cho ta có thể nói rằng là tại Nguyễn Du chỉ phục vụ gượng gạo, nên mới sanh ra bức tường xa cách đó. Hàng ngũ quan lại trào Nguyễn đâu có ai có thể bị ta nghi là làm quan gượng gạo, ấy thế mà các ông quan đó cũng chỉ cần nhau thôi, chứ có ai cần vua Nguyễn bao giờ.

*
* *

Ông Triều Khê có đưa ra một bằng chứng mà ta phải kể tới. Đó là cái gạch nối liền giữa Hàng và Thần. Đó là bằng chứng rằng Hàng là hình-dung-từ (chức năng văn phạm thứ nhì, sau chức năng động-từ). Bằng chứng đó là bằng chứng lớn đấy. Nhưng ngộ như nếu người trông nom các bản in, vì hiểu rằng Hàng là đầu hàng, nên rồi tự ý thêm cái gạch nối liền ấy thì sao? Nếu như thế thì ta chỉ còn có một cách để tìm biết sự thật. Ta sẽ cố tìm một bản chữ nôm khá cổ, để xem coi bản ấy viết chữ như sao. Nhưng một bản nôm độc nhứt, chưa đủ là bằng chứng đáng tin, mà phải dùng nhiều bản mới được, vì những vị chép bản nôm, thường tự ý sửa

văn tự, theo ý họ. Ta thấy thành Chà Bàn (do Chabang của Chiêm Thành, có nghĩa là kinh đô phụ) bị các ông chép sách, chép ra là Đồ-Bàn, chỉ vì các ông thấy rằng Chà Bàng không hay, không có văn vẻ gì hết, còn Đồ-Bàn thì viết ra chữ nho được, có nghĩa tốt (Chà và Đồ hơi giống nhau về tự dạng). Đó là cố ý viết khác, chớ không phải là lầm tự dạng đâu.

Nếu chúng ta dứt khoát được về ngữ nghĩa của "Hàng" rồi, thì "Lơ-Láo", chỉ là chuyện phụ, nhưng đáng kể, và tôi mong đợi những chỉ giáo về "Hàng", với những luận cứ và bằng chứng khác hơn nữa. Cho tới nay, chúng ta chỉ suy luận thôi, mà suy luận thì có thể đúng, có thể sai. Cái bằng chứng ấy, riêng tôi, tôi thấy nó duy nhứt: vài bản môn khá cổ. Nhưng bằng chứng nói trên, cũng không giúp một số người bớt thắc mắc, một số người hiếm hoi, đã hiểu như tôi hiểu, vì biết đâu cụ Tiên Điền lại không "nôm" theo lối riêng của Cụ là mượn chữ Hàng động-hình-dung-từ để viết chữ Hàng danh-từ. Làm như vậy, ít phiền phức hơn viết ra chữ Hàng danh-từ nó vốn là tiếng ta. Tự điển Khai-Trí Tiến-Đức, hễ từ nào gốc Hán thì đều được chua chữ nho vào, thí dụ Hàng phục, Hàng tướng. Còn Hàng với cái nghĩa là Bọn và Tốp thì không có chua chữ nho. Nhiều cụ dùng chữ nho "Niên" để ký hiệu cho âm "Năm" Việt Nam, ở nhiều văn kiện chữ Nôm, cũng với mục đích viết nhanh, đỡ tốn công hơn là Nôm bằng cách ghép Nam với Niên.

Hồi ở Sàigòn, cụ Bùi Hữu Sủng có cho in một bản Kiều mà tôi thấy là rất quí. Cụ in cả ba bản chữ nôm khác nhau vào đó, để chúng ta so sánh, nghiên cứu, lựa chọn bản nào mà chúng ta tin rằng gần nhứt với nguyên tắc. Ba bản chưa là nhiều, nhưng vẫn hơn là hiện tôi chẳng có bản nào trong tay cả. Tôi có kính thư cho Cụ Bùi hai lần, cả hai lần đều không được trả lời. Vậy xin kêu gọi quí vị khác.

*
* *

Tôi xin tạm tránh thảo luận về "Lơ láo", vì nghĩa của "lơ láo" tùy thuộc nghĩa của Hàng, mà Hàng thì đã xong đâu.

Về "Ghềnh" thì ông Võ Đình có một ý kiến rất độc đáo. Ông cho đó là cái ghềnh nhơn tạo, theo lối non bộ. Quả có ghềnh nhơn tạo thật, ở Tàu và Nhựt, nhưng chỉ có nơi tư nhơn mà thôi. Mộ Đạm Tiên nằm trong một nghĩa địa công cộng, chớ không phải là nghĩa trang riêng của dòng họ giàu có nào, thì chắc không ai bỏ tiền ra để mà tạo cảnh ở đó. Điều nói ra trên đây, cũng để đáp lời ông Triều Khê, ông cho rằng Nguyễn Du không hề nói "Mộ Đạm Tiên ở trong một nghĩa địa lớn". Quả Nguyễn Du không có nói thẳng ra như thế, nhưng có nói gián tiếp bằng đoạn "Ở đây âm khí nặng nề". Một nấm mộ lẻ loi, một nghĩa trang nhỏ, chắc không có "âm khí nặng nề đâu".

Tôi chưa sang Tàu lần nào hết. Nhưng đọc tiểu thuyết "Bức màn sơn" của ông Maugham tôi thấy tác giả đó có tả một nghĩa địa công cộng của Tàu ở trong tỉnh Quảng Đông. Bên Tàu, chỉ có các gia đình không giàu mới chôn cất người thân ở các nghĩa địa công cộng. Đạm Tiên bị "vùi nông một nấm", thì hẳn là vùi ở nghĩa trang công cộng, chớ không chôn cất tử tế ở các nghĩa trang gia đình.

*
* *

Theo hai ông Triều Khê và Võ Đình thì vài từ mà tôi đã nói đến, như là *lơ-láo, ghềnh,* đã được lắm người hiểu khác nhau, và có một vị hiểu rất lạ. Đó là ông Nguyễn Văn Vĩnh, ông ấy hiểu Ghềnh là Arroyo. Điều ấy chứng tỏ quả có cái hiện tượng ngôn ngữ mà tôi đã nói đến trong bài: "Dân tộc nào trên thế giới cũng quên nghĩa của một số từ cổ của họ". Đó là những từ đang hấp hối. Những từ đã chết, thì mất luôn, không ai phải thảo luận về những từ ấy nữa.

Bình Nguyên Lộc

VIÊN SỎI CỦA QUÊ HƯƠNG

thi tập của Hàn Song Tường

xuất bản tại Houston, Texas 1976
dày 64 trang. Giá 6 Mỹ kim.

Thi tập này gồm 24 bài, mỗi bài là một tâm sự, một cung thương khác biệt. Bài thơ lấy làm nhan đề cho tác phẩm đã gói trọn tình cảm và hoài bão trong 3 câu cuối :

Tặng cho tôi viên sỏi nhỏ quê nhà
Viên sỏi buồn, viên sỏi biết phong ba
Tôi kiêu hãnh dùng làm bia tưởng niệm.

Hàn Song Tường sở trường về thơ 8 chữ, có 11 bài trong toàn bộ tập thơ. Thơ Hàn Song Tường phản ảnh một tâm hồn người dịu hiền, điểm xuyết chút lãng mạn của đàn bà, nhưng mặt khác lại mang nỗi ưu tư của một thân phận lưu đày, vẫn bùng lên ánh lửa đấu tranh:

Trong túi áo còn giữ thơ tôi viết
Trong mắt anh có nhớ bóng quân thù

Phải chăng tính thời thế hoà nhịp với tính lãng mạn cần thiết vẫn là một mẫu số chung của văn chương lưu vong?

TRƯỜNG DI

Tập thơ hiện có bán tại các hiệu sách.

Kim Y Phạm Lệ Oanh

Góp ý với nhà văn Bình Nguyên Lộc về bài "Tìm hiểu truyện Kiều".

Gần đây tôi được đọc bài TÌM HIỂU TRUYỆN KIỀU của nhà văn B.N.L. đăng trong tạp chí Văn Học số 8-9 tháng 10/86, trong đó nhà văn nêu lên mấy điểm khiến ông thắc mắc trong bốn câu của truyện Kiều sau đây:

1. *Phong tình cổ (hay có) lục còn truyền sử xanh.*
2. *Rắn (?) thân về với triều đình.*
3. *Hàng thần lơ láo phận mình ra sao? (đâu)*
4. *Chiếc (?) cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*

Truyện Kiều là một áng văn chương gần như toàn bích trong Văn học Việt Nam, trải bao triều đại phế hưng, qua bao tang thương biến chuyển, mà giá trị vẫn vững vàng sáng chói. Từ trước tới nay, đã có bao nhiêu nhà văn nhà thơ, học giả tốn khá nhiều giấy mực, mổ xẻ, phân tích tỷ mỷ từng câu từng chữ, để tìm hiểu nghĩa lý sâu xa trong những câu văn bất hủ đó. Nhờ thế mà vô hình trung cũng giúp cho các bạn trẻ mai sau, những ai muốn nghiên cứu truyện Kiều, có đủ tài liệu quí báu để tham khảo. Vậy thì việc nêu lên những câu văn khúc mắc khó hiểu để chất chính cùng các vị cao minh trong văn giới, không những nên làm, mà còn cần thiết phải làm, dù có phải tốn thêm bao nhiêu thì giờ, thiết tưởng cũng không phải vô ích.

Do lẽ đó, nên sau khi đọc xong bài TÌM HIỂU TRUYỆN KIỀU của B.N.L. tiên sinh, tôi chợt nảy sinh cảm hứng, đánh bạo cầm bút viết bài này, mong góp với nhà văn một vài kiến thức thô thiển. Hội ý nhiều người, biết đâu không tìm được những giải đáp hợp lý.

Qua mấy điểm thắc mắc của ông B.N.L. trên kia, ở đây tôi cũng chỉ xin lần lượt trình bày những thiển kiến của tôi về mấy câu

văn đó. Vì truyện Kiều chắc cũng còn nhiều điểm đáng thắc mắc, nhưng không thuộc phạm vi bài này, nói dài dòng quá, e nhàm tai bạn đọc.

1. Phong tình cổ (hay có) lục còn truyền sử xanh.

Nhà văn B.N.L. dẫn bản Kiều do thi sĩ Tản Đà chép là: "Phong tình có lục..." và thi sĩ nhận trách nhiệm về chữ có, không phải lỗi tại nhà in. Ông nói: "... chữ Nôm *Cổ* với *Có* đều viết như nhau, vậy đó là *Có* chớ không phải là *Cổ*..."

Ông B.N.L. cũng không bảo Tản-đà nói thế là đúng hay sai, ông chỉ ngập ngừng mỗi khi ngâm đến câu văn ấy thôi.

Rất tiếc, tôi không được đọc lời giải thích của thi sĩ Tản Đà nên không dám lạm bình. Có điều tôi hơi ngờ: một người được hun đúc trong lò Hán học từ nhỏ tới lớn như Tản Đà lại có thể bảo chữ Nôm *Cổ* với *Có* cũng viết như nhau được: thật ra, hai chữ ấy viết thế này:

古 **Cổ**, nguyên chữ Nho là Cổ, nghĩa là: Ngày xưa, thủa trước, cũ, lâu v.v... Ta dùng sang chữ Nôm vẫn đọc là Cổ.

固 **Có**, nguyên chữ Nho là Cố, nghĩa là: bền chắc, kiên cố. Ta thường mượn âm đọc ra tiếng Việt là Có.

Hai chữ trên này, người biết chữ Nho hoặc chữ Nôm không thể đọc lẫn được. Nếu có lầm, hẳn phải lầm ở bản quốc ngữ: *Cổ* với *Có* khác nhau chỉ bởi cái dấu, thợ nhà in sơ ý sắp lẫn là thường, nhưng ông Tản Đà không lẽ lại căn cứ vào bản Kiều quốc ngữ để chú thích, vì thời ông bản Kiều bằng chữ Nôm hãy còn nhiều lắm.

Thi sĩ Tản Đà còn nói: "Không bao giờ có cuốn sách nào tên là Phong tình..." câu này, tôi nghĩ ông cũng lại lầm nốt; chuyện phong tình là chuyện nói về mối tình giữa đôi bên trai gái, cũng như chuyện thần thoại là chuyện nói về thần tiên ma quỉ, không nhất định phải có cuốn truyện nào tên là Phong tình hay Thần thoại mới được đâu? Chẳng lẽ ông Tản Đà lại không nghĩ tới điều đó? Ngày xưa chữ Nôm cũng như chữ Hán, khi viết một danh từ, người ta không viết bằng chữ hoa, hay để gạch nối như chữ quốc ngữ, tại sao cứ nhất quyết cho chữ "phong tình" trong câu nói trên là tên của một cuốn sách?

Theo tôi nghĩ trong câu này dù để chữ "cổ" hay chữ "có" cũng không làm cho ý nghĩa câu thơ đổi khác; ta hãy thử đọc kỹ nguyên văn xem chữ nào đặt vào đây là đắc thể:

Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh,
Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh

.....

Rõ ràng tác giả thuật lại câu chuyện chép trong sách sử từ đời Gia Tĩnh triều Minh, không cần nói là "cổ lục", người đọc cũng biết ngay không phải là chuyện đương thời, vậy thì *Có* hay *Cổ* có làm thay đổi được gì đâu, hà tất phải nhiều sự sửa đi chữa lại cho thêm rắc rối? Vả chăng, các bản Kiều cũ đều viết chữ "Cổ" đủ thấy chữ "Có" không phải nguyên văn của cụ Nguyễn Du. Tại sao ta không theo cụ Nguyễn Du mà lại theo ông Tản Đà?

Nhà văn B.N.L. cho đây chỉ là chuyện vặt, dù "Cổ" hay "Có"gì nữa cũng không làm giảm giá truyện Kiều. Tôi thì tôi không nghĩ thế, câu: "Phong tình cổ lục..." lời văn nhẹ nhàng và lịch sự, khác hẳn câu: "Phong tình có lục..." vừa lủng củng vừa cứng ngắc, đọc tới đây tưởng như người đang nhai cơm vấp phải hạt sạn, không thể không ngừng lại — Không trách ông B.N.L. ngập ngừng mỗi khi ngâm đến câu này cũng phải — Trong một câu văn, thơ hay, có khi chỉ vì dùng một chữ gượng ép, mà làm cho câu văn giảm hẳn giá trị. Ta không nên quá dễ tính, cho là chuyện vặt không đáng để ý, mà bỏ qua đi (1).

2. Rắn (?) thân về với triều đình.

Câu này, từ trước đến nay, các bản Kiều đều chép là "Bó thân", chưa thấy có bản nào chép là "Rắn" hay "Dấn thân" cả. Đặc biệt, bản chữ Nôm từ đời Thành Thái còn ghi cả nguyên văn chữ Hán: "Thúc thân qui triều". Cụ Nguyễn Du dịch: "Bó thân về với triều đình", vừa lưu loát vừa sát ý. Thúc, nghĩa đen là trói, buộc, bó... kẻ thua trận tự trói mình quì trước kẻ thù xin đầu hàng; nghĩa bóng là bó buộc, gò mình, khép mình theo qui củ, luật lệ, trường hợp như Từ Hải đang là một tướng giặc vẫy vùng bốn bể, hùng cứ một phương, bây giờ về hàng triều đình, chịu thể chế khắt khe bó buộc, nên phải gọi là "bó thân" mới đúng. Còn chữ "Dấn" chỉ có nghĩa là tự ý xông vào, dấn mình vào chỗ gian lao để hoàn thành một sứ mạng, một lý tưởng nào đó, như truyện Kiều có câu: "Dấn mình trong đám can qua" đoạn tả Kim Trọng dự tính bỏ hết công danh sự nghiệp, xông pha vào chỗ binh đao khói lửa để tìm Kiều. Nói tóm lại, chữ "Dấn" với chữ "Bó" ý nghĩa khác hẳn nhau, không thể dùng lẫn. Đây chắc cũng chỉ là nhà văn nhớ sai, tôi xin đính chính lại cho đúng.

3. Hàng thần lơ láo phận mình ra sao? (đâu)

Trọng tâm bài TÌM HIỂU TRUYỆN KIỀU của ông B.N.L. là ở câu thơ nói trên (điểm thắc mắc thứ 3).

Chính vì hai chữ "lơ láo", mà ông Bình Nguyên Lộc đã phải tốn bao nhiêu thì giờ tra cứu trong các tự vị, sách vở để tìm hiểu, mà mãi tới mấy mươi năm sau, ông mới may mắn hiểu được đúng

nghĩa của hai chữ đó.

Những thắc mắc và suy luận của ông về mấy câu thơ trên rất nhiều, đây tôi chỉ xin tóm tắt trích một vài điểm chính để chúng ta cùng theo dõi xem những dẫn chứng nào đã giúp nhà văn tìm ra được ý nghĩa "thật đúng" của mấy chữ rắc rối trên.

Và đây, ông B.N.L. cho chúng ta biết:

Một vị giáo sư đại học ở London dịch hai chữ "Lơ láo" ra tiếng Anh là HEEDLESS, chữ này có nghĩa là "Lãnh đạm thờ ơ" (theo tự-điển của vị giáo sư đó).

Dân tộc Phù-Nam nói *Lơ láo* là *Lơ là*, Nam-kỳ mượn dùng, và còn dùng cho đến nay, cũng với cái nghĩa là "Thờ ơ Lãnh đạm" v.v...

Vậy là tất cả có hai phe định nghĩa chữ *Lơ láo* là "Thờ ơ lãnh đạm" và được nhà văn B.N.L. xác nhận là "thật đúng".

Nhưng nếu định nghĩa như vậy thì hai chữ "Hàng thần" cố nhiên không thể chỉ Từ Hải được, mà phải chỉ bọn quan lại triều đình mới đúng; vì bọn quan lại khinh thường kẻ thất thế qui hàng, lại không tin được tâm địa của một tên tướng giặc, nên tỏ thái độ thờ ơ lãnh đạm còn có lý, chớ kẻ thất thế được người bao dung là mừng rồi, còn dám lãnh đạm với ai?

Giảng theo nghĩa đó, nghe cũng có vẻ xuôi tai, nhưng lại thêm một nghi vấn: người Tàu xưa nay vẫn có danh từ riêng để chỉ các quan trong triều như: triều thần, đình thần, quần thần, bá quan v.v... chưa từng thấy tự, từ-điển nào viết là "hàng thần". Không lẽ cụ Nguyễn Du lại có thể làm được?

Theo nghĩa chữ Hán. Hàng là đầu hàng, qui phục — Thần là kẻ bề tôi. Tướng giặc về qui thuận triều đình gọi là "hàng thần": kẻ bề tôi đầu hàng — Bản chữ nôm cũng viết chữ *Hàng* 降 là *hàng phục*, chớ không viết chữ *Hàng* 行 là *hàng ngũ, hàng lối*...

Hai chữ "lơ láo", người Bắc thường dùng để chỉ một kẻ ngoại cuộc bỗng dưng chen vào giữa đám người xa lạ, láo lơ nhớn nhác, nhìn trước ngó sau, không một ai quen biết, tự cảm thấy mình lạc lõng vô duyên, trước những cái nhìn không mấy thiện cảm...

Từ Hải được người chiêu hàng, tự nghĩ: nếu mình qui thuận triều đình, đứng chung hàng ngũ với đám quan lại trong triều, hàng ngày va chạm với các bạn đồng liêu làm cái đích cho những cặp mắt tò mò hướng tới, tự nhiên cảm thấy mình chỉ là kẻ thừa, không ăn khớp với hoàn cảnh, tâm trạng hoang mang, mặt mày lơ láo, không biết số phận rồi sẽ đi đến đâu? Bởi nghĩ thế, nên do dự không muốn đầu hàng.

Dùng hai chữ "lơ láo" để hình dung thái độ và tâm trạng của một kẻ hàng thần, thật không còn chữ nào thích hợp hơn nữa.

Vậy thì, kẻ "hàng thần lơ láo" trên đây, không thể chỉ cho ai

khác ngoài Từ Hải.

4. Chiếc (?) cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Chữ "chiếc" cũng là nhà văn B.N.L. nhớ sai, chính ra phải đọc là *Dịp cầu,* hoặc *Nhịp cầu,* chớ không phải là *Chiếc cầu.*

Ngoài Bắc chỉ có chữ *Ghềnh,* không có chữ *Gành,* nên không lo chuyện lầm lẫn — Ghềnh, theo T.Đ.K.T. định nghĩa là chỗ vũng sâu có nước xoáy mạnh, nhưng chỗ nước xoáy mạnh tất phải ở giữa sông giữa biển, vậy chỗ nào là đầu ghềnh? chỗ nào là cuối ghềnh?

Chinh-phụ-ngâm có câu:

Nhà thôn mấy xóm chông chênh,
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.

Lại như câu: (cũng trong Chinh-phụ-ngâm) :

Cách ghềnh thấy tiếng người đâu đi về!

Câu này nguyên văn của Đặng Trần Côn là :

Hành nhân vi một cách Thương-châu.

.....

Hai chữ Thương-châu, Vân-bình Tôn-Thất-Lương chú thích là tên đất, dịch giả dịch là "Ghềnh" có lẽ không đúng, vì Châu là cái gò, cái bãi nổi ở trên sông, sao lại gọi là Ghềnh?

Còn nếu *Ghềnh* là vũng sâu ở giữa sông, giữa biển như T.Đ.K.T. định nghĩa, thì đàn cò đậu chỗ nào? Dịp cầu bắc vào đâu? Ý nghĩa thật mơ hồ, mâu thuẫn!

Bây giờ ta lại trở về với chữ *Ghềnh* trong câu thơ tả cảnh của cụ Nguyễn Du trên kia:

Bước lần theo ngọn tiểu khê,
Nhìn xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Quí vị độc giả thử treo bức tranh này lên, rồi lùi ra xa mà ngắm kỹ, xem ở đâu, chỗ nào có thể gọi được là *Ghềnh?*

Dòng nước nao nao, là dòng nước chảy từ từ chậm chạp, có thể ở bên cạnh một chỗ nước xoáy thật mạnh, ào ào như thác lũ giữa sông hay giữa biển được không?

Vả nếu dòng nước xoáy ở giữa lòng khe lòng suối (nếu có) cũng gọi là *Ghềnh,* thì câu ca dao: "Công anh lên thác xuống ghềnh" trở thành vô nghĩa, vì ghềnh ở lòng khe lòng suối, thì ai vượt qua chẳng được, có gì ghê gớm mà phải kể công?

Rõ ràng chữ *Ghềnh* đặt vào khung cảnh này không được — về điểm này, tôi cũng đồng ý với nhà văn B.N.L. — Cụ Nguyễn Du chắc không bao giờ chịu dùng chữ cẩu thả như vậy. Nhưng nếu không chấp nhận chữ "Ghềnh", thì ta thử đoán xem nó là chữ gì?

Theo tôi nghĩ, có thể nó là chữ *Duềnh* chăng? Vì *duềnh* với

ghềnh cùng là một vần; chữ *duềnh* do chữ *doanh:* (biển, ao, đầm) mà ra, ta biến âm thành *duềnh* hay *doành.* Truyện Kiều có câu:

Trong sao châu rỏ duềnh quyên.

Hai cụ Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim chú thích: *Doành* là cái vụng, *Quyên* là do chữ thuyền quyên, nghĩa bóng là mặt trăng. Duềnh quyên là vũng nước có mặt trăng chiếu vào.

Bản Kiều của cụ Bùi Khánh Diễn lại chép là:

Trong sao châu rỏ ghềnh *quyên,*

Cùng là một chữ mà hai bản Kiều do ba nhà học giả có tiếng chú giải, đã sai nhau đến thế, nói gì đến các bản khác?

Doành (duềnh) là vũng nước, là cái ao, cái đầm, vậy thì câu thơ trên của cụ Nguyễn Du, ta thử đổi chữ *Ghềnh* ra chữ *Doành,* xem có xuôi không:

Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối doành *bắc ngang.*

Nếu đúng chữ này là chữ của cụ Nguyễn Du, thì chắc độc giả đỡ thắc mắc hơn.

Một cuốn sách hay một bản văn bị sao đi chép lại nhiều lần, tất không tránh khỏi sai lẫn. Phàm người đọc sách, khi thấy một câu văn ý nghĩa mập mờ, ai cũng có quyền nêu lên để cùng khảo xét và tìm hiểu, đó cũng là lợi ích chung cho những người có tâm với văn học.

Để kết luận bài này, tôi xin cảm ơn nhà văn B.N.L. đã cho tôi có cơ hội trình bầy một vài cảm nghĩ hẹp hòi, và luôn tiện xin thỉnh ý quí vị độc giả.

KIM Y — PHẠM LỆ OANH

---

(1) Ta cũng không thể bảo ông Bình Nguyên Lộc đọc bài báo có lời giải thích của Tản Đà đã lâu nên nhớ lầm, bằng cớ hiển nhiên là có mấy bản Kiều sau này đã đổi chữ "Cổ" ra chữ "Có". Coi đó đủ thấy lập luận của Tản Đà cũng được nhiều người hưởng ứng. Và chính vì cớ ấy, chúng ta lại càng cần phải tìm định nghĩa cho rõ ràng.

Nguyễn Quỳnh

Mấy ý kiến về bài viết "Tìm hiểu truyện Kiều" của Bình Nguyên Lộc.

*B*ài TÌM HIỂU TRUYỆN KIỀU của ông Bình Nguyên Lộc sự thực chỉ bàn đến hai từ "LƠ LÁO" và "GHỀNH". Nghĩa là đề tài thì lớn, nội dung thì nhỏ. Trong cả hai trường hợp ông Lộc đã dựa trên giả thiết (hypothesis/ assumption). Phương pháp giả thiết là một phương pháp tốt đối với những vấn đề mà người viết chỉ suy diễn (interpret) trước khi nắm vững được sự thực. Mặc dù bài viết dựa trên giả thiết, ông Lộc đã không khởi đi bằng ý thức về giả thiết, cho nên ông đã quá chủ quan cho những diễn giải của mình là đúng (!). Tôi xin đặt ra một vài vấn đề với bài TÌM HIỂU TRUYỆN KIỀU của ông Lộc.

I. TRƯỜNG HỢP "LƠ LÁO"

Trước tiên, ông Lộc bác bỏ định nghĩa LƠ LÁO (sượng sùng, bẽn lẽn) của Tự-Điển Khai Trí Tiến Đức. Theo ông Lộc, LƠ LÁO là LƠ LÀ, vay mượn tiếng của Phù Nam.

Tôi xin hỏi: *Ông Lộc đã dựa vào dữ kiện lịch sử nào, hoặc những công trình nghiên cứu ngữ học nhân gian nào để biết LƠ LÀ của Phù Nam đã ra ngoài Bắc?*

Chưa giải quyết xong LƠ LÁO trong lịch sử của tiếng Việt, ông Lộc lại lôi LƠ LÁO vào tiếng Anh, với từ HEEDLESS (thờ ơ).

Tôi xin hỏi: *Dựa vào dẫn chứng nào để biết người Bắc trong thời đại Nguyễn Du hiểu LƠ LÁO là thờ ơ?*

Ông Lộc có quyền hiểu truyện Kiều theo thiên kiến của ông, nhưng không thể khẳng định thiên kiến của ông hợp với thiên kiến của Nguyễn Du. Nếu hợp, xin ông một chứng minh trong tinh thần luận lý. (Nên lưu ý, luận lý không phải là những suy diễn võ đoán).

Ông Lộc giải thích rằng Từ-Hải "không có mặc cảm đầu hàng." Điều này chúng ta không rõ. Ông Lộc lại thêm rằng đầu hàng, đối với Từ-Hải, "không phải là một thái độ đáng khinh." Xin ông Lộc đọc lại đoạn thơ sau đây. Tôi cố ý tô đậm những từ tiêu biểu cho phản ứng của Từ-Hải:

Một tay gây dựng cơ đồ,
Bấy lâu bể Sở sông Ngô tung hoành.
***Bó thân** về với triều đình,*
Hàng thần lơ láo, phận mình ra đâu.
*Áo xiêm **buộc trói** lấy nhau,*
***Vào luồn ra cúi** công hầu mà chi.*
Sao bằng riêng một biên thùy,
Sức này đã dễ làm gì được nhau.

Nếu đầu hàng không phải là một thái độ đáng khinh, tại sao Từ-Hải lại nêu lên những viễn tượng thấp hèn như vậy. Và chỉ sau khi đã nêu lên những viễn tượng ấy, Từ-Hải mới thấy nổi dậy trong lòng bản ngã và tự-ái anh hùng của mình.

II. TRƯỜNG HỢP "GHỀNH"

Theo ông Lộc, không thể có GHỀNH trong câu sau đây:
Chiếc (2) cầu nho nhỏ cuối GHỀNH bắc ngang.
Ông Lộc đưa ra một số nhận xét riêng về GHỀNH:

1. GHỀNH chỉ có ở sông lớn (đá ngầm).
2. Sông Đồng Nai có GHỀNH.
3. GHỀNH nằm từ chơn thác đổ xuống lối 5 cây số, tức lối 3 miles thôi.
4. GHỀNH ở sông thì phải xét lại (vì không luôn luôn có đá ngầm).

***Câu hỏi:** Nếu sông Đồng Nai có GHỀNH, xin cho biết ở khoảng nào trên sông Đồng Nai. Nếu GHỀNH ở cách xa chân thác khoảng 3 miles, xin ông Lộc cho biết cái thác nào đổ trên sông Đồng Nai. Như ông Lộc nhận xét ở phần (3), người đọc phải hiểu chỉ có chỗ nào có thác mới có ghềnh. Vậy thì, ở ngoài biển có thác không?*

Ông Lộc lại nhận xét: "Họ (người Tàu) lại tránh tiếng động cho người chết, mà tiếng thác đổ thì lại nghe xa được ở nơi cách thác, hai ba mươi miles." Ông Lộc chưa tới thác Niagara nên sức tưởng tượng còn phong phú. Tôi ở khách sạn cách thác này có 15 phút đi bộ mà ban đêm không nghe tiếng thác chảy. Tôi đi bộ ven sông, từ thác Niagara tới Aquarium mất tới gần nửa tiếng, vẫn không nghe tiếng thác đổ. Hai ba chục miles, tức khoảng từ 32 đến 48 cây số. Một lực sĩ vô địch marathon ở Nữu Ước mất hơn 2 tiếng mới chạy hết 26 miles. Tôi xin ông Lộc hãy nghĩ lại chuyện này.

Tôi chưa bao giờ thấy một chiếc ghềnh. Nhưng chỉ nghe tiếng đó dùng trong văn chương, đại loại như sau:

Trước ghềnh thấp thoáng người xa đi về (CH.P.N.)

Quản bao lên thác xuống ghềnh (KIỀU)

Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang (KIỀU)

.....

Buồn trông gió cuốn đầu ghềnh (KIỀU)

Tôi nghĩ tổ tiên chúng ta đã nhìn vào thực tại thiên nhiên quen thuộc để đặt một cái tên. Tiếng ghềnh được phát sinh từ ý mượn đó. Và ghềnh này nếu so với WHIRLPOOL mà ông Lộc triển ra thì thấy khác rõ rệt. Encyclopaedia Britannica định nghĩa WHIRLPOOL như sau:

"Whirlpool, rotary oceanic current, a large scale eddy that is produced by the interaction of rising and falling tides. Similar currents that exhibit a central downdraft are termed vortexes. These occur where coastal and bottom configurations provide narrow passages of considerable depth. Slightly different is vortex motion in streams; at certain stages of turbulent flows, rotaling currents with central updraft are formed. These are called KOLKS or boils and are readily visible on the surface."

Lập luận của ông Lộc như muốn ép chúng ta phải nhìn GHỀNH theo mô thức (model) WHIRLPOOL. Tại sao phải làm như vậy? Tại sao không nghiên cứu LƠ LÁO và GHỀNH trong cái nhìn và trong quan niệm sống của người Việt. Cái nhìn và quan niệm sống của một dân tộc được hình dung qua ngôn ngữ, cho nên ngôn ngữ có cái "thể của đời sống" (form of life). Tại sao lại giở tự-điển để khẳng định cho một từ được dùng cách chúng ta cả gần hai trăm năm. Nghĩa của chữ trong tự-điển (lexical meaning) có tính biểu tượng cố định. Nghĩa của chữ dùng trong cuộc đời và trong thời đại (meaning in use) có nhiều dạng biến thiên. Ta nên đi tìm nghĩa của chữ trong các dạng biến thiên để hiểu chiều sâu của thời đại và suy nghĩ của con người. Người Việt Nam khi chưa sang Hoa Kỳ thường hiểu *'quả chanh'* (quả tròn màu xanh) là *'lemon'*. Khi sang Hoa Kỳ ta biết có hai thứ chanh, một quả vàng hình bầu dục và quả xanh hình tròn. Người Mỹ gọi quả vàng hình bầu dục là *'lemon'*, và quả xanh hình tròn là *'lime'*. Sống trong cảnh huống mới ta phải chấp nhận phân biệt giữa LEMON và LIME. Nhưng không có nghĩa ta phải chấp nhận *'trái chanh'* màu vàng khi bàn *'quả chanh'* có nội dung liên quan tới văn chương và xã hội Việt Nam. Cũng vậy, GHỀNH không phải là WHIRLPOOL, hoặc ta phải chấp nhận một thực tại: GHỀNH có

nhiều loại khác nhau, sinh ra ở bất kỳ chỗ nào có điều kiện khiến cho giòng nước chảy xoáy mạnh, ồn ào.

NGUYỄN QUỲNH
Columbia University

---

(1) "Ở đây, dịch lại cho đúng" (tr.20); "Tôi nhờ may mắn hiểu được nghĩa thật đúng của lơ láo". *(tr.21). Để cho thấy rằng không thể có ghềnh." (tr.23).*

(2) Tôi giữ nguyên chữ của ông Lộc: "Chiếc".

* Từ ngày lưu vong, bạn chỉ đọc lại của Võ Phiến một truyện " Thác đổ sau nhà". Bạn tò mò ? — Trong TRUYỆN NGẮN I có " Thác đổ sau nhà", cùng với hơn 300 trang truyện ngắn .

* Từ Nguyễn Bá Học đến Tự Lực văn đoàn, tiểu thuyết Việt nam tiến từ phôi thai đến chỗ hoàn chỉnh một hình thức cổ điển. Từ 1954 về sau, tiểu thuyết Việt nam phá vỡ khuôn khổ cổ điển với những tìm tòi không ngừng. — TRUYỆN NGẮN I vừa phản ảnh những diễn biến của một thời tiểu thuyết phá thể, vừa tiêu biểu cho những nét Việt nam truyền thống không suy suyển trước phong trào thời-thượng tiểu-thuyết-mới. Nó không "mới" theo kỹ thuật Tây phương xa lạ, nó không cũ theo nề nếp tiền chiến.

* Trong TRUYỆN NGẮN I : Những xôn xao của thời thế, những băn khoăn ý thức hệ, những nhân vật Việt Nam đến tận cùng xương tủy cốt cách, một khung cảnh Việt nam đến từng ngọn lá gốc cây, một xã hội Việt nam đến tận cùng ngõ hẻm hang cùng.

* Cuốn thứ ba trong bộ Toàn Tập của Võ Phiến :

TRUYỆN NGẮN I
Tập truyện của Võ Phiến
320 trang. Giá 13 Mỹ kim
do nhà Văn Nghệ xuất bản

ĐỌC SÁCH

Đào Trung Đạo
Buổi sáng thức giấc ngoài quê hương.

- *MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC*
- *Tập truyện*
- *PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN*
- *Văn nghệ x.b., California 1986*
- *246 trang, giá 10 Mỹ kim.*

Tôi sẽ bắt đầu bài viết về "Mùa Hè, Một Nơi Khác" của Phan Thị Trọng Tuyến bằng một vài đoạn trích từ quyển sách này.

Trang 14 :

"*Buổi sáng đầu tiên.* Khi thức giấc, *tia nắng đầu tiên* tràn qua cửa sổ, trải dài trên chiếc va ly mở tung..."

. . .

"*Buổi sáng đầu tiên* trong căn nhà nhỏ, hẹp và cao nghệu, sàn gạch lạnh, nhấp nhô như *lối đi xuống bờ sông vườn ngoại.*"

Trang 20 :

"Bây giờ, nơi đây mười mấy năm qua, tôi ngồi dựa gốc cây hạnh nhân, ngắm những *nhánh hoa lavande lả lướt trong nắng gió,* cố tìm lại những mùi hương xưa và những hình bóng cũ. Trong vài giây ngắn ngủi, tiếng cười dòn dã, tiếng gọi nhau của lũ trẻ, bàn tay ấm của người yêu đặt nhẹ trên cánh tay, *tôi chợt bay bổng dặm nghìn, vượt khoảng thời gian qua, trở về khu vườn cũ.*"

Trang 103 :

"Tôi giật mình thức giấc, đôi mắt cay xè, nhức nhối. Tôi nhớ rằng hôm qua mình đã trằn trọc, tủi thân, khóc thầm rất lâu. Đêm mộng mị nghẹn ngào đã qua. *Buổi sáng bắt đầu từ lúc nào.*"

Ở khắp nơi đây đó trong "Mùa Hè, Một Nơi Khác" tôi đã

được cùng tác giả Phan Thị Trọng Tuyến, ở những không gian những vùng trời khác nhau, ở những Việt-nam-ngoài-nước là những xóm nhỏ bên sông Gia định, là Bến tre, là sông nước kinh rạch Miền Nam... có một buổi sáng ở trước mặt với những tia nắng đầu ngày rực rỡ và một tâm hồn như chiếc "valy mở tung". Buổi sáng là một cái bắt-đầu-lại của đời sống. Mắt mở ra, tâm hồn trải thẳng. Ném mình về phía trước để bắt gặp cuộc sống vang vang mùa xuân mùa hạ. Và cũng để "bay bổng dặm nghìn" từ chốn này là đất khách để trở về với mảnh vườn cũ quê hương xa thẳm.

Tôi đã vừa kinh ngạc vừa sung sướng được sống rất nhiều buổi sáng khác nhau khi đọc Phan Thị Trọng Tuyến. Vì từ lâu tôi đã không tìm lại được những cảm giác tươi mát trong suốt của buổi sáng Thạch Lam. Nhưng hôm nay tôi đã có những buổi sáng Phan Thị Trọng Tuyến. Những Buổi sáng đó là tặng phẩm nhà văn phái nữ này đã gửi đến cho chúng ta và cho quê hương, bằng "Mùa Hè, Một Nơi Khác".

*
* *

Ở ngoài trái tim quê hương chúng ta đã có những buổi sáng của thiên nhiên đẹp đẽ lạ kỳ, của dòng sông xôn xao xuôi chảy băng băng. Nhưng những buổi sáng đó không bao giờ là trọn vẹn với ta, không bao giờ ta sở hữu nó như nhịp đập động mạch, hơi thở no tràn sự sống. Vì ta *đã* có những buổi sáng trên một quê hương kỷ niệm. Và ta đang nhìn về quê cũ không còn có thể có những buổi sáng trong suốt tuyệt vời bắt đầu cho một ngày sống tự do hoàn toàn của ta. *Buổi sáng trong văn chương Phan Thị Trọng Tuyến là cái nền, là sức mạnh nằm đằng sau ngôn ngữ kiến trúc nên bản văn,* là khí hậu của cõi viết trải rộng mênh mang.

*
* *

*C*õi viết buổi sáng đó ở ngay giữa lòng đời sống, đầy đủ ánh sáng để làm rõ nét tất cả những sự vật, sự việc chung quanh trang điểm mặt trời. Mặt trời của quê hương trong kỷ niệm soi chiếu vào những vùng bóng tối bao phủ đầy đặc trên quê hương hôm nay sau cưỡng chiếm của Cộng sản. Đấy là lý do giải thích được sự rõ ràng chính xác trong chi tiết những sự việc những hoàn cảnh đã và đang xảy ra ở quê nhà được Phan Thị Trọng Tuyến mô tả.

Đứng về mặt thẩm mỹ học của tiểu thuyết tôi nhận thấy mỗi truyện ngắn của Phan Thị Trọng Tuyến là một lát bánh mì cắt ra từ một ổ bánh là đời sống hôm nay của Việt-nam ở trong và ngoài nước. Đường dao cắt bánh đã tỏ ra có lúc rất nhẹ nhàng chậm rãi

nhưng cũng có khi mạnh mẽ nhanh vụt.

Nhưng các lát bánh đều được cắt ra một cách khéo léo. Có điều tôi nhận thấy hơi lạ là khi cắt ổ bánh đời sống quê nhà hôm nay thì đường dao Phan Thị Trọng Tuyến luôn sắc gọn: *Xóm nhỏ buổi trưa, Bóng đêm cuối cùng, Trái chanh tội nghiệp, Một chuyến đi.* Đó là đường dao giải phẫu: cái xã hội ung thư đó cần phải được cắt nhanh, gọn, điệu nghệ như vậy thì mới không biến chất. Lát bánh đó được cắt ra và đưa người đọc nếm thử, lát bánh sự thật. Phần phán đoán là ở người đọc. Tôi cho rằng Phan Thị Trọng Tuyến đã có thái độ rất nghệ thuật, rất nhà văn ở những truyện này.

Ở những truyện ngắn mà thế giới, khí hậu là những nơi đất khách, tôi thấy hơi văn Phan Thị Trọng Tuyến chân thành, tha thiết, *long lanh lệ ngấn mỉm cười.* Những truyện này là những trang nhật ký nội tâm được viết ra vào buổi sáng sau những chuyến đi, những khoảng thời gian ở lại tạm thời, đã thấy đã nghe đã cảm rất nhiều và nhất là đã sống mãnh liệt để rồi đêm đêm trằn trọc và tự dỗ dành hứa hẹn rằng sớm mai khi trở dậy sẽ không thấy mình đã ôm mặt khóc trong mơ.

Nhân vật độc đáo nhất, có kích thước hàng đầu trong văn chương truyện ngắn, theo tôi là "đứa con gái tật nguyền" và cũng chính là người kể chuyện trong *"Bóng đêm cuối cùng".* Nhân vật đó là một cái bóng, một âm bản của sắc-đẹp-một-thời Thanh Nga. Tuy hình hài tàn khốc đã xua đuổi nó ra khỏi ánh sáng sân khấu đời nhưng tiếng hát tuyệt vời oan nghiệt lại đã đẩy nó ngụp sâu xuống tấn thảm kịch thời đại. Một điển hình đối nghịch với Thanh Nga về cái hữu hình nhưng lại đồng nhất trong vô hình số phận khốc liệt. Nhân vật nữ xưng "tôi" trong "Bóng đêm cuối cùng" của Phan Thị Trọng Tuyến đó đã *người hơn cả người.* Vì đã đem lại khả tính cho thảm kịch. Vì đã tưởng như thoát ra khỏi thảm kịch. Và cũng là "hải đăng cho thuyền lạc trong đêm", "hào quang cứu rỗi" và "sấm sét sau cùng".

Về nghệ thuật cấu thành truyện ngắn (composition) tôi yêu thích *"Mùa Hè, Một Nơi Khác"* và *"Những kẻ đồng hành".* Truyện trước là chiếc chìa khóa mở vào thế giới và văn chương Phan Thị Trọng Tuyến. Những trang nhật ký tự truyện đã được chuyển hóa thành tấu khúc (fugue) khai mào cho vận hành chữ nghĩa ở sau. Truyện sau như một gắn liền hai bờ vực thẳm. Từ trong vực thẳm địa ngục đi ra ta đã hiểu được ý nghĩa của dấu vết nghệ thuật ghi lại cái khổ nạn thời đại ta đã trải qua.

Và đó cũng là sự thành tựu của văn chương.

Đào Trung Đạo

Nguyễn Ngọc Bích
*Đọc **Văn Học Miền Nam tổng quan** của Võ Phiến*

Đặt quyển sách xuống, tôi nghĩ mông lung. Có lẽ lâu lắm rồi tôi mới lại được đọc một cuốn sách nhiều ý nghĩa đến như vậy. Một bộ sách nhận-định về "Hai mươi năm văn-học miền Nam, 1954-1975" là một ước mơ của nhiều người. Ngay khi còn ở trong nước, chúng ta cũng đã có nhu-cầu này để giảng dạy, tỷ như ở Đại-học Văn-khoa, vì ai cũng biết là tệ quá khi giảng về văn-học Việt-nam hiện-đại mà chúng ta lại phải ngưng ở Tự Lực Văn Đoàn và bộ sách *Nhà văn hiện-đại* của Vũ Ngọc Phan, *Thi-nhân Việt-nam* của Hoài Chân và Hoài Thanh. Ngay cuốn *Le roman vietnamien contemporain* của Bùi Xuân Bào cũng không đi quá hơn được mốc những năm 40.

Có lẽ ý-thức được phần nào điều này nên những năm sau này, trước khi mất miền Nam, chúng ta cũng đã thấy có một vài nỗ lực đi vào đắp lỗ hổng to lớn đó. Những nỗ lực như của Trần Tuấn Kiệt gom thơ mới trong quyển *Thi ca Việt-nam hiện-đại* (nhưng lại trở tuốt về đến tận 1880), như của nhà xuất bản Sóng khi in ra cuốn *Những truyện ngắn hay nhất quê hương chúng ta*. Song đây mới là chuyện gom góp, quyển của Trần Tuấn Kiệt còn có một số nhận-định ở trong đó chứ tuyển-tập về truyện ngắn thì lại không cả có nhận-định. Thành thử công việc còn y nguyên. Cao Huy Khanh, nếu tôi không nhầm, là người độc-nhất cố gắng đi vào phân-tích các giai-đoạn, các khuynh-hướng, song những bài nhận-định của anh ta mới thấy được đăng rải rác đây đó, chưa đầy đủ để thành một cái nhìn "tổng-quan". Vả lại, anh có hoàn-tất tác-phẩm của

anh thì ta cũng mới thấy được có phần tiểu-thuyết mà thôi, chưa có về những bộ môn khác.

Điều đáng buồn là những người đầu tiên làm công việc tổng-kiểm kê và sơ-bộ nhận-định về văn-học miền Nam lại là một số cán-bộ Cộng-sản từ miền Bắc vào. Tôi không muốn nói đến những tác-phẩm như của Phạm Văn Sĩ nói về "văn học giải phóng miền Nam," một chuyện không có và hoàn-toàn bịa đặt; tôi muốn nhắc đến tác-phẩm bôi đen văn-nghệ miền Nam do những văn-nô (Trà Linh, Phong Hiền, Trịnh Tuệ, Quỳnh Hoa, Lục Bình, Thạch Phương, Trần Hữu Tá) nhận chỉ-thị viết rồi in ra dưới tên *Văn hoá, văn nghệ Miền Nam dưới chế độ của Mỹ ngụy* (Hà-nội: Nxb Văn hóa, 1977). Rõ ràng là ta không thể để cho những tác phẩm xuyên tạc đó là những tác-phẩm độc-nhất có mặt ở thị-trường để trình bầy với thế-giới bên ngoài về 21 năm của một nền văn-nghệ mà chúng ta đã được thấy phát triển ở miền Nam từ 1954 đến 1975. (Sự thực, chính Cộng-sản đâu có muốn phải nhắc đến nền văn-học tự-do của miền Nam. Lúc đầu, chúng chỉ muốn quên đi, lờ đi, coi như không hề có một nền văn nghệ như vậy. Do đó nên Phạm văn Sĩ mới để đề tài "Văn nghệ vùng tạm chiếm" vào một bảng phụ-lục để rồi, nói như Võ Phiến, tác-phẩm khi "tái bản sẽ lặng lẽ bỏ đi phần phụ lục." Nhưng rồi, văn-học miền Nam dẫu bị cấm đoán, đem đốt, hủy diệt, vẫn "lọt" đều đều ra miền Bắc. Lúc bấy giờ, Hà-nội mới phải ra cuốn sách kia. Riêng sự-kiện cuốn sách sau này dầy trên 400 trang đủ tỏ là để thoá mạ văn-học miền Nam, chúng vẫn phải công nhận là ít nhất nó có lượng nếu chưa muốn nói đến phẩm.)

Một tiếng nói đứng đắn.

Chính cũng vì nghĩ như trên mà Võ Phiến đã phải "miễn cưỡng viết cuốn sách... trong những điều kiện rất không nên viết. Viết như một sơ thảo, một bản nháp, một gợi ý, nhắc nhở, một cách nêu vấn đề, để sau này những người có đầy đủ tư cách và điều kiện sẽ viết lại một cuốn xứng đáng" (trg 24).

Nhà văn Võ Phiến đã quá kỹ lưỡng khi ông rào đón như trên. (Mà điều hơi buồn là ông phải rào đón không những để trả lời đối với đối-phương CS mà lại còn để "đỡ trước" một vài ngón võ trong cộng-đồng chúng ta.) Thực ra, theo tôi nghĩ, không có lúc nào là lý-tưởng để viết một bản tổng-nhận-định về văn-học miền Nam cả. Theo tôi, chúng ta hãy cứ bắt đầu đi, cốt làm trong tinh-thần thận trọng, cân nhắc, đừng bất công--tất cả những đức-tính mà Võ Phiến có thừa. Rồi sau Võ Phiến sẽ có người khác, sẽ còn người khác. (Ngay từ năm 1976, Ford Foundation cũng đã cung-cấp một học-bổng cho anh Viên Linh để làm một việc tổng-nhận-

định tương-tự. Theo chỗ tôi được biết, Viên Linh đã hoàn-tất bản thảo, dựa căn-bản trên sinh-hoạt tạp-chí ở miền Nam. Từ quan-điểm ích kỷ của tôi, tôi vẫn mong được thấy Viên Linh cho trình làng tác-phẩm của anh, dù ở trong một tình-trạng phác-họa.)

Cái đáng yêu của Võ Phiến chính là cái khiêm tốn nơi anh. Anh chỉ xin viết như một "sơ thảo, một bản nháp, một gợi ý" mặc dầu, vẫn theo như anh cho biết, quyển *Tổng quan* này chỉ không hơn không kém là "một cái nhìn tổng quát." Sau đó sẽ còn tối-thiểu bốn cuốn nữa (Tập II về Thi ca, Tập III thượng và hạ về Tiểu thuyết, Tập IV về Ký, Bút và Kịch), vậy thì tối-thiểu nó cũng sẽ đồ sộ bằng hay hơn cuốn *Nhà văn hiện-đại* của Vũ Ngọc Phan.

Có người lại bảo, Võ Phiến là "một cây" viết tùy bút, đã chắc gì ông ta viết được văn-học-sử, một loại khảo cứu nặng nề, phải chặt chẽ, rất khác tùy bút? Chính tôi cũng hơi ngờ vực khả-năng đem một "giọng tùy bút" vào văn-học-sử nhưng sau khi đọc xong *Văn học miền Nam: Tổng quan*, tôi phải nói: Chính "giọng tùy bút" của Võ Phiến ở một vài chỗ đã làm cho cuốn sách rất hấp dẫn, văn-học-sử mà đọc rất sống động, trôi chảy, thỉnh thoảng còn pha lẫn khôi hài, đối thoại với độc-giả, làm cho ta có thể đọc một hơi ngay từ đầu đến cuối—một điều không thể nào ta làm được nếu phải đọc Phạm Văn Diêu, Phạm Thế Ngũ hay Dương Quảng Hàm. Võ Phiến rất nhỏ nhẹ nhưng thấm biết bao, sắc biết bao so với một Phan Cự Đệ ở miền Bắc về tiểu-thuyết hay một Hà Minh Đức về thi ca—ở những tác-giả sau này, ta chỉ nghe thấy lý-thuyết và vênh váo trong khi chứng minh thì không được bao nhiêu.

Một nội-dung phong phú.

Quyển sách khá dầy (365 trang) và nội-dung súc-tích quá để ta có thể tóm gọn vào dăm trang trong một bài điểm sách. vả lại, công việc này đã được một vài bạn khác làm rồi (Nguyễn Thị Sông Hương trong *Văn học*, Bùi Vĩnh Phúc trong *Làng văn...)* nên tôi thiết tưởng không cần lập lại một việc làm thừa thãi. Tôi chỉ muốn nói là tổ-chức cuốn sách *Văn học miền Nam: Tổng quan* được chia căn-bản ra làm bốn phần lớn: Khái quát, trong đó các "yếu tố của của sinh hoạt văn học" được đề cập đến như thân-phận "nhà văn" ở Việt-nam trước 75, thành-phần "độc giả" và các điều kiện xuất bản; xong đến "mấy nét tổng quát về nền văn học 1954-1975" nói về bối-cảnh chính-trị và các đặc-điểm của nó. Phần lớn thứ hai bàn đến "Các giai đoạn" trong đó Võ Phiến chia làm hai giai-đoạn chính, 1965-63 (lạc-quan, chống Cộng) và 1964-1975 (đa dạng nhưng có những dấu hiệu phân-hóa.) Phần 3 đi vào từng các bộ-môn như Tiểu-thuyết, Tùy bút, Thi ca, Kịch và Ký. Cuối cùng là kết, cộng thêm với một "danh biểu" và phụ-lục "Tác giả và tác phẩm."

Khắp cuốn sách, Võ Phiến đều có những nhận-định thật sâu sắc và hiểu biết. Trong thời-gian kháng Pháp, ông ở ngoài khu nên biết rất rõ tình-hình và sinh-hoạt văn-nghệ dưới sự kiểm-soát của Đảng Lao-động. Năm tư, sau khi vào thành, ông lại tham-gia tích-cực vào cuộc phục-hưng văn-hóa của một miền Nam tự-do, trước ở Huế xong vào Sài-gòn. Ông lại ở một cái thế hiếm có là khi thì làm trong chính-quyền (ở Bộ Thông tin) khi thì ở bên ngoài để phải bực bõ với một vài việc làm như của Nha Kiểm-duyệt (hay sau này còn gọi là "Phối-hợp Nghệ-thuật," một cái tên có phần gian lận). Sau khi hết làm với nhà nước, ông lại có dịp đi thăm rộng rãi ở trong nước, từ các tỉnh miền Trung vào đến các tỉnh Hậu-giang, Tiền-giang nên sự hiểu biết của ông về "đất nước quê hương" miền Nam có thể nói là phong phú và cặn kẽ hơn rất nhiều người. Và cũng vì là một nghệ-sĩ tự-trọng nên dù ở trong hay ngoài chính-quyền, ông cũng giữ được một thế đứng khá độc-lập và có uy-tín trong văn-đàn. Và vì ông cư xử với bạn bè như bát nước đầy nên sự giao-thiệp của ông rất là rộng rãi, không kể là những năm sau này (cuối thập niên 60, đầu thập niên 70) ông lại còn được coi là một cây bút đàn anh, có công dẫn dắt, giới-thiệu những người trẻ hơn—đặc-biệt là một số nhà văn nữ-lưu sau này rất nổi tiếng (như Thuỵ Vũ, Nguyễn Thị Hoàng, v.v...).

Ở một vị-thế như vậy, trong một thời-gian lâu như vậy (ông sinh-hoạt văn-học từ trước năm1954 cho tới tận ngày hôm nay), nên ta không lấy làm lạ là ông nói điều gì, viết điều gì cũng đều là có ít nhiều chất "bản-thân" ở trong đó, chất kinh nghiệm, nói như trong tiếng Anh "it has a ring of truth to it."

Tôi có thể ngưng ở đây và khuyên độc-giả hãy mau mau đi tìm cuốn *Văn-học miền Nam: Tổng quan* của Võ Phiến để mà đọc (nếu chúng ta chưa đọc) vì đây là một trong những nỗ lực đứng đắn nhất từ trước đến giờ, một trong những tiếng nói trung thực nhất về văn-học Việt-nam trong giai-đoạn 1954-75 và cũng vì chúng ta khó mà có được một người hướng-dẫn-viên dễ thương hơn nhà văn Võ Phiến để đi vào cái rừng văn-học lạ lùng và đa dạng là văn-học miền Nam trong 21 năm tự-do đó.

Một hai điểm có thể bàn lại.

Trong Phần đầu của tập sách, Võ Phiến đã cho ta nhìn được một cái nhìn khá xác đáng vào "thế giá" cũng như "thành phần" của các nhà văn miền Nam, cùng "mức sống" và "lối sống" (không hề buông thả hay bê tha) của họ, vào "phái tính" (lúc đầu thì vắng bóng phụ nữ nhưng càng về sau, phụ nữ càng nắm ưu-thế) và vào các "nhóm, các đoàn" sinh-hoạt ở miền Nam.

Riêng về mục phân-tích các "độc-giả," Võ Phiến tỏ vẻ buồn bã

là miền Nam hơi (nếu không muốn nói là "quá") ít độc-giả so với các quốc gia khác (Anh, Pháp, Đại-hàn, Đài-loan, Nhật-bản...) và có thể so với cả miền Bắc (trang 71-73). Điều này thật lạ nếu như ta nghĩ là dân-số miền Nam tương-đương với dân-số toàn-quốc trước Thế-chiến II trong khi đó thì sĩ-số sinh-viên của miền Nam lên đến hàng trăm nghìn người so với vài trăm người học Đại-học trước 1945. Làm sao giải thích được điều này? Chính tác-giả cũng đã đưa ra một vài giả thuyết: thời loạn lạc, bất trắc, người ta không sưu-tập sách nữa, sợ rồi lại mất; thời loạn, phát triển thư-viện không phải là ưu tiên ở miền Nam nên ngoài các đô-thị lớn, không có thư-viện v.v.

Mặc dầu tác-giả đã dựa trên những con số để chứng minh điều ông nói, chúng tôi vẫn cho rằng ông đã hơi bi-quan quá nên không trông thấy một vài khía cạnh khác. Thứ nhất, sĩ số sinh-viên một năm trong thập niên 1970) mà số bán tiểu-thuyết in ra văn không tăng có thể có những lý do như: sinh viên những năm sau này phần lớn nghèo nên chỉ cùng lắm là có tiền mua sách giáo khoa (một kỹ nghệ rất phát đạt) mà không có tiền mua thơ, mua tiểu thuyết. Thứ hai tác giả chưa (hay không có phương tiện) nghiên cứu một hiện tượng rất phổ biến ở các đô thị miền Nam sau này, đó là hiện tượng cho thuê sách (phần lớn độc-giả thuê sách, nhất là sách truyện, để đọc hơn là mua, thành thử số xuất bản của một cuốn sách có thể vẫn thế nhưng số người đọc có thể đã lên gấp 5, gấp 10). Thứ ba, ta cũng phải nhớ là sách in ở miền Nam sau này nhiều gấp bội về số "nhan" (titles) sách so với tiểu-thuyết và thơ hồi tiền-chiến: thế nghĩa là nếu hồi tiền-chiến có thể có được 100 tiểu-thuyết mới ra một năm thì sau này, ở miền Nam, số tiểu-thuyết mới ra mỗi năm có thể lên tới 200-300 nhan mới. Nếu số xuất bản vẫn là 2-3 nghìn bản mỗi cuốn, tổng số sách ra vẫn hơn gấp bội, tức gấp 2 gấp 3 tổng-số được tiêu-thụ thời tiền-chiến. Đành rằng đây là những con số giả-tưởng song cứ lấy tỷ-dụ này thì nếu tiền-chiến tiêu thụ 100 nhan sách nhân 2000 bản, chẳng hạn, thì sau này ở miền Nam đã tiêu thụ 200-300 nhan sách nhân 2000 bản một năm.

Thành thử tôi cho sự phân tích của Võ Phiến về số độc-giả miền Nam chưa đủ cặn kẽ, chưa đủ thuyết phục. Lại nữa, một con số khác cũng do chính tác-giả trích dẫn ủng-hộ quan-điểm của chúng tôi: Trang 79, Võ Phiến trích khảo-luận của Nguyễn Huỳnh Mai để nói rằng mỗi ngày, trên toàn Miền Nam bán được 300.000 tờ báo. Đây không phải là một con số quá nhỏ khi ta biết là tờ *Nhân Dân* của Hà-nội, cơ-quan chính-thức của Đảng Cộng-sản, cũng chỉ ra được khoảng 100.000 tờ một ngày cho một dân số đông hơn miền Nam nữa mà còn đi về cả nông-thôn. Mà như ta biết, nếu không mấy ai chịu đọc tờ *Nhân Dân* thì ở miền Nam trước đây vẫn

anh thì ta cũng mới thấy được có phần tiểu-thuyết mà thôi, chưa có về những bộ môn khác.

Điều đáng buồn là những người đầu tiên làm công việc tổng-kiểm kê và sơ-bộ nhận-định về văn-học miền Nam lại là một số cán-bộ Cộng-sản từ miền Bắc vào. Tôi không muốn nói đến những tác-phẩm như của Phạm Văn Sĩ nói về "văn học giải phóng miền Nam," một chuyện không có và hoàn-toàn bịa đặt; tôi muốn nhắc đến tác-phẩm bôi đen văn-nghệ miền Nam do những văn-nô (Trà Linh, Phong Hiền, Trịnh Tuệ, Quỳnh Hoa, Lục Bình, Thạch Phương, Trần Hữu Tá) nhận chỉ-thị viết rồi in ra dưới tên *Văn hoá, văn nghệ Miền Nam dưới chế độ của Mỹ nguỵ* (Hà-nội: Nxb Văn hóa, 1977). Rõ ràng là ta không thể để cho những tác phẩm xuyên tạc đó là những tác-phẩm độc-nhất có mặt ở thị-trường để trình bầy với thế-giới bên ngoài về 21 năm của một nền văn-nghệ mà chúng ta đã được thấy phát triển ở miền Nam từ 1954 đến 1975. (Sự thực, chính Cộng-sản đâu có muốn phải nhắc đến nền văn-học tự-do của miền Nam. Lúc đầu, chúng chỉ muốn quên đi, lờ đi, coi như không hề có một nền văn nghệ như vậy. Do đó nên Phạm văn Sĩ mới để đề tài "Văn nghệ vùng tạm chiếm" vào một bảng phụ-lục để rồi, nói như Võ Phiến, tác-phẩm khi "tái bản sẽ lặng lẽ bỏ đi phần phụ lục." Nhưng rồi, văn-học miền Nam dẫu bị cấm đoán, đem đốt, hủy diệt, vẫn "lọt" đều đều ra miền Bắc. Lúc bấy giờ, Hà-nội mới phải ra cuốn sách kia. Riêng sự-kiện cuốn sách sau này dầy trên 400 trang đủ tỏ là để thoá mạ văn-học miền Nam, chúng vẫn phải công nhận là ít nhất nó có lượng nếu chưa muốn nói đến phẩm.)

Một tiếng nói đứng đắn.

Chính cũng vì nghĩ như trên mà Võ Phiến đã phải "miễn cưỡng viết cuốn sách... trong những điều kiện rất không nên viết. Viết như một sơ thảo, một bản nháp, một gợi ý, nhắc nhở, một cách nêu vấn đề, để sau này những người có đầy đủ tư cách và điều kiện sẽ viết lại một cuốn xứng đáng" (trg 24).

Nhà văn Võ Phiến đã quá kỹ lưỡng khi ông rào đón như trên. (Mà điều hơi buồn là ông phải rào đón không những để trả lời đối với đối-phương CS mà lại còn để "đỡ trước" một vài ngón võ trong cộng-đồng chúng ta.) Thực ra, theo tôi nghĩ, không có lúc nào là lý-tưởng để viết một bản tổng-nhận-định về văn-học miền Nam cả. Theo tôi, chúng ta hãy cứ bắt đầu đi, cốt làm trong tinh-thần thận trọng, cân nhắc, đừng bất công--tất cả những đức-tính mà Võ Phiến có thừa. Rồi sau Võ Phiến sẽ có người khác, sẽ còn người khác. (Ngay từ năm 1976, Ford Foundation cũng đã cung-cấp một học-bổng cho anh Viên Linh để làm một việc tổng-nhận-

định tương-tự. Theo chỗ tôi được biết, Viên Linh đã hoàn-tất bản thảo, dựa căn-bản trên sinh-hoạt tạp-chí ở miền Nam. Từ quan-điểm ích kỷ của tôi, tôi vẫn mong được thấy Viên Linh cho trình làng tác-phẩm của anh, dù ở trong một tình-trạng phác-họa.)

Cái đáng yêu của Võ Phiến chính là cái khiêm tốn nơi anh. Anh chỉ xin viết như một "sơ thảo, một bản nháp, một gợi ý" mặc dầu, vẫn theo như anh cho biết, quyển *Tổng quan* này chỉ không hơn không kém là "một cái nhìn tổng quát." Sau đó sẽ còn tối-thiểu bốn cuốn nữa (Tập II về Thi ca, Tập III thượng và hạ về Tiểu thuyết, Tập IV về Ký, Bút và Kịch), vậy thì tối-thiểu nó cũng sẽ đồ sộ bằng hay hơn cuốn *Nhà văn hiện-đại* của Vũ Ngọc Phan.

Có người lại bảo, Võ Phiến là "một cây" viết tùy bút, đã chắc gì ông ta viết được văn-học-sử, một loại khảo cứu nặng nề, phải chặt chẽ, rất khác tùy bút? Chính tôi cũng hơi ngờ vực khả-năng đem một "giọng tùy bút" vào văn-học-sử nhưng sau khi đọc xong *Văn học miền Nam: Tổng quan*, tôi phải nói: Chính "giọng tùy bút" của Võ Phiến ở một vài chỗ đã làm cho cuốn sách rất hấp dẫn, văn-học-sử mà đọc rất sống động, trôi chảy, thỉnh thoảng còn pha lẫn khôi hài, đối thoại với độc-giả, làm cho ta có thể đọc một hơi ngay từ đầu đến cuối—một điều không thể nào ta làm được nếu phải đọc Phạm Văn Diêu, Phạm Thế Ngũ hay Dương Quảng Hàm. Võ Phiến rất nhỏ nhẹ nhưng thấm biết bao, sắc biết bao so với một Phan Cự Đệ ở miền Bắc về tiểu-thuyết hay một Hà Minh Đức về thi ca--ở những tác-giả sau này, ta chỉ nghe thấy lý-thuyết và vênh váo trong khi chứng minh thì không được bao nhiêu.

Một nội-dung phong phú.

Quyển sách khá dầy (365 trang) và nội-dung súc-tích quá để ta có thể tóm gọn vào dăm trang trong một bài điểm sách. vả lại, công việc này đã được một vài bạn khác làm rồi (Nguyễn Thị Sông Hương trong *Văn học*, Bùi Vĩnh Phúc trong *Làng văn...)* nên tôi thiết tưởng không cần lập lại một việc làm thừa thãi. Tôi chỉ muốn nói là tổ-chức cuốn sách *Văn học miền Nam: Tổng quan* được chia căn-bản ra làm bốn phần lớn: Khái quát, trong đó các "yếu tố của của sinh hoạt văn học" được đề cập đến như thân-phận "nhà văn" ở Việt-nam trước 75, thành-phần "độc giả" và các điều kiện xuất bản; xong đến "mấy nét tổng quát về nền văn học 1954-1975" nói về bối-cảnh chính-trị và các đặc-điểm của nó. Phần lớn thứ hai bàn đến "Các giai đoạn" trong đó Võ Phiến chia làm hai giai-đoạn chính, 1965-63 (lạc-quan, chống Cộng) và 1964-1975 (đa dạng nhưng có những dấu hiệu phân-hóa.) Phần 3 đi vào từng các bộ-môn như Tiểu-thuyết, Tùy bút, Thi ca, Kịch và Ký. Cuối cùng là kết, cộng thêm với một "danh biểu" và phụ-lục "Tác giả và tác phẩm."

Khắp cuốn sách, Võ Phiến đều có những nhận-định thật sâu sắc và hiểu biết. Trong thời-gian kháng Pháp, ông ở ngoài khu nên biết rất rõ tình-hình và sinh-hoạt văn-nghệ dưới sự kiểm-soát của Đảng Lao-động. Năm tư, sau khi vào thành, ông lại tham-gia tích-cực vào cuộc phục-hưng văn-hóa của một miền Nam tự-do, trước ở Huế xong vào Sài-gòn. Ông lại ở một cái thế hiếm có là khi thì làm trong chính-quyền (ở Bộ Thông tin) khi thì ở bên ngoài để phải bực bõ với một vài việc làm như của Nha Kiểm-duyệt (hay sau này còn gọi là "Phối-hợp Nghệ-thuật," một cái tên có phần gian lận). Sau khi hết làm với nhà nước, ông lại có dịp đi thăm rộng rãi ở trong nước, từ các tỉnh miền Trung vào đến các tỉnh Hậu-giang, Tiền-giang nên sự hiểu biết của ông về "đất nước quê hương" miền Nam có thể nói là phong phú và cặn kẽ hơn rất nhiều người. Và cũng vì là một nghệ-sĩ tự-trọng nên dù ở trong hay ngoài chính-quyền, ông cũng giữ được một thế đứng khá độc-lập và có uy-tín trong văn-đàn. Và vì ông cư xử với bạn bè như bát nước đầy nên sự giao-thiệp của ông rất là rộng rãi, không kể là những năm sau này (cuối thập niên 60, đầu thập niên 70) ông lại còn được coi là một cây bút đàn anh, có công dẫn dắt, giới-thiệu những người trẻ hơn—đặc-biệt là một số nhà văn nữ-lưu sau này rất nổi tiếng (như Thuỵ Vũ, Nguyễn Thị Hoàng, v.v...).

Ở một vị-thế như vậy, trong một thời-gian lâu như vậy (ông sinh-hoạt văn-học từ trước năm1954 cho tới tận ngày hôm nay), nên ta không lấy làm lạ là ông nói điều gì, viết điều gì cũng đều là có ít nhiều chất "bản-thân" ở trong đó, chất kinh nghiệm, nói như trong tiếng Anh "it has a ring of truth to it."

Tôi có thể ngưng ở đây và khuyên độc-giả hãy mau mau đi tìm cuốn *Văn-học miền Nam: Tổng quan* của Võ Phiến để mà đọc (nếu chúng ta chưa đọc) vì đây là một trong những nỗ lực đứng đắn nhất từ trước đến giờ, một trong những tiếng nói trung thực nhất về văn-học Việt-nam trong giai-đoạn 1954-75 và cũng vì chúng ta khó mà có được một người hướng-dẫn-viên dễ thương hơn nhà văn Võ Phiến để đi vào cái rừng văn-học lạ lùng và đa dạng là văn-học miền Nam trong 21 năm tự-do đó.

Một hai điểm có thể bàn lại.

Trong Phần đầu của tập sách, Võ Phiến đã cho ta nhìn được một cái nhìn khá xác đáng vào "thế giá" cũng như "thành phần" của các nhà văn miền Nam, cùng "mức sống" và "lối sống" (không hề buông thả hay bê tha) của họ, vào "phái tính" (lúc đầu thì vắng bóng phụ nữ nhưng càng về sau, phụ nữ càng nắm ưu-thế) và vào các "nhóm, các đoàn" sinh-hoạt ở miền Nam.

Riêng về mục phân-tích các "độc-giả," Võ Phiến tỏ vẻ buồn bã

là miền Nam hơi (nếu không muốn nói là "quá") ít độc-giả so với các quốc gia khác (Anh, Pháp, Đại-hàn, Đài-loan, Nhật-bản...) và có thể so với cả miền Bắc (trang 71-73). Điều này thật lạ nếu như ta nghĩ là dân-số miền Nam tương-đương với dân-số toàn-quốc trước Thế-chiến II trong khi đó thì sĩ-số sinh-viên của miền Nam lên đến hàng trăm nghìn người so với vài trăm người học Đại-học trước 1945. Làm sao giải thích được điều này? Chính tác-giả cũng đã đưa ra một vài giả thuyết: thời loạn lạc, bất trắc, người ta không sưu-tập sách nữa, sợ rồi lại mất; thời loạn, phát triển thư-viện không phải là ưu tiên ở miền Nam nên ngoài các đô-thị lớn, không có thư-viện v.v.

Mặc dầu tác-giả đã dựa trên những con số để chứng minh điều ông nói, chúng tôi vẫn cho rằng ông đã hơi bi-quan quá nên không trông thấy một vài khía cạnh khác. Thứ nhất, sĩ số sinh-viên một năm trong thập niên 1970) mà số bán tiểu-thuyết in ra văn không tăng có thể có những lý do như: sinh viên những năm sau này phần lớn nghèo nên chỉ cùng lắm là có tiền mua sách giáo khoa (một kỹ nghệ rất phát đạt) mà không có tiền mua thơ, mua tiểu thuyết. Thứ hai tác giả chưa (hay không có phương tiện) nghiên cứu một hiện tượng rất phổ biến ở các đô thị miền Nam sau này, đó là hiện tượng cho thuê sách (phần lớn độc-giả thuê sách, nhất là sách truyện, để đọc hơn là mua, thành thử số xuất bản của một cuốn sách có thể vẫn thế nhưng số người đọc có thể đã lên gấp 5, gấp 10). Thứ ba, ta cũng phải nhớ là sách in ở miền Nam sau này nhiều gấp bội về số "nhan" (titles) sách so với tiểu-thuyết và thơ hồi tiền-chiến: thế nghĩa là nếu hồi tiền-chiến có thể có được 100 tiểu-thuyết mới ra một năm thì sau này, ở miền Nam, số tiểu-thuyết mới ra mỗi năm có thể lên tới 200-300 nhan mới. Nếu số xuất bản vẫn là 2-3 nghìn bản mỗi cuốn, tổng số sách ra vẫn hơn gấp bội, tức gấp 2 gấp 3 tổng-số được tiêu-thụ thời tiền-chiến. Đành rằng đây là những con số giả-tưởng song cứ lấy tỷ-dụ này thì nếu tiền-chiến tiêu thụ 100 nhan sách nhân 2000 bản, chẳng hạn, thì sau này ở miền Nam đã tiêu thụ 200-300 nhan sách nhân 2000 bản một năm.

Thành thử tôi cho sự phân tích của Võ Phiến về số độc-giả miền Nam chưa đủ cặn kẽ, chưa đủ thuyết phục. Lại nữa, một con số khác cũng do chính tác-giả trích dẫn ủng-hộ quan-điểm của chúng tôi: Trang 79, Võ Phiến trích khảo-luận của Nguyễn Huỳnh Mai để nói rằng mỗi ngày, trên toàn Miền Nam bán được 300.000 tờ báo. Đây không phải là một con số quá nhỏ khi ta biết là tờ *Nhân Dân* của Hà-nội, cơ-quan chính-thức của Đảng Cộng-sản, cũng chỉ ra được khoảng 100.000 tờ một ngày cho một dân số đông hơn miền Nam nữa mà còn đi về cả nông-thôn. Mà như ta biết, nếu không mấy ai chịu đọc tờ *Nhân Dân* thì ở miền Nam trước đây vẫn

có hiện-tượng thuê báo nữa: Thay vì bỏ tiền ra chỉ mua được một hai tờ báo, tôi có thể cũng chỉ tiêu ngần ấy tiền mà thuê đọc được 10-15 tờ báo một ngày. Vậy thì 300.000 tờ báo bán đi không phải là chỉ có 300.000 người đọc mà con số đó có thể lên đến gấp 5, gấp 6 lần—đó mới là con số độc-giả chính-xác, và số lớn người ta mua hay thuê báo là để đọc tiểu-thuyết.

Một điểm thứ hai mà tôi cho ông Võ Phiến hơi bất công, đó là những nhận xét của ông về kịch ở miền Nam. Chúng tôi hoàn-toàn đồng-ý với ông về điểm cho rằng thoại-kịch ở miền Nam hình như chưa bắt rễ được như là chèo hay cải lương (trang 309). Nhưng xét đoán về kịch (hiểu là "thoại-kịch") mà gắt gao như vậy, tôi e không riêng gì ở Việt-nam mà còn ở các quốc-gia khác kịch cũng sẽ đại-bại nếu phải so với những hình-thức kịch-nghệ kia. Kịch, với những giới-hạn của nó (dựng vở tốn công, tốn của, số người xem mỗi lần giỏi lắm là vài trăm, một hai nghìn người), không bao giờ có thể so, tỷ-dụ, như với xi-nê được. Cùng một vở kịch của Tennessee Williams như *Cat on a Hot Tin Roof* mà đem diễn thành kịch thì cùng lắm chỉ có vài chục nghìn người coi một năm, đem đóng thành phim xi-nê thì vài tháng có thể đã có hàng triệu người coi rồi, trong khi bản chất vẫn là cùng một vở. Chính vì thế mà thoại-kịch không những ở Việt-nam mà ở Pháp, ở Anh, ở Nhật, ở Mỹ, ở đâu cũng cần có tài-trợ của nhà nước hay của tư-nhân cả. Điều thiết-yếu khi xét về thoại-kịch, do đó, không thể dựa trên sự nó có ít hay nhiều người hưởng-ứng (liệu nó có tự "nuôi" được nó như cải lương không) mà cần dựa vào phẩm-chất của nó. Vậy thì thoại-kịch Việt-nam đã có phẩm-chất đáng để bàn tới chưa? Đó mới là điều quan-yếu, đó mới là điều đáng nói. (Câu trả lời phần nào đã có thể tìm thấy được ở trong sự-kiện Duane Hauch đã viết luận-án tiến-sĩ của ông về thoại-kịch Việt-nam cũng như hai tác-phẩm của Vũ Khắc Khoan đã được dịch sang tiếng Anh và diễn thử ở SIU và ở Minneapolis.)

Vấn-đề thơ mới.

Nêu ra vấn-đề kịch, tôi muốn nói đến một hiện tượng rất khó xử khi ta viết về văn-học-sử cận-hiện-đại. Đó là vai trò của sự thử nghiệm và đổi mới trong văn nghệ nói chung và trong văn-học nói riêng.

Như chúng ta ai cũng đều biết, đổi mới là huyết-mạch của văn-nghệ cận-hiện-đại. Tất cả phong trào "thơ mới" ở Việt-nam, chẳng hạn, không hề "mới" vì hình-thức của nó mới. Tản Đà đã chứng minh được điều này khi ông dùng thể "từ" để làm những bài như "Tống biệt," rất mới, rất hay và hơn hẳn "Tình già" của Phan Khôi. Nhưng rốt cục, Tản Đà vẫn là "cũ" mà Phan Khôi vẫn là

"mới" vì cái mới cũ đây là ở trong tinh-thần, không ở trong hình-thức. Cái "mới" trước hết là bắt nguồn từ một sự nhận-định rằng khung cảnh, tâm-lý, con người, cái gì cũng đã đổi mới, đòi hỏi một thứ ngôn-ngữ "mới" để nói lên được ngần ấy sự đổi thay trong xã-hội, trong cuộc sống. Từ cái nhận-thức đó mới nảy ra thử nghiệm (vì sợ rằng những hình-thức cũ, ngôn ngữ cũ không còn đủ khả-năng diễn-tả cái mới) song đã nói đến thử nghiệm là đương-nhiên, không phải thử nghiệm nào cũng thành-công. Thơ mới và thơ cũ chính cách nhau ở chỗ đó: thơ mới chấp nhận thử nghiệm, thơ cũ thì gần như không. Thơ mới, do đó, có những thất bại của nó bên cạnh những thành công của nó trong khi thơ cũ thì gần như không thể có được những thành công khi mà phải đem so với những đỉnh trác-tuyệt như Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan hay Nguyễn Khuyến. Mà rồi có làm hay đến như thế thì thơ cũ vẫn hoàn thơ cũ vì cùng lắm là nó có ý còn như về mọi mặt khác (ngôn ngữ, hình-thức v.v.) nó sẽ "cũ rích, cổ lỗ sĩ."

Tại sao tôi nêu ra những điều trên? Vì tôi cho là Võ Phiến căn-bản đã lấy một lập-trường tương-đối bảo thủ, tương-đối cổ-điển khi duyệt về "thơ mới" ở trong tác-phẩm của ông. Đọc ông, ta sẽ thấy ông thiên-vị những loại thơ "sáng," dễ hiểu so với thơ "tối," khó khăn (nếu không muốn nói là khó hiểu), thơ luật, thơ "khuôn khổ" so với thơ tự-do, v.v. Ông tự loại ông ra trong số những người có thể hiểu được Hoàng Trúc Ly, Bùi Giáng (trang 297-98) trong những lúc họ viết khó khăn, và ở một đoạn khác ông viết; "Người khật khùng thơ tất khật khùng, người cô đơn thơ cũng quần quại theo. Và hạng người ấy làm thơ là vì sự khật khùng, vì cái cô đơn khắc khoải của mình, *chứ không phải vì nghệ thuật,* vì lời hoan hô của quần chúng" (trang 292, chúng tôi nhấn mạnh.-NNB).

Tôi phải nói ngay là tôi cũng chỉ có một trí thông-minh bình-thường, chắc chắn là không thể hơn được ông Võ Phiến, khi "thưởng ngoạn" những loại thơ mới nói trên. Nói cách khác, tôi xin thú thật là cũng như Võ Phiến, có những bài thơ mới tôi không hiểu. Song có khác chăng là tôi không nghĩ những nhà thơ mới "khật khùng" mặc dầu khi làm dáng thì họ cũng có thể tự-tả ra điều "khật khùng, cô đơn." Và rồi có khật khùng đi chăng nữa, họ vẫn làm thơ, viết văn "vì nghệ thuật" chứ không thể nào "không... vì nghệ thuật" được (ta cứ lấy trường-hợp Hàn Mặc Tử thì rõ). Thứ ba, trong cái ý-chí "đổi mới" của người làm thơ mới ta phải cho họ cái quyền thử nghiệm, cái quyền "tối tăm" (hoặc còn gọi là "kín bưng," hermétique, ở trong tiếng Pháp), cái quyền đi vào những con đường mà ta có thể nghĩ là sẽ bế tắc. Mà đã như vậy thì người làm "thơ mới" như Bùi Giáng, chẳng hạn, thừa biết là mình không

thể có một "quần chúng" ghê gớm lắm được. Như Mallarmé, như Valéry ở Pháp, một người như Bùi Giáng tự biết từ trước là ông đi vào con đường "đoạn trường" rồi. Nhưng đánh đổi lại, "thơ mới" Việt-nam đã được phong-phú-hoá gấp trăm lần, gấp nghìn lần (so với "thơ mới" ở ngoài Bắc, chẳng hạn, hay cứ ngay so với thơ Xuân Diệu, Huy Cận) vì chỉ có "thơ mới" ở miền Nam mới có thể "đùa" với nnôn ngữ như kiểu Bùi Giáng được:

... Hãy mang tôi tới bất ngờ
Giết tôi *ngẫu nhĩ* trong giờ *ngẫu nhiên*...

hoặc

... *Một hai hai một/di hài*
Dài hy hữu mộng an bài chầm ma...

Rõ ràng là trong những câu thơ trên, Bùi Giáng đang chơi chữ, và nếu ta không chấp nhận cho ông "chơi chữ" thì rõ ràng cả câu thơ của ông mất ý nghĩa. Nhưng một khi chấp nhận thì ôi, lối chơi chữ của Bùi Giáng chỉ có một, không hai, nó tuyệt diệu!

Còn khi Thanh Tâm Tuyền gọi tên mình cho "đỡ nhớ" :

... tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ
thanh tâm tuyền
... tôi gào tên tôi thảm thiết
thanh tâm tuyền...

thì ông đã mô-tả được đến mức tuyệt-kỹ cái tâm-lý của người trẻ mới lớn lên (để hiểu, ta cần đặt ta vào tuổi "teenager" hay 20-21 gì đó) thấy "yêu mình quá," thấy muốn tung mình ra với thế-giới bên ngoài nhưng hãy còn sợ chưa có người khác muốn hứng. Để đọc bài thơ này của Thanh Tâm Tuyền, chúng ta cần đổi giọng, đi từ cái giọng thì thầm đến đoạn "gào" thì phải thét lên cho "thảm thiết." Rõ ràng đây là một "bài thơ kịch" (un poème dramatique) mà ta không thể đọc như thơ Hồ Xuân Hương hay Bà huyện Thanh Quan được. Nó "mới," nó tuyệt diệu cũng ở chỗ đó!

Còn như bài của Hoàng Trúc Ly :

Xin mời em chối bỏ tên anh
vì tên em là cuộc đời
Ba. Bảy. Năm. Tám. Sáu.
Hai. Bốn. Chín. Mười. Mười.
Con số có tên kiếp người có tuổi
Anh già rồi chối bỏ tên anh?

thì ta chỉ cần ngưng một chút là hiểu được rằng tác-giả đang nói về một thảm-kịch ở cuộc đời, trong đó con số đóng một vai trò cốt-tử. Có thể là chuyện tuổi tác xa nhau ("Anh già rồi, (em) chối bỏ tên anh?"), có thể là cuộc đời tính toán. Mà muốn nói về cuộc đời tính toán thì có gì rõ cho bằng, sáng cho bằng tung ra một loạt số ("Ba. Bảy. Năm... Mười. Mười")? Có hơn hẳn là viết ra "Cuộc đời này,

em tính toán quá" không?

Thành thử đọc "thơ mới" đòi hỏi một khiếu thẩm mỹ "mới" không kém. Ta sẽ bất công nếu đem áp-dụng những tiêu-chuẩn thẩm mỹ cũ vào sự thẩm-định, thưởng ngoạn thơ mới. Mong khi ra quyển về Thi ca, ông Võ Phiến sẽ làm sáng được vấn-đề này. Thi ca giờ này không còn là thi ca của quần-chúng nữa, những đóng góp của nó thì có thể 100-200 năm nữa, chúng ta mới trông thấy hết được. Thơ như của Bùi Giáng, Hoàng Trúc Ly, Thanh Tâm Tuyền không những là thơ mới, nó là một thứ thơ đi trước thời-đại nên nó không những "mới" đối với chúng ta ngày hôm nay, nó sẽ còn "mới" tới cả một, hai, ba thế-hệ đến sau ta nữa. Nó là thơ "tiền-phong" trong thời-đại chúng ta, một loại thơ không hề có ở miền Bắc, một loại thơ khá hiếm ngay đối với cả thi ca thế-giới hiện-đại.

*
* *

Nói như trên, chúng tôi không hề có ý phủ-nhận cái công lao rất to tát của nhà văn Võ Phiến khi cho ra cuốn *Văn học miền Nam: Tổng quan*. Từ ngày phụ trách giảng dạy về văn-học Việt-nam ở trường Đại-học George Mason (Fairfax, VA) thay Tiến-sĩ Trần Quý Phiệt (từ năm 1980), cá-nhân chúng tôi vẫn mong có được một quyển văn-học-sử về miền Nam tương-đương với những cuốn văn-học-sử của Dương Quảng Hàm, Phạm Văn Diêu, Phạm Thế Ngũ... cho những giai đoạn trước. Thì đây, ước-vọng của tôi đã được toại nguyện với sự ra đời của cuốn *Văn học miền Nam: Tổng quan* của Võ Phiến. Ít nhất 60 em sinh-viên VN ở George Mason khoá tới sẽ có dịp biết ơn nhà văn Võ Phiến và nhà xuất bản Văn nghệ về công-trình này. Riêng tôi, tôi cảm ơn ông Võ Phiến về công việc làm đầy ý nghĩa của ông và tôi cầu chúc ông đầy đủ sức khoẻ để ông tiếp-tục cho ra mắt 4 tập còn lại trong bộ *Hai mươi năm văn học miền Nam*.

Mùa Tạ ơn và Giáng sinh 1986
Nguyễn Ngọc Bích

Kiệt Tấn

Vườn chanh miệt biển

(trích đoạn trong truyện Vườn Chanh Miệt Biển)

Liliane đưa bàn tay trắng nuốt, các ngón tay tròn trịa cho tôi bắt, tôi luồn tay đỡ đầu ngón tay bà từ bên dưới nâng lên rồi khom người tới trước hôn lên mu bàn tay Liliane thơm tho mùi phấn ngọt, y hịch *như trong xinê*. Bàn tay bà đeo đầy nhẫn, nhẫn vàng, nhẫn xoàn, nhẫn cẩm thạch, nhẫn ngọc bích... Liliane chớp chớp đôi mắt ướt và nhoẻn đôi môi tô son đỏ vẽ theo hình trái tim mỉm cười chúm chím, mặt bà phính tròn tô phấn trắng tươi, chân mày vẽ nhỏ rức cong vòng bán nguyệt cao gần sát chiếc nón vải trắng vành rộng bên trên nở một chùm bông lụa nhỏ chi chít. Liliane gợi cho tôi hình ảnh *La Belle Epoque* "của những năm 20, thời kỳ của các cô gái gầy nhom ngực lép súng sính trong chiếc *robe sac* suông ruột bên dưới lăn tăn những sợi chỉ nhợ uốn éo theo nhịp bước, mắt kẻ đen lớn chiếm một nửa diện tích của khuôn mặt, đầu đội nón tròn vành bẻ lên một chút phía trước, cổ đeo xâu chuỗi hột dài lòng thòng có thể quay tít quanh cổ khi các nàng nhẩy *Charleston* như cái *houla hoop*. Tôi không được may mắn sinh ra ở nước Pháp vào *Thời Kỳ Mỹ Lệ* đó. Vì vậy tôi khom người trên bàn tay nuột nà của Liliane và cố gắng làm sống lại cái truyền thống mà chính Tây rặt cũng đã bỏ đứt từ lâu, một cách rất nịnh đầm và rất mã thượng. *Que je vous baise la main, Madame! et souffrez que je vous parle*...(khán giả vỗ tay ào ào!), tôi nhắm mắt hình dung mỹ nhơn dưới đôi môi mình vào những năm 20 dập dìu oanh yến.

Tôi khen Liliane một câu lấy cảm tình. Bà nói:

— Ối dào! hương sắc tôi đâu có còn gì đáng kể nữa ở cái lứa tuổi này.

— Tuổi này là tuổi nào? Tuổi nào mà người đàn bà chẳng đẹp? Làm gì có những người đàn bà không hương sắc mà chỉ có những người đàn ông không biết nhìn! (Lại xin khán giả một tràng pháo tay và vĩ cầm ơi xin hãy vì ta và nàng mà lên tiếng...)

Bình thường tôi đâu có kiểu cọ và ăn nói kỳ cục như vậy. Có lẽ hôm nay tôi bị *pastis* nó hành. Liliane lại chớp chớp đôi mắt ướt rượt (cảm động thấy rõ!) mà chúm chím:

— Ông quả thiệt là một *con nhà gia giáo!*

Bây giờ tôi mới hiểu lờ mờ vì sao các em bé xinh xinh tươi tốt, và ngay cả những em hồng nhan rất mực nhưng có số đoạn trường lại cứ trao duyên lầm tướng cướp. Hồi mới lớn lên và mới bắt đầu biết yêu, tôi cứ vò đầu bứt tóc và thao thức nhiều đêm trước cảnh ngộ éo le này. Hiểu không nổi, chấp nhận không nổi! Nhưng đâu có ai cần tôi chấp nhận và ban phát những lời khuyên trật đường rầy. Tôi lặng lẽ âm thầm đau khổ và giận Kiều, giận Mã Giám Sinh, giận Sở Khanh, giận tôi và giận... ông Nguyễn Du. Tôi vừa ghét vừa sợ đọc tiểu th uyết tình cảm có những người đàn bà đẹp. Tôi cứ hồi hộp lo sợ các nàng chẳng những không yêu tôi mà còn len lén đi đêm để sa vào vòng tay tướng cướp. Nhưng nghĩ cho cùng, nàng trao duyên ai thì tôi cũng nổi ghen hết. Lấy ai cũng vậy, lấy anh, anh cám ơn.

Jacques và Gigi lại rót rượu và gắp đá bỏ vào ly cho mọi người. Tôi lại đứng lên rủ mọi người cụng ly một phát nữa và lại vi vút tung ra những lời hào hoa phong nhã khác nữa. Ánh thấy tôi cứ cà rà như sắp sửa ôm Liliane vào vòng tay hiệp sĩ tới nơi nên kín đáo nắm vạt áo tôi kéo khe khẽ để nhắc chừng. Gigi đem máy ảnh ra để chụp hình kỷ niệm buổi họp mặt ăn cơm rang Quảng Đông tối nay. Tôi kéo ghế xích lại gần Người Ngọc của những năm 20 và choàng tay qua vai nàng để lưu niệm một *pose* hình đầy sự thân ái. Ánh xổ tiếng Việt để đạp thắng tôi. Chàng thừa thắng xông lên ngồi luôn lên đùi của Người Ngọc và bá lấy cổ nàng mà làm thêm một *pose* nữa cho đủ bộ. Ánh nguýt tôi một cái thiệt dài rồi đứng dậy bỏ ra sau bếp cho hiệp sĩ rảnh tay mà tiện bề hành hiệp. Nữ đệ tử cũng xin phép đứng dậy nối gót bà thầy.

Còn lại hai hiệp sĩ, một già một trẻ và xuân nữ ngồi lại bao lơn, tôi gợi chuyện được biết Liliane sống với một bà mẹ già cứ đau yếu luôn trong một căn phố lầu ngó ra Bãi Thiên Thần. Được Gigi cho biết, qua những lần chuyện trò với Ánh là ở Việt Nam bây giờ rất cần thuốc men, bất kể loại gì, Liliane hứa sẽ thu góp thuốc men còn dư của bà mẹ mình và của những bà bạn hay đau yếu khác để đưa cho chúng tôi gởi về Việt Nam giúp thân nhân.

Liliane không có chồng con gì— tuy hồi còn xuân sắc chắc là nhân tình đếm không hết— nhưng không có vẻ gì phàn nàn về tình

trạng đơn chiếc của mình khác với đa số những người bước vào lứa tuổi thứ ba, *le troisième âge*, ở Tây phương. Cannes bây giờ là một thành phố dành cho những người tóc bạc răng giả và những con chó đủ loại, đa số là chó xù *caniches*. Cannes chỉ khoác bộ mặt trẻ trung vài tuần trong một năm dài vào dịp *Hội Lễ Xi-Nê*, cũng như Venise, chỉ khác một điều là Venise đang lún dần trong một vũng nước đọng mênh mông, ôm theo thời đại vàng son ẩm mốc xa xưa của mình ẩn núp sau những chiếc mặt nạ trắng dửng dưng tượng trưng cho thành phố dựng trên kinh lạch vào một thuở nào xa lắc. *Gondolier! t'en souviens-tu? Les pieds nus, sur ta gondole...*

Bị cuốn theo chiều gió bởi mùi chiên xào vọng ra bao lơn bát ngát, đến phiên người ngọc cũng xin phép đứng dậy đi ra sau bếp thành lập ban tam ca Ba Trái Táo với hai xuân nữ kia. Còn lại hai hiệp sĩ cao niên lên tiếng trước:

— Tôi đã đọc vài chương trong Con Đường Đoạn Luyến bạn cho tôi mượn. Lối lý luận kiểu Á Đông của các bạn thật lạ kỳ, tôi không thể hiểu hết. Tuy nhiên, có một câu thật ngắn nhưng đã đánh thật mạnh vào trí tôi, đó là *"khi già đi, ta phải chấp nhận sự mất mát"*. Từ lâu, tôi vẫn chống cự sự mất mát, chống cự một cách tuyệt vọng trộn lẫn sợ hãi.

Tôi mỉm cười:

— Thay vì sợ hãi, lẽ ra bạn nên vui mừng vì *được* mất mát, có thể bạn đang *bắt gặp lại mình* như hồi nguyên thủy, như người ta tìm lại được chiếc lọ quý sau khi đã cạy gỡ lớp vôi cáu bẩn đóng xung quanh.

— Bạn nói nghe dễ, nhưng đối với một người đã quen thành công như tôi thì thiệt là một chiến đấu cam go với chính mình. Hồi đó, hồi còn trẻ, hồi còn hăng say hoạt động, bất cứ việc gì tôi bắt tay vào thực hiện cũng đều thành công hết. Rồi... rồi ... bỗng dưng một cái!...

Jacques bỏ lửng câu nói. Tôi cũng không gạn hỏi thêm. Ông bạn già nói tiếp:

— Tôi làm ăn thất bại, bị lường gạt, bị quịt, bị mất mát và thua lỗ rất nhiều. Dĩ nhiên không đến nỗi mất hết, nhưng mất đi phần lớn bất động sản. Rồi mất con. Rồi mất cả con chim sẻ em tôi lượm được trên máng xối (Jacques chỉ lên mái nhà) và nuôi để làm bạn. Tôi đi đâu cũng mang nó theo, lên phi cơ nó cũng ngoan ngoãn đậu trên vai mà cùng du lịch khiến hành khách ai nấy cũng tò mò ngạc nhiên. Được hai năm, nó già rồi chết đi. Nó không đau khổ, nhưng còn tôi, tôi đau khổ.

Jacques trầm ngâm một hồi, đoạn vỗ vai tôi:

— Bạn thiệt là một người can đảm! (Biết rồi, khổ quá nói mãi!) Bạn đã mất hết ở Việt Nam mà vẫn khởi sự lại từ con số không như

thường.

Jacques vừa nói vừa vòng hai ngón tay lại tròn vo. Tôi mỉm cười lắc đầu:

— Bạn tưởng vậy chớ tôi cũng đã nhiều phen ngó cái lỗ rún mình mà than khóc triền miên, tới mức phát khùng phải đi nằm nhà thương. Nhưng khóc chán tôi thấy rún mình không tròn hơn một chút nào (ngập ngừng)... ờ ờ...có chăng nó càng lúc càng méo thêm đi là đằng khác.

Tôi phá ra cười. Jacques cũng cười theo:

— Vậy mà bạn vẫn giữ được tính cười cợt và sự khôi hài cố hữu, giỏi thiệt!

— Ôi bạn ơi! Bạn thử nghĩ nếu không giữ được cái khôi hài và sự diễu cợt thì làm sao mà tôi có thể sống sót được trong cuộc chiến tranh ba mươi năm dai dẳng ở Việt Nam? Tôi chống cộng sản không những chỉ về mặt lý thuyết mà còn bởi lẽ cộng sản không biết khôi hài, không biết cười cợt. Bạn để ý coi, khắp nơi trên thế giới, bọn cộng sản chính cống không bao giờ cười cợt một cách chân thành. Có cười chăng cũng chỉ dám cười lén lút. Như thể mắc bịnh táo bón kinh niên! Xã hội cộng sản là một xã hội buồn rầu. Con người cộng sản thì buồn rầu, lãnh đạo thì già nua. Mà một khi con người thấy cái gì cũng buồn rầu, cái gì cũng nghi kỵ, cái gì cũng rắc rối, cái gì cũng nghiêm chỉnh hết thì giặc giã còn hoài hoài. Giặc từ trong lòng ta mà ra...

Jacques ngắt lời:

— Bạn muốn nói sự nghiêm chỉnh sanh ra giặc giã?

— Không đâu! Tôi không có ý chứng minh như vậy hay muốn chứng minh một cái gì ráo. Nhưng nếu để ý, bạn sẽ thấy cũng như tôi là khi giết người, bọn đồ tể rất nghiêm chỉnh. Chẳng có ai vừa cười ngất vừa đâm vừa chém vừa bắn vừa giết hết. Khi nướng sáu triệu Do Thái, Hitler không cười một tiếng, trừ phi cười khoái trá. Khi đày ải hai chục triệu dân Nga, Staline cũng không cười một tiếng, trừ phi cười nham hiểm. Hồ Chí Minh cũng vậy. Tôn giáo cũng rất nghiêm chỉnh. Tôi không hình dung nổi người ta vừa gặp gỡ Thượng Đế vừa cười cợt. Chỉ có khiếp đảm và run sợ như con thằn lằn là đàng khác.

— Nhưng nếu không nghiêm chỉnh thì làm sao mà giải quyết các khó khăn cho được, nhứt là trước những vấn đề trọng đại?

— Chính vì nhiều lúc nhìn vấn đề và cho rằng nó quá sức trọng đại mà thành ra không giải quyết được gì hết. Càng giải quyết chỉ càng làm cho nó rắc rối thêm, hoặc giả chỉ thay thế sự khó khăn này bằng sự khó khăn khác còn lớn hơn thập bội. Đồng ý với bạn là không thể thủ tiêu cộng sản bằng sự khôi hài và cợt nhả thôi mà được. Bởi lẽ chính sự nghiêm chỉnh của người khác bắt buộc mình

phải nghiêm chỉnh, sự rắc rối của người khác bắt buộc mình phải rắc rối, rồi tới phiên sự nghiêm chỉnh và rắc rối của mình lại truyền nhiễm sang người khác, rồi cứ thế, v.v... Không phải chỉ một mình mình mà Hitler có thể tạo ra cuộc Đệ Nhị thế chiến đẫm máu toàn cầu vừa qua. Và cũng không phải dân Do Thái vô tội khi bị thù ghét, săn đuổi, ruồng bắt trên khắp lục địa Âu Châu. Dân Việt Nam chúng tôi cũng vậy. Chẳng phải khi không tự dưng trên trời rớt xuống mà dân tộc chúng tôi lãnh đủ định mệnh thảm khốc suốt hậu bán thế kỷ hai mươi này và bây giờ vẫn còn trôi sông lạc biển, và tiếp tục bị thảm sát, bị cướp bóp, bị hãm hiếp. Dĩ nhiên ngó thấy ai mà chẳng phẫn uất, thương tâm. Hơn nữa tôi lại là một người Việt. Nhưng hãy bình tâm nhìn lại lịch sử và nghĩ lại mà coi. Tôi không có ý chứng minh. Dù sao cũng không thể nào minh chứng được sự bạo ngược. Giải thích hoặc biện chứng thế nào thì bạo ngược, và chiến tranh vẫn là một cuộc thảm sát xuẩn ngốc qui mô và có tổ chức. Tôi chỉ muốn nói cần phải nhận định và ý thức. Không riêng ai, mà là mỗi người chúng ta. May ra nhờ vậy mà con người bớt bạo ngược chăng, dù vẫn biết rằng kêu gọi mỗi người ý thức quả thiệt là một điều không tưởng!

Jacques có vẻ nghĩ ngợi. Tôi hỏi tiếp:

— Trong cuộc Đệ nhị thế chiến vừa qua, bạn có biết ai đã đẻ ra bom nguyên tử hay chăng?

— Là Einstein, nếu tôi không lầm.

— Trên bình diện khoa học, bạn không lầm. Einstein quả là người cha đẻ trực tiếp của Thuyết Tương Đối và bom nguyên tử. Nhưng nếu truy nguyên ra thì *chính lòng sân hận của toàn thể nhân loại đã đẻ ra bom nguyên tử*. Và cũng chẳng phải khi không mà trái bom nguyên tử đầu tiên rớt xuống Hiroshima mà lại không rớt xuống một thành phố nào đó ở Phi Châu chẳng hạn. Chính cái *bản tánh* của dân tộc Phù Tang đã hút chặt trái bom nguyên tử đầu tiên xuống đầu mình như một khối nam châm đồ sộ. Như một cộng nghiệp bất kham!

Jacques thở dài:

— Và bây giờ bom nguyên tử, hỏa tiễn, vũ khí nguyên tử tràn lan khắp thế giới, bên khối tư bản cũng như bên khối cộng sản...

— ... và tràn qua luôn cả các quốc gia cho rằng mình không thuộc khối nào. Lòng sân hận của con người bộc tràn tới đâu thì cầu sập, tuyết chảy, rừng rú bốc cháy, núi đồi trở thành bình địa, con nít bị đập dập đầu, đàn bà bị hiếp dâm, chẳng những con người không có chỗ dung thân mà đến muông thú cũng bị vạ lây, lá rừng rụng sạch, cây cối héo sầu, cỏ hoa cũng không làm sao mọc nổi. Sân hận bộc tràn thì vũ khí nguyên tử tràn lan khắp theo. Đến mức chống lại vũ khí nguyên tử cũng trở thành xuẩn ngốc. Tôi

không hề có cảm tình với bọn phản chiến, cái bọn la ó "thà đỏ còn hơn chết", cái bọn cố tình nhắm mắt trước sự liều mạng vượt biển của hàng triệu thuyền nhân Việt Nam, ra đi với tất cả cha mẹ họ hàng vợ chồng con cái, ra đi tìm cái sống trong cái chết, *thà chết còn hơn đỏ,* dù biết trước rằng đại dương đầy dẫy hải tặc dã man và giông bão bất thần.

Tôi cũng không phải là thánh. Ai đánh tôi tôi sẽ đánh lại. Đánh tôi một thoi tôi sẽ đánh lại hai thoi. Thánh Gandhi chủ trương bất bạo động nhưng chính đó lại là *mầm móng* cho một chuỗi bạo động khác vô cùng khốc liệt tiếp theo liền cái chết của ông ta, một cái chết vì bạo động, vì thảm sát.

— Tôi vẫn hằng tưởng Đông Phương thấm nhuần Phật giáo lẽ ra ít bạo động hơn Tây phương vốn được nuôi nấng trong tinh thần Công giáo chủ động, muốn lôi kéo người khác theo đạo của mình bằng thuyết phục hoặc dùng bạo lực cưỡng bách, và phía sau vẫn âm ỉ một tham vọng chính trị.

— Nhưng nghịch lý thay! những dân tộc hiếu hòa, lấy Phật giáo làm quốc giáo như Lào, Cao mên, cũng đã lãnh đủ định mệnh khốc liệt không kém Việt Nam một chút nào. Nhưng nước Lào thì đỡ hơn, cũng do cái bản tánh hiền hòa của xứ đó. Mà dân tộc Việt Nam chúng tôi cũng kỳ cục lắm! Cứ chê các nước láng giềng là ngu xuẩn mà rốt cuộc suốt trong lịch sử vùng Đông Nam Á các nước này đều hưởng thái bình an lạc nhiều hơn Việt Nam hết thảy. Vậy thì ai khôn, ai dại? Cũng vì lẽ đó mà cho rằng dân Do Thái thông minh tôi cũng không dám chắc. Chúng tôi muốn nói cái *thông minh thực sự.* Người ta thường nhầm lẫn sự hiền triết và thông minh thực sự với cái khôn vặt. Nếu nói "ngu si hưởng thái bình" thì hưởng thái bình chưa chắc đã là ngu si. Còn hơn được tiếng thông minh mà bị nướng rụi.

Jacques đăm chiêu nhìn tôi thở dài:

— Ngu cũng chết, khôn cũng chết, hiền cũng chết, dữ cũng chết. Chết ráo! Vậy biết làm sao bây giờ?

— Tôi cũng không biết (gật gù).. tuy nhiên tôi có cảm tưởng là nếu bây giờ *toàn thể nhân loại ai nấy cũng đều "ăn, ngủ, đ., ỉa" một cách lương thiện* và kiếm chuyện vui mà làm thì có lẽ thế giới này sẽ hết giặc (vỗ vai). Tôi dám cam đoan với bạn như vậy.

Jacques phá ra cười:

— Bạn lại khôi hài!... Nhưng biết đâu? Cái ý kiến của bạn cũng thiệt là ngộ nghĩnh!

— Thôi thôi ông bạn già ơi! Tôi xin can ông bạn. Bạn mà lôi cái ý kiến đó ra để lập thuyết hoà bình thì chắc chắn loạn lạc sẽ càng dữ hơn nữa, riết rồi hết biết đường đâu mà rờ. Thuyết càng lớn thì loạn càng to, loạn càng to thì giặc càng dữ, giặc càng dữ thì chết

càng nhiều. Nói cho cùng, vì sống là chuyện hết sức nghiêm chỉnh nên ta phải... cười mà sống. Không có thái độ nào cà chớn cho bằng thái độ nghiêm chỉnh kinh niên. Nếu chơi chữ thì *nghiêm chỉnh quả là một thái độ không nghiêm chỉnh một chút nào.* Một thái độ vọng chấp tột bực. Chắc bạn khó lòng mà đồng ý với tôi.

Jacques đưa tay vỗ lên trán:

— Thiệt là bể cái đầu!

Tôi vỗ vai Jacques:

— Allez, ne vous cassez pas la tête! Bạn chỉ có một cái đầu, chớ nên làm bể nó vì kẻ khác. Thôi bỏ đi Tám, *laissez tomber, rien d'important tout ca!"*

Jacques vẫn còn ngó xuống cái ly mình đang cầm trên tay, lộ vẻ phân vân. Thời may khi đó từ nhà sau bước ra ban tam ca Ba Trái Táo, hai trái chín quá mùi, một trái vừa chín tới, Ánh nâng hai đầu một dĩa dài đựng những cuốn chả giò nhỏ vừa mới chiên còn nóng hổi, hai nữ đệ tử bưng hai dĩa phụ tùng rau thơm, giá sống, xà lách, dưa leo... Hai hiệp sĩ vội vàng đứng dậy tiếp đỡ bày biện trên bàn ăn đặt ngoài bao lơn, Jacques rối rít:

— Thơm! thơm quá! Bữa nay tha hồ mà thưởng thức tài nghệ của Ann đấy nhé!

— Còn tôi nữa chứ ông (Gigi lên tiếng), tôi cũng phụ nhúng bánh tráng và xay thịt...

— Còn tôi thì rửa rau và xắt dưa leo (Liliane phụ họa).

— Còn tôi thì là... thợ nếm chuyên môn, có bằng cấp tiểu học và mề đai của nhà nước đàng hoàng.

Tới phiên tôi cũng hứng chí ứng tiếng. Mọi người lăng xăng tíu tít như một bầy chim non, tung trời xanh én nô đùa reo mừng. Chợt Jacques "À!" một tiếng lớn rồi bảo:

— Quý vị hãy xem kìa!

Chúng tôi ngó theo tay chỉ hướng về một cái lọ bông nhỏ có vẽ hoa lá cành xanh vàng vui mắt mà ban chiều Ánh thấy ngộ nghĩnh nên mua về tặng Jacques. Trên vách lọ có xoi những lỗ nhỏ, mỗi lỗ có cắm một cọng hoa, hoa cúc vàng cánh nhỏ giống bông đeo tai, hoa *bleuets* xanh thẫm ửng chói lân tinh (tôi thường tần ngần trước loại hoa này vì trong trời đất ít khi thấy bông hoa màu xanh), hoa *coquelicots* màu đỏ tươi rũ cánh mỏng manh tội nghiệp như cánh của loài phù du trong suốt để cho nắng sáng lọt qua xuyên thấu—mỗi lần nhìn hoa này tôi thường liên tưởng đến những cô gái mới lớn vừa có người yêu đầu mà lo sợ vẩn vơ cho trinh nữ. Lọ hoa đặt trên bàn tròn ở phòng khách, nắp bàn màu vàng hực có kết ren vân vi, hợp màu với lọ hoa. Jacques nói:

— Anne thiệt là khéo chọn, lọ hoa rất hòa hợp với phòng khách

của tôi. Thiệt là đúng *goût!*

Giọng Jacques biểu lộ sự mừng rỡ, xúc động chân thành khiến tôi không khỏi ngạc nhiên vì trong sân nhà tôi thấy nằm lăn lóc ba bốn lọ hoa lớn hơn và đẹp hơn nhiều. Lọ hoa Ánh mua có mấy chục quan. Tôi tò mò hỏi:

— Chắc trong nhà của bạn có nhiều lọ cổ còn quý giá hơn nữa, xá gì cái lọ cỏn con này mà bạn khen quá xá làm bà xã tôi đỏ mặt kia kìa.

— Ý! đẹp thì tôi khen đẹp chớ bạn. Còn những cái lọ cổ! ... bạn nhắc tới làm gì những thứ đồ mắc dịch đó?

-- Mắc dịch?

Gigi đỡ lời:

— Ờ, cũng bị những thứ đồ mắc dịch đó mà nhà này đã bị ăn trộm ba lần rồi, cửa nẻo bị xeo cạy hư bể hết trọi. Thét rồi tôi không dám trưng bày món gì trong nhà này hết, bao nhiêu đồ cổ đem giấu biệt, giấu kỹ tới mức chính tay tôi tìm cũng không ra. Chẳng hạn như năm ngoái Lili và Pierre có mời bạn áp-phe từ bên Mỹ sang xuống đây chơi để giao hảo, Lili hỏi mượn tôi những món đồ quý để bầy biện mà nhiều món tôi tìm tở mở cũng không thấy đâu. Những món tìm ra để trang hoàng, lúc khách về rồi lại phải đem đi cất giấu, rõ thiệt là ba cái nợ đời! Đó là chưa kể các món nữ trang vặt vạnh gói thành gói nhỏ, giấu rồi khó kiếm gần chết...

— Ờ! Jacques ngắt lời, bà giấu ở đâu thì ráng mà nhớ nghe, tôi không có biết tới đâu đó, đừng có hỏi tôi bất tử.

Thuê tủ sắt ở ngân hàng để gởi báu vật cũng là một giải pháp. Nhưng có lần Jacques ơ hờ di chuyển với đồ quý giá, bằng khoán, vàng khối, chứng chỉ... từ Thụy Sĩ về bị nhà đoan biên giới chốp được quả tang, bắt lấy khẩu cung, kiểm kê tài sản nên hoảng hồn phải vội vàng lén rút hết các báu vật của nhà băng về để tự tay cất giấu. Rồi hồi hộp, rồi khổ tâm, rồi sợ quên, rồi sự mất, rồi ăn ngủ không được, y hệt như trong một chuyện ngụ ngôn nào đó của La Fontaine. Vì vậy cái lọ nhỏ mấy chục quan của Ánh cho là một niềm vui gẫm ra cũng không lấy gì làm lạ. Quý? Nó không quý, nhưng dù sao thì nó cũng chẳng làm cho ông bạn già tôi mất ngủ và Gigi vừa giấu vừa tìm như chơi trò cút bắt.

Nhập tiệc, tôi ngồi cạnh Người Ngọc, và chỉ dẫn tận tình cho nàng cách ăn chả giò vừa quấn, vừa cuốn, vừa chấm nước mắm vừa mút tay theo đúng thủ tục Việt Nam một trăm phần trăm— kèm trẻ tư gia thì được chớ tôi ăn là cứ xé hết các thứ ra, chả giò, rau thơm, giá sống... bỏ xà ngầu vô chén rồi chan nước mắm vào trộn trộn, *allez hấp!* Người Ngọc chúm chím ăn tới đâu khen rối rít tới đó: Thanh quá! Nhã quá! *Que c'est fin! Que c'est delicat!* Tới màn cơm rang Quảng Đông có lạp xưởng cắt vuông vức, ai nấy

đều thoả mãn ra mặt. Jacques làm hai chén, Gigi hai chén, Người Ngọc hai chén, Ánh hai chén, tôi một chén lai rai, nhâm nhi với rosé de Provence để cầm khách và liên tưởng vu vơ... *miam! miam!* Fantine, gà xào hạnh nhơn, lạp xưởng ram mặn... *loài hoá thạch sao bám riết hoài ghềnh đá trơn? và chiếc khăn choàng đã bỏ quên trên bãi muộn...*

Cơm sốt, canh nóng, cả nhà ăn uống ngon miệng no nê. Trái vải hộp ướp lạnh được âu yếm mang ra cho thực khách tráng miệng đúng theo thực đơn của cơm ta dọn cho Tây ăn. Tôi thoái thác và tự đong cho mình một ly *Cointreau* bát ngát mùi cam uống vào ấm ruột cho dễ tiêu và để cho hiệp sĩ tìm hứng mà tung ra những câu hào hoa phong nhã cuối cùng. Lúc Người Ngọc cáo từ lui gót, một lần nữa, hiệp sĩ lại cúi rạp người trên bàn tay bụ bẫm của nàng (bây giờ đã thấm mùi chả giò) mà ca khúc tạm biệt...*que je vous baise la main! Madame, en guise d'adieu, et que notre douloureuse séparation ne fasse qu'intensifier nos sentiments reciproques!* Người Ngọc chớp chớp mắt-lại xin khán giả một tràng pháo tay trước khi hạ màn. Thôi mình chia tay nhau nhé, *bye, bye, love!* Vĩ cầm ơi, xin hãy vì ta và nàng mà lên tiếng lần cuối.

Nhưng vĩ cầm đã im tiếng. Điệu dương cầm cũng nín bặt bên kia rào dậu. Ngôi biệt thự vẫn vút cao uá đỏ màu gạch cũ ù lì bí mật. Chiều hôm chưa dứt đã thấy trăng mọc. Lũ ve hạnh phúc cũng đã khan tiếng, mùa nắng tốt tươi đang đi vào những ngày hạ cuối. Thêm một mùa nữa, cũng như mọi năm, như tự bao giờ, những con ruồi say nắng lại rụng cánh hân hoan nằm chết trộn lẫn với đá vụn trên Bãi Thiên Thần. Chiều nóng sốt đục ngầu hơi nước, chạng vạng chới với ngã xuống vườn chanh. Con bướm lẻ loi lại dật dờ xuất hiện, xập xoè vỗ cánh, tung trong bụi phấn một dĩ vãng thẳm xa chờn vờn trong não tủy, những buổi chiều hôm rực đỏ vang dậy tiếng khủng long thiết tha kêu rống, gầm gừ réo gọi nhau trong hang động tiền sử trĩnh ướt mồ hôi lạnh trên vách đá.

Sắp lâm bịnh nặng. Có lẽ mùa mưa nhiệt đới kéo về trên quê hương. Và tôi lại lâm bệnh tương tư thất tình. Muốn chết. Thèm chết. Thèm chết vì quá yêu một cô gái nào đó. Muốn tan trong trời đất mỗi bận mây xám kéo về mù mịt trên đồng ruộng mênh mông bát ngát phù sa Hậu Giang, khi mùa mưa tới. Mùa mưa đã tới. Một chấm nhạn lao chao trong gió, cánh mỏi. *Em ơi, con nhạn lạc bầy kêu sương!*

Trên vườn chanh trời chợt ngậm ngùi sa mưa lắc rắc...

Đêm cuối, tôi ngồi lại một mình dưới dạ bao lơn vặn nhạc nho nhỏ. Tiếng đàn măng-đô-lin run khua lẳng tẳng, từng giọt, từng giọt.

... mưa rơi! màn đêm xuống rồi
bên thềm lá rơi, mơ bóng ngàn khơi
... ai đi, như xóa bao lời thề
thuyền theo nước trôi không về
thấu cùng lòng ai não nề
riêng chốn phòng khuê
... mưa rơi!...

*
* *

Về tới Paris, đã có những rặng cây bắt đầu vàng lá. Buổi chiều tôi thường xuống ngồi ở vườn cây nhỏ bên dưới cao ốc nơi tôi cư ngụ, Bagnolet, một trong hàng chục cửa ngỏ mở vào kinh đô Ánh Sáng. Tôi nằm lăn trên đồi cỏ hứng cơn nắng muộn vội vàng cuối hạ. Một con quạ to lớn mặc áo sa ten đen tuyền ông ánh đi đủnh đỉnh trong bãi cỏ úa, như một cụ đồ đang chấp tay sau đít cúi gằm đầu đi tới đi lui để tìm hai câu đối cho thật chỉnh, cất tiếng kêu *quạ! quạ!*. Chiều ngây ngất. Tôi ngầy ngật. Miên man nghĩ tới Gigi, lo sợ vẩn vơ. Miên man nhớ lại cơn điên của mình, hoài niệm thương động chưa lành. Chưa lành hẳn. Nhớ Evelyne, *Em Điên Xõa Tóc. Bây Giờ Em Ở Đâu? Em đã bớt điên hay còn sống sót?* Nước mắt ứ ra. Ngùi ngùi thương xót. Muốn quên, muốn quên hết. Trí nhớ khốn kiếp! Làm sao thủ tiêu, đốt bỏ, đốt hết, thiêu rụi trong nắng hè đổ lửa?

Một con chó lông vàng ửng đen, của ai không biết, từ đâu trờ tới miệng ngậm một khúc cây ngắn, rủ tôi giỡn chơi. Như trong công viên bỗng dưng có một đứa nhỏ không quen chạy đến nắm lấy tay mình dắt đi lượm quả bóng. Tôi ném khúc cây ra xa, người bạn tình cờ mới quen phóng mình rượt theo ngoạm lấy rồi hớn hở tha về, quấu!quấu! quấu! quấu!. Tôi lại ném đi, lòng xúc động. Bỗng người bạn tôi cong đuôi đổi hướng, rượt theo cụ đồ. Cánh đen vỗ mạnh bay lên cây:

— Quạ! quạ
— Quấu! quấu!
— Quạ! quạ!
— Quấu!Quấu!

Hai bên rượt theo bắt nhau bay chạy lòng vòng, chuyền hết cây nầy đến cây khác. Tôi đứng dậy phủi những cọng cỏ khô dính trên áo rời vườn cây, còn nghe tiếng quạ kêu, tiếng chó sủa văng vẳng sau lưng. Một con én chao mình sà xuống xẹt ngang đầu rồi vút lên trong chiều tàn...

Cuối tuần, Thiện và Loan lại ghé chơi. Loan vẫn than phiền về tình trạng ơ hờ thế tục của Thiện như cũ. Nhậu nhẹt với Thiện, nói chuyện Phật pháp, đạo-điết lai rai. Có lẽ rượu vào nóng gà, tôi tỏ ý

bực bội khi Thiện nói rằng có một đệ tử nào đó của Phật đã hiểu lời Phật dạy. Tôi nhắc Thiện giai thoại mà Kinh Kim Cang đã hằng lập lại:

— Sau rốt 49 năm hành đạo của mình, Phật dạy: "*Ta không nói một chữ*". Tôi nhấn mạnh chỗ không nói một chữ chớ không phải không nói một câu. Phật không nói một chữ vậy mà vẫn có người *đòi hiểu* cho được thì quả thiệt là lạ lùng!

— Anh nói vậy coi chừng sa vào cái *chấp không* vì cho rằng Phật không có nói.

— Đâu phải vậy. Dĩ nhiên là trong suốt cuộc đời hành đạo của mình, những lúc thuyết pháp, Phật đã có nói và nói rất nhiều, chép đến hàng mấy ngàn bộ kinh chớ làm gì mà không có nói. Tôi đâu phủ nhận điều đó thì có lý gì lại đi chấp không? Nhưng theo chỗ tôi nghĩ, cho rằng mình hiểu được Phật pháp, mình nắm được cái chân lý trong kinh Phật thì tôi thấy có một cái gì đó không ổn, lầm lạc, mâu thuẫn với lời Phật dạy sau cùng: "Ta không nói một chữ". Cái *tự do tột cùng* trong kinh Phật phải chăng là ở câu đó? Nhưng cũng chính vì vậy mà khiến cho những kẻ vọng chấp hoang mang tột cùng. Tôi có cảm tưởng khi cho rằng mình hiểu kinh Phật rồi bám khư khư vào cái chỗ mình hiểu là thực ra chẳng có hiểu gì ráo trọi!

— Dĩ nhiên tôi cũng biết Kinh Kim Cang có chép lời Phật dạy sau cùng. Khi nãy, tôi chỉ muốn nhắc lại lời của một đệ tử nói hiểu ý Phật nghĩa là phải *giữ giới*.

Tôi mù tịt:

— Giữ giới nghĩa là làm sao?

— Giữ giới nghĩa là tránh *tham, sân, si*.

— Nhưng ham lên thiên đàng hoặc mê nhập niết bàn, nếu không phải *tham với si* thì là gì đó?

Nêu phớt xong câu hỏi, tôi đổi hướng câu chuyện:

— Mà thôi, tôi chẳng hiểu ất giáp gì về Phật pháp hết nên không dám lạm bàn.

Vả lại, không hiểu mà lại đi đả kích cái người ta hiểu thì quả thiệt là vô lý. Tuy nhiên, tôi chỉ e sợ là khi cho rằng mình *nắm được chân lý* thì điều đó sẽ trở thành nguy hiểm vô cùng. Như Da-La-Tô-La nắm được chân lý của Hồi Giáo, như Kha-Đa-Phi nắm được chân lý trong Kinh Coran. Cũng như đã từng có cái chân lý tự do, cái chân lý cộng sản, cái chân lý phát xít. Ngó lại lịch sử nhân loại mà không khỏi hãi hùng trước những cuộc tàn sát tập thể do cái bọn cho rằng mình nắm được chân lý chủ xướng. Thà đừng có chân lý gì ráo còn hơn. Chân lý? Có chăng chân lý? Mẹ rượt! Cũng vì ba cái vụ chân lý với lại... cẳng lý đó mà nhân loại la dài dài.

— Thôi thôi anh ơi! Ánh lên tiếng, anh hãy tốp bớt cái miệng lại,

không có anh lãnh cái khẩu nghiệp mạt kiếp cho mà coi. Anh không thấy ba anh đó sao? Hồi xưa chửi má, chửi đạo, chửi thánh, chửi thần, tới lúc lâm chung đau đớn dằn vặt thể xác cùng cực gần cả năm trời mới được nhắm mắt. Còn má tin tưởng trời phật đi chùa đi miễu, làm phước làm đức, tới ngày chết là má nhắm mắt đi xuôi nhẹ nhàng, đúng nhằm ngày Phật Đản. Vậy mà anh chưa tởn, chưa chịu tốp bớt cái khẩu nghiệp lại.

— Thây kệ ảnh, phải để cho ảnh nói chớ chị! (Loan xen nào). Em đây nhiều lúc tức muốn chết mà không biết nói ra làm sao. Mà cũng không biết nói với ai bây giờ. Thành ra chị đừng có rầy em sao cứ lang thang ngoài hè phố hoài. *Ôi ta buồn ta đi lang thang hỡi vì đâu? Nhìn sông sâu dòng nước cuốn cho vơi mối sầu...* Có người sống không lo sống mà lại đi dốc hết đời mình để lo dành một chỗ trước ở Thiên Đàng. "Tìm em nơi Thiên Đàng" như Hoàng Hải Thủy nói là không có mặt em rồi đó chị.

— Em đừng có binh ổng. Gàn bướng là chẳng ai bằng. Ăn nói phang ngang bửa củi không sợ mích lòng một ai hết, già trẻ bé lớn gì cũng vậy. Gia tài có hai người anh ở nước ngoài, anh Ba ở Úc, anh Năm ở Canada mà nói riết rồi phải chấm dứt đối thoại luôn. Em nghĩ coi thuở đời nói chuyện với anh ruột của mình mà nói là "nói chuyện với đầu gối", có viết hẳn hòi trong thơ. Vậy mà biểu anh Ba với anh Năm không nhẩy dựng sao được? Vậy mà can không nổi.

— Can cái gì mà can? Nói gần không hiểu, nói xa cũng không hiểu, nói thẳng cũng không hiểu thì là nói chuyện với đầu gối chớ còn nói chuyện với cái gì nữa? Mà hễ đụng tới hai ổng là có chầu "mời người bước ra ánh sáng cho tôi nói chuyện", hoặc "mời em bước lên sân khấu cho anh bàn giao "kỷ niệm". Muốn điên cái đầu!

Loan cười rúc rích. Ánh ngắt ngang:

— Em coi! nói chuyện vậy đó nên có lần anh Ba đòi đục ổng phù mỏ thiệt là đáng đời. Vậy mà ổng cứ đinh ninh rằng mình đúng, thiệt ngoan cố hết cỡ nói.

— Đúng? Anh mà tưởng mình đúng? Lạ thiệt! Biết sao mà đúng, biết sao mà sai? Tại sao đúng? Đúng với cái gì và đúng với ai mới được chớ? Anh đâu có giành cái lẽ phải lẽ trái gì với ai, ngay cả với em cũng vậy. Có điều là anh nói để cho mà *ý thức*, rồi muốn làm gì đó thì làm. Nếu không ý thức thì rán mà chịu, rủi sau này có lãnh đủ thì đừng có than khóc "chèn ơi! tui đâu có dè...". Đã biết bao lần anh lập đi lập lại với hai ông anh yêu dấu của anh là việc gì hai ổng thấy đúng với *lương tâm* của mình thì cứ tiếp tục như thế mà mần, không mắc mớ gì phải chứng minh hoặc thanh minh thanh nga với anh hết. Anh chẳng có giành một cái lẽ phải hay một cái chân lý cẳng lý gì với ai hết.

— Nữa! lại nói ngang nữa!

— Ngang gì mà ngang? Anh nói hoài với hai ổng là nếu thấy đúng với lương tâm thì chớ khá sửa đổi. Vì nếu thấy đúng mà sửa đổi là bậy bạ hết sức. Cũng bởi lẽ đó mà còn thấy đúng là còn tiếp tục con đường tà mị của mình, như một nghiệp chướng, làm sao tỉnh ngộ cho được, làm sao mà can cho nổi? Anh nói hai ổng có toàn quyền *ad libitum*, muốn đệm nhạc sao đó thì đệm, anh không có muốn nghe nữa. Anh muốn cho hai cái lỗ tai được nghỉ hè. Mệt quá!

Ánh tiếp tục giải thích và chứng minh với Loan về sự gàn bướng của tôi, chẳng hạn hồi ở Sàigòn, một bận say sưa tôi đã xăng tay áo rủ ông thầy cũ của mình đấu chưởng rồi còn cả gan kéo thằng bé ra ôm gốc cây mà tè trước mặt một nữ sĩ khiến cho nữ sĩ nổi xung viết tiểu thuyết hài đích danh tôi ra mà chửi rủa. Ánh kết:

— Em coi vậy đó mà rồi qua tới bên Tây vẫn còn chưa chịu bỏ cái tật tưới cây dọc đường. Có ngày lính nó còng đầu cho mà coi!

— Thì thôi từ rày sắp tới *qua* sẽ cố gắng cữ ăn ngọt cho nó dứt cái bịnh đái đường.

— Cũ cái khỉ mốc! Em nói...(vân vân, vân vân...)

Cuộc đấu tố kéo dài nhì nhằng tới khuya. Tôi phải làm tờ tự thú kê khai ba đời coi trong dòng họ Lê có ai mắc chứng bịnh kỳ lạ như tôi không. Hình như chỉ có ông già tôi, còn những vị cao niên khác trong dòng họ tôi không biết rõ lý lịch nên không dám đề quyết.

Ra về, Thiện để lại cho tôi mượn một quyển sách nói về những bằng chứng của sự luân hồi, nhan đề "Trở Lại". Nghĩ tới Jacques, tôi định bụng ngày mai sẽ gói lại gởi cho ông bạn già. Nếu người ta cần có hy vọng để sống thì người ta cũng cần có hy vọng để chết — hy vọng trở lại. Hy vọng vẫn còn một cái gì đó sau khi chết, có lên thiên đàng thì cũng bê cái xác của mình theo, ít ra là trong đầu óc Tây phương. Còn Đông phương thì ngược lại hy vọng thoát khỏi cái vòng luân hồi lẩn quẩn. Chấp có, chấp không? Chấp không, chấp có? *Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị Sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc (...) vô vô minh diệc, vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận...*

Tôi lục lọi trong kệ sách của mình lôi ra một quyển nói về Đạo Lão, tựa "*Tinh Thần của Đạo*" (hay là "Con Đường Dắt Tới Con Heo Con"). Tôi mởngoặc chua thêm cái tựa rườm rà đó khi nhớ lại những buổi chiều chơi banh sắt trong vườn chanh, trên sân đất mà Jacques đã ân cần nhặt từng chiếc lá rụng và rưới nước cho đất cát dễ xuống, tôi đánh đặc công, ông bạn già cười hô hố — tiếng cười hiếm hoi. Tôi bỏ cả hai quyển sách vào một hộp giấy và gởi cho Jacques. Khi nhận được sách Jacques viết cho tôi nghuệch ngoạc mấy chữ trên một cái carte postale cám ơn tôi và nhắn: "...

không biết có phải đúng là con đường dắt tới cái *cochonnet* hay không, nhưng những điều nói trong sách rất là thâm thúy. Mùa hè tới mời bạn, Anne và hai đứa nhỏ nếu tiện thì trở lại Villefranche chơi với chúng tôi và luôn thể cho tôi phục thù *pétangue* , Jacques có thể gọi điện thoại cho tôi nhưng hình như ông bạn già ngại nói chuyện dài dòng — cũng như tôi. Tôi trả tiền điện thoại dài dài mà cả năm tôi chỉ gọi *đi* có đôi ba lần. Người gọi tôi cũng rất hiếm hoi. Tôi cũng chẳng có *cartes de crédit* xài chịu, ăn chịu chơi chịu và cũng ít khi xử dụng chi phiếu. Nói chung, tôi còn rất lạc hậu, khoái xài tiền mặt.

Gigi và Ánh thỉnh thoảng có gọi điện thoại hỏi thăm tin tức nhau và bàn thêm về việc cải tiến nghệ thuật cắt lạp xưởng, pha nước mắm, cuốn chả giò sao cho khỏi bể bánh tráng, rang cơm sao cho khỏi bị cháy khét và rắc tiêu sao cho độc đáo. Gigi có tom góp thuốc men dư thừa của mẹ con Lilianne và của các bà bạn già đau yếu quanh năm đối diện ngang nhà gởi *express* (bộ gấp lắm hả?) cho chúng tôi nhiều thùng lớn. Một sự sốt sắng vô bờ bến. Và cũng không quên nhắc chừng Ánh cố gắng kéo tôi xuống chơi mùa hè tới, bà sẽ cho ở đậu miễn phí và sẽ biếu chanh miễn phí cho chúng tôi đem về Paris mà ăn quanh năm, đừng có ngại ngùng gì hết. Ngại, tôi không ngại. Nhưng trong lòng tôi vẫn hằng thấp thỏm lo sợ vẩn vơ. Tôi linh tính có *một cái gì đó sẽ xảy ra* (hay đã xảy ra rồi?) trong ngôi biệt thự Nikasa (hay trong căn nhà màu gạch nung cũ úa?), và điều xảy ra đó sẽ *vô phương hàn gắn*. Mình tôi nổi gai ốc rang rang. Vì vậy tôi cũng muốn trở lại Villefranche, cho dù không có lời mời.

Tôi linh tính...

***

Và mùa hè năm sau tôi và Ánh đã trở lại Villefranche-sur-mer, chỉ có hai đứa. Phương và Thụy đã xé lẻ đi nghỉ hè riêng ở Corse với một cô bạn người Pháp.

Giữa tháng Tám, Côte d'Azur nắng vẫn tốt tươi, nóng hổi. Tôi mang xuống một cái hộp vuông để làm quà tặng. Jacques mở hộp lôi ra một con chó nhỏ bằng nắm tay lông xù màu trắng tinh, đôi mắt xanh biêng biếc và chiếc lưỡi nhỏ màu đỏ chói. Tôi bật nút dưới bụng và thả con chó trên sân nhà. Nó cử động, ngoắc đuôi, bò lẩm đẩm quanh quẩn, chốc chốc lại đứng dậy trên hai chân sau buông ra tiếng sủa *chét! chét! chét! chét!* giống như chuột kêu, nhưng rời rạc hơn và khoa học hơn. Jacques cười khoái trá nói rằng đây đúng là món quà dành cho lứa tuổi măng non của ông. Tôi nói tha hồ mà bạn đem nó theo để du lịch bất cứ nơi đâu. Hết pin thì bạn chỉ cần thay pin chớ nó sẽ không đau yếu và ngũm tì mà bỏ bạn lẻ loi bất tử. Jacques thoáng tư lự, có lẽ chỉ mình tôi nhận

thấy, rồi trở lại vui vẻ ngay. Ông bạn già đon đả đến bên kệ sách nhỏ kê trên tủ thấp, chỉ tay:

— Đây! ba quyển sách mà bạn đã biếu tôi đây: *Con Đường Đoạn Luyến, Trở Lại và Tinh Thần của Đạo...*

— ... hay là "Con Đường Dắt Tới Con Heo Con"

— Ối! lại con heo con. Chiều nay rồi đây bạn sẽ biết tay tôi!

— Cóc Thần Báo Thù?

— Hả?

Tôi dịch tiếng Pháp và giải thích vắn tắt cho Jacques biết chuyện phim thần thoại đó của Phi Luật Tân. Lại còn có cả phim "Mari Homme et Femme Poisson", nôm na là "Chồng Người Vợ Cá", cũng của xứ đó — đó là chưa kể "Tạc Dăng Phi Luật Tân Nổi giận", "Công Chúa Cá Hoàng Tử Cùi" vân vân, cái tựa nào cũng ly kỳ rung rinh cái lỗ rún.

Jacques vỗ vai tôi:

— Ông bạn trẻ của tôi lại vẫn khôi hài cố hữu.

— Nếu thuổng mặt ra mà cứu vãn được thế giới thì có lẽ tôi đã tự động tình nguyện để cho cái cằm tôi dài chấm đất từ khuya. Bạn lại không đồng ý với tôi chớ gì?

— Đâu có. Tôi chỉ muốn cám ơn bạn lần nữa về các cuốn sách bạn đã biếu tôi. Những cuốn sách đầy sự hiền triết trong đó.

— Không đâu. Cái nầy mới thực sự là một bộ sách hiền triết nhứt thế giới đây nầy. Tôi vừa nói vừa mở túi xách lôi ra hai cuốn sách thuộc loại bỏ túi,mỗi cuốn dầy hơn ba trăm trang, "*Tạp Lục những Chuyện Vui Cười*" xếp theo mẫu tự từ A tới Z. Tôi trao cho Jacques:

— Đây! tôi biếu bạn đây. Mỗi ngày bạn giở ra một trang, đọc dăm ba chuyện thì ắt bịnh tật tiêu trừ, nhứt là dứt được chứng chóng mặt xây xẩm.

Ông bạn già nhìn bộ sách có vẻ nghi ngại, không tin tưởng. Tôi nói:

— Trang này có kể chuyện một anh chàng mang một lưỡi dao găm dính trên lưng đến bót cảnh sát nhăn nhó khiếu nại. Ông cò hỏi bộ anh đau lắm hả? Anh ta đáp: "Dạ đau lắm! Nhứt là khi tôi cười khúc khích". Có lẽ mỗi người chúng ta đều mang trên lưng mình một lưỡi dao găm, dài ngắn tùy người và cố giữ khư khư khiến ta không dám cười cợt giỡn hớt và tự bắt buộc mình phải nhìn cuộc đời một cách buồn thảm chăng?

Jacques gật gù:

— Hình ảnh bạn đưa ra cũng có phần nào xác đáng (ngó sang Ánh) mà thôi, Anne có vẻ mệt mỏi rồi kia kìa. Hai bạn xuống nhà dưới tắm rửa nghỉ ngơi và ngủ một giấc đi. Rồi chiều nay khỏe khỏe lên trên này làm vài ly *pastis* với tôi chơi cho vui.

Gió chiều xoè bàn tay ẩm đục hơi nước xoa dịu cơn say nắng mê sốt cả ngày trong lòng Vịnh rồi ùa lên luồn ngón vào tóc chanh chải gỡ gào gội hong thổi. Những trái chanh chín vàng lườm chưa kịp hái đong đưa như những bóng đèn tròn căng tràn sinh lực ở công viên trong dịp lễ có tiếng phong cầm và nhịp trống háo hức. Những trái chanh no nắng, những bóng đèn no ánh sáng, những chiếc váy xoè no nhạc, những cặp đùi no muốt dục tình. Nhạc sĩ ve ve so dây, lũ ruồi lớn rã cánh tè xuống mặt đất. Và tôi sắp mê sảng rớt lật vào cơn điên chưa dứt. Cơn điên thường trực, đỏ lòm...

Ông bạn già múc đá cục nhỏ bỏ vào ly tôi, *chin! chin!*, Gigi và Ánh cũng nâng hai ly nước ngọt lên phụ họa. Từ trên bao lơn, Gigi chỉ tay xuống vườn chanh:

— Các bạn thấy không, chanh chín rộ mà tôi chưa kịp hái, còn Jacques thì chưa kịp vanh tàng lá cho tròn. Ổng cứ đòi bắt thang lên mé cái nhánh thược dược de ra trên gộp đá kia kìa, mà tôi sợ ổng xây xẩm bất tử tè xuống mấy tảng đá xanh bên dưới là rồi đời, tôi cứ cản hoài mà ổng vẫn cứ nằng nặc. Ổng lại còn đòi nối thang dài trèo lên vanh hai cội dương cao chót vót trước cổng vào cho thon gọn đúng như hình nón chóp mới chịu. Mà ổng thì có thể bị chóng mặt bất cứ lúc nào.

Tôi nhớ một bận tôi đang ngồi trong tiệm ăn, bỗng dưng Jacques ôm đầu mặt mũi xanh mét, tôi phải dìu ông bạn già ra ngoài hóng gió cho bớt chóng mặt. Vì vậy tôi khoa tay lên tiếng:

— Thì hai cụ cứ để mặc con. Bữa nào tôi sẽ tình nguyện bỏ nhậu và bắt thang lao động cho hai bạn một buổi là xong ngay.

Ánh xen vào:

— Anh lại làm tàng nữa. Anh bỏ nhậu thì lờ quờ, nhậu vào thì lạng quạng, chưa lên yên ngựa đã nhào xuống ngang mà còn đòi leo với trèo, cắt với xén.

— Ậy, đừng có khi dễ anh. Bảo đảm mà, trăm điều hãy cứ trông vào một ta!

Quả nhiên, tuần sau tôi thực hiện được điều đã hứa. Tuy nhiên, khi cầm kéo lớn mà nhắp hoa lá cành tua tủa, tôi không khỏi để ý là người Tây Phương thích cắt xén các tàng cây theo những hình kỹ hà thuần túy: vuông vức, tròn vo, hình nón, hình tam giác, hình *versailles*, là một mô thức điển hình. Nói tóm, những mô hình rất trái với thiên nhiên (trong trời đất có tàng cây nào tự nhiên mọc ra mà vuông vức bao giờ?). Người Á Đông cũng có nghệ thuật gây vườn, dưỡng cây, uốn cây, tỉa cây. Nhưng dù sao vẫn còn cố gắng tôn trọng hình dáng thiên nhiên của cây kiểng. Hai lối cắt tỉa khác nhau, hai đầu óc khác nhau, hai lối suy nghĩ khác nhau, hai lối lập luận khác nhau? Và dĩ nhiên hai lối hành xử cũng phải khác nhau.

Trở lại bao lơn, Jacques đưa ly rượu lên môi hớp một ngụm rồi

lại đề cập lần nữa về mấy cuốn sách tôi gởi biếu (khổ quá nói mãi):

— Khi chọn gởi cho tôi quyển *Trở Lại* tôi nghĩ chắc là bạn tin ở thuyết luân hồi, phải vậy chăng?

— Tôi không rõ, vì quyển sách đó đến tay tôi hết sức tình cờ, thú thiệt với bạn là tôi chưa đọc.

— Điều đó không quan trọng. Tôi chỉ muốn hỏi là bạn tin hay không tin có luân hồi?

— Tôi lại nghĩ điều tôi tin hay không tin chẳng có gì quan trọng. Tin hay không tin thì luân hồi, nếu có nó vẫn có. Tôi chẳng muốn nhức đầu về chuyện đó làm gì.

Jacques nghiêng người tới trước:

— Dĩ nhiên. Nhưng chắc là bạn cũng đã có ý kiến cũng đã có ngẫm nghĩ về vấn đề này chớ làm gì không?

Tôi lắc lắc viên đá cục khua long cong trên vách ly plastic:

— Hồi ba tôi lâm bịnh nặng, ông có viết thơ nói với tôi rằng ba già thì ba chết, người ta chết là hết, con chớ khá rầu buồn, ba không tin có luân hồi.

Trong thơ đáp lại tôi nói là tôi cũng không tin có luân hồi theo cái nghĩa có *một ông* Lê Minh Châu (tức là ba tôi) bất biến cứ trở đi trở lại trên dương thế này hoặc trong trời đất này, dù là bất cứ dưới hình dạng nào. Tuy nhiên tôi tin có luân hồi theo cái nghĩa vũ trụ *tuần hoàn*, tuy có trở đi trở lại nhưng cứ *biến dịch* hoài hoài, mới thì không mới hẳn, mà cũ thì cũng không cũ hẳn.

Như trên mặt đại dương những đợt sóng vừa lắng xuống thì đã có những đợt sóng khác dấy lên tức thì. Đại dương tuy không khác mà các đợt sóng không hề giống nhau bao giờ. Nhưng chính vì các đợt sóng không hề giống nhau bao giờ mà bộ mặt đại dương cứ hoài hoài đổi khác, không bao giờ ngừng nghỉ. Vẫn cứ trùng trùng duyên khởi...

— Nhưng còn cái cá nhân của tôi với bạn thì sao? Có bao giờ luân hồi trở lại một lần nữa hay không dù chỉ một lần?

Tôi trầm ngâm một chập vì tôi biết rằng Jacques, cũng như rất nhiều người trong chúng ta muốn được biết chắc rằng "Ta" có luân hồi hay không có luân hồi. Tôi nói:

— Có lần đọc ở đâu đó tôi thấy có vị đạo sĩ đưa ra ý kiến như sau: Mỗi ngày thể xác chúng ta mệt mỏi và đòi được nghỉ ngơi. Chúng ta mê ngủ, đó là cái *chết ngắn*. Khi hồi sinh, chúng ta thức dậy trong cái thể xác cũ trước khi chết. Lúc về già, tới một lúc nào đó, thể xác chúng ta quá sức mệt mỏi và đòi được nghỉ ngơi dài hạn. Chúng ta nghỉ một giấc dài, đó là cái *chết trần tục*. Nhưng đến khi hồi sinh, chúng ta thức dậy trong một thể xác khác với cái thể xác trước khi chết. Đó là cái nhìn của đạo sĩ nọ về sự luân hồi. Không biết là bạn có thỏa mãn về cái nhìn đó chăng?

— Cũng có phần nào. Tuy nhiên, còn thiên đàng với địa ngục?

— Bạn có để ý là khi ngủ bạn nằm mơ. Giữa hai lần hồi sinh cũng vậy, bạn mộng du trong tâm thức của bạn. Mộng lành hay mộng dữ, thiên đàng hay địa ngục là cũng do cái tâm lành hay cái tâm dữ mà ra. Nói theo ngôn ngữ Phật giáo thì đó là cái nghiệp chướng lúc sống, hay cái nghiệp từ nhiều kiếp chồng chất sinh ra.

Khi sống trên trần thế này thì cõi tâm thức bên kia là cõi mộng. Khi sang cõi tâm thức bên kia và ngoảnh đầu ngó lại thì cõi trần thế này là cõi mộng. Cõi nào mộng? Cõi nào thực.? So với gì mà xác định là mộg hay thực? Ai biết? Ngay như bạn đây, bạn có biết chăng?

Jacques có vẻ tư lự:

— Thế nhưng...

Ông bạn già ngập ngừng. Tôi vỗ vai Jacques cười xòa:

— Tôi cũng chỉ biết mù mờ vậy thôi. Bạn có hỏi thêm tôi cũng chẳng biết đằng nào mà lần.

Tôi day sang Gigi đưa tay chỉ lên khung cửa sổ khép hờ của ngôi biệt thự cũ úa bên kia rào dậu:

— Đêm đêm , dì có còn nghe tiếng đàn từ bên đó vọng sang nữa hay không?

— Tiếng đàn?... Tiếng đàn nào?

— Tiếng đàn dương cầm, bản Pour Elise, bản ...*lá la lá la lá là lá la là*... đó.

— Vậy hả mà ai đàn mới được?

— Thì cô gái tóc bạch kim chớ ai

Gigi cũng ngơ ngác, tôi tiếp:

— Cái cô vẫn thường thấy thấp thoáng bên cửa sổ năm ngoái đó.

Gigi mở mắt tròn xoe:

— Cô nào?... đâu có cô gái nào tóc bạch kim. Biệt thự bên đó đã hoang phế từ lâu. Từ lâu đâu có ai lai vãng! Cháu nói gì lạ vậy?

Tim tôi chấn động, linh tính lao chao, mắt chóa đom đóm, lòng bỗng hồi hộp dị kỳ. Không biết nói gì, không biết giải thích sao. Tôi điên, tôi nổi điên trở lại? Tôi nổi điên lần nữa? Cơn điên đỏ lòm, thường trực, ngất ngất, lóa chóa hình ảnh vụt xẹt trong tâm trí theo tốc độ ánh sáng, không kịp chụp giữ, níu bắt. Tôi luồn các ngón tay lên đầu, cấu lấy tóc níu chặt, giật kéo, hai màng tang bừng bừng, muốn bật khóc... *em! em!... em đã bớt điên hay có còn sống sót?*... Tôi mấp máy. Có cảm tưởng tim mình ngừng đập, đã chết.

— Kiệt! Kiệt! bạn làm sao vậy? Có... bạn có sao không?

Jacques nắm lấy vai tôi lắc lắc, *bạn làm sao vậy?* Tôi nhắm mắt hồi lâu, hoa đóm rớt xuống từ từ! dần dần bớt choáng váng, tim rướn lên đập lại, dần dần đều trở lại, dần dần tỉnh giấc, hồi sinh.

Nước mắt ứa giọt ở khóe (không ai nhìn thấy), lắp bắp *Không! Không sao... tôi vụt xẹt xuống vườn chanh. Chiều tàn!...*

KIỆT TẤN
(trích trong Vườn Chanh Miệt Biển do nhà Văn Nghệ sắp xuất bản năm 1987)

Nguyễn Ban Sơ

Còn có bao ngày

nơi xứ lạ mùa xuân cây cỏ chết
nụ hồng nhung vừa chớm nở cũng tàn
ba vạn sáu ngàn ngày rồi cũng hết
tình rong chơi như giọt mưa đã tan

mới hôm qua còn có người tảo mộ
hôm nay đây lại thấy đám tang người
cũng dừng lại ngậm ngùi bên con lộ
vườn hoa nay lại mất một nụ cười

giấc Nam Kha có một người tỉnh dậy
thấy quanh mình là đám kiến lu bu
mộng vàng son tưởng chừng như đã thấy
té ra đời là lá úa mùa thu

này tráng sĩ ra đi không trở lại
gái quần thoa hoa trôi giạt bên sông
hãy tìm đến nhau vui lòng mở hội
cho thế gian thêm một mối tình nồng .

BÀI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG .

Nhớ mày, thơ NTDH; Bài thơ cuối năm của TT; Chu trung ngẫu thành, thơ dịch của BP; Chúc Tết, Mừng xuân, thơ BN; Cát van, Viết ở Station Belmore, thơ LNT; Người bạn tên Lan, truyện NPL; Huế tháng Chạp, truyện NGV; Đường ra Bắc , đoạn 14, hồi ký HL; Khi tưởng về trường cũ, Nói với học trò, Mùa xuân Đà nẵng, Chủ nhật con gái, thơ NTT; Cuối ngày phù dung, Mất dấu chân xưa, thơ TTH; Chuyện phù vân, Mời, Đêm tàn, thơ DQ; Tròn bổn phận, truyện PLD; Đoản khúc tháng Tư, Thơ tiễn, Nhạn môn quan vương, Những lời thì thầm, thơ AKA Mai; Thơ Không Yên, Giai phẩm Xuân hoài niệm, Giai phẩm Nguyệt ánh hoa đăng (do thi sĩ ĐQ gửi tặng), Góp ý về truyện Kiều, bài của VTA; Còn có bao ngày, Mắt người chinh phụ, thơ NBS; Tha hương ngộ cố tri, thơ NMT; Niềm yêu dấu phương Đông, thơ CT Hàn Huyên; Ca dao Miệt Vườn, của ĐXK; Bói Kiều, thơ ĐTQP; Nhật ký một người trí thức điên, bài NV; Một đoá hoa vàng, truyện NTHB; Có nàng Tô thị, truyện NXQ.

Trân trọng cảm tạ quí văn hữu. Bài nào đăng được, trừ thơ, chúng tôi sẽ xin liên lạc bằng thư riêng hay điện thoại để quí vị đừng gửi cho báo khác. Văn Học không nhận đăng những bài đã đăng báo khác, trừ trường hợp do nhu cầu chủ đề, chính toà soạn quyết định đăng lại một bài đã đăng trên các báo bạn. Xin quí vị lưu ý cho, mỗi khi gửi bài cho Văn Học.

SÁCH MỚI VĂN HỌC NHẬN ĐƯỢC
XIN GIỚI THIỆU CÙNG BẠN ĐỌC

* *Cuộc chiến tàn chưa,* tập chuyện của Nguyễn đức Lập
Hoa Gấm xuất bản tại Cali, 1987
Dày 200 trang. Giá 8 MK

* *Những đêm không ngủ,* tập thơ Nguyễn đức Lập
Hoa Gấm xuất bản tại Cali, 1987
Dày 64 trang. Giá 5 MK

* *Nơi giòng sông đổi màu*
tập truyện và ký của Trần Châu
Tuần báo Việt Luận Úc châu xuất bản
Dày 154 trang. Giá 6 Mk. Địa chỉ liên lạc :
PO Box 103 Cabramatta, NSW. 2166 Australia.

* *Sông Việt sông Mỹ,* tạp văn của Huỳnh hữu Cửu
Cơ sở Văn xuất bản tại Cali, 1987
Dày 144 trang. Giá 6.5 MK.

* *Anh hùng nước tôi*, tập truyện anh hùng dân tộc
Do Vụ Nghiên huấn MTQGTNGPVN xuất bản
Dày 300 trang. Không ghi giá bán.
Liên lạc : Đông Tiến , PO Box 4708
San Jose, CA. 95150-4708. USA.

* *Một chút riêng tư*, tập truyện Mai Kim Ngọc
Văn Nghệ xuất bản tại Cali 1987
Dày 244 trang. Giá 10 MK.
(ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí)
Địa chỉ liên lạc : Văn Nghệ
PO Box 2301 Westminster, CA. 92683 USA
Phone : (714) 832. 8445.

* *Xuôi dòng*, tập truyện của Nguyễn Mộng Giác
Văn Nghệ xuất bản tại Cali 1987
Dày 176 trang. Giá 7 MK
(ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí)

* *Bão Nổi (Mùa biển động tập 2)*
truyện dài tái bản của Nguyễn Mộng Giác
Văn Nghệ tái bản tại Cali 1987
Dày 240 trang. Giá 9 MK
(ngoài Hoa kỳ thêm 1 MK cước phí)

* *Mùa hè một nơi khác*, tập truyện Phan thị Trọng Tuyến
Văn Nghệ xuất bản tại Cali 1986
Dày 250 trang. Giá 10 MK
(ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí)

* *Hợp Lưu*, truyện dài của Hồ Trường An
Nhà Văn Nghệ xuất bản tại Cali 1986
Dày 176 trang. Giá 7 MK
(ngoài Hoa kỳ thêm 1 MK cước phí)

* *Nước Đục*, truyện dài của Nguyễn Ngọc Ngạn
Làng Văn Canada xuất bản 1986
Dày 450 trang. Giá 17 MK
Hiện đã có bán tại các hiệu sách

THÔNG CÁO
VỀ VIỆC THÀNH LẬP TRUNG TÂM
HỒ SƠ VIỆT NAM
CỦA ĐẠI HỌC U. C. IRVINE

Trường Đại học University of California in Irvine (UCI) tìm kiếm tài liệu để thành lập "Hồ sơ Việt Nam".

Trường Đại học U.C Irvine trân trọng kêu gọi quần chúng và cộng đồng cung cấp cho trường Đại học các tài liệu liên hệ đến Cộng đồng người Việt thuộc Hạt Orange County. Thư viện trường Đại học chúng tôi xin mọi tài-liệu tặng-dữ để thiết lập Hồ-sơ (Archive) ghi lại mọi dấu vết của cuộc di tản từ quê mẹ của họ từ Việt Nam và định cư tại California, đặc biệt là Hạt Orange County.

Trường Đại học chúng tôi đặc biệt kêu gọi sự cộng tác và yểm trợ của các giới người Việt trong việc thu thập những tài liệu nguyên thủy, như là nhật ký, thư tín, hình ảnh, tài liệu, phim ảnh, băng cassettes, và những di bút.

Đối với những tài liệu tế nhị và kín, nếu có sự yêu cầu, thư viện chỉ tiết lộ khi nào tác giả cho phép.

"Hồ sơ Việt Nam" của trường Đại học chúng tôi rất cần lưu trữ các sách vở, báo chí và bản tin Việt ngữ.

Trường Đại học U.C.I. hy vọng sau khi "Hồ sơ Việt Nam" được thiết lập để dành cho những cuộc nghiên cứu hàn lâm hay thức giả được hoàn thành, sẽ từ đó làm căn bản nới rộng đến việc lưu trữ tài liệu về các cộng đồng Á châu khác sinh sống tại California.

Quí vị hảo tâm nào muốn tặng tài liệu cho thư viện chúng tôi, xin liên lạc với :

ANNE FRANK
University of California Library,
P.O.Box 19557 Irvine, CA. 92713
hoặc gọi số : (714) 856.4968.

ĐÓN ĐỌC
THƯ KHÔNG NGƯỜI NHẬN
của HOÀNG KHỞI PHONG
sẽ xuất bản vào dịp Xuân Đinh Mão

NHỮNG SÁCH VỪA XUẤT BẢN
CỦA NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

HỢP LƯU
truyện dài của Hồ Trường An
176 trang. Giá 7 Mỹ kim

Hồ Trường An nhìn xuống cái nhạt nhẽo (của cuộc sống thường nhật), nhìn với tất cả tâm hồn mình. Và quả nhiên không uổng công. Một cái nhìn trìu mến nồng nàn như thế, chiếu vào một xác chết tưởng cũng có thể khiến xác chết trở nên hồng hào sống động, cựa quậy được, huống hồ là xuống cuộc sống thường nhật của những cặp nam nữ đang yêu nhau.

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC
tập truyện của Phan thị Trọng Tuyến
250 trang. Giá 10 Mỹ kim.

...Truyện của chị Phan thật nhiều vẻ. Chị viết về tâm lý người già, về cuộc sống giới trẻ; chị viết về sinh hoạt xã hội bên nhà, về đời sinh viên du học hải ngoại; chị viết truyện tâm tình ái ân, lại viết về những vấn đề triết lý, chính trị; trong truyện của chị có nghệ sĩ, có trí thức, lại có những người nhà quê ngây ngô lú lẩn, có trẻ con mũi dãi lòng thòng nghèo đói ỏng eo; chị viết những chuyện thương tâm đứt ruột, lại viết những chuyện khôi hài nhẹ nhõm v.v...

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ.
tập truyện của Mai Kim Ngọc
248 trang. Giá 10 Mỹ kim.

Không phải ai cũng kể được chuyện lành, vẽ được cảnh đẹp, nói được lời nhân hoà. Đã mấy thập niên qua, chúng ta luôn phải chiến đấu, sống trong thù hằn; ít ai giữ được lòng khoan thứ, tin tưởng ở cuộc đời, tác phẩm của chúng ta phần lớn chứa đựng đau thương, hằn học. Mai Kim Ngọc đến từ một cảnh sống khác; nghệ thuật của ông thổi một luồng gió mới vào bầu không khí văn chương của chúng ta. Một luồng gió mát mẻ, thật dễ

chịu. Đời đẹp ra, và tác phẩm văn chương trông cũng thấy dễ mến hơn.

XUÔI DÒNG

tập truyện của Nguyễn Mộng Giác
176 trang. Giá 7 Mỹ kim

Tập truyện ngắn thứ nhì Nguyễn Mộng Giác viết và cho xuất bản tại hải ngoại, sau tập truyện đầu *Ngựa Nản Chân Bon* đã được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt, phải tái bản đến lần thứ nhì trong vòng hai năm. XUÔI DÒNG tập hợp 13 truyện ngắn tác giả viết từ trại tị nạn Kuku Nam Dương cho đến ngày nay. Từ truyện đầu *Đêm Cuối Năm* lấy khung cảnh là tối giao thừa trên một đảo tị nạn hoang vắng cho đến truyện cuối *Xuôi Dòng* lấy khung cảnh ngày cuối năm tại một thương xá Hoa Kỳ tấp nập, tuy khung cảnh có khác, nhưng 13 truyện ngắn là 13 tiếng thở dài. Những tiếng thở dài nhẹ, nhưng sâu, như hầu hết các truyện ngắn của Nguyễn Mộng Giác.

ĐÓN ĐỌC

những tác phẩm sắp được xuất bản của Bùi Vĩnh Phúc.

* NHỮNG CƠN MƯA TRỞ VỀ.

Cuốn sách đầu tay của tác giả, đã tuyệt bản từ 5 năm nay. Cuốn sách viết về những tiếng chim luýt chuýt và những chùm hoa vàng nắng quê hương, về những thiết tha xót xa và đẹp đẽ của tuổi trẻ Việt nam trong khung cảnh trường lớp cũ sau mất nước 1975.

Nội dung được sắp xếp lại và có thêm những bài mới.

* TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG GIÓ TỚI, tiểu luận.

Cuốn sách giới thiệu một số những khuynh hướng nghệ thuật hiện đại và phê bình lý luận văn học. Cuốn sách như một nỗ lực quan sát nghiêm chỉnh và đánh giá một số mặt phát triển tốt đẹp của dòng văn học Việt lưu vong *ngoài nước*.

Xin liên lạc : Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O Box 2301 Westminster, Calif. USA 92683.
Phone : (714) 832. 8445.

Bệnh ung thư đang gia tăng. Thống kê mới nhất cho biết hiện nay cứ 10 người đàn bà dưới 40 tuổi thì có 1 người sẽ bị ung thư vú. Đây là một căn bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn có thể chữa được nếu chúng ta biết khám phá thật sớm.

Vì lý do đó, Hội Ung Thư Hoa Kỳ liên tục kêu gọi các bà từ 35 tuổi trở lên dù không có triệu chứng cũng phải nên đi khám và chụp hình ngực một lần để làm căn bản, trong trường hợp có triệu chứng thì phải nên đi khám ngay, bất luận tuổi tác nào.

Trung tâm truy tầm ung thư ngực của Bác sĩ NGUYỄN MẠNH đã hoạt động về phương diện này từ 6 năm nay. Ở đây, chúng tôi có đủ kinh nghiệm và phương tiện kỹ thuật để khám phá thật sớm ung thư vú . Đồng thời ở đây chúng tôi cũng chỉ dẫn cách thức tự khám ngực và cách thức dinh dưỡng để ngăn ngừa bệnh này.

TRUNG TÂM
TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC
BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH

Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave. Westminster.
California, 92683.
Phone : (714) 531. 8833.

Ghi Chú quan trọng : Quí bà có thể trực tiếp đến khám tại TRUNG TÂM TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC mà không cần phải có giấy giới thiệu của các bác sĩ khác.

BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D
DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF OBSTETRICS & GYNECOLOGY
F . A . C . O . G

* *Fellow of American College of Obstetrics and Gynecology*
* *Văn bằng chuyên môn sản phụ khoa Hoa Kỳ*
* *Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu đại học sản phụ khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và USC Women Hospital , Los Angeles.*
* *Bác sĩ chuyên môn sản phụ khoa hành nghề tư đầu tiên tại California.*
* *Giảng huấn viên tại UCI Medical Center, Khu sản phụ khoa.*

Với sự cộng tác đặc biệt của nữ bác sĩ :
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG
Diplomate American Board of Family Practice
Tốt nghiệp chuyên môn Y khoa Gia đình tại UCI

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

Thăm thai và đỡ đẻ. Bệnh đàn bà. Huyết trắng. Kế hoạch hoá gia đình : Cột hoặc đốt ống dẫn trứng. Kinh nguyệt bất thường. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn. Giải phẫu bệnh phụ nữ. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Truy tầm và chữa trị ung thư cổ tử cung...

Phòng mạch tại :
14536 Brookhurst Street, Phòng 101
(Góc Brookhurst và Hazard)
Westminster, CA 92683

ĐIỆN THOẠI : (714) 531 5505

Giờ khám bệnh : Thứ hai đến thứ sáu : 10.00 đến 6.00
Thứ bảy : 9.30 đến 2.00 PM
Nghỉ thứ tư và Chủ nhật . Xin vui lòng lấy hẹn

ĐÃ PHáT HÀNH KHẮP NƠI :

NGƯỜI CĂM THÙ RUỒI

tập truyện ngắn của nhà văn
NGUYỄN XUÂN QUANG
do Người Việt xuất bản
14841 Moran Street
westminster CA 92683 USA
Giá tại Hoa Kỳ 6 MK

THƠ HIỀN

của nhà thơ nữ

NHƯ CHI

**Thi phẩm đầu tiên do nhà Văn Nghệ xuất bản*
** Một tập thơ chan chứa tình yêu, tình quê hương cùng những khao khát tìm kiếm ý nghĩa của đời sống trong cảnh lưu vong.*

Nhà Văn Nghệ xuất bản
Giá tại Hoa Kỳ 6 Mỹ kim

Các hiệu sách và bạn đọc ở xa muốn mua xin liên lạc với : **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster, Calif. USA, 92683.
Phone : (714) 832. 8445

BÁC SĨ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL
MEDECINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA
BỆNH PHỔI

** Bệnh nội khoa : Tiểu đường- Máu cao.v.v..*
** Bệnh phổi : Ho- Suyễn- Đau ngực- Lao- Khó thở*

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường: 9- 12 AM & 1- 6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM

2720 S. Bristol St Suite 210
Santa Ana, CA. 92704
Tel : (714) 641. 0263

TÌM MUA NGAY Ở CÁC HIỆU SÁCH

ĐÊM RỒI CŨNG QUA ĐI

tập truyện đặc sắc đầu tay
của nhà văn nữ
NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG
do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ
xuất bản
Địa chỉ liên lạc : Tủ sách Cành Nam
2607 N. Military Road, Arlington, VA 22207 . USA
TEl (703) 528 5561

BÁC-SĨ NHA-KHOA

NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG,DDS.

9251 Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
(714) 895-1246
Khu chợ Tân Hưng- Ngọc Diệp

NHA KHOA TỔNG QUÁT - CHỈNH NHA

Hành nghề từ từ năm 1968 tại các bệnh viện Chợ Rẫy, Nguyễn văn Học và Phòng Nha khoa tư tại Phú Thọ, Sài gòn.
Kiên nhẫn với trẻ em, dù là trẻ em khó tính

ĐẶC BIỆT : NHA KHOA THẨM MỸ

Orthodontics: (Chỉnh răng và chỉnh hàm) Hoàn chỉnh mọi trường hợp răng mọc lệch lạc, khấp khểnh, không đều, hô, móm..., bằng phương pháp mang niềng răng (braces), hay mang bộ chỉnh hàm (functional orthodontic appliances).
Cosmetic Bonding : Thay men răng bị đổi màu, đắp, vá các răng sứt mẻ, dị dạng, làm khít kẽ răng thưa...
Nha khoa tổng quát : Khám định kỳ, làm sạch , chữa, trám và nhổ răng.

Giải phẫu răng khôn mọc lệch, răng ngầm.
Điều trị và giải phẫu bệnh nướu răng.
Răng giả các loại.

BÁC SĨ
HUỲNH HỮU CỬU

Diplomate American Board of Ophthalmology

*** TRỊ BỊNH MẮT**
*** GIẢI PHẪU MẮT**
*** LÀM KIẾNG**
*** SOFT CONTACT LENS**

9559 BOLSA AVE., SUITE B
WESTMINSTER, CA 92683
Góc Bushard trên lầu Bolsa Mini Mall
ĐT: (714) 531-9401

GIỜ LÀM VIỆC:
9:30 sáng đến 5:30 chiều
Nghỉ sáng Thứ Tư và Chủ Nhật

XIN LẤY HẸN TRƯỚC
(Thứ bảy đến 3 giờ chiều)

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn phòng Los Angeles
304 S Broadway St # 534
Los Angeles, CA, 90013
(Góc Broadway và đường số 3rd, Downtown)

(213) 621. 7622
Mở cửa cuối tuần theo hẹn

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA, 92 641
(Góc Chapman và Brookhurst)

(714) 537. 8771
Chúng tôi mở cửa ngày thứ Bảy

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA
Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Ám mạng * Trộm cắp * Gian lận **
Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*
Tai nạn *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*
Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoài L.A County xin gọi Collect.*

Đã phát hành khắp nơi :

TÁC PHẨM MỌI NGƯỜI ĐANG CHỜ ĐỢI

MÙA BIỂN ĐỘNG

(tập 3)

của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

* *Tập thứ ba trong bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động từng tạo tranh luận sôi nổi trong hai năm qua tại hải ngoại.*

* *Tập truyện tái dựng lại khung cảnh tang tóc bi thương của Huế hồi Tết Mậu Thân*

* *Tập truyện mô tả những vụ tàn sát đẫm máu của cộng sản tại cố đô.*

* *Tập truyện ghi dấu khúc quanh trong tâm thức giới trẻ tại Huế, thức tỉnh những người còn mơ màng ảo vọng .*

Sách dày 346 trang

Giá tại Hoa kỳ 12 MK

Nhà xuất bản Văn Nghệ cũng vừa tái bản hai tác phẩm khác của Nguyễn Mộng Giác :

NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM

tức Mùa Biển Động tập 1, giá 8.00 MK

NGỰA NẢN CHÂN BON

tập truyện ngắn, giá 8.50 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG ĐÓNG BỘ BA TẬP

Dày 770 trang. Chỉ có 150 cuốn Giá 25 MK.

sách quí dành riêng cho các bạn yêu sách

Các hiệu sách và bạn đọc ở xa xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ , theo địa chỉ :

Ông Võ Thắng Tiết

PO Box 2301 Westminster, Cali, USA, 92683

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA
Phone : (714) 832 8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

SÁCH ĐÃ IN

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI
hồi ký của NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa kỳ : 10 MK

TÙY BÚT 1
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ : 12 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP 3
của NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 12 MK

20 NĂM VĂN HỌC
MIỀN NAM 54 — 75
biên khảo của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ : 13 MK

KÝ THÁC
của BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

THƠ HIỀN
thi tập của NHƯ CHI
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM
(Mùa Biển Động tập 1) của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 8 MK

MƯỜI CÂU CHUYỆN
VĂN CHƯƠNG
của NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

HOÁ RA NÉT CHỮ LÊN
ĐÀNG QUẤN QUANH
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

TRẦM MẶC CÂY RỪNG
tập truyện của VÕ HỒNG
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

HỢP LƯU
truyện dài HỒ TRƯỜNG AN
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC
tập truyện của
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Giá tại Hoa Kỳ 10 MK

SÁCH TÁI BẢN

BÃO NỔI
(Mùa Biển Động tập 2)của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 9 MK

NGỰA NẢN CHÂN BON
tập truyện của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 8.5 MK

Bạn đọc ở xa không tìm thấy những sách trên tại các hiệu sách nơi bạn ở xin liên lạc với nhà xuất bản để mua sách theo đường bưu điện. Cước phí gửi sách cho bạn đọc ở ngoài Hoa Kỳ theo bookrate là 1 Mỹ kim . Những sách gửi theo đường bưu điện sẽ có chữ ký của tác giả nếu bạn đọc yêu cầu.

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1986)

Họ và tên bạn đọc.....
Địa chỉ :.....
.....
Zip Code.....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....

- *Sáu tháng..... $13.00 US
- *Một năm..... $25.00 US
- *Hai năm..... $45 00 US
- *Mỗi số ..... $2.50 US

*Báo gửi hạng nhất hay gửi ngoài Hoa kỳ và Canada trả thêm bưu phí theo giá tiền dưới đây:

*Giá bưu phí hạng nhất gửi trong Hoa Kỳ, Canada : $1.00 US cho mỗi số báo.

*Giá bưu phí gửi báo mỗi số đi các nơi khác:

BÁO GỬI ĐI ÂU CHÂU

Máy bay mỗi số..... $2.50 US
Tàu thủy mỗi số ..... $1.02 US

BÁO GỬI ĐI ÚC VÀ Á CHÂU

Máy bay mỗi số..... $3.18 US
Tàu thủy mỗi số $1.02

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Tôi muốn mua :

6 tháng báo Văn Học từ số.....
1 năm báo Văn Học từ số.....
2 năm báo Văn Học từ số.....

Để tặng cho:.....
Địa chỉ:.....
.....
.....
Yêu cầu ghi mỗi kỳ do :.....
gửi tặng . Chi phiếu và thư từ xin gửi về :

Tạp chí Văn Học
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA. 92 643
Chi phiếu xin đề : Văn Học

Lưu ý: Độc giả tái gia hạn vẫn trả theo giá biểu cũ.

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI:

DÂU BỂ

tập truyện ngắn của

PHẠM QUỐC BẢO

Một tập truyện đáp ứng với từng cá nhân và gia đình người Việt ở trong nước lẫn hải ngoại.

Một tập truyện không thể thiếu trong tủ sách của mỗi gia đình chúng ta.

Hãy tìm tập **Dâu Bể** *ở các tiệm sách Việt hay thư viện gần nơi bạn ở.*

Muốn có chữ ký của tác giả, xin đặt mua tại :

Nhà xuất bản Người Việt

14841 Moran Street

WEstminster, CA, 92683 USA

Tel (714) 892. 9414 & 893. 5180

172 trang. Giá 8 MK

Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí.

BAN CHỦ BIÊN TẠP CHÍ VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Nhật Tiến, Nguyễn Bá Trạc Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác

Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Địa chỉ toà soạn : 10104 Westminster Ave, Garden Grove Cali, USA, 92 643. Phone : (714) 832 . 8445.

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X

Giá bán lẻ : US $ 2.50.

in tại
NVPrinting
(714) 897-3628

Văn Nghệ đã phát hành khắp nơi

MỘT LƯỢT NĂM TÁC PHẨM GIÁ TRỊ

TRONG HAI THÁNG 2 & 3.1987

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC

tập truyện ngắn của

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

dày 250 trang. Giá 10 Mỹ kim

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ

tập truyện ngắn của

MAI KIM NGỌC

Dày 248 trang. Giá 10 Mỹ kim

XUÔI DÒNG

tập truyện ngắn của

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Dày 176 trang. Giá 7 Mỹ kim

TRUYỆN NGẮN I

tập truyện của

VÕ PHIẾN

Dày 320 trang. Giá 13 Mỹ kim.

BÃO NỔI

tập 2 bộ Mùa Biển Động

tái bản lần thứ nhất, của

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Dày 240 trang. Giá 9 Mỹ kim

***Lưu ý** : Những giá sách trên đây là giá bán tại Hoa Kỳ tại các hiệu sách hoặc qua bưu điện. Ngoài Hoa Kỳ, xin thêm 1 Mỹ kim bưu phí để gửi theo bookrate. Xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ theo địa chỉ :*

Ông Võ Thắng Tiết

P.O.Box 2301 Westminster, Calif. USA 93683

Phone : (714) 832. 8445

Giá bán lẻ : US $ 2.50.